

***Kinh Hoa Nghiem
Đai Phuong Quang Phat
Giang Giai
Tập I***

**KINH HOA NGHIÊM
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT**

Giảng giải

Tập 1



HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

KINH HOA NGHIÊM
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Giảng giải

Tập 1

Hòa Thượng TUYÊN HÓA



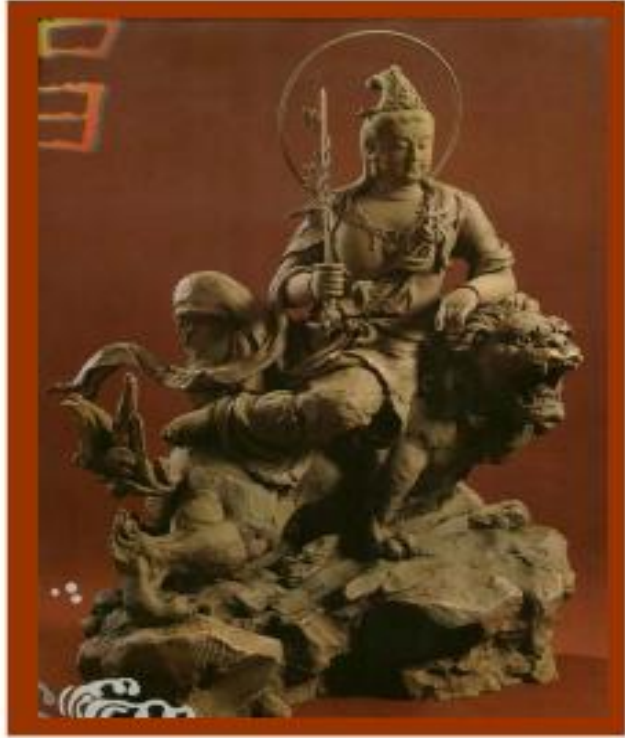
Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail : kimquangtu@hotmail.com

Việt dịch : Thích Minh Định
Đánh máy : Trần Xuân Tiến
Kỹ thuật : Nguyễn thị Tuyết Trinh



NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT





NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

---o0o---

Nguồn

<http://chuaadida.com/>

Chuyển sang ebook 03-08-2015

Người thực hiện :

Dương Đình Thiện - thienduongdinh9@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihei.org](http://www.phapthihei.org)

Mục Lục

Dẫn nhập - Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm Thứ Nhất

Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm Thứ Nhất

Hồi Hương Công Đức

---o0o---

Nội Dung

Mở đề Kinh Hoa Nghiêm

Dẫn nhập - Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm Thứ Nhất

Giới thiệu sơ lược về bảy hội, chín hội, ba mươi chín phẩm.

Bộ Kinh này gồm có 45 phẩm Kinh văn, nhưng chỉ dịch ra được 39 phẩm, gồm 80 quyển.

Hội thứ nhất thì nói về "tin nhân quả".

Từ hội thứ hai đến hội thứ sáu thì nói về "sai biệt nhân quả".

Hội thứ bảy thì nói "bình đẳng nhân quả".

Hội thứ tám thì nói "thành hạnh nhân quả".

Hội thứ chín thì nói "chứng nhập nhân quả".

Hội thứ nhất có 11 quyển là : Cử quả hoan lạc sinh tín phần. Từ hội thứ hai đến hội thứ bảy cộng lại có 41 quyển là : Tu nhân khế quả sinh giải phần.

Hội thứ tám có 7 quyển là : Thác pháp tiến tu thành hạnh phần. Hội thứ chín có 21 quyển là : Y nhân chứng nhập thành đức phần.

Hội thứ nhất tại Bồ Đề Đạo Tràng

Hội này nói sáu phẩm :

1. Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm.
2. Phẩm Như Lai Hiện Tướng.
3. Phẩm Phổ Hiền Tam Muội.
4. Phẩm Thế Giới Thành Tựu.
5. Phẩm Thế Giới Hoa Tạng.
6. Phẩm Tỳ Lô Giá Na.

Hội thứ nhì ở tại Điện Phổ Quang Minh.

Hội này nói sáu phẩm :

7. Phẩm Danh Hiệu Như Lai.
8. Phẩm Bốn Thánh Đế.
9. Phẩm Quang Minh Giác.
10. Phẩm Bồ Tát Vấn Minh.
11. Phẩm Tịnh Hạnh.
12. Phẩm Hiền Thủ.

Trên đây là mười hai phẩm diệu pháp nói ở tại nhân gian.

Hội thứ ba ở tại Điện Diệu Thắng trên cung trời Đao Lợi.

Hội này cũng nói sáu phẩm.

13. Phẩm Thăng Lên Đỉnh Tu Di.
14. Phẩm Kê Tán Tu Di.

15. Phẩm Thập Trụ.

16. Phẩm Phạm Hạnh.

17. Phẩm Công Đức Ban Đầu Phát Tâm.

18. Phẩm Minh Pháp.

Hội thứ tư ở tại Điện Bảo Trang Nghiêm, cung trời Dạ Ma.

Hội này nói bốn phẩm.

19. Phẩm Thăng Lên Trời Dạ Ma.

20. Phẩm Kế Tán Dạ Ma.

21. Phẩm Thập Hạnh.

22. Phẩm Thập Vô Tận Tạng.

Hội thứ năm ở tại Điện Nhất Thiết Diệu Bảo Trang Nghiêm, cung trời Đâu Suất.

Hội này nói ba phẩm.

23. Phẩm Thăng Lên Trời Đâu Suất.

24. Phẩm Kế Tán Đâu Suất.

25. Phẩm Thập Hồi Hương.

Hội thứ sáu ở tại Điện Ma Ni Bảo Tạng, cung trời Tha Hoá Tự Tại.

Hội này chỉ nói một phẩm.

26. Phẩm Thập Địa.

Trên đây là mười bốn phẩm diệu pháp nói ở trên Thiên cung.

Hội thứ bảy ở tại Điện Phổ Quang Minh.

Hội này nói mười một phẩm :

27. Phẩm Thập Định.

28. Phẩm Thập Thông.

29. Phẩm Thập Nhẫn.

30. Phẩm A Tăng Kỳ.

31. Phẩm Thọ Lượng.

32. Phẩm Bồ Tát Trụ Xứ.

33. Phẩm Phật Bất Tư Nghì Pháp.

34. Phẩm Thập Thân Tướng Hải.

35. Phẩm Tuỳ Hảo Quang Minh.

36. Phẩm Hạnh Phổ Hiền.

37. Phẩm Như Lai Xuất Hiện.

Hội thứ tám tại Điện Phổ Quang Minh.

Hội này chỉ nói một phẩm

38. Phẩm Lìa Thế Gian.

Hội thứ chín ở tại Rừng Thệ Đa.

Hội này chỉ nói một phẩm :

39. Phẩm Vào Pháp Giới.

Giải thích chúng Bát bộ Tứ Vương (tám bộ chúng, bốn ông vua hộ đời),

Bát bộ tức là :

1. A Tu La Vương.
2. Ca Lô La Vương.
3. Khẩn Na La Vương.
4. Ma Hầu La Già Vương.
5. Dạ Xoa Vương.
6. Long Vương.
7. Cưu Bàn Trà Vương.
8. Càn Thát Bà Vương.

Tứ Vương tức là :

1. Phương bắc Đa Văn Thiên Vương.
2. Phương tây Quảng Mục Thiên Vương.
3. Phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương.
4. Phương đông Trì Quốc Thiên Vương.

Mỗi vị thông lãnh hai bộ chúng.

Mười hai chúng chư thiên thuộc dục giới và sắc giới. Tại dục giới có bảy chúng :

1. Nguyệt Thiên Tử.
2. Nhật Thiên Tử.
3. Tam Thập Tam Thiên Vương.
4. Tu Dạ Ma Thiên Vương.
5. Đâu Xuất Thiên Vương.
6. Hóa Lạc Thiên Vương.
7. Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương.

Tại Sắc giới có năm chúng :

1. Đại Phạm Thiên Vương.
2. Quang Âm Thiên Vương .
3. Biến Tịnh Thiên Vương.
4. Quảng Quả Thiên Vương.
5. Đại Tự Tại Thiên Vương.

---o0o---

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

**Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải
Hán dịch : Sa Môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định**

Mở đề :

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này còn gọi là Kinh Pháp Giới, cũng gọi là Kinh Hư Không, tận hư không khắp pháp giới, chẳng có một nơi nào mà chẳng có Kinh Hoa Nghiêm ở đó. Chỗ ở của Kinh Hoa Nghiêm tức cũng là chỗ ở của Phật, cũng là chỗ ở của Pháp, cũng là chỗ ở của Hiền Thánh Tăng. Cho nên khi Phật vừa mới thành chánh giác, thì nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này, để giáo hoá tất cả pháp thân Đại Sĩ. Vì bộ Kinh này là Kinh vi diệu không thể nghĩ bàn, do đó bộ Kinh này được bảo tồn ở dưới Long cung, do Long Vương bảo hộ giữ gìn. Về sau do Ngài Bồ Tát Long Thọ, xuống dưới Long cung đọc thuộc lòng và ghi nhớ bộ Kinh này, sau đó lưu truyền trên thế gian.

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này, cũng như vàng mây cát tường ở trong hư không, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, như mưa pháp cam lồ, thấm nhuần hết thảy tất cả chúng sinh. Bộ Kinh Hoa Nghiêm này, cũng như ánh sáng mặt trời, chiếu khắp đại thiên thế giới, khiến cho tất cả chúng sinh đều được ấm áp. Kinh Hoa Nghiêm này cũng như đại địa, làm sinh trưởng tất cả vạn vật. Cho nên, có Kinh Hoa Nghiêm tồn tại, thì có thể nói là thời kỳ chánh pháp trụ lâu dài. Mỗi ngày chúng ta giảng giải Kinh Hoa Nghiêm, nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, quan trọng là phải y chiếu nghĩa lý Kinh điển mà tu hành, phải dùng Kinh để đối trị bệnh tật của thân tâm chúng ta. Tự thân chúng ta có tâm tham, khi nghe được Kinh Hoa Nghiêm, thì nên trừ khử tâm tham; có tâm sân, khi nghe được Kinh Hoa Nghiêm, thì nên trừ khử tâm sân; có tâm ngu si, khi nghe được Kinh Hoa Nghiêm, thì nên trừ khử tâm ngu si.

Đạo lý của bộ Kinh này, là đối trị tập khí mao bệnh của chúng ta. Đừng cho rằng những gì nói trong Kinh, chỉ vì Bồ Tát mà nói, đối với chúng ta chẳng có quan hệ gì, hoặc là pháp nói cho các bậc A La Hán, đối với chúng ta chẳng có quan hệ gì, chúng ta phàm phu nghe bộ Kinh này chỉ là nghe thôi, tự biết làm không được cảnh giới của các bậc Thánh nhân. Nếu bạn nghĩ như thế thì, đó là tự hại mình, tự vứt đi, tự dứt tuyệt nơi Thánh nhân.

Mỗi câu Kinh Hoa Nghiêm đều là Pháp Bảo vô thượng, nếu chúng ta cung hành thực tiễn, y chiếu nghĩa lý Kinh văn tu hành, thì nhất định sẽ thành Phật. Cho nên, Kinh Hoa Nghiêm cũng có thể nói là mẹ của chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm là pháp thân của chư Phật. Đức Phật tán thán Kinh Kim Cang rằng: "Phàm là chỗ nào có Kinh điển thì chỗ đó có Phật". Chỗ nào có bộ Kinh Hoa Nghiêm này thì có Phật tại chỗ đó, bất quá nghiệp chướng của bạn quá sâu nặng, đối diện mà cũng chẳng thấy Phật, do đó có câu: "Đối diện bất thức Quán Thế Âm" (Đối diện chẳng nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm). Các bạn thấy vị Bồ Tát Quán Thế Âm này, ngàn tay ngàn mắt, luôn luôn phóng ra quang minh vô ngại, chiếu khắp tất cả chúng sinh có duyên trong ba ngàn

đại thiên thế giới. Thế mà chúng ta hằng ngày lễ Phật tại đây, niệm Phật, lạy Bồ Tát Quán Âm, niệm Bồ Tát Quán Âm, cũng chẳng thấy Bồ Tát Quán Âm, mà thành ra bắt chước, tức là họ lạy, ta cũng lạy theo, họ niệm ta cũng niệm theo, đó là cảnh giới chuyển theo người, mà chẳng chân chánh trở về trong thâm tâm của mình.

Hằng ngày ta lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, ta nên làm như thế nào ? Phải chăng ta có nhiều sân hận ? Phải chăng chúng tật cũ ta không sửa đổi ? Như thế thì bạn lạy đến hết thuở vị lai, bạn cũng chẳng thấy được Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu bạn cải ác hướng thiện, chân chánh trừ khử tập khí ma bệnh, sửa lỗi làm con người mới, thì nhất định Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ gia bị cho bạn. Cho nên có người tu rất nhiều năm, một chút trí huệ cũng không khai mở, có người tu hành chẳng bao lâu thì khai mở trí huệ, đắc được biện tài vô ngại. Do đó, chúng ta là người xuất gia, phải siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, cử chi hành động đều phải hồi quang phản chiếu, tu hành như thế mới có tiến bộ.

Chúng ta giảng Kinh Hoa Nghiêm, nghe Kinh Hoa Nghiêm, lạy Kinh Hoa Nghiêm, tụng Kinh Hoa Nghiêm, nhưng không y chiếu đạo lý Kinh Hoa Nghiêm mà thực hành thì Kinh là Kinh, bạn là bạn, ta là ta, chẳng có chút nào hợp mà làm một. Chúng ta phải hợp với Kinh điển mà làm một, chiếu theo đạo lý trong Kinh điển mà thực hành, tức là hợp mà làm một; bạn không chiếu theo Kinh điển mà thực hành thì tâm từ bi cũng chẳng đủ, tâm hỷ xả cũng không nhiều, chỉ có vô minh phiền não theo mình, đó là chẳng hiểu được Kinh, cũng chẳng nghe được Kinh. Nghe được Kinh câu nào thì nghĩ xem : ta làm thế nào để thực hành ? Phải chăng ta chạy theo thói hư tật xấu ? Hay là chiếu theo Kinh điển mà tu hành ? Thường thường tự hỏi mình thì chắc chắn sẽ đắc được lợi ích. Tại sao chẳng đắc được lợi ích lớn ? Vì bạn xem Kinh là Kinh, đối với ta chẳng có quan hệ gì. Thật ra, lúc ban đầu đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm cũng vì bạn, tôi và tất cả chúng sinh mà nói, đó là Phật đối với chúng ta mà nói. Chúng ta nghe Kinh văn này, cũng như chính tai chúng ta nghe đức Phật nói đạo lý này, dạy chúng ta y chiếu theo pháp môn này mà tu hành.

Bất cứ pháp gì, cũng đều không ra khỏi tự tánh của mỗi chúng ta. Tự tánh của chúng ta, cũng là tận hư không khắp pháp giới. Cho nên, nếu bạn phóng tâm lượng rộng lớn, thì bạn sẽ hợp với Kinh Hoa Nghiêm mà làm một, song, hai mà chẳng phải hai. Ai ai cũng đều y theo cảnh giới Hoa Nghiêm làm cảnh giới của mình, lấy đạo lý vô lượng vô biên, trí huệ vô lượng vô biên của Kinh Hoa Nghiêm, thu nhiếp làm trí huệ của mình. Bạn xem ! Như vậy rộng lớn biết dường nào !



---o0o---

Dẫn nhập

Bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật này, khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội bồ đề, vừa mới thành chánh giác, không rời khỏi toà ngòai mà ở trong định đến bảy nơi (ba nơi tại nhân gian, bốn nơi ở tại Thiên cung), vì các bậc đại thiện căn viên đốn, mà nói tự thân chứng được pháp môn viên đốn, đi thẳng vào đạo lý pháp giới, trải qua chín hội trong vòng hai mươi một ngày, thì nói xong bộ Kinh không thể nghĩ bàn này. Bộ Kinh này gồm có 45 phẩm Kinh văn, nhưng chỉ dịch ra được 39 phẩm, gồm 80 quyển. Trong mỗi hội Đức Phật đều phóng quang, đại biểu nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Quang minh là biểu thị cho trí huệ, gia bị cho tất cả chúng sinh, đều đắc được lợi ích Phật Pháp.

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này từ đầu cho đến cuối, đều nói đạo lý năm vòng nhân quả.

Hội thứ nhất thì nói về "tin nhân quả".

Từ hội thứ hai đến hội thứ sáu thì nói về "sai biệt nhân quả".

Hội thứ bảy thì nói "bình đẳng nhân quả".

Hội thứ tám thì nói "thành hạnh nhân quả".

Hội thứ chín thì nói "chứng nhập nhân quả".

Ngài Thanh Lương Quốc Sư đem hết toàn bộ Kinh 80 quyển phân làm bốn phần. Hội thứ nhất có 11 quyển là : Cử quả hoan lạc sinh tín phần. Từ hội thứ hai đến hội thứ bảy cộng lại có 41 quyển là : Tu nhân khế quả sinh giải phần. Hội thứ tám có 7 quyển là : Thác pháp tiến tu thành hạnh phần. Hội thứ chín có 21 quyển là : Y nhân chứng nhập thành đức phần.

---o0o---

Hội thứ nhất tại Bồ Đề Đạo Tràng, vị trí ở hướng tây cách thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà khoảng hai trăm dặm, nay tức là Bodh Gaya. Hội này Đức Phật phóng quang minh giữa lông mày, biểu thị quang minh của Phật

chiếu khắp hết thảy mọi nơi, khiến cho tất cả chúng sinh đến nghe pháp lớn. Lại phóng quang minh ở răng, biểu thị khiến cho chúng sinh nếm được pháp vị. Bộ Kinh này là mười phương chư Phật đều nói, cho nên trong các hội, phần nhiều là mười phương chư Phật gia bị cho Bồ Tát nói. Hội này là mười phương chư Phật gia trì cho Bồ Tát Phổ Hiền nói, Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ đại hội, Ngài nương thân lực của Đức Phật mà nói : y, chánh hai báo trang nghiêm Phật quả, phát triệt tâm tín ngưỡng của chúng sinh. Hội này nói sáu phẩm :

1. Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm.
2. Phẩm Như Lai Hiện Tướng.
3. Phẩm Phổ Hiền Tam Muội.
4. Phẩm Thế Giới Thành Tựu.
5. Phẩm Thế Giới Hoa Tạng.
6. Phẩm Tỳ Lô Giá Na.

Sáu phẩm này là vòng tin nhân quả, là "quả cử hoan lạc sinh tín phần".

---o0o---

Hội thứ nhì ở tại Điện Phổ Quang Minh. Hội này ở phía đông nam cây bồ đề, khoảng ba dặm trong khúc eo sông Ni Liên Thiên, là do các Long Vương vì Đức Phật mà tạo nên. Đức Phật phóng quang chiếu khắp mười phương vô biên thế giới, nên tên là Điện Phổ Quang Minh. Trong hội này Đức Phật phóng quang dưới hai bàn chân, biểu thị khiến cho chúng sinh y pháp tu hành. Hội này Bồ Tát Văn Thù làm chủ đại hội, Ngài nương thân lực của Đức Phật, mà nói đạo lý pháp môn Thập Tín mỹ đức, hội này nói sáu phẩm :

7. Phẩm Danh Hiệu Như Lai.
8. Phẩm Bốn Thánh Đế.
9. Phẩm Quang Minh Giác.
10. Phẩm Bồ Tát Văn Minh.
11. Phẩm Tịnh Hạnh.
12. Phẩm Hiền Thủ.

Sáu phẩm này là vòng sai biệt nhân quả, là "tu nhân khế quả sinh giải phần". Trên đây là mười hai phẩm diệu pháp nói ở tại nhân gian.

---o0o---

Hội thứ ba ở tại Điện Diệu Thắng trên cung trời Đao Lợi. Hội này ở đỉnh núi Tu Di, là "địa cư thiên", tức cũng là tầng trời thứ hai của dục giới. Đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm là pháp thân nói, pháp thân thì tận hư không

khấp pháp giới, vô tại vô bất tại, vô sở bất tại (không có chỗ nào mà không có). Cho nên, có thể đến bất cứ nơi nào giảng Kinh thuyết pháp. Trong hội này Đức Phật phóng quang ở ngón chân, biểu thị pháp là từ chỗ thấp mà sinh ra, khiến cho chúng sinh từ cơ bản mà học lên. Hội này Bồ Tát Pháp Huệ làm chủ đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý Thập Trụ. Hội này cũng nói sáu phẩm.

13. Phẩm Thăng Lên Đỉnh Tu Di.

14. Phẩm Kế Tán Tu Di.

15. Phẩm Thập Trụ.

16. Phẩm Phạm Hạnh.

17. Phẩm Công Đức Ban Đầu Phát Tâm.

18. Phẩm Minh Pháp.

Sáu Phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là "tu nhân khế quả sinh giải phần".

---o0o---

Hội thứ tư ở tại Điện Bảo Trang Nghiêm, cung trời Dạ Ma. Hội này ở trên không đỉnh núi Tu Di, là "không cư thiên" (cõi trời ở trên không), tức cũng là tầng trời thứ ba của dục giới. Trong hội này Đức Phật phóng quang ở mu hai bàn chân, biểu thị pháp là từ dưới mà lên, khiến cho chúng sinh y theo thứ lớp mà học lên. Hội này Bồ Tát Công Đức Lâm làm chủ đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý pháp môn Thập Hạnh. Hội này nói bốn phẩm.

19. Phẩm Thăng Lên Trời Dạ Ma.

20. Phẩm Kế Tán Dạ Ma.

21. Phẩm Thập Hạnh.

22. Phẩm Thập Vô Tận Tạng.

Bốn phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là "tu nhân khế quả sinh giải phần".

---o0o---

Hội thứ năm ở tại Điện Nhất Thiết Diệu Bảo Trang Nghiêm, cung trời Đâu Suất. Hội này ở phía trên trời Dạ Ma, tức cũng là tầng trời thứ tư của dục giới. Trong hội này Đức Phật phóng quang hai đầu gối, biểu thị hồi hướng, khiến cho chúng sinh : hồi sự hướng lý, hồi nhân hướng quả, hồi tự hướng tha. Hội này Bồ Tát Kim Cang Tràng làm chủ đại hội, Ngài nương thần lực của Đức Phật mà nói đạo lý pháp môn Thập Hồi Hướng. Hội này nói ba phẩm.

23. Phẩm Thăng Lên Trời Đâu Suất.
24. Phẩm Kế Tán Đâu Suất.
25. Phẩm Thập Hội Hương.

Ba phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là "tu nhân khế quả sinh giải phần".

---o0o---

Hội thứ sáu ở tại Điện Ma Ni Bảo Tạng, cung trời Tha Hoá Tự Tại. Hội này là tầng trời thứ sáu của dục giới, cũng là trời cao nhất của dục giới. Hội này Đức Phật phóng quang minh ở giữa lông mày, hội này Bồ Tát Kim Cang Tạng làm chủ đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói đạo lý pháp môn Thập Địa. Hội này chỉ nói một phẩm.

26. Phẩm Thập Địa.

Phẩm này cũng là vòng sai biệt nhân quả, là "tu nhân khế quả sinh giải phần". Trên đây là mười bốn phẩm diệu pháp nói ở trên Thiên cung.

---o0o---

Hội thứ bảy ở tại Điện Phổ Quang Minh. Đức Phật lại từ trên trời trở về nhân gian. Hội này Đức Phật phóng quang minh giữa lông mày và quang minh ở miệng, quang minh ở miệng là biểu thị, tất cả Phật tử từ trong miệng của Phật hoá sinh. Hội này Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ đại hội, Ngài nương thần lực của Phật mà nói pháp Đẳng giác và Diệu giác, tức cũng là pháp môn nhân tròn quả đầy, sáu phẩm trước nói nhân tròn, năm phẩm sau nói quả đầy. Hội này nói mười một phẩm :

27. Phẩm Thập Định.
28. Phẩm Thập Thông.
29. Phẩm Thập Nhẫn.
30. Phẩm A Tăng Kỳ.
31. Phẩm Thọ Lượng.
32. Phẩm Bồ Tát Trụ Xứ.
33. Phẩm Phật Bất Tư Nghì Pháp.
34. Phẩm Thập Thân Tướng Hải.
35. Phẩm Tuỳ Hảo Quang Minh.
36. Phẩm Hạnh Phổ Hiền.
37. Phẩm Như Lai Xuất Hiện.

Mười một phẩm này là vòng nhân quả bình đẳng, là "tu nhân khế quả sinh giải phần".

---o0o---

Hội thứ tám tại Điện Phổ Quang Minh. Trong hội này Đức Phật không phóng quang minh, vì tại trọng xứ. Hội này cũng là Bồ Tát Phổ Hiền làm chủ đại hội, vì Bồ Tát Phổ Hiền là chủ Hoa Nghiêm Hải Hội, Ngài nương thần lực của Đức Phật, mà nói pháp hai ngàn hạnh môn. Có vị Bồ Tát Phổ Huệ hỏi Bồ Tát Phổ Hiền : Những gì là pháp nương tựa của Bồ Tát ? Những gì là pháp thực hành của Bồ Tát ? .v.v., có hai trăm câu hỏi. Bồ Tát Phổ Hiền giải đáp thành hai nghìn câu trả lời. Hội này chỉ nói một phẩm

38. Phẩm Là Thế Gian.

Phẩm này là vòng thành hạnh nhân quả, là "thác pháp tiến tu thành hạnh phần".

---o0o---

Hội thứ chín ở tại Rừng Thệ Đa. Địa điểm ở trong thành Xá Vệ, tức cũng là vườn ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà, còn gọi là Tinh Xá Kỳ Hoàn, còn gọi là Trọng Các Giảng Đường. Khi Đức Phật thành chánh giác thì chưa có giảng đường này, sau này mới thành lập. Song, không có Trọng Các Giảng Đường, vậy Đức Phật làm thế nào thuyết pháp tại đây ? Đó là cảnh giới diệu không thể nghĩ bàn. Đức Phật có thể đem vô lượng kiếp quá khứ dời đến hiện tại, cũng có thể đem vô lượng kiếp vị lai dời đến hiện tại. Cho nên chẳng có phân biệt quá khứ, hiện tại và vị lai, là viên dung vô ngại. Giống như trong Kinh Kim Cang có nói : "Tam tâm bất khả đắc" (ba tâm không thể đắc được), cùng đạo lý ấy, nghĩa là : tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, tâm vị lai cũng không thể nắm bắt. Tại sao ? Bạn nói có quá khứ tức là chấp trước, có hiện tại là chấp trước, có vị lai cũng là chấp trước. Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại không dừng lại, còn vị lai thì chưa đến, đó là phá chấp. Tại hội này Đức Phật phóng luồng hào quang trắng, biểu thị chiếu khắp ba ngàn đại thiên, khiến cho tất cả chúng sinh được thấm nhuần mưa pháp, sinh ra căn lành. Hội này phân làm hội chính và hội phụ. Hội chính là Phật Thích Ca Mâu Ni làm hội chủ, nhập vào Tam muội Sư Tử Tần Thân, thị hiện mà nói diệu pháp, khiến cho đại chúng "đốn chứng pháp giới". Hội phụ là các Bồ Tát làm hội chủ, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Văn Thù và các vị thiện tri thức vì Thiện Tài Đồng Tử mà nói rõ "tiệm chứng pháp giới". Hội này chỉ nói một phẩm :

39. Phẩm Vào Pháp Giới.

Nhưng có hai mươi mốt quyển. Hội này là vòng chứng nhập nhân quả, là "y nhân chứng nhập thành đức phần". Phần trên là mười ba phẩm diệu pháp nói ở tại nhân gian

Nay giới thiệu sơ lược về bảy nơi, chín hội, ba mươi chín phẩm, hy vọng mọi người ghi nhớ, đợi khi giảng đến phẩm nào thì biết được phẩm đó nói tại đâu, vị Bồ Tát nào nói, có khái niệm như thế thì mới thấu hiểu được.

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này là pháp đại thừa, vì pháp thân Bồ Tát mà nói, hoàn toàn là tu bồ đề tâm, hành bồ đề đạo, do đó người tiểu thừa, tuy nhiên đồng ở trong pháp hội, nhưng như điếc như mù, "có mắt chẳng thấy được Lô Xá Na, có tai chẳng nghe được pháp viên đốn". Vì khi họ ở tại nhân gian thì không tu pháp đại thừa, cho nên không có duyên đắc được lợi ích lớn. Vậy tức nhiên chúng ta chẳng phải là Bồ Tát, lại chẳng phải là A La Hán, tại sao lại nghe được tên Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, mà còn được nghe diệu pháp Kinh Hoa Nghiêm ? Đó là vì trong quá khứ chúng ta đã gieo căn lành với pháp đại thừa, cho nên hôm nay có duyên được đến nghe pháp, bằng không cũng giống như người tiểu thừa, như điếc như mù. Đây là cơ hội ngàn kiếp khó gặp. Hy vọng mọi người tinh tấn càng tinh tấn, nỗ lực càng nỗ lực, đến nghiên cứu diệu lý của bộ Kinh này. Tuy nhiên chỉ dịch ra được bốn vạn năm nghìn bài kệ, nhưng nếu nhớ được một bài kệ thì có diệu dụng vô lượng.

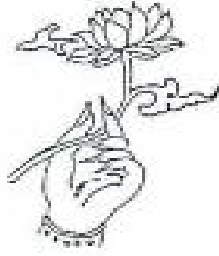
Vào đời Đường có vị xuất gia tên là Vương Minh Cán. Vị đó tuy xuất gia làm hoà thượng, nhưng không tu hành. Một ngày nọ, bị quỷ vô thường bắt đi, vị đó gặp Bồ Tát Địa Tạng, dạy vị đó một bài kệ Kinh Hoa Nghiêm :

"Nhược nhân dục liễu tri
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo".

Nghĩa là :

"Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Hết thảy do tâm tạo".

Vị đó thấy vua Diêm Vương thì đọc ra bài kệ này, do đó được phóng thích. Bài kệ này không những cứu được sinh mạng của vị đó, mà cũng cứu được chúng sinh thọ khổ dưới địa ngục. Các bạn thấy đó ! Bài kệ này có diệu dụng như thế, cho nên phải tụng Kinh Hoa Nghiêm, phải lạy Kinh Hoa Nghiêm, phải ấn tống Kinh Hoa Nghiêm, thì nhất định có công đức vô lượng.



---o0o---

Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm Thứ Nhất

"**Phẩm**" : Tức là phẩm loại. Phẩm này nói về chủ thế gian và chủ xuất thế gian, đủ loại cảnh giới trang nghiêm vi diệu, trang nghiêm cõi nước, trang nghiêm cõi Phật không thể nghĩ bàn.

"**Thế**" : Tức là thế giới.

"**Chủ**" : Tức là chủ nhân. Chủ nhân của thế giới là Đức Phật. Ngài không những là chủ thế gian, mà còn là chủ xuất thế gian. Chủ thế gian tức là tất cả Chuyển Luân Thánh Vương, tức cũng là : Kim Chuyển Luân Vương, Ngân Chuyển Luân Vương, Đồng Chuyển Luân Vương, và Thiết Chuyển Luân Vương. Bốn vị Luân Vương này, chỉ làm được chủ thế gian mà không làm được chủ xuất thế gian.

"**Diệu**" : Thì không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời nói để bàn luận, nghĩa là nghĩ không đến, nói không ra.

"**Nghiêm**" : Tức là trang nghiêm. Sự trang nghiêm này chẳng phải một số người có thể biết được, thấy được.

"**Thứ nhất**" : Nghĩa là bắt đầu, phẩm này thuộc về phẩm thứ nhất, cho nên gọi là Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm Thứ Nhất.

Tôi nghe như vậy.

Bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy" rất là quan trọng. Phẩm là bắt đầu Kinh của Đức Phật nói, đều có bốn chữ này. Dùng bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy" để mở đầu Kinh. Có sáu ý nghĩa :

1. **Khác với ngoại đạo** : Tức là chẳng giống như ngoại đạo. Vì Kinh của ngoại đạo mở đầu thì dùng hai chữ "A Âu". A là không, Âu là có. Pháp nói ra chẳng phải có thì là không, cho nên dùng A Âu hai chữ để mở đầu Kinh. Phật pháp thì chẳng phải như thế. Phật pháp thì chẳng có chẳng không, chẳng không chẳng có, chẳng rơi vào có, chẳng rơi vào không. Ngoại đạo cho rằng có tức là có, không có thì là không, đó là "hai bên". Phật pháp thì

không rơi về hai bên, cho nên dùng bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy", để đại biểu mở đầu Kinh.

Hai chữ "Như Vậy" là chỉ lời văn của Pháp. "Tôi Nghe": Nghĩa là lãnh nạp. Thế nào là chỉ lời văn của pháp? "Như Vậy": Tức là pháp này, không "Như Vậy" thì chẳng phải pháp này. Pháp này là pháp gì? Tức là pháp trung đạo liễu nghĩa. Thế nào gọi là lãnh nạp? "Tôi Nghe", tức là Tôn Giả A Nan nghe pháp, nghe được pháp này, nghĩa là lãnh thọ tiếp nạp.

2. Dứt tranh luận : Tranh tức là tâm háo thắng, là trái với đạo, sinh ra bốn tướng : tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, và tướng thọ mạng, làm sao đắc được tam muội ! Tranh những gì ? Tranh đệ nhất, tức là bây giờ chúng sinh đều muốn tranh đệ nhất, cho nên có tranh luận. Bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy" là biểu thị bộ Kinh này chẳng phải Tôn giả A-Nan tự nói, mà là nghe được từ Đức Phật. Vì đây là Đức Phật nói, cho nên đại chúng không có gì để nói, do đó mà chẳng còn tranh luận nữa.

3. Không tăng giảm : Từ "Tôi Nghe Như Vậy" về sau, nhất thời, Phật tại xứ nào ? với đại chúng bao nhiêu ? nói Kinh gì ? Tất cả đệ tử không dám sửa đổi, không thể nhuận sắc, tức là Kinh văn không thể tăng một chữ, cũng không thể giảm một chữ.

4. Dứt sự nghi ngờ của đại chúng : Vì Tôn Giả A-Nan ở trong đại chúng, Ngài là người trẻ tuổi nhất, đương nhiên đạo đức không đủ để cảm hoá người, nhưng Đức Phật đem Tạng Pháp truyền trao cho Ngài, dạy Ngài kết tập Kinh điển. Khi Tôn giả A-Nan lên pháp toà, thì đại chúng sinh ra ba điều nghi hoặc.

A : Nghi hoặc Đức Phật Thích Ca không vào Niết Bàn ? Còn trở lại thuyết pháp cho chúng ta. Vì Ngài A-Nan cũng có 32 tướng tốt trang nghiêm giống như Đức Phật, chỉ thân thấp hơn thân của Phật một chút mà thôi.

B : Nghi hoặc mười phương chư Phật đến thuyết pháp ?

C : Nghi hoặc Tôn giả A-Nan đột nhiên chứng được quả vị Phật ? Vì tướng tốt của Tôn giả rất trang nghiêm. Khi Tôn Giả A Nan mở miệng nói : "Tôi Nghe Như Vậy", thì đầu não của các vị đại A La Hán tỉnh lại, không mê hoặc nữa.

5. Sinh tín tâm : Khiến cho tất cả chúng sinh sinh tín tâm, vì pháp "Như vậy" là đáng tin, pháp "không như vậy" thì không đáng tin. Cho nên nói "Như vậy" là chỉ lời văn của pháp.

6. Thuận đồng : Điều thuận đồng với chư Phật ba đời, vì ba đời chư Phật mở đầu Kinh điển, đều nói bốn chữ "Tôi Nghe Như Vậy", cho nên Kinh của Phật câu thứ nhất mở đầu là : "Tôi Nghe Như Vậy".

Khi Đức Phật sắp vào Niết Bàn thì Ngài A Nan chưa chứng quả A La Hán, cũng chưa đoạn dục khử ái, cho nên đau đớn khóc lóc rơi lệ bi ai đến cực điểm, chẳng còn nhớ đến việc gì. Lúc đó, Tôn Giả A Nậu Lô Đà đến nói

với Tôn giả A Nan : "A Nan ! Đừng quá bi ai, Phật đem tất cả Tạng Pháp truyền cho Ngài, Ngài là người tương lai kết tập Kinh điển, trách nhiệm trọng đại, bây giờ nên đi thưa hỏi Đức Phật, việc tương lai phải làm như thế nào ?" Tôn Giả A Nan nói : Phật vào Niết Bàn rồi, tương lai còn có việc gì nữa mà hỏi ? Chẳng còn việc gì nữa." Tôn Giả A Nậu Lô Đà nói : "Phật vào Niết Bàn rồi, việc quan trọng trong tương lai là hoàng dương Phật pháp, phải mau đến hỏi Đức Phật !" Tôn Giả A Nan hỏi lại : "Vậy tôi phải hỏi Đức Phật về vấn đề gì ?" Tôn Giả A Nậu Lô Đà nói : "Có bốn vấn đề vô cùng quan trọng, không hỏi không được".

1. Khi Đức Phật còn ở đời thì chúng ta nương theo Phật, khi Phật vào Niết Bàn rồi thì chúng ta nương theo ai ? Tôn Giả A Nan cảm thấy vấn đề này rất có đạo lý, tương lai chúng ta đi ở đâu ? điều này nên hỏi.

2. Khi Đức Phật còn ở đời thì chúng ta nương Phật làm thầy, khi Phật vào Niết Bàn rồi thì chúng ta nương theo ai làm thầy ? Tôn Giả A Nan nghĩ nếu không có Phật thì làm sao tu hành ? Vấn đề này không hỏi không được.

3. Khi Đức Phật còn ở đời thì những Tỳ Kheo ác tánh, Phật có thể hàng phục, khi Đức Phật vào Niết Bàn rồi thì do ai điều phục ? Làm sao điều phục ? Tôn Giả A Nan cảm thấy vấn đề này cũng nghiêm trọng, càng nên hỏi.

4. Khi kết tập Kinh điển thì mở đầu Kinh văn phải dùng chữ gì ? Tôn Giả A Nan nghĩ vấn đề này càng nên hỏi Đức Phật. Do đó, Tôn Giả A Nan đến bên cạnh Đức Phật, hỏi bốn vấn đề này. Phật trả lời cho Ngài A Nan : "Khi ta vào Niết Bàn rồi thì y theo Bốn Niệm Xứ mà trụ", đó là câu trả lời thứ nhất. "Khi ta vào Niết Bàn rồi thì phải lấy giới làm thầy", đây là câu trả lời thứ hai. "Khi ta vào Niết Bàn rồi, nếu có Tỳ Kheo ác tính không giữ giới luật, thì đừng nói năng gì với họ", đó là câu trả lời thứ ba. "Khi kết tập Kinh điển thì mở đầu Kinh dùng : "Tôi Nghe Như Vậy", đó là câu trả lời thứ tư.

Bốn Niệm Xứ là gì ? Tức là :

Thân niệm xứ

Thọ niệm xứ

Tâm niệm xứ

Pháp niệm xứ.

Y chiếu theo Bốn Niệm Xứ này để tu hành, thì có thể chứng quả, có thể giải thoát. Tại sao chúng ta chẳng chứng quả ? Tại sao không thể thoát khỏi luân hồi ? Vì không :

Quán thân bất tịnh

Quán thọ là khổ,

Quán tâm vô thường

Quán pháp vô ngã.

Chấp trước cái ta, đây là của ta. Nhà là của ta, đợi đến khi hơi thở không còn nữa, thì gì cũng chẳng phải của ta. Cho nên có câu :

"Cá nhảy trong nước,
Người nào ở nhân gian,
Chẳng biết gieo phước lành,
Tâm cứ tạo tội nghiệp,
Vàng bạc chất thành núi,
Nhắm mắt bỏ lại hết,
Tay không chầu Diêm Vương
Hồi hận quá muộn màng".

Bây giờ giải thích đại ý về Bốn Niệm Xứ :

1. **Quán thân bất tịnh** : Thân thể của chúng ta vốn chẳng sạch sẽ, chín cái lỗ thường chảy ra những thứ bất tịnh dơ dáy, như mắt thì có ghèn, lỗ tai có cục váy, mũi thì có nước mũi, miệng thì có đàm, thêm vào đại và tiểu tiện. Đã biết thân thể bất tịnh, là túi da hôi thối thì không nên chấp trước nó. Nếu không chấp trước thì sẽ đắc được giải thoát, không bị thân thể làm phiền lụy. Lão Tử biết được ý này cho nên nói :

"Sở dĩ ta có đại hoạn vì ta có thân,
Nếu ta không có thân này thì sao có hoạn ?"

Lão Tử hiểu được lý quán bất tịnh.

2. **Quán thọ là khổ** : Tất cả những gì tiếp thọ đều là khổ. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ. Ba thứ khổ là gì ? Tức là :

Khổ khổ

Hoại khổ

Hành khổ.

A. **Khổ khổ** : Tức là khổ trong sự khổ, khổ lại thêm khổ. Ví như có người vốn chẳng có nhà để ở, lại gặp ngày trời mưa. Hoặc là không có quần áo mà gặp phải thời tiết lạnh. Hoặc là vốn không có cơm ăn lại sinh bệnh. Sinh bệnh không có tiền đi khám bác sĩ, không có tiền mua thuốc uống, đó là khổ trong sự khổ của kẻ nghèo.

B. **Hoại khổ** : Người nghèo thì có khổ khổ, còn người giàu thì có hoại khổ. Hoại khổ là gì ? Người giàu thì ở lầu cao cửa rộng, trang hoàng đẹp đẽ, chẳng may bị cháy nhà, thiêu trụi nhà cửa, hoặc là người có vàng bạc châu báu bị người trộm cắp, hoặc là bị tai nạn như chiến tranh, nạn gió, nạn nước, đó đều là hoại khổ.

C. **Hành khổ** : Tức là con người từ khi sinh ra, lớn lên trưởng thành, rồi già nua và chết đi, luôn luôn biến đổi không ngừng, đó là hành khổ. Trong cuộc đời tuy nhiên không có khổ khổ, không có hoại khổ, nhưng có hành khổ. Những thứ khổ này, bất cứ ai cũng đều phải chịu, không có ai tránh khỏi được. Đức Phật lúc tám mươi tuổi còn phải thị hiện vào Niết Bàn. Tám sự khổ là gì ? Tức là : Sinh, già, bệnh, chết, thương yêu xa lìa, ghét mà gặp nhau, cầu mong không được, năm ám xí thành.

A. **Sinh là khổ** : Khi con người sinh ra thì giống như ở giữa hai hòn núi đè ép sinh ra, cho nên trẻ con mới sinh ra thì khóc lên, đó là biểu thị sự khổ, bắt đầu tiếp thọ sự khổ.

B. **Già là khổ** : Con người đến tuổi già thì tứ chi không linh hoạt, cử động rất bất tiện, mắt loà, tai điếc, tóc bạc, răng rụng, luôn luôn không được tự tại, do đó có câu : "Tâm có thừa mà sức chẳng đủ".

C. **Bệnh là khổ** : Đất nước gió lửa không đều hoà thì sinh bệnh, bệnh có đủ sự thống khổ khó mà tả được.

D. **Chết là khổ** : Bệnh khổ qua rồi thì chết khổ lại đến. Đến lúc chết thì sự thống khổ giống như bò sống lột da, như rùa lột mai, thứ khổ này chẳng cách chi mà hình dung được.

E. **Khổ về thương yêu xa lìa** : Sự khổ nhất của đời người là sinh ly tử biệt. Vì có ái, ái là vực thăm tạo nghiệp, nếu đoạn dứt khử ái thì nghiệp chướng sẽ nhẹ bớt. Nếu tình ái quá nặng thì nghiệp chướng sẽ nặng thêm. Do đó có câu :

"Nghiệp sạch tình không là Phật

Nghiệp nặng tình mê là phàm phu".

Phàm phu vì tình mà mê, nhìn không thấu được ái tình, buông chẳngặng ái tình, cho nên mới có khổ. Ái là một thứ chấp trước lớn nhất, thứ chấp trước này không dễ gì buông bỏ được. Khổ về thương yêu xa lìa, tức là vốn chẳng muốn từ bỏ, nhưng nhất định phải từ bỏ, là bị bắt buộc cưỡng bách mà từ bỏ, tình trạng này rất là thống khổ. Như vợ chồng thì có khổ xa lìa của vợ chồng, con cái thì có khổ xa lìa của con cái, bạn bè thì có khổ xa lìa của bạn bè. Tóm lại có ái thì khi xa lìa sẽ khổ.

F. **Khổ về ghét gặp nhau** : Thương cũng có sự khổ, ghét cũng có sự khổ. Người mà ta ghét không muốn gặp nhưng lại gặp, đó cũng là một thứ khổ.

G. **Khổ về cầu mong không được** : Cầu danh không được danh, cầu lợi không được lợi, cầu con trai, con gái không được mãn nguyện, cầu giàu sang không được giàu sang. Tóm lại, những gì mong muốn mà không thành công cũng là một thứ khổ.

H. **Khổ về năm ấm xí thạnh** : Năm ấm tức là : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức năm ấm này chẳng không thì khổ, cũng giống như bị núi năm ấm đè, một chút tự do cũng không có, không có tự do tức là khổ. Thứ khổ này giống như lửa thiêu ở trong tâm.

Vô lượng khổ là gì ? Ở trên đã nói qua ba sự khổ và tám sự khổ, nếu phân tích tỉ mỉ thì trong mỗi thứ khổ lại có vô lượng khổ, trong vô lượng khổ lại có vô lượng khổ. Khổ vô cùng vô tận, cho nên gọi là vô lượng khổ.

3. **Quán tâm vô thường** : Tức là tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai, ba tâm không thể bắt lấy, là vô thường, cũng có thể nói : "Các pháp do nhân duyên sinh, các pháp do nhân duyên diệt", chẳng hằng thường bất biến, cho

nên gọi là vô thường. Quán sát tâm người là vô thường, chân tâm mới là thường. Tại sao nói tâm người vô thường ? Vì tâm người khéo biến đổi, giống như sóng vẩy, chẳng khi nào ngừng nghỉ. Tâm niệm này sinh thì tâm niệm kia diệt, niệm niệm liên tục không ngừng. Lại giống như hạt bụi trong hư không, hốt lên hốt xuống, hốt đông hốt tây, không có nhất định, đó là tâm vô thường. Gì là thường ? Tức là thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể. Đây là đạo lý quán tâm vô thường.

4. **Quán pháp vô ngã** : Tức là quán sát : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức năm uẩn chẳng có "cái ta"(ngã). Nếu như có "cái ta" thì có chấp "cái ta"(ngã chấp). Nếu lại chấp trước nơi pháp thì có pháp chấp. Như thế thì chẳng được tự tại, chẳng được giải thoát. Nếu quán pháp vô ngã, hai pháp đều không, người cũng chẳng có ngã, pháp cũng chẳng có ngã, thì phá được người và pháp hai chấp. Đó là đạo lý quán pháp vô ngã.

A. **Sắc pháp** : Phạm là thấy được hình tướng, nói ra được danh từ thì tất cả hết thấy đều gọi là sắc pháp. Thứ pháp này nhìn không thủng, buông chẳng đặng, thì chẳng đắc được tự tại. Thứ sắc pháp này có nội sắc và ngoại sắc. Ngoại sắc tức là có hình chất. Tức nhiên sắc bên ngoài có hình chất, bên trong thì có bóng. Nội sắc tức là bóng. Có bóng thì có vọng tưởng về sắc, thì không thể vô ngã, bạn ái trước sắc này là vì có cái ta (ngã), bạn chấp trước sắc này cũng là vì bạn có cái ta (ngã). Nếu chẳng có cái ta thì không có gì để chấp trước, thì chẳng có chướng ngại, đó là nhìn xuyên thủng. Nhìn xuyên thủng được thì buông bỏ được. Buông bỏ được thì sẽ đắc được tự tại.

B. **Thọ pháp** : Phạm là tiếp xúc cảnh giới bên ngoài ban đầu có sự lãnh thọ. Nếu không có cái ta thì chẳng có xúc trần, không có xúc trần thì đắc được tự tại. Ngược lại, nếu có cái ta tồn tại thì không được tự tại.

C. **Tưởng pháp** : Tức là vọng tưởng. Tại sao bạn chẳng đối trị được vọng tưởng ? Tức là vì có cái ta. Nếu không có cái ta, thì vọng tưởng gì cũng chẳng có, liền đắc được cảnh giới vô sở tưởng.

D. **Hành pháp** : Nghĩa là liên tục. Niệm niệm biến đổi không ngừng. Giống như nước chảy, đó là hành uẩn. Muốn nhìn xuyên thủng hành uẩn thì phải đừng có cái ta.

E. **Thức pháp** : Tức là : mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý, Mạt na, A lại da tám thức. Tám thức này cũng ở trong chân và vọng. Chỉ một cái biến thì biến thành Đại viên cảnh trí. Không biến thì là tám thức. Chuyển tám thức thành bốn trí, thì chẳng còn cái ta (vô ngã). Quán pháp năm uẩn vô ngã được, thì đó là quán pháp vô ngã.

Tại sao đức Phật dạy đệ tử lấy giới làm thầy ? Vì giới là sinh thiện diệt ác. Nương giới làm thầy thì sẽ sinh ra các điều lành. Nương giới làm thầy thì sẽ diệt trừ các điều ác.

Tôi Nghe Như Vậy là gì ? Cái gì là tôi ? Phàm phu có sự chấp trước về cái tôi (ngã), chấp trước hết thảy đều là sở hữu của tôi. Ngoại đạo có cái ngã. Bậc A La Hán và Bồ Tát có cái giả ngã. Tôn giả A Nan đã đắc được quả vị Thánh nhân, thì chẳng còn cái ta (ngã) nữa. Chữ "tôi" này là giả danh làm "tôi", trên thực tế thì chẳng phải tôi. Tại sao phải có "tôi" giả danh ? Vì nếu nói không có cái tôi, thì tất cả chúng sinh đều sinh tâm sợ sệt. Họ nghĩ tức nhiên chẳng có cái tôi, thì hà tất phải tu đạo ? Tu hành cái gì ? Bèn sinh tâm sợ sệt. Cho nên thuận theo thế tục nói giả danh là ngã, đó là cái tôi của Tôn giả A Nan.

"Tôi Nghe". Tôi làm sao nghe ? Nghe là lỗ tai nghe, thân thể con người mỗi bộ phận đều có tên của nó, đầu thì có tên đầu, tay thì có tên tay, chân thì có tên chân, mỗi bộ phận đều có tên của nó, nhưng tìm cái tôi không thể được. Bây giờ tại sao lại nói có cái tôi ? Vì cái tôi này là tổng quát toàn thân, tên là tôi. Vì tôi là tổng quát thân thể, cho nên tôi nghe.

"Như" là bất biên. "Vậy" là vô phi. Dùng hằng thường bất biên làm "như", quyết định không có chẳng phải làm "vậy". "Như" là chỉ lời văn của pháp, pháp như vậy tức là như vậy. Pháp không như vậy tức là không như vậy. Định như vậy, huệ như vậy, tĩnh như vậy, động như vậy. Tức là định huệ động tĩnh. Pháp như vậy là tôi A Nan nghe từ Đức Phật.

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma Kiệt Đề, trong A lan nhã pháp bồ đề tràng.

"Một thời" : Tức là một thời, một thời này là thời nào ? Là thời mà Tôn giả A Nan nghe Đức Phật thuyết pháp. Vậy vào năm nào ? Tháng nào ? Ngày nào ? Giờ nào ? Tại sao chẳng có ngày tháng chính xác ? Vì sự dùng lịch ở Ấn Độ và Trung Quốc chẳng giống nhau, giống như bây giờ có âm lịch và dương lịch. Nếu đem ngày tháng của Ấn Độ dịch thành ngày tháng của Trung Quốc, thì phải tìm tòi tính toán khảo chứng, cần thời gian, kết quả chẳng có đại dụng là bao. Hơn nữa, vì Phật pháp thì có chư Thiên và chúng sinh, trong mười phương thế giới đều đến nghe pháp, càng không cách chỉ nhớ ngày tháng chính xác, hơn nữa vì bộ Kinh này có lúc nói ở nhân gian, có lúc nói ở trên cung trời. Do đó, trong Kinh chẳng nói năm nào tháng nào ngày nào giờ nào, mà dùng "Một thời" để đại biểu cho ngày tháng.

Một thời tức là "thời thành tựu" ở trong sáu thành tựu. Sáu thành tựu là :

1. Tin thành tựu.
2. Nghe thành tựu.
3. Thời thành tựu.
4. Chủ thành tựu.
5. Xứ thành tựu.
6. Chúng thành tựu.

1. **Tin thành tựu** : Như vậy là tin thành tựu. Pháp như vậy là đáng tin, là chánh tri chánh kiến.
2. **Nghe thanh tựu** : Tôi nghe là nghe thành tựu. Tôi A Nan nghe được pháp này, y pháp tu hành thì sẽ thành tựu đạo nghiệp.
3. **Thời thành tựu** : Một thời là thời thành tựu, tức là lúc Đức Phật thuyết pháp.
4. **Chủ thành tựu** : Đức Phật là chủ thuyết pháp. Trong Kinh Hoa Nghiêm có lúc Bồ Tát là chủ thuyết pháp.
5. **Xứ thành tựu** : Đạo tràng là xứ thành tựu. Đức Phật thuyết pháp ở dưới cội bồ đề, đây là đạo tràng.

6. **Chúng thành tựu** : Những người nghe pháp là chúng thành tựu. Các đại Bồ Tát và đại A La Hán đều nghe Đức Phật thuyết pháp.

Đức Phật ở tại nước Ma Kiệt Đề. Phật là nửa chữ Phạn, gọi đầy đủ là Phật Đà Gia, còn gọi là Bồ Đạt Gia. Phật nghĩa là bậc giác ngộ. Phật giác ngộ có ba nghĩa tức là : Tự giác, giác tha, giác mãn. Do đó có câu : "Ba giác tròn, vạn đức đầy", cho nên xưng là Phật. Tự giác khác với phàm phu, phàm phu tuy nhiên có bản giác, nhưng không giác ngộ, vẫn hồ đồ, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, một đời bận rộn ở trong danh lợi. Cho nên Phật giác và tự giác của phàm phu chẳng giống. Giác tha khác với tiểu thừa. Người tiểu thừa chỉ tự giác mà không giác tha, mình minh bạch đạo lý sinh tử mà không đi giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng minh bạch đạo lý sinh tử. Cho nên giác tha chẳng giống với tiểu thừa. Giác mãn khác với Bồ Tát. Bồ Tát thì tự giác rồi lại giác ngộ kẻ khác, nhưng không giác mãn. Phật thì giác hạnh viên mãn, cho nên giác mãn chẳng giống Bồ Tát.

Làm thế nào để giác hạnh viên mãn ? Đó là :

"Ba A Tăng Kỳ tu phước huệ,
Trăm ngàn ức kiếp trồng tướng tốt".

Đức Phật ở trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu phước tu huệ, trong trăm đại kiếp tu công đức tướng tốt. Cho nên Đức Phật ba giác đều viên mãn, vạn đức đầy đủ, nên đã thành Phật.

Nước Ma Kiệt Đề ở tại hướng đông Ấn Độ, dịch là "không độc hại", vì dân chúng của nước này đều có tinh thần từ bi hỷ xả, ai cũng chẳng độc hại ai, ai cũng chẳng làm thương hại đến ai, đều biết bỏ ác hướng thiện, cho nên Phật lựa chọn nơi này để thành Phật.

"Trong A Lan Nhã Pháp Bồ Đề Tràng". A Lan Nhã dịch là "nơi vắng lặng", là nơi không có ồn náo. Tại Tùng Lâm trong núi là đạo tràng tu hạnh Đầu đà (khổ hạnh), tuy nhiên ở trong Tùng Lâm cũng khởi vọng tưởng. Nếu thanh tịnh thì dù ở thành thị cũng chẳng có vọng tưởng, đó tức là nơi A Lan Nhã.

Pháp : Là phương pháp, là tu phương pháp vắng lặng. Phải minh bạch phương pháp tu hành, mới không bị cảnh giới làm lay chuyển, ngược lại

chuyển được cảnh giới, do đó "Người chuyển được cảnh giới, cảnh giới không chuyển được người". Đó tức là A Lan Nhã Pháp.

Bồ Đề Tràng : Tức là nơi Đức Phật giác ngộ. Lúc trước, khi Phật chưa thành Phật thì cũng là chúng sinh. Sau khi thành Phật rồi là chúng sinh "đại giác viên mãn", cho nên nói là đạo tràng giác ngộ. Ai giác ngộ ? Là chúng sinh giác ngộ. Đạo tràng chúng sinh giác ngộ, cho nên thành Phật. Do đó :

"Giác là Phật, mê là chúng sinh".

Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm tại núi Tuyết, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè. Sau đó mới đến dưới cội bồ đề, phát nguyện nếu không thành đạo thì ngồi chỗ này, quyết không đứng dậy. Ngài tĩnh tọa bốn mươi chín ngày, đêm cuối cùng thấy sao mai mọc mà ngộ đạo. Ngộ đạo gì ? Biết được sinh từ đâu đến ? Chết rồi đi về đâu ? Sau khi giác ngộ Ngài nói : "Lành thay ! Tất cả chúng sinh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc"!

Ban đầu thành Chánh giác.

Vì đức Phật tu nhân hoa vạn hạnh, nên thành tựu quả vị Phật vô thượng. Tu nhân tròn thì kết quả đầy, cho nên thành Phật, vị Phật này là ai ? Tức là Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni, giáo chủ thế giới Ta Bà này. (Thích Ca dịch là Năng Nhân là họ của Đức Phật. Mâu Ni dịch là tịch mặc, là tên của Đức Phật.

Năng Nhân biểu thị thiện, hay ban hành nhân từ. Tịch mặc biểu thị tịch nhiên bất động). Sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài suy tư chư Phật quá khứ sau khi thành Phật, trước hết đều nói Kinh Hoa Nghiêm. Chư Phật hiện tại sau khi thành Phật, trước hết cũng nói Kinh Hoa Nghiêm. Chư Phật vị lai sau khi thành Phật cũng sẽ nói Kinh Hoa Nghiêm. Tóm lại, trước hết chư Phật đều nói Kinh Hoa Nghiêm, mới kiến lập được cơ sở của pháp, cho nên Kinh Hoa Nghiêm là gốc rễ của tất cả các pháp.

Khi đức Phật ban đầu thành chánh giác thì nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này. Thời gian hai mươi một ngày, thì nói xong bộ Kinh này. Thời nói Kinh Hoa Nghiêm là thời thành tựu, ban đầu thành chánh giác là chủ thành tựu. Nước Ma Kiệt Đề trong A Lan Nhã Pháp Bồ Đề Tràng là xứ thành tựu.

Mặt đất kiên cố, do kim cương làm thành.

Chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ban đầu thành chánh giác, là ở tại nước Ma Kiệt Đề dưới cội bồ đề. Lúc đó đất ở bốn phía chung quanh cây bồ đề, đều biến thành rất kiên cố, đất này chẳng phải đất mà là do đá kim cương làm thành. Đá kim cương là vật cứng chắc nhất. Có ba thứ tác dụng đó là : Cứng chắc, sáng, và sắc bén.

1. Cứng chắc : Là biểu thị chí nguyện của con người phải kiên cố, bất cứ vật gì

cũng không thể phá hoại được.

2. Sáng : Tức là quang minh, biểu thị trí huệ của con người phải sáng suốt.

3. Sắc bén : Là biểu thị sự tinh tấn của con người, phải nhanh chóng như sự sắc bén của thanh kiếm.

Phía trên có bánh xe báu tốt đẹp, có vô số hoa báu và châu ma ni thanh tịnh dùng để nghiêm sức.

Phía trên nhất có bánh xe báu không thể nghĩ bàn, và có rất nhiều thứ hoa báu anh lạc, còn có châu ma ni báu thanh tịnh dùng để nghiêm sức đạo tràng. Bánh xe báu và hoa báu rất mỹ lệ, lại thêm châu ma ni báu thanh tịnh, càng làm cho trang nghiêm thêm.

Các biển màu sắc tương, hiển hiện vô biên.

Châu Ma ni là một thứ báu, màu sắc của nó đặc biệt rất đẹp, có rất nhiều màu sắc ánh sáng vạn tía ngàn hồng, vì màu sắc rất nhiều tương, giống như biển, nhìn rất trang nghiêm phi thường, đặc biệt đẹp đẽ, cho nên nói các biển màu sắc. Màu sắc và sự trang nghiêm này, hiển hiện ra vô lượng vô biên để trang nghiêm đạo tràng.

Châu ma ni dùng làm tràng, thường phóng ánh sáng, luôn vang ra âm thanh hay, các màn lưới báu có hương thơm, hoa xinh đẹp, chuỗi anh lạc rất đẹp giăng bủa khắp nơi.

Dùng ma ni báu làm thành tràng, lọng, vì dùng ma ni báu kiến tạo, cho nên tại mỗi châu ma ni đều phóng ra ánh sáng, không những phóng ra vô lượng ánh sáng mà còn có vô lượng âm thanh rất hay. Ánh sáng đó hơn hẳn ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Thứ âm thanh hay đó hơn hẳn tất cả âm nhạc ở nhân gian và trên trời. Do rất nhiều thứ báu chế thành màn lưới La võng để trang nghiêm Bồ đề đạo tràng. Lưới La võng báu này có hương thơm ngào ngạt, hoa đẹp, chuỗi anh lạc rất đẹp, giăng bủa khắp chung quanh đạo tràng, khiến cho tất cả chúng sinh nghĩ được thứ hương này, thấy được thứ hoa này và thứ chuỗi anh lạc này, đều gieo xuống hạt giống bồ đề, tương lai sẽ thành Phật quả.

Châu ma ni vương báu biến hiện tự tại, mưa xuống châu báu vô tận, và các thứ hoa xinh đẹp rải khắp mặt đất.

Ở trong các màn lưới báu có châu ma ni vương báu, nghĩ cái gì thì có cái đó, toại tâm như ý, cho nên biến hiện tự tại, lại mưa xuống châu báu vô tận và các thứ hoa xinh đẹp, rải khắp mặt đất chung quanh đạo tràng.

Các cây báu thẳng hàng, cành lá sum sê tươi tốt.

Các cây báu do các thứ báu làm thành, có thứ tự từng hàng từng hàng, từ bốn phía nhìn lại đều thẳng tắp. Các thứ cây báu đó dùng vàng làm thân cây, dùng mã não làm cành, dùng chuỗi anh lạc làm lá. Màu sắc các thứ báu có ngàn vạn thứ. Cành lá các cây báu đó, không những phóng ra ánh sáng, mà còn rất rực rỡ sum sê tươi tốt.

Do thần lực của đức Phật, khiến cho Đạo tràng tất cả đều trang nghiêm ảnh hiện.

Cảnh giới đó là do thần thông oai lực của Đức Phật mà có được. Thần thông oai lực của Đức Phật do từ đâu mà có ? Nhiều thứ lưới báu, nhiều châu ma ni vương, nhiều cây báu .v.v... đều là do Đức Phật tại nhân địa nghiêm trì giới luật, tư hào cũng không phạm giới.

Giới sát sinh : Không những tay không giết hại, mà tâm cũng không sinh tâm niệm giết hại, từ bi thương xót tất cả chúng sinh.

Không trộm cắp : Không những thân không trộm cắp, mà tâm cũng không khởi ý niệm trộm cắp, nghiêm hành tu trì giới luật.

Giới dâm : Cũng lại như thế, càng không khởi ý niệm dâm dục, đời này tuy kết hôn, song chỉ trên danh nghĩa mà thôi.

Giới nói dối : Thấy thì nói thấy, không thấy nói không thấy, biết thì nói biết, cũng không sinh ý niệm nói dối.

Giới rượu : Phàm là chất có sự kích thích đều không uống, không riêng gì rượu.

Đức Phật giữ năm giới căn bản này, cho nên mới có thần thông oai lực như thế, dùng các thứ báu để trang nghiêm đạo tràng. Công đức của Phật viên mãn, mới có thần thông oai lực, làm cho đạo tràng trang nghiêm long trọng. Ở trong đạo tràng này ảnh hiện ra cảnh giới không thể nghĩ bàn này.

Cây bồ đề cao lớn hiển hiện lạ thường.

Vì Đức Phật thành Phật dưới cội bồ đề này, cho nên cây bồ đề này cũng biến thành cao lớn, chẳng giống những cây bồ đề khác, cho nên nói cao lớn hiển hiện lạ thường.

Thân cây làm bằng kim cương, gốc bằng lưu ly, các thứ báu đẹp xen tạp dùng làm cành lá. Các lá báu chen nhau phủ che như mây.

Thân cây bồ đề đó do kim cương làm thành, lưu ly báu làm gốc cây bồ đề. Lại dùng rất nhiều thứ báu đẹp làm cành lá, giữa lá và lá chen nhau, cành cây thòng rũ xuống, lá cây che rợp, giống như lọng bằng mây che trong hư không.

Có các hoa báu nhiều màu, trở ra các cảnh bày ảnh la liệt. Lại dùng châu ma ni làm quả, đều chói sáng rực rỡ như lửa ngọn xen lẫn trong hoa.

Hoa báu có trăm ngàn thứ màu sắc, trở ra các cảnh bày ảnh la liệt rất nghiêm đẹp. Lại dùng châu ma ni làm quả bồ đề. Quả này đều phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu soi. Ánh sáng rực rỡ như lửa ngọn đều xen lẫn trong hoa.

Khắp chung quanh cây bồ đề đều phóng quang minh, ở trong quang minh mưa xuống châu ma ni báu, trong ma ni báu, có các Bồ Tát đông nhiều như mây, đồng thời xuất hiện.

Khắp ba bên bốn phía cây bồ đề này đều phóng ra ánh sáng của Phật, ở trong ánh sáng lại mưa châu ma ni báu, trong châu ma ni báu lại có rất nhiều Bồ Tát, đông nhiều như mây, đồng thời cùng nhau xuất hiện.

Lại nhờ thần thông oai lực của Như Lai, mà cây bồ đề luôn vang ra âm thanh rất hay, diễn nói các pháp không cùng tận.

Cảnh giới này có đủ thứ quang minh, đủ thứ ánh sáng, đủ thứ hoa, đủ thứ màu sắc, phối hợp với nhau làm thành đạo tràng trang nghiêm tốt đẹp mỹ lệ, khiến cho đạo tràng thù thắng. Đó là do đại oai thần lực của Đức Phật. Cây bồ đề này không những cao hiển lạ thường, mà còn phát ra âm thanh rất hay, khiến cho người nghe đều đắc được đủ loại tam muội. Cây bồ đề này luôn luôn phát ra âm thanh rất hay, trong âm thanh hay đó, lại nói đủ thứ các pháp, không khi nào hết được, tức cũng là không khi nào nói hết được, luôn luôn đều nói, thời khắc đều nói, suốt thuở vị lai đều nói pháp không gián đoạn.

Chỗ của Như Lai ngồi là cung điện lầu các, rộng lớn trang nghiêm mỹ lệ đầy khắp mười phương.

Vì đức Phật thành chánh giác dưới cội bồ đề, cho nên gọi là Như Lai, là một trong mười hiệu của Phật. Những gì là mười hiệu :

1. Như Lai.
2. Ứng Cúng.
3. Chánh Biến Tri.
4. Minh Hạnh Túc.
5. Thiệt Thệ Thế Gian Giải.
6. Vô Thượng Sĩ.
7. Điều Ngự Trượng Phu.
8. Thiên Nhân Sư.
9. Phật.

10. Thế Tôn.

Khi nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này thì đức Như Lai hiện thân Lô Xá Na cao ngàn trượng, cho nên cung điện đương nhiên phải cao ba ngàn trượng. Cảnh giới này là do đại oai thần lực của Như Lai biến hoá hiện ra. Cung điện lầu các này rất rộng lớn phi thường, vừa trang nghiêm vừa mỹ lệ, không những đầy khắp một phương mà đầy khắp mười phương.

Dùng các màu sắc châu ma ni tạo thành. Đủ loại hoa báu dùng để trang nghiêm.

Toà cung điện lầu các này, dùng rất nhiều các màu sắc châu ma ni báu làm thành, dùng đủ loại hoa báu để trang nghiêm toà cung điện này. Sau khi Đức Phật thành đạo rồi, dùng đại oai thần lực để trang nghiêm đạo tràng, hiện thân Lô Xá Na ngàn trượng để diễn nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật này. Một số phàm phu tục tử nghe rồi, cảm thấy sự trang nghiêm đạo tràng này, có vẻ chẳng có gì quan trọng. Thật tế thì sự trang nghiêm này là biểu pháp. Biểu thị Phật lúc tại nhân địa tu đủ thứ hạnh môn, thực hành đủ thứ sự khổ hạnh khó làm. Bây giờ thành Phật mới có đủ thứ sự trang nghiêm này.

Những đồ trang nghiêm, đều phóng ánh sáng như mây. Từ trong cung điện lầu các, hoa ảnh làm thành tràng. Có vô số Bồ Tát, và chúng hội đạo tràng, đều vân tập đến. Chư Phật đều phóng quang minh, trong quang minh có âm thanh vi diệu không thể nghĩ bàn, lại có châu ma ni vương báu làm thành lưới.

Tất cả hoa báu trang nghiêm đều phóng quang minh, giống như các loại mây báu, trong cung điện có khoảng không gian, thứ quang ảnh này tụ hội thành hình tràng báu, trong tràng báu này có vô lượng vô biên Bồ Tát, không những có vô lượng vô biên Bồ Tát, mà mỗi vị Bồ Tát đều đem chúng sinh trong đạo tràng của mình, đều suất lãnh đến Bồ đề đạo tràng. Khi chư Bồ Tát đến đạo tràng của Đức Phật, thì xuất hiện quang minh của chư Phật chiếu soi với nhau. Trong quang minh của Phật cũng phát ra âm thanh vi diệu không thể tả, lại có châu ma ni vương báu làm lưới báu.

Do thần thông oai lực tự tại của Như Lai, khiến cho tất cả cảnh giới đều xuất hiện trong đạo tràng.

Vì Như Lai đắc được thần thông oai lực tự tại, tất cả các thứ âm thanh hay, các thứ ánh sáng, các thứ cảnh giới, đều từ trong đạo tràng hiện ra. Cho nên trong Bồ đề đạo tràng, có cảnh giới không thể nghĩ bàn này.

Nhà cửa phòng xá, chỗ ở của tất cả chúng sinh, đều hiện ra hình bóng ở trong đó.

Sức thần thông tự tại của Như Lai, biến hiện cảnh giới không thể nghĩ bàn, ở trong cảnh giới giống như lưu ly, như hư không, tất cả chúng sinh ở trong hư không, nơi ăn chốn ở đều hiện ra hình bóng trong cảnh giới này.

Vì vậy, cho nên trong Kinh Kim Cang có nói : "Tất cả chúng sinh, có những tâm gì, Như Lai đều biết", nghĩa là tất cả tâm niệm và hành vi của chúng sinh, không biết có bao nhiêu thứ tâm ? Như Lai đều biết đều thấy. Vì đều không ra ngoài phạm vi bốn trí của Như Lai. Bốn trí là gì ? Tức là :

Thành sở tác trí.

Diệu quán sát trí.

Bình đẳng tánh trí.

Đại viên cảnh trí.

Bốn trí này là từ tám thức của phàm phu biến ra. Mục đích chúng ta tu đạo là chuyển thức thành trí.

Lại nhờ thần lực của chư Phật gia trì, trong khoảng một niệm bao khắp pháp giới. Tòa sư tử cao lớn tốt đẹp.

Tòa của đức Phật ngồi gọi là tòa sư tử, vì sư tử là chúa của loài thú, khi sư tử hống lên, thì tất cả loài thú đều sợ hãi. Cho nên Phật nói pháp dụ như sư tử hống, thiên ma ngoại đạo nghe được, thì sinh tâm sợ hãi mà hàng phục được chúng, do đó tòa ngồi của đức Phật gọi là tòa sư tử. Tòa sư tử này cao lớn tốt đẹp lạ thường.

Đài làm bằng châu ma ni, lưới bằng hoa sen, châu báu đẹp thanh tịnh dùng viền chung quanh, các loại hoa đẹp nhiều màu kết thành chuỗi anh lạc.

Tòa sư tử này dùng châu ma ni báu làm đài, dùng các loại hoa sen nhiều màu để làm lưới, lại dùng châu báu đẹp thanh tịnh viền chung quanh, thứ châu báu đẹp thanh tịnh này lại gọi là "tị trần châu". Thứ châu báu này để ở chỗ nào, thì chỗ đó chẳng dính một hạt bụi. Thứ châu báu này do đâu mà thành tựu ? Là do trí giới thanh tịnh, mà cảm ứng châu báu đẹp hiện ra. Lại dùng đủ loại hoa nhiều màu để làm chuỗi anh lạc.

Cung điện lầu các, cửa nẻo thềm bậc thấy đều trang nghiêm. Cây báu cành lá bông trái chen nhau la liệt.

Cung điện lầu các, cửa nẻo thềm bậc, tất cả đều tốt đẹp trang nghiêm, có mười thứ mỹ lệ trang hoàng không thể nghĩ bàn, khiến cho ai thấy thì đều sinh tâm Bồ đề và tâm thanh tịnh. Người trên thế giới này tại sao có tâm ô nhiễm ? có tư tưởng không thanh tịnh ? Vì nghiệp chướng của chúng ta

không thanh tịnh, cho nên hiển hiện ra thế giới không thanh tịnh. Nếu nghiệp thanh tịnh thì sẽ cảm hiện ra thế giới cũng thanh tịnh. Dùng bảy thứ báu để trang nghiêm cảnh lá và trái thật. Cây báu này ở ba bên bốn phía tòa sư tử, xen nhau la liệt.

Châu ma ni tuông ra ánh sáng như mây, hổ tương chiếu soi lẫn nhau.

Châu ma ni báu tuông ra ánh sáng như mây, ánh sáng này chiếu ánh sáng kia, ánh sáng kia chiếu ánh sáng nọ, hổ tương chiếu soi lẫn nhau.

Mười phương chư Phật, hoá hiện châu vương.

Lúc bấy giờ, mười phương chư Phật đến bên tòa sư tử, hóa hiện châu vương (nghĩa là lý tròn giải đây), phàm là khi mới thành Phật, đều có tất cả chư Phật hiện hình quán đảnh, tất cả Bồ Tát thân cận kính ngưỡng.

Báu đẹp từ trong búi tóc của tất cả Bồ Tát, đều phóng ánh sáng chiếu sáng đạo tràng.

Báu đẹp từ trong búi tóc của vô số Bồ Tát trong mười phương, đều phóng ra ánh sáng chiếu sáng đạo tràng.

Lại nhờ oai thần lực của chư Phật gia trì, các Bồ Tát đều diễn nói cảnh giới rộng lớn của Như Lai, âm thanh rất hay, chẳng có chỗ nào mà không nghe được.

Lại nhờ oai đức thần thông của tất cả mười phương chư Phật gia trì, các Bồ Tát đều diễn nói diệu pháp của Như Lai. Cảnh giới rộng lớn này dùng âm thanh hay, thông đạt bốn phương, chẳng có chỗ nào mà không nghe được âm thanh hay này, tức là ở trong một hạt bụi cũng nghe được, vì đều đang chuyên bán xe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, ở trong tất cả các pháp, Đức Phật là tối Chánh giác. Trí huệ của Phật nhập vào ba đời, thấy đều bình đẳng.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sư tử, ở trong tất cả các pháp, đức Phật là tối chánh giác. Bồ Tát có thể nói là chánh giác, nhưng chưa đạt được tối chánh giác. Hàng nhị thừa có thể nói là giác, không thể nói là chánh giác. Ngoại đạo và phàm phu thì không giác, không giác mà cho rằng tự giác, đó là tà tri tà kiến, không giác tức là ngu si. Người ngu si cho rằng mình làm gì cũng đều đúng, chẳng có gì không đúng, cho nên mới gọi là không giác.

Trí huệ của Phật nhập vào được ba đời, biết được quá khứ trông nhân gì ? đời hiện tại kết quả gì ? đời bây giờ trông nhân gì ? đời vị lai kết quả gì ?

Đức Phật không những biết chính mình, mà cũng biết tất cả chúng sinh. Đời quá khứ cũng bình đẳng, đời hiện tại cũng bình đẳng, đời vị lai cũng bình đẳng.

Ba đời là gì ? Tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. Quá khứ là kiếp trước, hiện tại là đời này, vị lai là đời sau, đó là ba đời. Lúc này có người nói : "Tôi không tin, tôi một đời còn chưa hiểu làm sao tin ba đời ? " Bạn nói rất có lý ! Tuy nhiên bạn không minh bạch một đời, đương nhiên không thể minh bạch ba đời. Không tin ba đời là có thể, nhưng bạn có tin có ngày hôm qua chăng ? có ngày hôm nay chăng ? có ngày mai chăng ? Việc hôm qua, ngày hôm nay đã quên mất, việc ngày mai càng không biết. Sự việc ba ngày này còn không nhớ rõ, hà huống là sự việc ba đời làm sao nhớ được ?

Thân Đức Phật đầy khắp tất cả thế gian. Âm thanh của Đức Phật, vang đến tất cả cõi nước trong mười phương.

Thân của đức Phật không những đầy khắp tất cả thế giới, mà còn đầy khắp pháp giới. Do đó :

"Thân Phật đầy khắp trong pháp giới,

Hiện khắp trước tất cả chúng sinh".

Âm thanh của Phật lại thông đạt đến khắp các cõi nước trong mười phương, do đó :

"Phật dùng một diệu âm,

Nghe khắp trong mười phương".

Ví như hư không bao trùm hết thủy vạn vật, mà trong các cảnh giới chẳng có phân biệt.

Pháp thân của Phật giống như hư không, bao dung tất cả sum la vạn tượng, mà hư không đối với tất cả cảnh giới chẳng có phân biệt, không phân biệt đó đây.

Lại như hư không cùng khắp tất cả bình đẳng, mà vào trong các cõi nước.

Pháp thân Phật lại giống như hư không, cùng khắp tất cả chỗ. Ở cõi nước lớn thì có hư không lớn, ở cõi nước nhỏ thì có hư không nhỏ, tóm lại cõi nước lớn bao nhiêu, thì hư không lớn bấy nhiêu, là bình đẳng, không có lớn có nhỏ.

Thân Đức Phật thường ngự khắp tất cả đạo tràng. Trong tất cả đạo tràng có vô số Bồ Tát, oai đức quang minh như mặt trời mọc, chiếu sáng thế giới.

Pháp thân của Phật thường đầy khắp pháp giới, ngời khắp tất cả đạo tràng. Ở trong đạo tràng có vô số Bồ Tát, oai đức quang minh như ánh sáng mặt trời giữa trưa, chiếu sáng làm cho mắt không thể mở được, lại giống như mặt trời vừa mới mọc lên, chiếu khắp thế giới.

Đức Phật ở trong ba đời tu hành, phước báu như biển cả, hoàn toàn thanh tịnh.

Đức Phật trong ba đời tích lũy phước báu nhiều như biển cả, đã hoàn toàn thanh tịnh không ô nhiễm. Phước báu mà chúng ta tu, chẳng phải tu trong một đời một kiếp, mà là tu trong nhiều đời nhiều kiếp. Tu phước thì tương lai sẽ có phước báo. Tu huệ thì tương lai sẽ có trí huệ. Tốt nhất là phước huệ đều tu, thì tương lai phước huệ đều song toàn, nên nhớ :

"Đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm,

Đừng cho rằng việc ác nhỏ mà làm".

Việc thiện tuy nhỏ cũng phải làm, việc thiện nhiều là do tích tập từ ít mà thành. Việc ác tuy nhỏ cũng đừng làm, việc ác lớn là từ việc ác nhỏ tích tập mà thành. Nên chú ý ! Phải luôn luôn tu phước tu huệ, mới có phước báu như biển cả. Ở trong phước có tu phước thanh tịnh, có tu phước ô nhiễm. Phật và Bồ Tát tu phước đều là thanh tịnh, nghĩa là Hằng hà sa số phiền não đều đã đoạn sạch.

Các Bồ Tát thường thị hiện sinh vào cõi nước của các đức Phật, có vô lượng vô biên tướng tốt, quang minh viên mãn, chiếu khắp pháp giới, không có phân biệt.

Bồ Tát thường thị hiện trăm ngàn ức hóa thân, trong các cõi nước chư Phật mười phương. Tướng tốt trang nghiêm nhiều không có bờ mé. Thân Bồ Tát có quang minh viên mãn. Quang minh này chiếu khắp tất cả pháp giới. Quang minh này ở trong pháp giới, đều giống nhau chẳng có gì phân biệt.

Diễn nói tất cả các pháp, như vàng mây lớn giăng che. Trong mỗi đầu sợi lông, đều dung chứa tất cả các thế giới, mà không chướng ngại.

Ở trong pháp giới diễn nói tất cả diệu pháp, giống như vàng mây lớn giăng bày ở trong hư không, khiến cho thân tâm chúng sinh đều được mát mẻ.

Trên mỗi đầu sợi lông của đại Bồ Tát và chư Phật đều dung nạp tất cả thế giới. Sợi lông tuy nhỏ nhưng dung chứa được thế giới. Thế giới tuy lớn, nhưng không ra ngoài đầu sợi lông. Do đó : "Nơi đầu sợi lông hiện cõi Bảo vương", chẳng phải một đầu sợi lông hiện được cõi Bảo vương, mà là mỗi đầu sợi lông đều hiện được cõi Bảo vương. "Ngồi trong hạt bụi chuyển pháp xe pháp", ngồi ở trong một hạt bụi mà chuyển bánh xe pháp, giáo hóa

chúng sinh, có vô lượng vô biên chúng sinh ở trong một hạt bụi, nghe Đức Phật thuyết pháp. Đầu sợi lông nhỏ như thế, làm sao dung chứa được thế giới ? Cảnh giới này chẳng có cách chi có thể giải thích, chỉ có thể nói không có chướng ngại.

Các Bồ Tát đều hiện vô lượng sức thần thông, để giáo hóa điều phục tất cả chúng sinh.

Tại sao trong nhỏ dung được lớn ? Lớn lại ở trong nhỏ ? Đó là đạo lý gì ? Thật làm cho người bói rồi không hiểu được. Cảnh giới này là các Bồ Tát đều hiện sức thần thông. Các Ngài hiện cảnh giới này, là khiến cho chúng sinh tiêu diệt tri kiến của mình, phải học Phật pháp, giáo hóa chúng sinh, điều phục chúng sinh, khiến cho chúng sinh đừng thấy cái thấy của mình, khiến cho chúng sinh phải có tâm hổ thẹn. Không hổ không thẹn là buộc chân vào đá mà học Phật pháp, vĩnh viễn không thể thành tựu.

Thân Phật đầy khắp mười phương mà không đến đi. Trí huệ của Phật vào tất cả các tướng, thấu rõ các pháp vắng lặng.

Thân của các đức Phật là khắp cùng mười phương, cho nên chẳng có đến, cũng chẳng có đi. Ví như một ly nước đã đầy rồi, còn đựng gì được nữa ? Lúc chưa đầy thì có thể đựng thêm nước, đó là đến. Uống nước rồi, đó là đi. Bây giờ ly nước này đầy, không có ai đến uống, không có ai đến thêm vào, cho nên không có đến đi.

Bây giờ đầy khắp rồi, từ đâu đến ? Đi đến nơi nào ? Làm sao đầy ? Đó là một thứ thần thông diệu dụng của các đức Phật. Ai chứng được cảnh giới này thì người đó chẳng đến đi.

Trí huệ tùy thuận được tất cả tướng, thấu rõ được pháp vốn là vắng lặng. Vì tính tĩnh cho nên là tịch, vì vô tướng cho nên là không.

Tất cả thần thông biến hóa của chư Phật ba đời, đều thấy rõ ở trong quang minh, tất cả sự trang nghiêm của tất cả cõi Phật, trải qua kiếp số không thể nghĩ bàn, thấy đều hiển hiện ra.

Những vị đại Bồ Tát này, thấy được tất cả thần thông biến hóa, của hết thấy ba đời chư Phật ở trong quang minh. Lại thấy được tất cả cõi Phật, chẳng có cách chi tính được kiếp số trong quá khứ, tất cả sự trang nghiêm của các đức Phật ba đời đều hiển hiện ra, những vị đại Bồ Tát này đều biết, làm sao biết được ? Vì trí huệ nhập vào các tướng.

Có các vị đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi mười Phật thế giới, cùng nhiều quanh Đức Phật.

Bồ Tát nói đầy đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ đề dịch là "giác", Tát Đỏa dịch là "hữu tình", vì gọi tắt cho nên gọi là Bồ Tát. Có các đại Bồ Tát (pháp thân Đại Sĩ, từ bát địa trở lên), số đông nhiều như số hạt bụi mười Phật thế giới, hết thấy đều cùng nhau nhiều quanh toà sư tử của Đức Phật.

Tại sao Kinh Hoa Nghiêm dùng số mục mười ? Vì mười là một vòng, số tròn đầy. Ví như mười lần một là mười, mười lần mười là trăm, mười lần trăm là ngàn, mười lần ngàn là vạn, như thế mà tính thì sẽ được số vô lượng. Biểu thị trùng trùng vô tận, vì Kinh Hoa Nghiêm là nói đạo lý trùng trùng vô tận. Cho nên dùng mười. Mười Phật thế giới tức là vô lượng vô biên thế giới của Phật, nghĩa là không cách chi hình dung biết được số lượng.

Danh hiệu của các Ngài là : Đại Bồ Tát Phổ Hiền. Đại Bồ Tát Phổ Đức Tối Thắng Đăng Quang Chiếu. Đại Bồ Tát Phổ Quang Sư Tử Tràng. Đại Bồ Tát Phổ Bảo Diệm Diệu Quang. Đại Bồ Tát Phổ Âm Công Đức Hải Tràng. Đại Bồ Tát Phổ Trí Quang Chiếu Như Lai Cảnh. Đại Bồ Tát Phổ Bảo Kế Hoa Tràng. Đại Bồ Tát Phổ Giác Duyệt Ý Thanh. Đại Bồ Tát Phổ Thanh Tịnh Vô Tận Phước Quang. Đại Bồ Tát Phổ Quang Minh Tướng.

Vị đại Bồ Tát thứ nhất danh hiệu là Bồ Tát Phổ Hiền. Ngài là thượng thủ trong chúng này. Đức tính của Ngài là phổ khắp, địa vị là Đăng giác. Ngài là Đăng giác Bồ Tát. Đức Phật là Diệu giác Bồ Tát. Cho nên gần kề địa vị với Phật. Nguyên lực của vị đại Bồ Tát này, vượt hơn các Bồ Tát khác. Hạnh lực cũng hơn các Bồ Tát khác, từ bi cũng hơn các Bồ Tát khác, trí huệ cũng hơn Bồ Tát khác, cho nên gọi là đại Bồ Tát. Bồ Tát là nửa chữ Phạn, đầy đủ gọi là "Bồ đề tát đỏa", tức là giác hữu tình, lại gọi là hữu tình giác. Sao gọi là giác hữu tình ? Dùng đạo lý giác ngộ để giáo hóa tất cả hữu tình. Khiến cho tất cả hữu tình đều đắc được giác ngộ, cho nên gọi là giác hữu tình. Sao gọi là hữu tình giác ? Vì Bồ Tát là người giác ngộ ở trong hữu tình, cho nên gọi là hữu tình giác.

Bồ Tát vốn chẳng có danh hiệu gì ? Nhưng nếu không có danh hiệu, thì không thể biểu hiện được đức hạnh, hạnh môn, hạnh nguyện của các Ngài, cho nên mới dựa theo những đức tính trên, mà ban cho các Ngài danh hiệu.

Thê tính cùng khắp là Phổ, tùy duyên thành đức là Hiền, đó là nguồn gốc danh hiệu của Bồ Tát Phổ Hiền.

Vị đại Bồ Tát thứ hai là Phổ Đức Tối Thắng Đăng Quang Phổ Chiếu. Vì công đức của Ngài viên mãn cùng khắp, vượt qua đăng quang chiếu khắp mọi nơi. Cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ ba là Phổ Quang Sư Tử Tràng. Vì âm thanh của Ngài thuyết pháp, giống như tiếng hống của sư tử, còn quang minh thì chiếu khắp như lưới tràng, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tư là Phổ Bảo Diệm Diệu Quang. Vì hạnh môn của Ngài tu, vô cùng thanh tịnh, trí huệ của Ngài như bảo diệm diệu quang, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ năm là Phổ Âm Công Đức Hải Tràng. Vì âm thanh vi diệu của Ngài, khắp cùng pháp giới, vạn hạnh công đức của Ngài như biển cả, như tràng báu. Cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ sáu là Phổ Trí Quang Chiếu Như Lai Cảnh. Vì trí huệ quang minh của Ngài chiếu khắp cảnh giới Như Lai. Cảnh giới của Như Lai chẳng phải một số Bồ Tát biết được, thế mà vị đại Bồ Tát này thấu rõ cảnh giới của Như Lai.

Vị đại Bồ Tát thứ bảy là Phổ Bảo Kế Hoa Tràng. Vì kế hoa của Ngài cao như tràng báu, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tám là Phổ Giác Duyệt Ý Thanh. Vì âm thanh của Ngài vô cùng êm tai, khiến giác ngộ khắp cùng, sinh tâm khoái lạc, cho nên chúng sinh muốn thường thức diệu âm của Ngài. Do đó có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ chín là Phổ Thanh Tịnh Vô Tận Phước Quang. Vì phước đức của Ngài thanh tịnh khắp hết thảy, làm cho pháp giới thanh tịnh, phước đức của Ngài vô cùng vô tận, trong phước đức này sinh ra quang minh, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ mười là Phổ Quang Minh Tướng. Vì tướng hảo quang minh của Ngài cũng khắp cùng pháp giới, cho nên có tên này.

Mười vị Bồ Tát này là đại Bồ Tát trong các Bồ Tát. Đức Phật bắt đầu giảng Kinh Hoa Nghiêm, thì mười vị đại Bồ Tát này, xuất lãnh quyền thuộc của các Ngài, đến bờ đề đạo tràng, trợ giúp đức Phật để hoằng dương diệu pháp Hoa Nghiêm.

Đại Bồ Tát Hải Nguyệt Quang Đại Minh. Đại Bồ Tát Vân Âm Hải Quang Vô Cấu Tạng. Đại Bồ Tát Công Đức Bảo Kế Trí Sinh. Đại Bồ Tát Công Đức Tự Tại Vương Đại Quang. Đại Bồ Tát Thiện Dũng Mãnh Liên Hoa Kế. Đại Bồ Tát Phổ Trí Vân Nhật Tràng. Đại Bồ Tát Đại Tinh Tấn Kim Cang Tề. Đại Bồ Tát Hương Diệm Quang Tràng. Đại Bồ Tát Đại Minh Đức Thâm Mỹ Âm. Đại Bồ Tát Đại Phước Quang Trí Sinh.

Trong pháp hội của Phật thuyết pháp, có mười bộ chúng đến nghe pháp. Mười bộ chúng là :

1. Chúng ảnh hưởng.
2. Chúng thường theo.

3. Chúng hộ pháp.
4. Chúng nghiêm hộ.
5. Chúng cúng dường.
6. Chúng phát tâm.
7. Chúng đương cơ.
8. Chúng biểu pháp.
9. Chúng chứng pháp.
10. Chúng hiển pháp.

1. **Chúng ảnh hưởng** : Tức là các đại Bồ Tát trong mười phương, vốn đã nghe qua pháp của đức Phật nói, không những đã nghe qua một vị Phật nói, mà là mười phương chư Phật nói pháp, các Ngài đều đã nghe qua, cũng hiểu rõ, còn nhớ rõ nữa, căn bản không cần nghe nữa, nhưng các Ngài vẫn đến nghe pháp. Tại sao ? Vì làm chúng ảnh hưởng. Khi Phật nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này, thì những vị đại Bồ Tát này, có vị từ dưới đất vọt lên, có vị từ trên trời xuống, có vị từ mười phương hạt bụi cõi nước mà đến, có vị từ hư không mà đến, đến Bồ đề đạo tràng để nghe pháp. Tại sao ? Vì hướng dẫn đại chúng đến nghe diệu pháp, làm ảnh hưởng đại chúng tinh tấn nghiên cứu diệu pháp, cho nên gọi là chúng ảnh hưởng.

2. **Chúng thường theo** : Tức là một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử, thường theo Đức Phật nghe pháp. Phật đi đến đâu thuyết pháp, thì các vị đó đều theo Phật đến đó nghe pháp. Đức Phật ban đầu nói Kinh Hoa Nghiêm, tuy nhiên không có đệ tử kê bên, nhưng có mười phương chư Phật đến làm thường tùy chúng, luôn luôn không rời khỏi pháp hội Hoa Nghiêm.

3. **Chúng hộ pháp** : Tức là bảo hộ người thuyết pháp an toàn. Phật đã thành Phật, lại có thân thông diệu dụng, tại sao còn phải bảo hộ ? Phật tuy nhiên có thân thông, nhưng đệ tử phải tận hết trách nhiệm của mình, muốn làm chúng hộ pháp.

4. **Chúng nghiêm hộ** : Tức là đại chúng trang nghiêm pháp hội, dùng tràng phan bảo cái đến trang nghiêm đạo tràng. Đó là sự trang nghiêm hữu hình, dùng tín giải hạnh chứng để trang nghiêm pháp hội, đó là trang nghiêm vô hình.

5. **Chúng cúng dường** : Trong pháp hội không thể không có người cúng dường, cho nên phải có chúng cúng dường.

6. **Chúng phát tâm** : Phải có thiện nam tín nữ phát tâm đến hộ trì pháp hội, cho nên gọi là chúng phát tâm.

7. **Chúng đương cơ** : Tức là Phật vì những chúng sinh này mà thuyết pháp, khiến cho họ y pháp phụng hành, đó gọi là chúng đương cơ.

8. **Chúng biểu pháp** : Tức là chúng sinh đại biểu cho pháp này.

9. **Chúng chứng pháp** : Nghe pháp rồi chúng được sơ quả, nhị quả, tam quả, hoặc tứ quả A La Hán.

10. Chúng hiển pháp : Tức là chúng sinh làm cho Phật pháp hiển lộ ra. Do đó có mười bộ chúng đến thành tựu pháp hội.

Dưới đây là mười vị đại Bồ Tát đến Bồ Đề Đạo Tràng, làm chúng ảnh hưởng trong pháp hội Hoa Nghiêm, vì những vị Bồ Tát này có sức lực hiệu chiêu. Các Ngài đều đến thì những chúng sinh khác, tự nhiên cũng đều đến nghe Phật nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Mười vị Bồ Tát này là đại Bồ Tát trong các Bồ Tát.

Vị đại Bồ Tát thứ nhất là Hải Nguyệt Quang Đại Minh. Trí huệ quang minh của Ngài lớn như biển, lại sáng như mặt trăng, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ hai tên là Vương Âm Hải Quang Vô Cấu Tạng. Âm thanh của Ngài thuyết pháp như tiếng sấm sét lớn, ở trong hư không phát ra âm thanh âm âm, kẻ điếc nghe rồi thì hết điếc, người ngủ nghe rồi thì tỉnh dậy. Kẻ điếc là ai ? Tức là người không thích nghe Phật pháp. Kẻ ngủ là ai ? Tức là người không muốn xem Kinh Phật. Vị đại Bồ Tát này dùng tiếng sấm sét lớn để chấn tỉnh họ, không muốn nghe cũng nghe được, không muốn xem cũng xem được. Hải quang là hải ấn phát quang, đem sấm la vạn tượng đều ấn ở trong biển. Vô cấu tạng tức là thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ ba là Công Đức Bảo Kế Trí Sinh. Công đức của Ngài lớn vô cùng, như bảo kế (búi tóc báu) trên đỉnh của Phật, trong bảo kế này sinh ra vô lượng trí huệ quang, chảy ra vô lượng bảo tạng, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tư là Công Đức Tự Tại Vương Đại Quang. Công đức của Ngài rất lớn, cũng đắc được đại tự tại, đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ năm là Thiện Dững Mãnh Liên Hoa Kế. Ngài là dững mãnh hoá sinh, nhưng không nhiễm tướng của sự biến hóa, thuyết pháp huyền diệu giống như mưa, lại giống như châu giải liên hoa kế cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ sáu là Phổ Trí Vân Nhật Tràng : Mây từ bi (vân) và trí huệ mặt trời (nhật) của Ngài trợ giúp nương với nhau, hỗ tương chiếu soi. Trong vô lượng kiếp khắp cùng tương ứng, cao lớn như tràng, do đó được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ bảy là Đại Tinh Tấn Kim Cang Tề. Ngài có trí huệ kiên cố sắc bén, dững mãnh tinh tấn, không giải đãi, cho nên gọi là đại. Kim cương tức là trí huệ thọ mạng vô lượng, như kim cương không bao giờ hủy diệt, do đó được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tám là Hương Diệm Quang Tràng. Ngài trì giới rất tinh nghiêm, không bao giờ phạm giới, cho nên trên thân phóng ra hương diệm quang. Đạo đức trí quang của Ngài rất cao vô cùng giống như tràng, cho nên được tên này.

Vị Bồ Tát thứ chín là Đại Minh Đức Thâm Mỹ Âm. Trí huệ quang minh của Ngài chiếu khắp, là đại minh đức. Âm thanh của Ngài cao thâm ưu mỹ vô cùng êm tai, khiến cho người nghe phát bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ mười là Đại Phước Quang Trí Sinh. Trí huệ quang của Ngài chiếu khắp cảnh giới của Phật. Phước của Ngài cũng lớn, cho nên được tên này.

Có các đại Bồ Tát, số đông như hạt bụi mười Phật thế giới đều làm thượng thủ.

Ở trên đã giảng qua hai mươi vị Bồ Tát, các Ngài đều là thượng thủ trong chúng đại Bồ Tát. Thượng thủ tức là lãnh tụ, là người đại biểu trong chúng Bồ Tát. Tổng cộng hết thảy có các Bồ Tát, số đông nhiều như số hạt bụi mười Phật thế giới. Số hạt bụi trong mỗi Phật thế giới, cứ mỗi hạt bụi lại thành một thế giới, rồi mỗi hạt bụi trong thế giới này lại thành một thế giới. Vậy có bao nhiêu hạt bụi thì có bấy nhiêu thế giới. Bỏ lại số lượng này không thể tính ra được. Dù Bồ Tát dùng pháp nhãn (con mắt pháp) cũng không biết được số mục chính xác là bao nhiêu ? Chỉ dùng Phật nhãn quán sát, mới biết thế giới có nhiều như thế ? Đức Phật không nói dối, có bao nhiêu thì nói bấy nhiêu, phải tin lời nói của Phật là thiên chân vạn quyết, không thể sinh tâm hoài nghi. Đức Phật có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, mười lực, mười tám pháp bất cộng, cho nên đức Phật quán sát vũ trụ rõ như chỉ trong bàn tay.

Trong quá khứ, các vị Bồ Tát này, với Tỳ Lô Giá Na Như Lai, cùng tu tập căn lành, tu hành hạnh Bồ Tát. Đều từ biển căn lành của Như Lai sinh ra.

Tỳ Lô Giá Na dịch là "biển nhất thiết xứ"(khắp tất cả mọi nơi). Là pháp thân của Phật Thích Ca Mâu Ni (tương tâm chân thật sở hiện, chân thường bất biến). Bồ Tát số đông như hạt bụi trong mười phương thế giới, trong vô lượng kiếp về trước, đều cùng với Phật Tỳ Lô Giá Na tu tập căn lành, trong cùng một pháp hội, mỗi người tu lục độ vạn hạnh của mỗi người. Siêng tu công đức lành, dứt hẳn mọi điều tội ác, đó gọi là đồng tu căn lành. Hạnh Bồ Tát tức là lợi ích chúng sinh, tức cũng là lợi người lợi mình, giác mình giác người, độ mình độ người. Những căn lành này đều từ trong Tỳ Lô Giá Na Phật, giống như từ biển cả sinh ra. Vì căn lành của những Bồ Tát này giống như sông ngòi, còn căn lành của Phật giống như biển cả. Tuy nhiên mỗi vị Bồ Tát tự tu tập căn lành, nhưng đều phải chảy vào trong biển của Như Lai, đó gọi là từ trong biển căn lành của Như Lai sinh ra.

Các hạnh Ba la mật đều đã viên mãn.

Những vị Bồ Tát này đều tu đầy đủ các pháp môn Ba La Mật, đã hoàn toàn đạt đến cảnh giới viên mãn không thiếu khuyết. Ba La Mật dịch là "đến bờ kia". Bờ kia tức là không sinh không diệt, cảnh giới Niết Bàn. Pháp môn Ba La Mật tức là lục độ.

1. **Bồ thí Ba La Mật** : Tức là thí xả. Môn này gồm có ba loại, muốn nói tỉ mỉ thì có tám vạn bốn ngàn loại, mỗi một thứ loại có tám vạn bốn ngàn pháp môn, phân tích ra thì nhiều vô cùng, bây giờ chỉ nói ba loại.

a. **Bồ thí tài** : Bồ thí tài không dễ gì làm được. Tục ngữ có câu "xả tài như lóc thịt", hơn nữa làm sao bỏ được thành quách vợ con, đầu mắt tùy nã. Có đủ tinh thần như vậy, mới chân thật hành Bồ Tát đạo.

b. **Bồ thí pháp** : Đem Phật pháp bồ thí cho tất cả chúng sinh, kết pháp duyên với chúng sinh. Do đó : "Thí tài như lóc thịt, thí pháp như mất mạng". Bồ thí pháp thì cứu được huệ mạng của người, nhưng bồ thí ra thì mình hao khí lực, khí lực tức là mạng sống. Giảng Kinh phải dùng khí lực, thuyết pháp phải dùng khí lực, đem ý nghĩa mỗi câu mỗi chữ tống vào trong đầu não của người nghe pháp, giống như đem mạng sống bồ thí không khác.

c. **Bồ thí không sợ hãi** : Tức là khi chúng sinh gặp tai nạn rủi ro, hồn phi phách tán thì phải an ủi họ, khuyên họ "đừng sợ, chư Phật Bồ Tát sẽ bảo hộ bạn, bạn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì nhất định sẽ được cứu", đó là trị bằng tâm lý. Thực ra chẳng phải chư Phật Bồ Tát, từ vô lượng vô biên cõi nước, bay đến đây để gia hộ cho bạn, mà là bạn không sợ sệt, Phật tánh của bạn bình an, đó là thừa môn chư Phật Bồ Tát bảo hộ. Hoặc là có người sợ sệt thì bạn làm bằng mọi cách cho họ hết sợ, đó là vô úy thí.

2. **Trì giới Ba La Mật** : Giới là quy luật, cũng là con đường tu hành, cho nên tu hành phải nghiêm trì giới luật. Người trì giới luật thì sẽ có lợi ích, mỗi người giữ năm giới, thì gia đình hạnh phúc, xã hội yên ổn, thế giới hoà bình. Giới có năm giới lớn căn bản, tức là : Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, (kể cả không hút thuốc, không hút xì ke ma túy), lại có tám giới (Bát Quan Trai), giới Bồ Tát có mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, Sa Di có mười giới, Tỳ Kheo có hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo Ni có ba trăm bốn mươi tám giới.

3. **Nhẫn nhục Ba La Mật** : Tức là nhẫn chịu sự khi nhục, nhẫn những gì người không thể nhẫn. Nhẫn có ba thứ.

A. Sinh nhẫn : Tức là phải nhẫn chịu đối với tất cả chúng sinh. Có người mắng bạn, phi báng bạn, thậm chí đánh bạn, đều phải nhẫn chịu. Tu hành tức là tu nhẫn nhục, nhẫn được thì không nóng giận. Không nóng giận thì không có vô minh. Không có vô minh thì trí tuệ hiện tiền.

B. Pháp nhẫn : Tức là phải nhẫn chịu đối với tất cả các pháp. Phải nhẫn nóng lạnh, đói khát, tiếp thọ mọi sự khảo nghiệm.

C. Vô sinh pháp nhẫn : Sinh nhẫn được thì người không, pháp nhẫn được thì pháp không. Hơn nữa, nhẫn được thì chẳng có chút pháp sinh, cũng chẳng có chút pháp diệt, tức là trung đạo. Người không, pháp không thì đắc được trung đạo liễu nghĩa, tức là vô sinh pháp nhẫn.

4. **Tinh tấn Ba La Mật** : Tức là không lười biếng, không giải đãi, không phóng dật. Tinh tấn có hai :

a. Thân tinh tấn : Tức là ngày đêm sáu thời tinh tấn hành đạo.

b. Tâm tinh tấn : Niệm niệm cầu vô thượng đạo, niệm niệm tu vô thượng đạo, niệm niệm ngộ vô thượng đạo, niệm niệm chứng vô thượng đạo.

5. **Thiền định Ba La Mật** : Ở trong thiền định đắc được công phu, thì tùy thời tùy lúc, ở trong định đắc được thiền định tam muội, mới có thể đến được bờ kia.

6. **Bát nhã Ba La Mật** : **Bát Nhã dịch là trí huệ. Bát Nhã có ba thứ** :

a. Văn tự Bát Nhã : Tức là văn tự Tam Tạng mười hai bộ, văn tự giống như thuyền qua sông, qua sông rồi, đừng chấp thuyền.

b. Quán chiếu Bát Nhã : Tức là tự tu huệ. Có trí huệ quán sát giác chiếu rồi, thì sẽ đoạn trừ được kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.

c. Thật tướng Bát Nhã : Thật tướng là tướng chân thật, tức cũng là vô tướng, tướng không hư vọng. Thường quán như thế, thì sẽ không bị vô minh che đậy, mà hiển lộ ra đại quang minh tạng.

Mắt huệ thấu triệt, thấy hết thấy ba đời. Nói các môn Tam muội đều đầy đủ thanh tịnh. Biện tài như biển, rộng lớn vô tận.

Người có con mắt trí huệ (huệ nhãn), thì thấu triệt được thật tướng của các pháp. Vì người đầy đủ năm nhãn, thì quán sát thời gian ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều là giả danh mà thôi, cho nên quán sát ba đời đều bình đẳng, tức cũng biết rõ hôm qua và hôm nay là giống nhau, hôm nay và ngày mai cũng chẳng có gì khác biệt. Quán sát bình đẳng có ích lợi gì ? Là dạy bạn đừng có tâm phân biệt, không có tâm phân biệt thì quán sát được ba đời đều bình đẳng.

Bất cứ tu môn tam muội gì, đều phải đầy đủ viên mãn thanh tịnh. Tu thiền định thì đắc được thiền định tam muội, tu nhẫn nhục thì đắc được nhẫn nhục tam muội, tu niệm Phật thì đắc được niệm Phật tam muội, tu quán tưởng thì đắc được quán tưởng tam muội. Tóm lại, tu pháp môn gì thì đắc được tam muội pháp môn đó.

Biện tài tức là khéo biện luận. Những vị đại Bồ Tát này, biện luận với bất cứ người biện luận nào, cũng đều là người thắng lợi, biện tài giống như biển cả, rộng lớn không có ngăn mé, cho nên nói vô tận biện tài.

Có bốn vô ngại biện.

- a. **Pháp vô ngại biện** : Nói rõ được các pháp, ở trong giáo pháp không có gì mà chẳng hiểu biết, nhưng không chấp trước.
- b. **Nghĩa vô ngại biện** : Biết được nghĩa lý sai biệt của giáo pháp, mà thông đạt vô ngại.
- c. **Từ vô ngại biện** : Từ vô ngại biện : Nói được ngôn ngữ của các nước, thông đạt tự tại. Ở trong một lời gồm có nhiều thứ nghĩa lý.
- d. **Lạc thuyết vô ngại biện** : Có pháp, nghĩa ,từ ba trí huệ vô ngại biện, vì chúng sinh ưa thích, mà khéo léo thuyết pháp.

Đầy đủ công đức của Phật, tôn nghiêm đáng kính. Biết rõ căn tánh của chúng sinh, theo đó mà giáo hóa điều phục. Nhập vào pháp giới tạng, trí vô sai biệt. Chúng được giải thoát của Phật, sâu rộng quảng đại.

Những vị đại Bồ Tát này, đều đầy đủ công đức của Phật, cho nên tất cả chúng sinh đều cung kính các Ngài. Không những phải cung kính mười phương chư Phật và Bồ Tát, mà các bậc A La Hán đại Thánh nhân, cũng phải cung kính.

Chúng sinh cung kính các Ngài, các Ngài cũng biết căn tánh của họ lợi hay là độn. Nếu lợi căn thì nói pháp thật tướng, nếu độn căn thì nói pháp phương tiện hoặc pháp ví dụ, khiến cho họ thấu rõ khai ngộ. Vì những vị Bồ Tát này biết căn tánh của họ, cho nên biết được nên dùng pháp gì để hóa độ họ, điều phục họ, khiến cho họ có tâm kính sợ.

Trí huệ của các vị Bồ Tát này, với pháp giới hợp mà làm một, đắc được trí vô sai biệt, mới chúng được giải thoát. Sự giải thoát này lia tất cả chấp trước, chẳng có chấp người, cũng chẳng có chấp pháp, do đó "người không, pháp không".

Xưa kia có vị Sa Di nhỏ tuổi, giảng pháp giảng đến chỗ : chẳng còn pháp để giảng thì lén trốn bỏ đi. Người cầu pháp đợi rất lâu, mà chẳng nghe nói gì nữa, bèn ngẩng đầu lên nhìn, thì chẳng thấy người thuyết pháp nữa. Lúc đó bèn đốn ngộ đạo lý "người không pháp không".

Những vị đại Bồ Tát này, đều chúng được giải thoát của Phật. Buông xả đặng, thì đắc được tự tại, tự tại tức là giải thoát. Cảnh giới này sâu như biển cả, rộng như pháp giới. Các Ngài trong quá khứ, đã từng làm thầy của Phật Thích Ca Mâu Ni, bây giờ lại làm đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni. Cho nên nói cảnh giới này, sâu rộng quảng đại, chẳng giống như phạm phu chúng ta, có tâm chấp trước, các Ngài chẳng có tâm chấp trước.

Tùy phương tiện nhập vào một bậc, mà dùng sở tri của tất cả biển nguyện, thường cùng với trí huệ, suốt thuở vị lai thấu rõ được cảnh giới, rộng lớn bí mật hiếm có của chư Phật, khéo biết tất cả các pháp bình đẳng của chư Phật.

Những vị Bồ Tát này tùy thuận pháp phương tiện, mà nhập vào tất cả các bậc. Pháp phương tiện chẳng dễ gì thực hành, xem ra là phương tiện, nhưng thực hành thì chẳng phương tiện. Địa vị Bồ Tát thực hành thì phương tiện, nhưng địa vị phàm phu thực hành, thì chẳng tự tại chút nào. Bồ Tát tu hành thì phải phát hạnh nguyện, nguyện phải lớn, hạnh phải chân thật. Nếu phát nguyện không lớn thì có lúc sẽ sinh tâm thối chuyển. Cho nên tín, nguyện, hạnh như đỉnh ba chân, thiếu một thì không được.

1. **Tín tâm** : Trước hết phải sinh tâm tin. Cho nên :

"Tín là nguồn gốc mẹ công đức,
Dưỡng lớn tất cả các căn lành".

Tin pháp do chính đức Phật nói ra, tin Kinh điển là pháp của Phật nói.

2. **Nguyện lực** : Sinh tâm tin rồi, thì phải phát nguyện rộng lớn, rộng như biển cả, như thế thì mới sinh ra được sức lực, để giáo hóa chúng sinh.

3. **Hành** : Phát nguyện mà không thực hành, thì như hoa nở trong hư không, chẳng kết được quả thật, chẳng có ích gì. Dùng nguyện lực để chỉ trì, và trợ giúp thì thường cùng với trí huệ. Có trí huệ thì thường sinh chánh tri chánh kiến, không có trí huệ thì sinh tà tri tà kiến. Chánh tri chánh kiến, thì đi trên con đường của Phật, tà tri tà kiến thì đi vào địa ngục. Nếu muốn không đọa địa ngục, thì phải có chánh tri chánh kiến.

Bồ Tát suốt kiếp thuở vị lai, mới biết rõ cảnh giới, rộng lớn vô biên không thể nghĩ bàn, hy kỳ ít có của chư Phật. Các Ngài đều biết sự thực hành của chư Phật, là pháp bình đẳng, những gì chư Phật nói, là pháp bình đẳng, pháp chứng đắc của chư Phật, cũng là pháp bình đẳng. Do đó : "Phật Phật đạo đồng", thể tính bình đẳng, pháp thân không hai. Trí huệ bình đẳng, tức không tăng không giảm, trong ngoài bình đẳng, bi nguyện ứng khắp.

Đã đạt được bậc phổ quang minh của Như Lai. Nhập vào biển Tam muội vô lượng môn. Điều tùy loại mà hiện thân khắp tất cả chỗ. Đồng với thế gian mà thật hành pháp thế gian.

Những vị Bồ Tát này, đã đạt đến bậc phổ quang minh của Phật. Bậc phổ quang minh tức là bậc trí huệ. Vì các Ngài cung hành thực tiễn pháp của Phật dạy, cho nên mới đắc được trí huệ chân thật của Phật. Định lực của các Ngài như biển cả, cho nên các Ngài nhập vào biển Tam muội vô lượng môn.

Những vị Bồ Tát này trong tất cả thời, tất cả chỗ đều tùy thuận chúng sinh, mà hoá hiện thân tướng của họ. Tất cả những việc làm của pháp thế gian, các Ngài dùng công việc giống nhau, mà hiện ra ở trước họ. Chúng sinh làm gì ? Thì các Ngài làm như vậy, dùng bốn Pháp Nhiếp đã thành một phiên với chúng sinh. Khiến cho chúng sinh sinh ra cảm tình, rồi mới thuyết pháp cho họ, giáo hóa họ, khiến cho họ lìa khổ được vui. Nay giải thích đơn giản Bốn Pháp Nhiếp.

1. **Bố thí** : Ban cho chúng sinh những gì cần thiết, sau đó tiếp dẫn cảm hóa họ.
2. **Ái ngữ** : Dùng lời hay tốt khuyên họ, để hóa độ họ đạt được mục đích.
3. **Lợi hành** : Thân miệng ý khéo làm lợi ích cho chúng sinh
4. **Đồng sự** : Tức là làm cùng việc, cùng nghề với chúng sinh để cảm hóa họ.

Tổng trì rộng lớn, tích tập tất cả biện pháp, biện tài khéo léo, chuyên bán xe pháp bất thối. Công đức của tất cả Như Lai, rộng lớn như biển cả, đều nhập vào thân các Ngài. Tất cả cõi nước của chư Phật, các Ngài đều phát nguyện đi đến.

Những vị Bồ Tát này đều "tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa", rộng lớn vô cùng. Các Ngài đem tám vạn bốn ngàn pháp môn đều tích tập vào thân. Biện tài vô ngại của các Ngài, và phương tiện khéo léo vô tận, các Ngài chuyên bán xe pháp, vĩnh viễn không thôi chuyển, tu đạo chỉ tiến về trước mà không thôi lùi về sau.

Tất cả biện công đức của tất cả Như Lai, đều nhập vào trong một thân của Bồ Tát. Tất cả cõi nước của mười phương chư Phật, đều tùy theo nguyện lực của Bồ Tát mà vãng sinh.

Các Ngài đã từng cúng dường tất cả các đức Phật, trải qua không biết bao nhiêu số kiếp, luôn luôn hoan hỉ không biết nhàm mỏi. Chỗ của tất cả Như Lai chúng được bồ đề, các Ngài thường ở trong đó thân căn không rời, luôn đem biển hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền đã chứng được, khiến cho tất cả chúng sinh đều đầy đủ trí thân, mà thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Những vị Bồ Tát này trong đại kiếp, nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết (không thể nói không thể nói) về trước, đã từng cúng dường hết thấy tất cả chư Phật, khen ngợi Phật, luôn luôn hoan hỉ mà không biết nhàm mỏi.

Tất cả chỗ chư Phật khai ngộ, chúng được quả vị Phật, các vị Bồ Tát này đều đến Bồ Đề Đạo Tràng, thân cận gần gũi thường làm chúng ảnh hưởng, chúng thường đi theo, chúng hộ pháp, chúng nghiêm hội, chúng cúng dường, chúng phát tâm, chúng đương cơ, chúng biểu pháp, thường ở trong đạo tràng ủng hộ pháp hội. Những vị Bồ Tát này, thường dùng biển đại hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, khiến cho tất cả chúng sinh, chúng đắc được thân trí huệ.

Những vị Bồ Tát này, thành tựu được vô lượng vô biên công đức như vậy.

Những gì đã giảng ở trên là "đồng sinh chúng" (chúng sinh giống nhau), hai mươi vị đại Bồ Tát này xuất lãnh vô lượng quyền thuộc, đồng đến Bồ Đề

Đạo Tràng ở trong pháp hội. Pháp hội Hoa Nghiêm chia làm mười bộ chúng bây giờ đã giảng xong.

Bây giờ bắt đầu giảng "dị sinh chúng" (chúng sinh khác nhau). Dị sinh chúng phân làm ba bộ phận lớn.

1. Tập loại chư Thần chúng.
2. Bát bộ Tứ Vương chúng.
3. Dục giới, sắc giới chư thiên chúng.

Ở trong các Thần chúng tập loại, có mười chín chúng, trong bát bộ Tứ Vương chúng có tám chúng, trong dục giới, sắc giới chư Thiên chúng có mười hai chúng. Tổng cộng có ba mươi chín chúng. Ở trong mỗi chúng lại có mười vị làm thượng thủ, tổng cộng có ba trăm chín mươi vị dị sinh chúng. Các Ngài cũng xuất lãnh vô lượng quyền thuộc đến Bồ Đề Đạo Tràng làm thiện thần hộ pháp.

Lại có các vị Thần Chấp Kim Cang, số đông như hạt bụi Phật thế giới.

Lại có Thần Chấp Kim Cang, số đông như hạt bụi Phật thế giới. Thần Chấp Kim Cang tức là hộ pháp thiện thần, tay cầm chày kim cang. Các Ngài chuyên hàng phục thiên ma ngoại đạo, làm cho chúng không nhiễu loạn thân tâm của người tu hành. Khiến cho người tu hành, thân tâm thanh tịnh, một lòng một dạ tham thiền đả tọa.

Người tại gia cư sĩ đều là người hộ pháp, hộ trì Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, thân cận thừa sự Tam Bảo, cư sĩ đều có trách nhiệm hộ pháp, phải ủng hộ Tam Bảo, trang nghiêm Tam Bảo, không thể phá hoại Tam Bảo, phỉ báng Tam Bảo. Tam Bảo là gì ? Tức là :

Phật bảo,
Pháp bảo,
Tăng bảo.

Phải cung kính, phải lễ bái, kiên thành cảm ứng đạo giao, mới đắc được lợi ích của Tam Bảo.

Những vị Thần Chấp Kim Cang là : Thần Chấp Kim Cang Diệu Sắc Na La Diên. Thần Chấp Kim Cang Nhật Luân Tốc Tật Tràng. Thần Chấp Kim Cang Tu Di Hoa Quang. Thần Chấp Kim Cang Thanh Tịnh Vân Âm. Thần Chấp Kim Cang Chư Căn Mỹ Diệu. Thần Chấp Kim Cang Khả Ái Lạc Quang Minh. Thần Chấp Kim Cang Đại Thụ Lô Âm. Thần Chấp Kim Cang Sư Tử Vương Quang Minh. Thần Chấp Kim Cang Mật Diệm Thắng Mục. Thần Chấp Kim Cang Liên Hoa Quang Ma Ni Kế.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ nhất tên là Diệu Sắc Na La Diên. Vị này thấy tướng tốt trang nghiêm của Như Lai vĩnh viễn không hoại, do đó vị này cũng chứng được pháp bất hoại này. Cho nên gọi là Na la diên, dịch là "kiên cố".

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ hai là Nhật Luân Tốc Tật Tràng. Vị này thấy quang minh của Như Lai, như ánh sáng mặt trời, hiện đủ loại tia sáng, cấp tốc tiêu diệt phiền não chướng ngại. Vị này chứng được pháp tràng trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ ba là Tu Di Hoa Quang. Vị này thấy thân của Như Lai phóng quang chiếu khắp tất cả, giống như núi Tu Di, hiển hiện như biển cả. Thần thông của vị này như hoa sen phóng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ tư là Thanh Tịnh Vân Âm. Âm thanh của vị này, thanh tịnh phi thường, vang dội trong mây, giống như sấm sét, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ năm là Chư Căn Mỹ Diệu. Vị này hiện làm chủ thế gian, dùng các căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý mỹ diệu, khiến cho tất cả chúng sinh đều khai ngộ, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ sáu là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vị này dùng trí huệ quang minh để diễn nói Phật pháp, khiến cho người nghe, sinh tâm vui thích tin nhận, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ bảy là Đại Thụ Lô Âm. Vị này dùng bảy báu nghiêm sức diệu tướng. Dùng hoa báu để trang nghiêm cây, phương tiện cảnh cáo chúng sinh, không thể sinh tâm thoái chuyển, âm thanh của vị này như sấm, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ tám là Sư Tử Vương Quang Minh. Phước báu của vị này sâu dày phi thường, tướng mạo của vị này, cũng tốt đẹp phi thường, như sư tử vương, không sợ sệt bất cứ chỗ nào, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ chín là Mật Diệm Thắng Mục. Mắt từ bi của vị này, có tia sáng lửa ngọn cát tường, mật hiện ở trước chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Thần Cháp Kim Cang thứ mười là Liên Hoa Quang Ma Ni Kế. Vị này có quang minh hoa sen, và có diệu kế ma ni báu, cho nên được tên này.

Có số đông Thần Cháp Kim Cang, nhiều như hạt bụi Phật thế giới như vậy làm thượng thủ.

Những vị Thần Cháp Kim Cang này, đều là thượng thủ trong chúng Thần Kim Cang. Nếu nói tỉ mỉ tên các vị Thần Kim Cang thì nhiều như số hạt bụi Phật thế giới, nói không hết được.

Kinh Hoa Nghiêm bất cứ nói pháp môn gì, cũng đều nói mười. Vì sao ? Vì mười là biểu thị mười lần mười thành trăm, mười lần trăm thành ngàn, mười lần ngàn thành vạn. Mười là số đại biểu trăm ngàn vạn ức. Nếu nói số trăm ngàn vạn ức thì quá nhiều, cho nên chỉ dùng mười.

Kinh Hoa Nghiêm được cất giữ ở dưới Long Cung, cộng hết thấy có ba quyển : Thượng, trung và hạ. Bây giờ chúng ta đang giảng, là quyển hạ của Kinh Hoa Nghiêm. Số Thần Kim Cang nói ở trong quyển thượng dùng số ức làm đơn vị. Số Thần Kim Cang nói ở trong quyển trung, dùng số vạn làm đơn vị. Số Thần Kim Cang nói ở trong quyển hạ này, dùng số mười làm đơn vị. Mười này là biểu thị vô lượng. Vì chúng ta phàm phu không nhớ hết số vị Thần nhiều như thế, cho nên dùng mười để tượng trưng.

Các vị Thần này, ở trong vô lượng kiếp quá khứ, thường phát nguyện lớn. Nguyện thường gần gũi cúng dường chư Phật. Theo hạnh nguyện mà thực hành, thấy đều đã viên mãn, đến được bờ bên kia.

Những vị Thần Cháp Kim Cang này, rất lâu xa trong quá khứ, vô lượng kiếp về trước, thường phát nguyện lực rất lớn. Nguyện lực gì ? Tức là phát nguyện luôn luôn cùng với chư Phật, gần gũi chư Phật, cúng dường chư Phật. Chư Phật đi đến đâu, các Ngài đều theo đến đó. Vì các Ngài phát đủ thứ nguyện lớn, thường theo học Phật. Những lời nguyện này, và hạnh môn đã viên mãn, cho nên đến được bờ bên kia.

Các Ngài tích tập vô biên phước nghiệp thanh tịnh. Cảnh giới thực hành ở trong các Tam muội đều đã thông đạt. Đắc được thần thông lực, theo ở với Như Lai, nhập vào cảnh giới giải thoát không nghĩ bàn. Oai đức và quang minh của các Ngài, đặc biệt thông đạt trong chúng hội. Tùy loại chúng sinh mà hiện thân để giáo hóa điều phục. Tất cả các hóa Phật ở chỗ nào, thì các Ngài đều hóa theo ở chỗ đó. Tất cả chỗ Như Lai ở, các Ngài thường xuyên hộ vệ.

Những vị Thần Cháp Kim Cang này, đều tích tập vô biên phước nghiệp thanh tịnh. Ở trong tất cả thiên định, đắc được Tam muội gì, thì có thứ

cảnh giới đó. Các Ngài đều thấu rõ thông đạt vô ngại. Những vị Thần Cháp Kim Cang này, đều đắc được đủ loại thần thông lực, thường theo ở với Phật, hộ trì Tam Bảo, còn đắc được cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn.

Những vị Thần Cháp Kim Cang này, ở trong đại chúng hội, đều có oai quang đặc biệt, đều thông đạt, chẳng giống quang minh của một số Hộ Pháp thiện thần khác. Các Ngài tùy theo loại chúng sinh, mà hiện thân để giáo hóa điều phục, khiến cho tất cả chúng sinh, thấy các Ngài thì liền phát Bồ đề tâm, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này, đều theo nguyện lực của các Ngài, đã phát trong quá khứ, để hóa hiện vào trong cõi nước, mà chư Phật hóa hiện, phàm là chỗ các Như Lai ở, các Ngài luôn luôn bảo hộ chư Phật, không để cho thiên ma nhiễu loạn. Ở trên là chúng thứ nhất Thần Chấp Kim Cang.

Lại có Thần Thân Chúng số đông như hạt bụi Phật thế giới. Tên của các Ngài là : Thần Thân Chúng Hoa Kế Trang Nghiêm. Thần Thân Chúng Quang Chiếu Thập Phương. Thần Thân Chúng Hải Âm Điều Phục. Thần Thân Chúng Tịnh Hoa Nghiêm Kế. Thần Thân Chúng Vô Lượng Oai Nghi. Thần Thân Chúng Vô Lượng Quang Nghiêm. Thần Thân Chúng Tịnh Quang Hương Vân. Thần Thân Chúng Thủ Hộ Nhiếp Trì. Thần Thân Chúng Phổ Hiện Nhiếp Thủ. Thần Thân Chúng Bất Động Quang Minh.

Vị Thần Thân Chúng thứ nhất là, Hoa Kế Trang Nghiêm. Vì vị này dùng hoa kế để trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ hai là, Quang Minh Thập Phương. Vì quang minh của vị này chiếu khắp mười phương thế giới, cho nên được tên này

Vị Thần Thân Chúng thứ ba là, Hải Âm Điều Phục. Vì âm thanh của vị này, như tiếng hải triều, khiến cho tất cả chúng sinh, nghe được âm thanh này, thì cải ác hướng thiện, phát bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ tư là, Tịnh Hoa Nghiêm Kế. Vì vị này dùng hoa sen thanh tịnh, để trang nghiêm bảo kế, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ năm là, Vô Lượng Oai Nghi. Vì vị này thường hiện vô lượng vô biên oai nghi, đi đứng nằm ngồi đều hợp pháp, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ sáu là, Tối Thượng Hoa Nghiêm. Vì vị này thường phát ra quang minh tối thượng, để trang nghiêm đạo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ bảy tên là, Tịnh Quang Hương Vân. Vì vị này không những có quang minh thanh tịnh, mà còn có mây thanh hương. Cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ tám là, Thủ Hộ Nhiếp Trì. Vì vị này thường thủ hộ đạo tràng, nhiếp trì chúng sinh, khiến cho chúng sinh cải ác hướng thiện, sửa lỗi làm mới, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ chín là, Phổ Hiện Nhiếp Thủ. Vì vị này có thể hiện khắp trước chúng sinh, để nhiếp thủ họ, khiến cho họ phát bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ mười là, Bất động Quang Minh. Vì vị này có định lực tâm bất động, lại có quang minh, cho nên được tên này.

Có số đông Thần Thân Chúng, nhiều như hạt bụi Phật thế giới như vậy làm thượng thủ. Trong quá khứ, các vị Thần này, đều thành tựu nguyện lớn, cúng dường thừa sự tất cả chư Phật.

Mười vị Thần Thân Chúng này, làm lãnh tụ ở trong các Thần Thân Chúng, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Thần Thân Chúng, nhiều như số hạt bụi Phật thế giới.

Những vị Thần Thân Chúng này, trong quá khứ đều phát nguyện lớn. Phát nguyện lớn gì ? Các vị Thần này phát nguyện cúng dường tất cả chư Phật, cung kính thừa sự tất cả chư Phật. Trên đây là chúng thứ hai Thần Thân Chúng.

Lại có Thần Túc Hành số đông như hạt bụi Phật thế giới. Đó là : Thần Túc Hành Bảo Ấn Thủ. Thần Túc Hành Liên Hoa Quang. Thần Túc Hành Thanh Tịnh Hoa Kế. Thần Túc Hành Nhiếp Chư Thiện Kiến. Thần Túc Hành Diệu Bảo Tinh Tràng. Thần Túc Hành Lạc Thổ Diệu Âm. Thần Túc Hành Chiên Đàn Thụ Quang. Thần Túc Hành Liên Hoa Quang Minh. Thần Túc Hành Vi Diệu Quang Minh. Thần Túc Hành Tích Tập Diệu Hoa.

Lại có Thần Túc Hành số đông như hạt bụi Phật thế giới. Thần Túc Hành tức là thần thủ hộ đường xá, vì các vị thần này ngưỡng mộ đức của Như Lai, cho nên theo dấu chân Như Lai.

Vị Thần Túc Hành thứ nhất là Bảo Ấn Thủ. Vì trong tay của vị này cầm giữ bảo ấn để hộ trì chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ hai là Liên Hoa Quang. Vì liên hoa phóng quang, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ ba là Thanh Tịnh Hoa Kế. Vì vị này có hoa kế thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ tư là Nhiếp Chư Thiện Kiến. Vì khi chúng sinh thấy vị này, liền phát tâm Bồ đề, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ năm là Diệu Bảo Tinh Tràng. Vì diệu bảo của vị này phóng quang giống như tinh tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ sáu là Lạc Thổ Diệu Âm. Vì âm thanh ca xướng của vị này, vi diệu phi thường, rất êm tai, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ bảy là Chiên Đàn Thụ Quang. Vì quang minh của vị này, phóng ra giống như hương cây chiên đàn, khiến cho tất cả chúng sinh ngửi

được mùi hương này, thì khai mở trí huệ quang, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ tám là Liên Hoa Quang Minh. Vì quang minh của vị này phóng ra thanh tịnh như hoa sen, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ chín là Vi Diệu Quang Minh. Vì vị này phóng quang

minh, vì diệu không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Vị Thần Túc Hành thứ mười là Tích Tập Diệu Hoa. Vì vị này tích tập tất cả diệu bảo hoa, cho nên được tên này.

Có các vị Thần Túc Hành, nhiều như số hạt bụi Phật thế giới làm thượng thủ. Các vị Thần Túc Hành này, ở trong vô lượng kiếp quá khứ, đều gần gũi Như Lai, theo đuổi tu hành không muốn lìa xa.

Mười vị Thần Túc Hành này, làm lãnh tụ trong các Thần Túc Hành mà làm thượng thủ, quyến thuộc Thần Túc Hành của các vị này, nhiều như số hạt bụi Phật thế giới.

Những vị Thần Túc Hành này, trong vô lượng kiếp quá khứ, đều gần gũi Như Lai, cúng dường Như Lai, theo đuổi tu hành, không muốn rời bỏ. Trên đây là chúng thứ ba Thần Túc Hành.

Lại có Thần Đạo Tràng số đông như hạt bụi Phật thế giới. Đó là : Thần Đạo Tràng Tịnh Trang Nghiêm Tràng. Thần Đạo Tràng Tu Di Bảo Quang. Thần Đạo Tràng Lô Âm Tràng Tướng. Thần Đạo Tràng Vũ Hoa Diệu Nhãn. Thần Đạo Tràng Hoa Anh Quang Kế. Thần Đạo Tràng Vũ Bảo Trang Nghiêm. Thần Đạo Tràng Dũng Mãnh Hương Nhãn. Thần Đạo Tràng Kim Cang Thể Vân. Thần Đạo Tràng Liên Hoa Quang Minh. Thần Đạo Tràng Diệu Quang Chiếu Diệu.

Lại có Thần Đạo Tràng nhiều như số hạt bụi Phật thế giới. Thần Đạo Tràng tức là thần giữ gìn đạo tràng. Phạm là chỗ nào có người tu hành, thì gọi là đạo tràng. Những vị thần này, đều là thiện thần hộ pháp, khiến cho người tu hành được thanh tịnh, không bị thiên ma ngoại đạo làm nhiễu loạn.

Vị Thần Đạo Tràng thứ nhất là Tịnh Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này thường hộ trì đạo tràng, khiến cho đạo tràng thanh tịnh, trang nghiêm như tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ hai là Tu Di Bảo Quang. Vì vị này thường hộ trì, thường phóng bảo quang, quang minh như núi Tu Di, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ ba là Lô Âm Tràng Tướng. Vì vị này có âm thanh giống như sấm, lại có tướng bảo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ tư là Vũ Hoa Diệu Nhãn. Vì vị này luôn luôn mưa hoa báu, mà được diệu nhãn thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ năm là Hoa Anh Quang Kế. Vì hoa anh kế của vị này phóng quang minh, chiếu khắp chúng sinh trong đạo tràng, khiến cho tâm của họ thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ sáu là Vũ Bảo Trang Nghiêm. Vì vị này mưa bảy báu để trang nghiêm đạo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ bảy là Dũng Mãnh Hương Nhãn. Vì sức dũng mãnh của vị này hàng phục được ma quân, lại có hương con mắt quan sát được hành vi của ma quân, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ tám là Kim Cang Thế Vân. Vì kim cương quang minh của vị này chiếu soi đạo tràng, hình thành vạn đạo mây hào quang rực rỡ, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ chín là Liên Hoa Quang Minh. Vì vị này thường hiện ra hoa sen, lại có quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thần Đạo Tràng thứ mười là Diệu Quang Chiếu Diệu. Vì quang minh vi diệu của vị này phóng ra chiếu sáng hư không, cho nên được tên này.

Có số đông các vị Thần Đạo Tràng, nhiều như hạt bụi Phật thế giới làm thượng thủ. Trong quá khứ các Ngài đã gặp vô lượng chư Phật, thành tựu nguyện lực, thường cúng dường chư Phật.

Mười vị Thần Đạo Tràng này, làm lãnh tụ trong các Thần Đạo Tràng mà làm thượng thủ. Ngoài ra Thần Đạo Tràng còn có vô lượng vô biên, nhiều như số hạt bụi Phật thế giới.

Những vị Thần Đạo Tràng này, trong kiếp quá khứ, đã gặp vô lượng chư Phật. Các vị này đã thành tựu nguyện lực, luôn luôn cúng dường mười phương chư Phật. Những vị thần này chẳng phải là thần bình thường, mà là đại Bồ Tát thị hiện, cho nên sức thần thông của các Ngài không thể nghĩ bàn, nguyện lực của các Ngài cũng không thể nghĩ bàn. Hộ pháp lực của các Ngài càng không thể nghĩ bàn. Ở trên là chúng thứ tư Thần Đạo Tràng.

Lại có Thần Chủ Thành số đông như hạt bụi Phật thế giới. Đó là : Thần Chủ Thành Bảo Phong Quang Diệu. Thần Chủ Thành Diệu Nghiêm Cung Điện. Thần Chủ Thành Thanh Tịnh Hỷ Bảo. Thần Chủ Thành Ly Ưu Thanh Tịnh. Thần Chủ Thành Hoa Đăng Diệm Nhãn. Thần Chủ Thành Diệm Tràng Minh Hiện. Thần Chủ Thành Thịnh Phước Quang Minh. Thần Chủ Thành Thanh Tịnh Quang Minh. Thần Chủ Thành Hương Kế Trang Nghiêm. Thần Chủ Thành Diệu Bảo Quang Minh.

Lại có Thần Chủ Thành nhiều như số hạt bụi Phật thế giới. Thần Chủ Thành tức là thần hộ trì người thành thị, làm cho người trong thành được bình an, chẳng có tai hại, đó là trách nhiệm của Thần Chủ Thành.

Vị Thần Chủ Thành thứ nhất là Bảo Phong Quang Diệu. Vì vị này có thần thông bảo phong, luôn luôn phóng quang, chiếu sáng hư không, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ hai là Diệu Nghiêm Cung Điện. Vì vị này làm cho tất cả cung điện, đặc biệt trang nghiêm tốt đẹp, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ ba là Thanh Tịnh Hỷ Bảo. Vì quang minh của vị này phóng ra rất thanh tịnh, trong quang minh lại hiện ra màu bảy báu, khiến cho người thấy sinh tâm hoan hỷ, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ tư là Ly Ưu Thanh Tịnh, vì vị này thường bảo hộ thành ấp, khiến cho chúng sinh hết ưu sầu, trong tâm thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ năm là Hoa Đăng Diệm Nhãn. Vì hai chân của vị này đứng trên hoa sen, hai tay của vị này nâng hai cái đèn nhỏ, trong hai con mắt của vị này, phóng ra quang minh lửa ngọn, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ sáu là Diệm Tràng Minh Hiện. Vì trên đỉnh đầu của vị này phóng ra quang minh lửa ngọn, quang minh giống như tràng báu, làm cho thiên ma ngoại đạo sinh tâm sợ sệt, lập tức bỏ chạy, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ bảy là Thịnh Phước Quang Minh. Vì huệ phước của vị này luôn luôn phóng quang minh, bất cứ ai thấy vị này thì tăng phước tăng thọ tăng trí huệ, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ tám là Thanh Tịnh Quang Minh. Vị này thường phóng quang minh thanh tịnh, chẳng có nhiễm ô. Do đó :

"Quang thanh tịnh không dơ,
Mặt trời huệ phá tối,
Hàng phục nạn gió lửa,
Chiếu sáng khắp thế gian".

Nghĩa là : quang minh thanh tịnh chẳng có dơ bẩn, giống như tia sáng của mặt trời, phá trừ tất cả đen tối. Quang minh mát mẻ này, hàng phục được tất cả tai nạn, chiếu sáng thế gian, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ chín là Hương Kế Trang Nghiêm. Vì bảo kế của vị này tỏa ra hương thơm, tất cả chúng sinh ngửi được hương thơm này, thì tiêu tai sống lâu, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Thành thứ mười là Diệu Bảo Quang Minh. Vì vị này có bảo châu rất đẹp, thường phóng quang minh. Dùng quang minh này, để quản lý chúng sinh trong thành, khiến cho họ tín ngưỡng Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, trang nghiêm Tam Bảo, cho nên được tên này.

Có số đông các vị Thần Chủ Thành, như hạt bụi Phật thế giới làm thượng thủ. Các vị Thần Chủ Thành này, trải qua kiếp số vô lượng không thể nghĩ bàn, luôn trang nghiêm thanh tịnh cung điện của Như Lai ở.

Mười vị Thần Chủ Thành này làm đại biểu cho các Thần Chủ Thành. Ngoài ra còn có vô lượng Thần Chủ Thành, nhiều như số hạt bụi Phật thế giới.

Những vị Thần Chủ Thành này trải qua số kiếp, nhiều vô lượng không thể nghĩ bàn, trang nghiêm thanh tịnh cung điện của Như Lai ở. Các Ngài Không những bảo hộ cung điện, mà còn quản lý cung điện, ở trên là chúng thứ năm Thần Chủ Thành.

Lại có Thần Chủ Đất số đông như hạt bụi Phật thế giới. Đó là : Thần Chủ Đất Phổ Đức Tịnh Hoa. Thần Chủ Đất Kiên Phước Trang Nghiêm. Thần Chủ Đất Diệu Hoa Nghiêm Thụ. Thần Chủ Đất Phổ Tấn Chúng Bảo. Thần Chủ Đất Tịnh Mục Quán Thời. Thần Chủ Đất Diệu Sắc Thắng Nhãn. Thần Chủ Đất Hương Mao Phát Quang. Thần Chủ Đất Duyệt Ý Âm Thanh. Thần Chủ Đất Diệu Hoa Toàn Kế. Thần Chủ Đất Kim Cang Nghiêm Thể.

Lại có Thần Chủ Đất nhiều như số hạt bụi Phật thế giới. Thần Chủ Đất tức là thần quản lý đất đai. Thần Chủ Đất có vô lượng vô biên, bây giờ cử ra mười vị Thần Chủ Đất làm đại biểu.

Vị Thần Chủ Đất thứ nhất là Phổ Đức Tịnh Hoa. Vì đức hạnh quang minh của vị này, chiếu khắp chúng sinh trong đạo tràng, kết duyên với chúng sinh, hoa quang của vị này thanh tịnh, chiếu soi chúng sinh, khiến cho họ phát tâm đại Bồ đề. Tâm đại Bồ đề tức là :

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ hai là Kiên Phước Trang Nghiêm. Vì phước của vị này vừa kiên cố vừa trang nghiêm, ai thấy được vị này, thì người đó phước báo cũng sẽ kiên cố trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ ba là Diệu Hoa Nghiêm Thụ. Vì vị này trang nghiêm diệu hoa cây Bồ đề, khiến cho cây Bồ đề phóng đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ tư là Phổ Tấn Chúng Bảo. Vì vị này rải bảy báu khắp nơi, khiến cho chúng sinh phát Bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ năm là Tịnh Mục Quán Thời. Vì vị này có mắt thanh tịnh như hoa sen, thời quán thấy làm cho tất cả tai nạn chuyển biến thành cát tường, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ sáu là Diệu Sắc Thắng Nhãn. Vì vị này dùng hoa cỏ cây cối trang nghiêm đất đai, có diệu sắc thù thắng, khiến cho chúng sinh hoan hỉ thường thức cảnh đẹp tự nhiên, mà sinh ra mắt thanh tịnh không nhiễm, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ bảy là Hương Mao Phát Quang. Vì vị này quảng lý đất đai, để sinh trưởng hương mao đặc biệt của hoa. Hoa này không những thơm khắp nơi, mà còn có quang minh, phát ra và phân tán khắp trong bò đê đạo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ tám là Duyệt Ý Âm Thanh. Vì vị này thường phát ra một thứ âm thanh êm tai, giống như tiếng hót của chim Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lãng tần già, khiến cho tất cả chúng sinh nghe rồi, đều sinh tâm hoan hỉ, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ chín là Diệu Hoa Toàn Kế. Vì vị này có hoa sen đẹp trên đầu quay liệng, giống như bảo kế, cho nên được tên này.

Vị Thần Chủ Đất thứ mười là Kim Cang Nghiêm Thể. Vì vị này dùng kim cang để trang nghiêm thân thể, bất cứ thiên ma ngoại đạo nào, cũng không thể phá hoại được thân thể của vị này, cho nên được tên này.

Có các vị Thần Chủ Đất, số đông như hạt bụi Phật thế giới làm thượng thủ. Trong quá khứ, các vị Thần Chủ Đất này, đều phát đại nguyện rộng lớn sâu dày. Nguyện thường gìn giữ chư Phật Như Lai, cùng tu phước nghiệp.

Mười vị Thần Chủ Đất này là lãnh tụ trong Thần Chủ Đất, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Thần Chủ Đất, số đông nhiều như hạt bụi Phật thế giới.

Những vị Thần Chủ Đất này, trong quá khứ đều phát nguyện lớn sâu nặng, luôn luôn gìn giữ chư Phật, Bồ Tát và A La Hán. Tóm lại, gìn giữ các vị Thánh nhân chúng quả, đều cùng tu phước tu huệ. Tu phước thì trang nghiêm tướng tốt, tu huệ thì trí huệ như biển. Tại sao chúng ta ngu si ? Tại sao bần cùng ? Vì không biết tu phước tu huệ, trên đây là chúng thứ sáu Thần Chủ Đất.

Lại có vô lượng Chủ Thần Núi. Đó là : Chủ Thần Núi Bảo Phong Khai Hoa. Chủ Thần Núi Hoa Lâm Diệu Kế. Chủ Thần Núi Cao Tràng Phổ Chiếu. Chủ Thần Núi Ly Trần Tịnh Kế. Chủ Thần Núi Quang Chiếu Thập Phương. Chủ Thần Núi Đại Lực Quang Minh. Chủ Thần Núi Oai Quang Phổ Thắng. Chủ Thần Núi Vi Mật Quang Luân. Chủ Thần Núi Phổ Nhân Hiện Kiến. Chủ Thần Núi Kim Cang Mật Nhân.

Vị Chủ Thần Núi thứ nhất là Bảo Phong Khai Hoa. Vì vị này tu Bảy Bồ Đề Phần, bảy báu trang nghiêm diệu cao phong, thường khai nở hoa sen lớn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ hai là Hoa Lâm Diệu Kế. Vì công đức của vị này viên mãn, hoa sen nở rộ tươi tốt như rừng cây, diệu kế của vị này phóng quang minh mà trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ ba là Cao Tràng Phổ Chiếu. Vì tràng báu của vị này rất cao, chiếu khắp thế giới, cứu độ vô lượng chúng sinh, lia khổ được vui, chấm dứt sinh tử, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ tư là Ly Trần Tịnh Kế. Vì vị này từ bỏ được bụi trần phiền não, mà thanh tịnh bảo kế, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ năm là Quang Chiếu Thập Phương. Vì quang minh của vị này chiếu khắp mười phương thế giới, chúng sinh nào được quang minh này chiếu đến, thì đều phát tâm bồ đề, tương lai có cơ hội thành Phật, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ sáu là Đại Lực Quang Minh. Vì sức lực của vị này rất lớn, lại phóng quang minh mãnh liệt, chiếu khắp thế giới, khiến cho quỷ lị mị, vọng lượng, không dám xuất hiện, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ bảy là Oai Quang Phổ Thắng. Vì vị này có quang minh oai mãnh, chiếu khắp mà thù thắng, quang minh của các vị thần khác không thể sánh bằng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ tám là Vi Mật Quang Luân. Vì quang luân của vị này vi diệu kế mật, phát ra được quang minh thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ chín là Phổ Nhãn Hiện Kiến. Vì vị này dùng huệ nhãn quán sát, xuất hiện ra đời, khiến cho chúng sinh thấy được vị này, liền phát tâm bồ đề, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ mười là Kim Cang Mật Nhãn. Vì vị này có mật mắt kim cang bất hoại, quán sát được mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Núi như vậy làm thượng thủ. Các vị Chủ Thần Núi này, ở trong các pháp đắc được mắt thanh tịnh.

Mười vị Chủ Thần Núi này là thượng thủ trong chúng Chủ Thần Núi, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Núi, chẳng có cách chi tính đếm được. Những vị Chủ Thần Núi này, ở trong các pháp, đắc được mắt chọn pháp (trạch pháp nhãn) thanh tịnh, mắt trí huệ thanh tịnh, nhận rõ được các pháp. Ở trên là chúng thứ bảy Chủ Thần Núi.

Lại có Chủ Thần Rừng số đông không thể nghĩ bàn. Đó là : Chủ Thần Rừng Bồ Hoa Như Vân. Chủ Thần Rừng Trạch Cán Thư Quang. Chủ Thần Rừng Sinh Nha Phát Diệu. Chủ Thần Rừng Cát Tường Tịnh Diệp. Chủ Thần Rừng Thùy Bồ Diệm Tạng. Chủ Thần Rừng Thanh Tịnh Quang Minh. Chủ Thần Rừng Khả Ý Lô Âm. Chủ Thần Rừng Quang Hương Phổ Biến. Chủ Thần Rừng Diệu Quang Hội Diệu. Chủ Thần Rừng Hoa Quả Quang Vị.

Vị Chủ Thần Rừng thứ nhất tên là Bồ Hoa Như Vân. Vì vị này giăng hoa nhiều như mây, khiến cho hoa sen từ không trung rơi xuống tấp nập, đầy khắp mặt đất, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ hai tên là Trạc Cán Thư Quang. Vì vị này đề bạt thân cây mà thư triển quang minh, chiếu soi tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ ba tên là Sinh Nha Phát Diệu. Vì bồ đề của vị này sinh mầm, phát quang chiếu soi từng lâm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ tư tên là Cát Tường Tịnh Diệp. Vì vị này có tướng cát tường, Ngài ở từng lâm nào thì từng lâm đó cát tường, chẳng có quỷ đến tác quái, cho nên cành và lá của cây cối đều thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ năm tên là Thùy Bồ Diệm Tạng. Vì tất cả cây cối do vị này quang lý giống như lông dù, che ánh sáng lửa ngọn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ sáu tên là Thanh Tịnh Quang Minh. Vì những từng lâm vị này quang lý, đều thanh tịnh không có bụi bặm dơ bẩn, mà luôn luôn phóng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ bảy tên là Khả Ý Lôi Âm. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh thấy rừng cây đều sinh tâm hoan hỉ, vị này còn có oai đức lôi âm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ tám là Quang Hương Phổ Biến. Vì quang minh và hương thơm của vị này, chiếu khắp mọi nơi, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ chín là Diệu Quang Hồi Diệu. Vì diệu quang minh của vị này chiếu sáng thế giới, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ mười là Hoa Quả Quang Vị. Vì tất cả hoa và quả của vị này quang lý, đều có ánh sáng đẹp lạ và hương vị ngọt, cho nên được tên này.

Có số đông Chủ Thần Rừng không thể nghĩ bàn như vậy làm thượng thủ. Các vị Chủ Thần Rừng này, đều có vô lượng quang minh đáng ưa thích.

Mười vị Chủ Thần Rừng này, là lãnh tụ trong các Chủ Thần Rừng, còn có số đông Chủ Thần Rừng không thể nghĩ bàn.

Những vị Chủ Thần Rừng này, đều có vô lượng vô biên quang minh đáng ưa thích. Vì những vị đại Bồ Tát này phát nguyện, đến làm Chủ Thần Rừng hành Bồ Tát đạo. Ở trên là chúng thứ tám Chủ Thần Rừng.

Lại có vô lượng Chủ Thần Dược. Đó là : Chủ Thần Dược Cát Tường. Chủ Thần Dược Chiên Đàn Lâm. Chủ Thần Dược Thanh Tịnh Quang Minh. Chủ Thần Dược Danh Xưng Phổ Văn. Chủ Thần Dược Mao

Khổng Quang Minh. Chủ Thần Dược Phổ Trị Thanh Tĩnh. Chủ Thần Dược Đại Phát Hồng Thanh. Chủ Thần Dược Tế Nhật Quang Tràng. Chủ Thần Dược Minh Kiến Thập Phương. Chủ Thần Dược Ích Khí Minh Mục.

Vị Chủ Thần Dược thứ nhất tên là Cát Tường. Vì vị này chủ quản lý cam thảo, vị thuốc này giải được trăm thứ bệnh. Bất cứ trúng độc gì, uống cam thảo thì sẽ khỏi, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ hai là Chiên Đàn Lâm. Vì vị này trị bệnh tim đặc biệt hiệu nghiệm. Thứ gỗ chiên đàn này, lại có thể chế thành hương, nóng thì khiến cho tim gan của người mát mẻ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ ba là Thanh Tĩnh Quang Minh. Vì vị này thanh tịnh lại quang minh, khiến cho chúng sinh không sinh bệnh nhiệt não, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ tư tên là Danh Xung Phổ Văn. Vì vị này chủ quản nhân sâm. Vị thuốc này là thuốc bổ dưỡng, có bệnh thì trị bệnh, không có bệnh thì thân thể khoẻ mạnh, do đó vang danh khắp nơi, mọi người đều biết, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ năm tên là Mao Khổng Quang Minh. Vì mỗi lỗ chân lông của vị này đều phóng một luồng hào quang, chiếu đến người bệnh thì được khoẻ mạnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ sáu tên là Phổ Trị Thanh Tĩnh. Vì vị này trị được trăm bệnh, giải nhiệt tan độc, làm cho bệnh nhân thân tâm thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ bảy tên là Đại Phát Hồng Thanh. Vì tiếng hồng của vị này, trị được tất cả bệnh nan y và tạp chứng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ tám tên là Tế Nhật Quang Tràng. Vì Ngài che được ánh sáng mặt trời, giống như tràng báu cao lớn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ chín tên là Minh Kiến Thập Phương. Vì vị này có con mắt thấu thị, thấy rõ được căn bệnh của tất cả bệnh nhân như thế nào ? và uống thuốc vào thì hết bệnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ mười tên là Ích Khí Minh Mục. Vì vị này biết nhân sâm bổ khí, hoa cúc bổ mắt, khiến cho bệnh nhân dùng hai thứ thuốc này, thì hiệu dụng không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Chủ Thần Dược như vậy làm thượng thủ. Các vị thần này, tánh đều là cầu bản nhiễm ô, nhân từ lợi ích muôn vật.

Mười vị Chủ Thần Dược này, là thượng thủ trong chúng Chủ Thần Dược, ngoài ra còn có vô lượng số Chủ Thần Dược như vậy.

Những vị Chủ Thần Dược này đã tu đến mức không còn ô nhiễm, đều có tâm nhân từ, giúp đỡ chúng sinh, lợi ích chúng sinh, cho nên đều là đại Bồ Tát hóa thân. Ở trên là chúng thứ chín Chủ Thần Dược.

Lại có vô lượng Chủ Thần Ngũ Cốc. Đó là : Chủ Thần Ngũ Cốc Nhu Nhuận Thắng Vị. Chủ Thần Ngũ Cốc Thời Hoa Tịnh Quang. Chủ Thần Ngũ Cốc Sắc Lực Dũng Kiện. Chủ Thần Ngũ Cốc Tăng Trưởng Tinh Khí. Chủ Thần Ngũ Cốc Phổ Sinh Căn Quả. Chủ Thần Ngũ Cốc Diệu Nghiêm Hoàn Kế. Chủ Thần Ngũ Cốc Nhuận Trạch Tịnh Hoa. Chủ Thần Ngũ Cốc Thành Tựu Diệu Hương. Chủ Thần Ngũ Cốc Kiến Giả Ái Lạc. Chủ Thần Ngũ Cốc Ly Cấu Tịnh Quang.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Ngũ Cốc. Chủ Thần Ngũ Cốc tức là thân quản lý ngũ cốc. Ngũ cốc tức là các thứ rau trái, do con người trồng trọt. Mỗi loại cây đều có một vị thân quản lý.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ nhất tên là Nhu Nhuận Thắng Vị. Vì tất cả cây cối do vị này cai quản, đều là chất mềm mại, có vị đạo thù thắng và hương thơm đặc biệt cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ hai tên là Thời Hoa Tịnh Quang. Vì ngũ cốc tạp loại do vị này cai quản, đúng thời thì hoa nở, còn phóng quang minh thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ ba tên là Sắc Lực Dũng Kiện. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, làm cho người ăn rồi thì thân thể kiện khang, và còn có sức dũng mãnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ tư là Tăng Trưởng Tinh Khí. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, ăn rồi thì sẽ tăng thêm tinh thần và thể lực, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ năm tên là Phổ Sinh Căn Quả. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, ăn rồi thì khiến cho căn lành sinh trưởng, được sinh vào nhà Phật, đắc được quả vị Phật, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ sáu tên là Diệu Nghiêm Hoàn Kế. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, ăn rồi thì sinh bảo kế hình tròn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ bảy tên là Nhuận Trạch Tịnh Hoa. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, ăn rồi thì làm cho da thấm nhuần, thanh tịnh như hoa sen, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ tám là Thành Tựu Diệu Hương. Vì ngũ cốc do vị này cai quản đều có hương thơm vi diệu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ chín là Kiến Giả Ái Lạc. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, làm cho người thấy rồi thì vui vẻ và khoái lạc, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ mười tên là Ly Cầu Tịnh Quang. Vì ngũ cốc do vị này cai quản, ăn rồi thì thân tâm thanh tịnh, xa lìa trần cấu, chẳng có vọng tưởng nhiễm ô, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Chủ Thần Ngũ Cốc như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này đều đắc được đại hỉ thành tựu.

Mười vị Chủ Thần Ngũ Cốc này, làm thượng thủ trong các Chủ Thần Ngũ Cốc. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Ngũ Cốc.

Những vị Chủ Thần Ngũ Cốc này, đều đắc được đại hỉ thành tựu. Mỗi năm đến mùa thu thì thu hoạch được dồi dào, người trồng trọt đều hoan hỉ vui mừng, đều đắc được đại hoan hỉ thành tựu. Trên đây là chúng thứ mười Chủ Thần Ngũ Cốc.

Lại có vô lượng Chủ Thần Sông. Đó là : Chủ Thần Sông Phổ Phát Tấn Lưu. Chủ Thần Sông Phổ Khiết Tuyền Giản. Chủ Thần Sông Ly Trần Tịnh Nhãn. Chủ Thần Sông Thập Phương Biến Hống. Chủ Thần Sông Cứu Hộ Chúng Sinh. Chủ Thần Sông Vô Nhiệt Tịnh Quang. Chủ Thần Sông Phổ Sinh Hoan Hỉ. Chủ Thần Sông Quảng Đức Thắng Tràng. Chủ Thần Sông Quang Chiếu Phổ Thế. Chủ Thần Sông Hải Đức Quang Minh.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Sông. Chủ Thần Sông tức là thần quản lý sông hồ. Bất cứ sông ngòi, ao hồ, biển cả, đều có thần đến quản lý cá rùa tôm cua, khiến cho chúng không dám tác quái, không được hại người.

Vị Chủ Thần Sông thứ nhất tên là Phổ Phát Tấn Lưu. Vì vị này làm cho nước chảy mau, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ hai tên là Phổ Khiết Tuyền Giản. Vì vị này làm cho nước suối và sông, đều trong sạch thanh khiết, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ ba tên là Ly Trần Tịnh Nhãn. Vì vị này khử trừ cấu bẩn tất cả nước sông, khiến cho trong sạch phi thường, như con mắt, chẳng có chút hạt bụi nào, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ tư tên là Thập Phương Biến Hống. Vì vị này làm cho âm thanh của nước sông, giống như âm thanh của thú dữ, chấn động mười phương, khắp mọi nơi, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ năm tên là Cứu Hộ Chúng Sinh. Vì trong quá khứ vị này đã phát nguyện, nếu có chúng sinh rơi vào trong sông, thì vị này nhất định đi cứu họ trước, không để cho sinh mạng của họ nguy hiểm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ sáu tên là Vô Nhiệt Tịnh Quang. Vì vị này có quang minh thanh tịnh mát mẻ, chiếu soi chúng sinh khiến cho họ không có nhiệt não, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ bảy tên là Phổ Sinh Hoan Hi. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh, đều sinh tâm hoan hỉ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ tám tên là Quảng Đức Thắng Tràng, vì đức đức tính của vị này, rất thù thắng như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ chín tên là Quang Chiếu Phổ Thế. Vì quang minh của vị này chiếu khắp tất cả thế giới, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ mười tên là Hải Đức Quang Minh. Vì đức tính quang minh của vị này như biển, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Chủ Thần Sông như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, luôn phát tâm lợi ích chúng sinh.

Đây là mười vị Chủ Thần Sông, làm thượng thủ trong các Chủ Thần Sông, ngoài ra còn có vô lượng biên Chủ Thần Sông.

Những vị Chủ Thần Sông này, luôn luôn phát tâm làm lợi ích chúng sinh. Trên đây là chúng thứ mười một Chủ Thần Sông.

Lại có vô lượng Chủ Thần Biển. Đó là : Chủ Thần Biển Xuất Hiện Bảo Quang. Chủ Thần Biển Thành Kim Cang Tràng. Chủ Thần Biển Viên Ly Trần Cấu. Chủ Thần Biển Phổ Thủy Cung Điện. Chủ Thần Biển Cát Tường Bảo Nguyệt. Chủ Thần Biển Diệu Hoa Long Kế. Chủ Thần Biển Phổ Trì Quang Vị. Chủ Thần Biển Bảo Diệm Hoa Quang. Chủ Thần Biển Kim Cang Diệu Kế. Chủ Thần Biển Hải Triều Lô Âm.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Biển. Chủ Thần Biển tức là thần quản lý biển cả, bây giờ cử ra mười vị làm tượng trưng.

Vị Chủ Thần Biển thứ nhất tên là Xuất Hiện Bảo Quang. Vì vị này hiện ra rất nhiều quang minh báu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ hai tên là Thành Kim Cang Tràng, vì vị này thành tựu công đức, giống như kim cương tràng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ ba là Viên Ly Trần Cấu. Vì vị này xa lìa tất cả bụi trần dơ bẩn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ tư là Phổ Thủy Cung Điện. Vì vị này làm cho trong nước đều có cung điện, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ năm là Cát Tường Bảo Nguyệt. Vì vị này có sự cát tường giống như trăng tròn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ sáu tên là Diệu Hoa Long Kế. Vì vị này có bảo kế như diệu hoa long, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ bảy tên là Phổ Trì Quang Vị. Vì vị này có quang minh và hương vị giữ được lâu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ tám tên là Bảo Diệm Hoa Quang. Vì vị này có quang minh bảo diệm hoa, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ chín tên là Kim Cang Diệu Kế. Vì vị này có bảo kế kim cương kỳ diệu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ mười là Hải Triều Lô Âm. Vì vị này có diệu âm hải triều giống như sấm, cho nên được tên này.

Có vô số Chủ Thần Biển như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, đều dùng biển công đức của Như Lai, sung mãn thân mình.

Mười vị Chủ Thần Biển này, đều là thượng thủ trong Chủ Thần Biển, còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Biển. Ở trên là chúng thứ mười hai Chủ Thần Biển.

Những vị Chủ Thần Biển này, hoàn toàn dùng biển công đức của Như Lai để sung mãn trong thân của các Ngài.

Lại có vô lượng Chủ Thần Nước. Đó là : Chủ Thần Nước Phổ Hung Vân Tràng. Chủ Thần Nước Hải Triều Vân Âm. Chủ Thần Nước Diệu Sắc Luân Kế. Chủ Thần Nước Thiện Xảo Tuyên Phục. Chủ Thần Nước Ly Cấu Hương Tích. Chủ Thần Nước Phước Kiêu Quang Âm. Chủ Thần Nước Tri Túc Tự Tại. Chủ Thần Nước Tịnh Hỉ Thiện Âm. Chủ Thần Nước Phổ Hiện Oai Quang. Chủ Thần Nước Hồng Âm Biến Hải.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Nước. Chủ Thần Nước tức là thần quản lý nước. Nay cử ra mười vị làm đại biểu.

Vị Chủ Thần Nước thứ nhất tên là Phổ Hung Vân Tràng. Vì vị này nổi mây khắp nơi, để tạo tràng báu cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ hai tên là Hải Triều Vân Âm. Vì vị này có âm thanh giống như tiếng hải triều, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ ba tên là Diệu Sắc Luân Kế. Vì kế của vị này có diệu sắc luân quang, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ tư tên là Thiện Xảo Tuyên Phục. Vì vị này dùng thần lực khéo léo, làm cho nước chảy lại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ năm tên là Ly Cấu Hương Tích. Vì vị này lia khỏi tất cả pháp nhiễm ô, làm cho nước trong sạch, mà tích tụ hương vị, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ sáu tên là Phước Kiêu Quang Âm. Vì vị này bố thí làm phước cho chúng sinh, công đức đủ như kiêu lương. Vị này phóng quang minh, trong quang minh thuyết pháp, khiến cho chúng sinh được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ bảy tên là Tri Túc Tự Tại. Vì tất cả nước do vị này quản lý, đều rất trong sạch, ngọt ngào, chúng sinh uống rồi, thì tự nhiên đắc được tri túc tự tại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ tám tên là Tịnh Hỷ Thiện Âm. Vì tất cả nước do vị này quản lý, là nước cam lồ, uống rồi thì sinh tâm thanh tịnh hoan hỷ, âm thanh diệu hòa êm tai, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ chín là Phổ Hiện Oai Quang. Vì vị này có oai quang hiện khắp tất cả, khiến cho chúng sinh thấy được rồi, thì sinh tâm cung kính tín ngưỡng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ mười tên là Hống Âm Biến Hải. Vì nước do vị này quản lý, thường phát ra tiếng hống khắp biển cả, bất cứ chúng sinh nơi nào, nghe được thì đều sinh Bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Nước như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, luôn luôn cứu hộ và làm lợi ích cho chúng sinh.

Mười vị Chủ Thần Nước này, đều làm thượng thủ trong Chủ Thần Nước, và còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Nước. Những vị Chủ Thần Nước này, luôn luôn lấy sự cứu hộ chúng sinh, làm trách nhiệm của mình, làm cho tất cả chúng sinh, đều đắc được lợi ích, trên đây là chúng thứ mười ba Chủ Thần Nước.

Lại có vô số Chủ Thần Lửa. Đó là : Chủ Thần Lửa Phổ Quang Diệm Tạng. Chủ Thần Lửa Phổ Tập Quang Tràng. Chủ Thần Lửa Đại Quang Phổ Chiếu. Chủ Thần Lửa Chúng Diệu Cung Điện. Chủ Thần Lửa Vô Tận Quang Kế. Chủ Thần Lửa Chúng Chúng Diệm Nhãn. Chủ Thần Lửa Thập Phương Cung Điện. Chủ Thần Lửa Oai Quang Tự Tại. Chủ Thần Lửa Quang Minh Pháp Ám. Chủ Thần Lửa Lô Âm Điện Quang.

Lại có vô lượng Chủ Thần Lửa. Chủ Thần Lửa là thần quản lý lửa, trong vô lượng Chủ Thần Lửa chỉ đưa ra mười vị tượng trưng.

Vị Chủ Thần Lửa thứ nhất tên là Phổ Quang Diệm Tạng. Vì quang diệm của vị này biến khắp rộng lớn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ hai tên là Phổ Tập Quang Tràng. Vì vị này có hỏa quang phổ tập giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ ba tên là Đại Quang Phổ Chiếu. Vì quang minh của vị này chiếu khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ tư tên là Chúng Diệu Cung Điện. Vì vị này dùng các thứ báu vi diệu để trang nghiêm cung điện, khiến cho cung điện phóng quang, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ năm tên là Vô Tận Quang Kế. Vì vị này có bảo kế phóng ra vô lượng vô tận quang minh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ sáu tên là Chúng Chúng Diệm Nhãn. Vì vị này có đủ loại diệm nhãn, phát ra hào quang lửa ngọn vạn tượng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ bảy tên là Thập Phương Cung Điện. Vì vị này làm cho tất cả cung điện trong mười phương, nguy nga trang nghiêm như núi Tu Di, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ tám tên là Oai Quang Tụ Tại. Vì oai lực của vị này, vừa quang minh vừa tụ tại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ chín tên là Quang Minh Phá Âm. Vì quang minh của vị này, có oai lực phá trừ tất cả đen tối, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Lửa thứ mười tên là Lôi Âm Điện Quang. Vì âm thanh của vị này như sấm, quang minh của vị này như điện, cho nên được tên này.

Có các vị Chủ Thần Lửa, nhiều không thể nói hết được như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, đều thị hiện đủ loại quang minh, khiến cho phiền não của tất cả chúng sinh đều tiêu trừ.

Mười vị Chủ Thần Lửa này làm thượng thủ trong Chủ Thần Lửa, ngoài ra còn có rất nhiều Chủ Thần Lửa không thể tính đếm hết được.

Những vị Chủ Thần Lửa này đều thị hiện đủ loại quang minh, làm cho bệnh nhiệt não của chúng sinh đều đoạn trừ tiêu diệt.

Chúng ta cũng không biết tại sao lại sinh ra tà tri tà kiến ? Cũng không biết tại sao lại sinh ra tư tưởng không trong sạch ? Cũng không biết tại sao mình không tự làm chủ được ? Đó đều là do quá khứ, đã gieo trồng gốc rễ tội nghiệp quá nhiều, quá sâu, cho nên mới như thế. Vậy phải làm sao ? Phải diệt trừ gốc rễ vô minh, thì sẽ tiêu trừ nhiệt não. Tu hành tức là phải phá vô minh, có vô minh thì có sinh tử, không còn vô minh, thì chẳng còn sinh tử nữa. Ở trong mười hai nhân duyên nói rất rõ ràng. Ở trên là chúng thứ mười bốn Chủ Thần Lửa.

Lại có vô lượng Chủ Thần Gió. Đó là : Chủ Thần Gió Vô Ngại Quang Minh. Chủ Thần Gió Phổ Hiện Dũng Nghiệp. Chủ Thần Gió Phiêu Kích Vân Tràng. Chủ Thần Gió Tịnh Quang Trang Nghiêm. Chủ Thần Gió Lực Năng Kiệt Thủy. Chủ Thần Gió Đại Thanh Biến Hống. Chủ Thần Gió Thụ Diểu Thùy Kế. Chủ Thần Gió Sở Hành Vô Ngại. Chủ Thần Gió Chủng Chủng Cung Điện. Chủ Thần Gió Đại Quang Phổ Chiếu.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Gió. Chủ Thần Gió tức là thần quản lý gió. Gió có nhiều loại hình thái, như gió nhẹ, gió mạnh. Cuồng phong thổi rất là lợi hại.

Vị Chủ Thần Gió thứ nhất tên là Vô Ngại Quang Minh. Vì quang minh của vị này không có chướng ngại, chiếu khắp thế giới, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ hai tên là Phổ Hiện Dũng Nghiệp. Vì oai phong của vị này, dũng mãnh phi thường, phổ hiện khắp nơi, thổi tan ma quân, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ ba tên là Phiêu Kích Vân Tràng. Vì oai lực của vị này càng lợi hại, phiêu kích vân tràng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ tư tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm. Vì quang minh của vị này, vừa thanh tịnh vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ năm tên là Lực Năng Kiệt Thủy. Vì sức lực của vị này, có thể thổi khô cạn biển cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ sáu tên là Đại Thanh Biển Hống. Vì oai lực phong thanh của vị này, Kinh thiên động địa, như tiếng hống của loài thú, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ bảy là Thụ Điều Thùy Kế. Vì bảo kế của vị này, như cành cây rũ xuống, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ tám là Sở Hành Vô Ngại. Vì vị này thổi gió đến đâu, cũng chẳng có chướng ngại, cho nên được tên này. Vị Chủ Thần Gió thứ chín tên là Chung Chung Cung Điện. Vì vị này có rất nhiều loại cung điện chẳng giống nhau, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ mười là Đại Quang Phổ Chiếu. Vì đại quang minh của vị này chiếu soi khắp tất cả, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Gió như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, đều tinh tấn diệt trừ tâm ngã mạn.

Mười vị Chủ Thần Gió này, làm thượng thủ trong Chủ Thần Gió. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Gió.

Những vị Chủ Thần Gió này, đều tinh tấn tiêu trừ tâm ngã mạn. Ngã mạn là gì ? Tức là tự mình kiêu căng ngạo mạn, xem thiên hạ chẳng ra gì. Cho rằng mình giỏi hơn bất cứ ai. Tóm lại, ai cũng chẳng bằng mình.

Người học Phật ! Nên nhớ ! Đừng có tâm ngã mạn. Nếu có cái ngã tức là ngã mạn. Đừng dạy mọi người phải tôn kính mình, nếu dạy người phải tôn kính mình cũng là ngã mạn. Vậy thì dạy người khinh mình chẳng ? Cũng chẳng phải. Tức là không cần phải kính trọng hoặc khinh thường, tự mình tu cho mình, tự mình hành cho mình, đừng dạy người khác tôn kính, mà là tự mình tôn kính mình. Phải hỏi lương tâm mình còn tâm tham chẳng ? Còn tâm sân chẳng ? Còn tâm si chẳng ? Nếu ba thứ tâm này không đoạn trừ, thì căn bản là người ngu si.

Chúng ta là người tu đạo, phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, xem mình như thế nào ? Có sinh tâm cống cao ngã mạn chẳng ? Nếu có thì phải mau sửa đổi. Phải trở lại cầu chính mình, luôn luôn đề cao cảnh giác, phản tỉnh những gì làm trong ngày, thiện thì khỏi, ác thì phải sửa đổi. luôn luôn kiểm điểm như thế, thì không thể sinh tâm cống cao ngã mạn.

Lại có vô lượng Chủ Thần Không. Đó là : Chủ Thần Không Tịnh Quang Phổ Chiếu. Chủ Thần Không Phổ Du Thâm Quảng. Chủ Thần Không Sinh Cát Tường Phong. Chủ Thần Không Ly Chướng An Trụ. Chủ Thần Không Quảng Bộ Diệu Kế. Chủ Thần Không Vô Ngại Quang Diệu. Chủ Thần Không Vô Ngại Thắng Lực. Chủ Thần Không Ly Cấu Quang Minh. Chủ Thần Không Thâm Viễn Diệu Âm. Chủ Thần Không Quang Biến Thập Phương.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Không. Chủ Thần Không tức là thần quản lý không (khoảng không), tức là gì cũng chẳng có, nhưng gì cũng đều có. Nghĩa là gì ? Giống như chúng ta ở trong (khoảng) không, lại giống như phòng xá ở trong (khoảng) không, đó gọi là khoảng không mà chẳng không, tức là diệu hữu, hữu mà phi hữu (có mà chẳng có), lại là chân không. Cho nên nói một vật mà có được chẳng phải là bao bọc ở khoảng không chẳng ? Nếu nói về không, có khoảng không nào chẳng phải là hàm tàng ở trong hữu (có) chẳng.

Thân thể của chúng ta, giống như làm chật đầy một khoảng không. Thật ra, thân thể của chúng ta cũng là không, bất quá có hình tướng mà thôi. Vì có một chướng ngại vật bèn cảm thấy có. Thực ra, có tức là không, không tức là có. Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không, cho nên nói chân không chẳng không, diệu hữu phi hữu. Chân không chẳng không, cho nên gọi diệu hữu, diệu hữu phi hữu, cho nên gọi chân không.

Khoảng không chẳng có dụng gì, nhưng dụng gì cũng đều từ trong khoảng không sinh ra. Ví như chúng ta ngồi thiền thì quán không, bên trong thì quán tâm, tâm chẳng có tâm, bên ngoài thì quán hình, hình chẳng có hình, ở xa thì quán vật, vật chẳng có vật. Ba thứ đều không. Trong chẳng có thâm tâm, ngoài chẳng có thế giới. Lúc này, còn có cái gì ? Tức có cái không. Nhưng tuy nhiên nói là không, thế mà tất cả chúng sinh đều tồn tại ở trong không. Nói nó là không, nó lại là có, nói nó là có, nó lại là không.

Không chẳng có bờ mé, tất cả đều không. Chẳng có ai quản lý, cho nên tìm thần lại quản lý. Bạn có không của bạn, tôi có không của tôi, không của bạn không thể phá hoại không của tôi, không của tôi không thể phá hoại không của bạn, không và không đều viên dung vô ngại.

Vị Chủ Thần Không thứ nhất tên là Tịnh Quang Phổ Chiếu. Vì vị này có quang minh thanh tịnh, chiếu khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ hai tên là Phổ Du Thâm Quảng. Vì vị này du hành khắp hư không, quán tất cả pháp rất sâu rộng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ ba tên là Sinh Cát Tường Phong. Vì gió do vị này sinh ra đều cát tường, ai gặp phải gió cát tường thì sẽ cát tường, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ tư tên là Ly Chương An Trụ. Vì vị này lìa khỏi chương ngại, an trụ nơi bậc bất động, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ năm tên là Quảng Bộ Diệu Kế. Vì vị này đi bộ rất nhanh, lại có kế diệu quang, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ sáu tên là Vô Ngại Quang Diệm. Vì quang diệm (quang minh lửa ngọn) của vị này chiếu khắp, tư hào chẳng có chương ngại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ bảy tên là Vô Ngại Thắng Lực. Vì sức lực của vị này thắng hết tất cả mà không chương ngại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ tám tên là Ly Cấu Quang Minh. Vì vị này đã lìa khỏi trần cấu, cho nên hiện ra quang minh, do đó được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ chín tên là Thâm Viễn Diệu Âm. Vì âm thanh của vị này, không những rất hay, mà còn vang rộng sâu xa, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ mười tên là Quang Biến Thập Phương. Vì quang minh của vị này chiếu khắp mười phương, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Không như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, tâm đều xa lìa trần cấu, tâm lượng rộng lớn, quang minh trong sáng.

Mười vị Chủ Thần Không này làm thượng thủ trong chúng Chủ Thần Không.

Những vị Chủ Thần Không này tâm đều xa lìa trần cấu nhiễm ô, cho nên tâm lượng rộng lớn, phóng quang minh trong sáng. Ở trên là chúng thứ mười sáu Chủ Thần Không.

Lại có vô lượng Chủ Thần Phương Hướng. Đó là : Chủ Thần Phương Hướng Biến Trụ Nhất Thiết. Chủ Thần Phương Hướng Phổ Hiện Quang Minh. Chủ Thần Phương Hướng Quang Hành Trang Nghiêm. Chủ Thần Phương Hướng Chu Hành Bất Ngại. Chủ Thần Phương Hướng Vĩnh Đoạn Mê Hoặc. Chủ Thần Phương Hướng Phổ Du Tịnh Không. Chủ Thần Phương Hướng Đại Vân Tràng Âm. Chủ Thần Phương Hướng Kế Mục Vô Loạn. Chủ Thần Phương Hướng Phổ Quán Thế Nghiệp. Chủ Thần Phương Hướng Chu Biến Du Lãm.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Phương Hướng. Chủ Thần Phương Hướng tức là thân quảng lý về phương hướng. Phương có mười phương, trong mười phương lại có thể phân ra làm trăm ngàn vạn phương. Nhưng có năm phương chủ yếu tức là : Đông, tây, nam, bắc và giữa. Năm phương này thuộc về ngũ hành. Phương đông thuộc mộc, phương nam thuộc hỏa, phương tây thuộc kim, phương bắc thuộc thủy, chính giữa thuộc thổ. Một

năm bốn mùa thịnh vượng ở năm phương và ngũ hành. Mùa xuân thuộc mộc, thịnh vượng hướng đông, mùa hạ thuộc hỏa, thịnh vượng hướng nam, mùa thu thuộc kim, thịnh vượng hướng tây, mùa đông thuộc thủy, thịnh vượng hướng bắc, thổ thịnh vượng chính giữa, chính giữa là tứ thông bát đạt, cho nên thịnh vượng suốt bốn mùa.

Phương đông Giáp ất mộc, thuộc về màu xanh, thần quang lý phương đông gọi là Thanh đế. Phương nam Bính đinh hỏa thuộc màu đỏ, thần quang lý phương nam gọi là Xích đế. Phương tây Canh tân kim thuộc màu trắng, thần quang lý phương tây gọi là Bạch đế. Phương bắc Nhâm quý thủy, thuộc màu đen, thần quang lý phương bắc gọi là Hắc đế. Chính giữa Dậu kỷ thổ thuộc màu vàng, thần quang lý chính giữa gọi là Huỳnh đế. Những vị thần năm phương này mỗi vị đều có chức vụ riêng.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ nhất tên là Biến Trụ Nhất Thiết. Vì vị này trụ ở bất cứ mọi phương, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ hai tên là Phổ Hiện Quang Minh. Vì vị này hiện quang minh khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ ba tên là Quang Hạnh Trang Nghiêm. Vì vị này dùng quang minh để trang nghiêm, dùng hạnh để trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Phong Thần thứ tư tên là Chu Hành Bất Ngại. Vì vị này đến bất cứ nơi nào, cũng đều không chướng ngại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng Thứ năm tên là Vĩnh Đoạn Mê Hoặc. Vì vị này vĩnh viễn đoạn trừ mê hoặc của chính mình, và còn giúp cho chúng sinh, vĩnh viễn đoạn trừ mê hoặc, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ sáu tên là Phổ Du Tịnh Không. Vì vị này ở trong hư không, có thể đến bất cứ nơi nào, làm cho không khí thanh tịnh mà không ô nhiễm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ bảy tên là Đại Vân Tràng Âm. Vì vị này có âm thanh đại vân tràng, vang rộng khắp mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ tám tên là Kế Mục Vô Loạn. Vì bảo kế của vị này rất ngay ngắn, mắt của vị này rất sáng suốt, không tán loạn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ chín tên là Phổ Quán Thế Nghiệp. Vì vị này quán sát khắp hết tất cả nghiệp thế gian, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Phương Hướng thứ mười tên là Chu Biến Du Lãm. Vì vị này đi du lãm tất cả mọi nơi, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Phương Hướng như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, đều dùng phương tiện phóng đại quang minh, thường chiếu sáng khắp tất cả mười phương liên tục không dứt.

Mười vị Chủ Thần Phương Hướng này, làm thượng thủ trong chúng Chủ Thần Phương Hướng. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Phương Hướng.

Những vị Chủ Thần Phương Hướng này, đều dùng phương tiện, luôn luôn phóng quang minh, chiếu khắp tất cả mười phương, chẳng có đen tối, quang minh này liên tục không đoạn tuyệt. Ở trên là chúng thứ mười bảy Chủ Thần Phương Hướng.

Lại có vô lượng Chủ Thần Ban Đêm. Đó là : Chủ Thần Ban Đêm Phổ Đức Tịnh Quang. Chủ Thần Ban Đêm Hỷ Nhãn Quán Thế. Chủ Thần Ban Đêm Hộ Thế Tinh Khí. Chủ Thần Ban Đêm Tịch Tĩnh Hải Âm. Chủ Thần Ban Đêm Phổ Hiện Cát Tường. Chủ Thần Ban Đêm Phổ Phát Thụ Hoa. Chủ Thần Ban Đêm Bình Đẳng Hộ Dục. Chủ Thần Ban Đêm Du Hí Khoái Lạc. Chủ Thần Ban Đêm Chư Căn Thường Hỷ. Chủ Thần Ban Đêm Xuất Sinh Tịnh Phước.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Đêm. Chủ Thần Ban Đêm là thần quang lý ban đêm. Thần ban đêm là dương trong âm. Vì đêm là đen tối. Đen tối thuộc âm. Thần Ban Đêm ở trong đen tối, thường phóng quang minh. Quang minh thuộc về dương, cho nên nói Chủ Thần Ban Đêm là dương trong âm.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ nhất tên là Phổ Biến Tịnh Quang. Vì đức hạnh của vị này biến khắp, mà quang minh của vị này thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ hai tên là Hỷ Nhãn Quán Thế. Vì vị này dùng con mắt hoan hỷ, để quán sát tất cả nhân duyên thế gian, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ ba tên là Hộ Thế Tinh Khí. Vì vị này hộ trì tất cả tinh khí của tất cả chúng sinh thế gian, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ tư tên là Tịch Tĩnh Hải Âm. Vì vị này ở trong động tĩnh hộ trì chúng sinh, khiến cho họ đắc được định lực, không có vọng tưởng cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ năm tên là Phổ Hiện Cát Tường. Vì vị này hiện ra khắp cảnh giới cát tường như ý, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ sáu tên là Phổ Phát Thụ Hoa. Vì vị này quang lý tất cả cây cỏ, nở hoa khắp tất cả, phóng đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thần Ban Đêm thứ bảy tên là Bình Đẳng Hộ Dục. Vì vị này đối đãi với tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không phân biệt đó đây, bảo hộ chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ tám tên là Du hí Khoái Lạc. Vì vị này thích du hí, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được hoan hỉ và khoái lạc cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ chín tên là Chư Căn Thường Hỉ. Vì sáu căn của vị này thường hoan hỉ, khiến cho chúng sinh thấy được, đều sinh tâm hoan hỉ mà không ưu sầu cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Đêm thứ mười tên là Xuất Sinh Tịnh Phước. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được phước báu thanh tịnh, trợ giúp cho chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Ban Đêm như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, đều tinh tấn tu tập lấy pháp làm vui.

Mười vị Chủ Thần Ban Đêm này làm thượng thủ trong chúng Chủ Thần Ban Đêm. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Đêm.

Những vị Chủ Thần Ban Đêm này đều tinh tấn tu hành, không giải đãi, lấy sự tu tập Phật pháp làm khoái lạc, cũng khiến cho chúng sinh lấy Phật pháp làm vui. Ở trên là chúng thứ mười tám Chủ Thần Ban Đêm.

Lại có vô lượng Chủ Thần Ban Ngày. Đó là : Chủ Thần Ban Ngày Thị Hiện Cung Điện. Chủ Thần Ban Ngày Phát Khởi Huệ Hương. Chủ Thần Ban Ngày Lạc Thắng Trang Nghiêm. Chủ Thần Ban Ngày Hương Hoa Diệu Quang. Chủ Thần Ban Ngày Lạc Tác Hỉ Mục. Chủ Thần Ban Ngày Phổ Hiện Chư Phương. Chủ Thần Ban Ngày Đại Bi Quang Minh. Chủ Thần Ban Ngày Thiện Căn Quang Chiếu. Chủ Thần Ban Ngày Diệu Hoa Anh Lạc.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Ngày. Chủ Thần Ban Ngày là thần quảng lý ban ngày ở thế gian. Thần Ban Ngày là dương trong dương, vì ban ngày có ánh sáng, ánh sáng thuộc về dương, Thần Ban Ngày ở trong ánh sáng lại phóng ánh sáng, cho nên là dương trong dương.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ nhất tên là Thị Hiện Cung Điện. Vì vị này thị hiện cung điện nhiều loại hình dáng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ hai tên là Phát Khởi Huệ Hương. Vì vị này phát ra hương trí tuệ, khiến cho chúng sinh ngủi được bèn sinh trí tuệ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ ba tên là Lạc Thắng Trang nghiêm. Vì vị này thích thú trang nghiêm, tất cả chỗ ở của chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được phòng xá thù thắng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ tư tên là Hương Hoa Diệu Quang. Vì vị này thường tỏa ra mùi thơm hương hoa, lại có màu sắc quang minh vi diệu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ năm tên là Phổ Tập Diệu Dược. Vì vị này thường tụ tập khắp hết tất cả cỏ thuốc, để chữa trị bệnh cho chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ sáu tên là Lạc Tác Hỉ Mục. Vì vị này muốn làm cho chúng sinh khoái lạc, khiến cho chúng sinh mất thường hoan hỉ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày Thứ bảy tên là Phổ Hiện Chư Phương. Vì vị này thường thị hiện khắp tất cả mọi nơi, khiến cho chúng đều thấy được, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ tám tên là Đại Bi Quang Minh. Vì vị này có tâm đại bi, phổ độ chúng sinh, thường phóng quang minh, gia bị cho chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ chín tên là Thiện Căn Quang Chiếu. Vì vị này có quang minh, chiếu soi chúng sinh có căn lành, chúng sinh không có căn lành, thì làm cho họ sinh căn lành, chúng sinh đã có căn lành, thì khiến cho họ được thành thực, căn lành thành thực, thì khiến cho giải thoát, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ban Ngày thứ mười tên là Diệu Hoa Anh Lạc. Vì vị này dùng một thứ diệu hoa làm thành chuỗi, không những rất đẹp, mà còn phóng quang, cho nên được tên này.

Có vô lượng Chủ Thần Ban Ngày như vậy làm thượng thủ. Các vị Thần này, đều sinh tâm tin hiểu, ở trong diệu pháp. Luôn luôn cùng siêng năng tinh tấn, nghiêm sức cung điện.

Mười vị Chủ Thần Ban Ngày này, làm thượng thủ trong Chủ Thần Ban Ngày, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Ban Ngày.

Những Chủ Thần Ban Ngày này đều ở trong diệu pháp sinh ra tâm tin hiểu, không những tin mà còn hiểu rõ. Các Ngài thường tu hành nghiên cứu với nhau, dũng mãnh tinh tấn không giải đãi. Các Ngài cùng trang nghiêm tất cả cung điện, trên đây là chúng thứ mười chín Chủ Thần Ban Ngày.

Ở trên đã giảng xong mười chín chúng tạp loại, bây giờ ở dưới đây bắt đầu giảng tám chúng Bát bộ Tứ Vương.

Lại có vô lượng A Tu La Vương. Đó là : A Tu La Vương La Hầu. A Tu La Vương Tỳ Ma Chất Đa La. A Tu La Vương Xảo Huyền Thuật. A Tu La Vương Đại Quyền Thuộc. A Tu La Vương Đại Lực. A Tu La Vương Biến Chiếu. A Tu La Vương Kiên Cố Hạnh Diệu Trang Nghiêm. A Tu

La Vương Quảng Đại Nhân Huệ. A Tu La Vương Xuất Hiện Thắng Đức. A Tu La Vương Diệu Hảo Âm Thanh.

Bây giờ giải thích chúng Bát bộ Tứ Vương (tám bộ bốn vua), Bát bộ tức là :

1. A Tu La Vương.
2. Ca Lô La Vương.
3. Khẩn Na La Vương.
4. Ma Hầu La Già Vương.
5. Dạ Xoa Vương.
6. Long Vương.
7. Cưu Bàn Trà Vương.
8. Càn Thát Bà Vương.

Tứ Vương tức là :

1. Phương bắc Đa Văn Thiên Vương.
2. Phương tây Quảng Mục Thiên Vương.
3. Phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương.
4. Phương đông Trì Quốc Thiên Vương.

Mỗi vị thống lãnh hai bộ chúng.

Lại có vô lượng A Tu La Vương. A Tu La dịch là "phi thiên". Vì chúng có phước trời, mà chẳng có đức trời. Tại sao chẳng có đức trời ? Vì trong quá khứ chúng chuyên môn hiềm kỵ người khác, tức là tâm không ngay thẳng, dùng tâm giả dối đi ca ngợi người khác, khiến cho họ hoan hỷ, cho nên chẳng có đức trời.

A Tu La còn dịch là "không đoan chánh". Vì tướng mạo của chúng không đoan chánh. Người nam thì tướng mạo xấu xí, người nữ thì tướng mạo xinh đẹp.

A Tu La còn dịch là "vô tửu" (không có rượu) người nam rất thích uống rượu, thích đấu tranh, nếu có rượu thì phát sinh chiến tranh, cho nên chẳng có rượu để uống. A Tu La có bốn thứ đó là :

1. A Tu La ở trên trời. Thường tác chiến với chư thiên. Vì A Tu La Vương muốn làm chủ Trời Đạo Lợi. Tay của vị này có thể lay động núi Tu Di, làm cho cung điện của trời Đế Thích, chấn động không được yên. Trời Đế Thích mới xuất lãnh Tứ Thiên Vương làm tiên phong, giao chiến với nhau, nhưng thường đánh không thắng, mới cầu cứu Đức Phật. Đức Phật mới dạy niệm câu : "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật", do đó mới thắng được A Tu La Vương. Con gái của Vua A Tu La dâng cho trời Đế Thích làm vợ, hai bên hòa đàm với nhau.
2. A Tu La ở trong loài người. Chúng chuyên đồ kỵ, rất cao hứng đối với bất cứ việc gì, đều có tâm tranh cường háo thắng, thắng thì vui, thua thì sân hận, nổi gió làm sóng, thường xảy ra chiến tranh.

3. A Tu La ở trong loài súc sinh. Thích đấu tranh ỷ mạnh hiếp yếu, lấy lớn khinh nhỏ.

4. A Tu La ở trong loài ngựa quý. Cũng lại như thế. Bất cứ trong loài nào, cũng đều có tâm đấu tranh, tâm thắng phụ, tức là có tâm tranh cường luận thắng.

Cung điện của A Tu La tại núi Kim Cang, tuy nhiên là ma, nhưng mỗi ngày ba thời, phải chịu khổ hình đao bén từ không trung bay vào trong cung, nếu không tránh thì sẽ bị giết hại, cho nên muốn làm chủ Trời Đao Lợi.

Vị A Tu La Vương thứ nhất tên là La Hầu. Dịch là "nhiếp não". Vì vị này có thể dùng hai tay che mặt trời, mặt trăng, làm cho đen tối, khiến cho chư thiên oán nộ, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ hai tên là Tỳ Ma Chất Đa La. Tỳ Ma dịch là "ti" (sợi tơ). Chất Đa La dịch là "đủ thứ", vì vị này dùng một sợi tơ, biến ra đủ thứ hình tướng vật thể chẳng giống nhau, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ ba tên là Xảo Huyền Thuật. Vì vị này dùng huyền thuật xảo diệu tự có hóa không, tự không hóa có, lúc thì hiện hòn núi cao, khi thì hiện biển lớn, còn có thể dời núi lấp biển, làm cho mặt trời mặt trăng biến đổi lẫn nhau, thiên biến vạn hóa như vậy, làm cho người sinh ra huyền giác, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ tư tên là Đại Quyến Thuộc. Vì vị này thích nhất là quyến thuộc, càng nhiều càng tốt, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ năm tên là Đại Lực. Vì khí lực của vị này lớn vô cùng, một tay có thể nâng núi Tu Di lên, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ sáu tên là Biến Chiếu. Vì vị này có một loại quang minh, sáng hơn so với ánh sáng mặt trời, chiếu khắp mười phương cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ bảy tên là Kiên Cố Hạnh Diệu Trang Nghiêm. Vì hạnh nguyện của vị này kiên cố, mà còn trang nghiêm tốt đẹp, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ tám tên là Quảng Đại Nhân Huệ. Vì vị này lúc còn ở tại nhân địa, thì tu trí huệ rộng lớn, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ chín tên là Xuất Hiện Thắng Đức. Vì vị này có đức hạnh đặc biệt thù thắng, luôn luôn hiển hiện, làm cho chúng sanh thấy được, thì biết là vị này có đức hạnh, cho nên được tên này.

Vị A Tu La Vương thứ mười tên là Diệu Hảo Âm Thanh. Vì âm thanh của vị này rất hay, êm tai vô cùng, làm cho người nghe đều sinh tâm vui vẻ, cho nên được tên này.

Có vô lượng A Tu La Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị đó đều siêng năng tinh tấn, phá trừ ngã mạn và các phiền não.

Mười vị A Tu La Vương này, làm thượng thủ trong vô lượng vô biên A Tu La Vương, ngoài ra còn nhiều không thể tính đếm được.

Các A Tu La Vương đều có tâm ngã mạn. Nhưng những vị A Tu La Vương này, họ rất tinh tấn siêng tu Phật đạo, y giáo phụng hành, theo pháp tu học, cho nên dẹp phá được tập khí ngã mạn, dập tắt vô minh. Chẳng còn vô minh, tất cả phiền não cũng theo đó mà dứt trừ. Trên đây là chúng thứ nhất A Tu La Vương.

Lại có vô số Ca Lô La Vương không thể nghĩ bàn. Đó là : Ca Lô La Vương Đại Tốc Tật Lực. Ca Lô La Vương Vô Năng Hoại Bảo. Ca Lô La Vương Thanh Tịnh Tốc Tật. Ca Lô La Vương Tâm Bất Thối Chuyển. Ca Lô La Vương Đại Hải Xứ Nhiếp Trì Lực. Ca Lô La Vương Kiên Cố Tịnh Quang. Ca Lô La Vương Xảo Nghiêm Quan Kế. Ca Lô La Vương Phổ Tiệp Thị Hiện. Ca Lô La Vương Phổ Quán Hải. Ca Lô La Vương Phổ Âm Quảng Mục.

Lại có vô số Ca Lô La Vương không thể nghĩ bàn. Ca Lô La dịch là "kim sí" (chim cánh vàng). Vì cánh của loài chim này, sáng chói giống như vàng thật. Lại dịch là "diệu sí", cánh của nó dùng đủ loại sắc đẹp để trang nghiêm, ở trong ánh sáng mặt trời phản xạ xuống, phóng ra vạn luồng ánh sáng vàng. Lại dịch là "đại tố hạng", loài chim này khi ăn vật gì thì đều đem con mồi để vào trong bụng, để đó từ từ tiêu hóa.

Loài chim này gọi là Đại Bàng Kim Sí Điều (chim Đại Bàng cánh vàng), to lớn cỡ nào ? Thân thể của nó lớn như tòa núi lớn. Cánh của nó xòe ra khoảng, ba trăm ba mươi đại do tuần (một do tuần dài tám mươi dặm). Khi nó quạt cánh, thì nước biển rẽ làm hai bắt rồng ăn. Loài chim này chuyên môn ăn rồng. Mỗi ngày phải ăn một con rồng lớn, năm trăm con rồng nhỏ. Khi nó ăn rồng thì trước hết nuốt đuôi rồng vào trong bụng, từ từ tiêu hóa.

Long Vương (vua rồng) rất lo âu, vì quyền thuộc của loài rồng càng ngày càng bớt đi, sẽ diệt chủng, cho nên đi các nơi cầu cứu, nhưng ai nấy đều bó tay. Có người nói với ông ta nên đi gặp Đức Phật. Long Vương bèn đến chón Phật, cầu Phật từ bi, che chở cho rồng con, rồng cháu, để khỏi tuyệt chủng loài rồng.

Đức Phật nói với Long Vương : “Nếu các nhà người giữ được Bát Quan Trai giới, thì chim Đại Bàng không ăn các người nữa.” Do đó Long Vương dẫn quyền thuộc đến chón Phật, thọ Bát Quan Trai giới. Thọ giới rồi, Phật cho mỗi con rồng một sợi tơ áo Cà Sa cột vào thân. Từ đó về sau, chim Đại Bàng không còn cách chi ăn rồng được nữa.

Nhưng chim Đại Bàng không có vật thực để ăn. Y cũng đến chón Phật khẩn cầu nói : “Chúng tôi hôm nay lấy gì để ăn ? ” Đức Phật nói : “Ta sẽ dạy đệ tử của ta, khi đến bữa trưa ăn cơm, thì trước hết đem ít cơm thí cho các

ngươi.” Cho nên bây giờ các Chùa khi cúng ngộ, thì đều đem ít com thí cho chúng. Đó là lòng từ bi của Phật, độ hóa loài rồng và chim Đại Bàng sống hòa bình với nhau.

Chim và rồng đều có bốn thứ sinh, chim sinh bằng trứng không thể ăn rồng hóa sinh, cũng không thể ăn rồng sinh bằng thai, thấp sinh (sinh bằng âm ướt), chỉ ăn được rồng sinh bằng trứng. Chim hóa sinh mới ăn được rồng sinh bằng : thai, thấp, hóa, noãn.

Chim đại bàng ở tại núi Kim Cang, cung điện của chúng dùng bảy báu để trang nghiêm. Khi chúng muốn chết thì không thể ăn rồng, tại sao ? Vì thân thể rồng có chất độc. Bình thường chim Đại Bàng ăn rồng, thì không sợ chất độc, nhưng khi chúng gần chết, thì thân rồng phóng ra chất độc bắn vào mắt, khiến cho mắt không thể mở được, thì không thể bắt rồng để ăn. Bị đói thật khó mà chịu được, bèn nghỉ ngơi trên cây Thiết Thụ. Đến khi không thể chịu được nữa thì lại bay đến biển tìm rồng để ăn, rồng lại phóng chất độc, y lại chạy đi, cứ như thế đến bảy lần, cuối cùng thể lực kiệt sức, chất độc phát ra mà chết.

Lúc bấy giờ, thi thể của chim Đại Bàng bị lửa độc thiêu, giống như hỏa diệm sơn bộc phát, thiêu hết tất cả chất cứng chảy ra thành nước. Long Vương Nan Đà sợ Bảo Sơn (núi báu) bị hủy hoại, bèn làm xuống một trận mưa lớn, hạt mưa lớn như bánh xe để dập tắt ngọn lửa. Bây giờ toàn thân của chim Đại Bàng đã thành tro, chỉ còn quả tim không bị thiêu hủy, trở thành hạt châu báu, ánh sáng màu lưu ly óng ánh rất đẹp. Vua Chuyển Luân Thánh Vương được hạt châu này, gọi là châu Như Ý, vua Trời Đế Thích được châu này gọi là Dạ Minh châu.

Trong phẩm Xuất Hiện có bài kệ rằng :

"Bồ Tát Ca Lô La,
Như ý vi kiên túc,
Phương tiện dũng mãnh sí,
Từ bi thanh tịnh nhẫn,
Trụ nhất thiết trí thụ,
Quán tam hữu đại hải,
Bạt tróc thiên nhân long,
Án chí Niết Bàn ngạn".

Qua bài kệ này đủ thấy, chim Đại Bàng cũng là Bồ Tát thị hiện, để điều phục tất cả chúng sinh. Cho nên ý nghĩa bài kệ trên mới nói : Bồ Tát Đại Bàng Kim Sí Điều, toại tâm như ý, bay lượn trong không trung, chân rất kiên cố phi thường, cánh phương tiện rất dũng mãnh, cặp mắt rất từ bi và trong sáng. Tuy nhiên chuyên ăn rồng, nhưng chỉ ăn rồng sắp chết. Trước mắt thì bị chim Đại Bàng ăn, nhưng thực tế thì hóa độ rồng, khiến cho chúng không còn thọ khổ trong luân hồi nữa, mà thẳng đến bờ bên kia. Cây của chim Đại

Bàng ở gọi là cây Trí Huệ. Ý quán sát dục giới, sắc giới và vô sắc giới ba cõi biển cả, bắt rồng ở trên trời hoặc rồng ở nhân gian, độ chúng đến bờ Niết Bàn bên kia.

Cảnh giới này chẳng phải phạm phu chúng ta biết được, người không chứng quả thì không thể tin đạo lý này, đợi khi chứng quả rồi mới biết là như thế. Đức Phật là người chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác, tuyệt đối không nói dối, cảnh giới này là ngàn chân vạn thật.

Vị Ca Lô La Vương thứ nhất tên là Đại Tốc Tật Lực. Vì sức lực của vị này không những mạnh mà còn rất nhanh. Vị này ở trên núi Kim Cang, cây Thiết Thụ, xem thấy rồng trong biển xuất hiện, thì vỗ cánh quạt nước biển rẽ ra, bắt lấy rồng, rồi trở về cây Thiết Thụ, nước biển vẫn chưa hòa hợp lại, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ hai tên là Vô Năng Hoại Bảo Kế. Vì bảo kế của vị này rất kiên cố, chẳng có cách chi phá hoại được, càng không có sức để phá hoại, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ ba tên là Thanh Tịnh Tốc Tật. Vì thân thể của vị này thanh tịnh, bay đi rất nhanh, trong một sát na bay hơn mười vạn tám ngàn dặm, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ tư tên là Tâm Bất Thoái Chuyển. Vì vị này đắc được pháp vĩnh viễn không thoái chuyển A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc được : Niệm bất thoái, hạnh bất thoái, vị bất thoái, do đó được tên này.

Vị bất thoái : Đã chứng được vị đại Bồ Tát, thì không thể thoái về vị A La Hán. Đã phát bồ đề tâm, thì không thể thoái về vị A La Hán hoặc là vị phạm phu.

Niệm bất thoái : Chuyên tâm nhất ý tu thiền định, tư tưởng không thoái chuyển. Chẳng giống chúng ta suốt ngày đến tối, chuyên khởi vọng tưởng, thấy lạ muốn đời, hôm nay tu thiền, mai tu tịnh, một tu giáo, hoặc tu luật, thậm chí tu mật, kết quả chẳng có pháp nào thành tựu. Cho nên tu hành phải chuyên nhất.

Hành bất thoái : Phải dũng mãnh tinh tấn tu hành, càng ngày càng tiến bộ, tức là tu hành càng tu hành, tinh tấn càng tinh tấn, đó là tu hành không thoái chuyển.

Vị Ca Lô La Vương thứ năm tên là Đại Hải Xứ Nhiếp Trì Lực. Vì vị này có thể nhiếp trì tất cả nước sông ngòi ao hồ, chảy vào biển cả, lại có thể ở trong không trung, thu nhiếp rồng vào trong miệng, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ sáu tên là Kiên Cố Tịnh Quang. Vì thân thể của vị này cứng chắc phi thường, và có quang minh thanh tịnh, quang minh này có thể chiếu thấu trong biển, nhìn thấy chỗ của rồng ở, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ bảy tên là Xảo Nghiêm Quan Kế. Vì quan kế của vị này rất trang nghiêm tốt đẹp, quan kế của các Vua Ca Lô La kia chẳng thể sánh được, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ tám tên là Phổ Tiệp Thị Hiện. Vì vị này có thể thị hiện tất cả các nơi, mà còn nhanh nhẹn khắp cùng, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ chín tên là Phổ Quán Hải. Vì vị này có mắt từ bi và thanh tịnh, quán sát được trong ba cõi biển cả, rồng lớn ở đâu, rồng nhỏ ở đâu ? Nhìn thấy rất rõ ràng, do đó được tên này.

Vị Ca Lô La Vương thứ mười tên là Phổ Âm Quảng Mục. Vì âm thanh của vị này như sấm sét, rồng ở trong biển mà nghe được tiếng hống này, thì hồn phi phách tán, không dám động đậy, vì sợ bị bắt ăn. Cặp mắt của vị này đặc biệt to lớn, thân ở núi Kim Cang, mà mắt quán sát rồng trong bốn biển, do đó được tên này.

Có vô số Ca Lô La Vương không thể nghĩ bàn như vậy làm thượng thủ. Các vị Ca Lô La Vương này, đã thành tựu sức đại phương tiện, cứu độ nhiếp hết thảy tất cả chúng sinh.

Mười vị Ca Lô La Vương này làm thượng thủ, đại biểu cho vô lượng Ca Lô La Vương, số nhiều vô lượng không thể nghĩ bàn.

Những vị Ca Lô La Vương này, đã hoàn toàn thành tựu sức đại phương tiện, đều là đại Bồ Tát thị hiện. Một số Bồ Tát chẳng có sức đại phương tiện như thế. Chúng bắt rồng ăn là hóa độ rồng, ăn voi là hóa độ voi, ăn ngựa là hóa độ ngựa, ăn cá là hóa độ cá, tóm lại ăn loài gì thì hóa độ loài đó, dùng phương tiện ăn để hóa độ chúng sinh. Thực ra chẳng phải ăn mà là cứu độ, là nhiếp trì. Tại sao ? Vì đáng chết cho nên mới ăn, tức là có thể đến bờ Niết Bàn. Ở trên là chúng thứ hai Ca Lô La Vương.

Lại có vô lượng Khẩn Na La Vương. Đó là : Khẩn Na La Vương Thiện Huệ Quang Minh Thiên. Khẩn Na La Vương Diệu Hoa Tràng. Khẩn Na La Vương Chủng Chủng Trang Nghiêm. Khẩn Na La Vương Duyệt Ý Hồng Thanh. Khẩn Na La Vương Bảo Thụ Quang Minh. Khẩn Na La Vương Kiến Giả Hân Lạc. Khẩn Na La Vương Tối Thắng Quang Trang Nghiêm. Khẩn Na La Vương Vi Diệu Hoa Tràng. Khẩn Na La Vương Động Địa Lực. Khẩn Na La Vương Nhiếp Phục Ác Chúng.

Lại có vô lượng vô biên Khẩn Na La Vương. Khẩn Na La Vương dịch là "phi nhân". Vì tướng mạo của chúng giống như người, ngũ quan đon đanh, nhưng trên đầu sinh ra một cái sừng, cho nên chẳng phải người. Lại dịch là "nghi thần". Vì trên đầu có sừng, làm cho người thấy sinh nghi, cho rằng là thần. Lại dịch là "ca Thần". Chúng là Thần tấu âm nhạc cho trời Đế Thích, trên cung trời có pháp hội, thì hai nách của chúng tự động chảy mồ

hôi, liền biết là trời Đế Thích muốn tấu âm nhạc, bèn lên cung trời vì chầu thiên đàn tấu âm nhạc khúc điệu trang nghiêm.

Những vị Khẩn Na La Vương này, cũng là Bồ Tát thị hiện, đến tất cả các pháp hội ca xướng tấu nhạc, khiến cho người nghe sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng mà ngộ đạo.

Vị Khẩn Na La Vương thứ nhất tên là Thiện Huệ Quang Minh. Vì vị này khéo độ tất cả chúng sinh, làm cho chúng sinh khai mở đại trí huệ, đắc được quang minh, cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ hai tên là Diệu Hoa Tràng. Vì vị này có tràng hoa sen vi diệu, rất trang nghiêm cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ ba tên là Chủng Chủng Trang Nghiêm. Vì vị này dùng đủ thứ bảy báu để nghiêm sức cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ tư tên là Duyệt Ý Hống Thanh. Vì âm thanh của vị này như tiếng hống, khiến cho người nghe đều vừa ý cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ năm tên là Bảo Thụ Quang Minh. Vì bảo thụ của vị này phóng ra quang minh giác cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ sáu tên là Kiến Giả Hân Lạc. Vì tướng mạo từ bi cát tường của vị này rất trang nghiêm, ai thấy cũng đều sinh tâm hoan hỷ, cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ bảy tên là Tối Thắng Quang Trang Nghiêm. Vì vị này dùng quang minh tối thù thắng để trang nghiêm tất cả mọi nơi, cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ tám tên là Vi Diệu Hoa Tràng. Vì vị này có tràng hoa sen vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ chín tên là Động Địa Lực. Vì mỗi cử chỉ hành động của vị này, khiến cho đại địa chấn động, cho nên được tên này.

Vị Khẩn Na La Vương thứ mười tên là Nhiếp Phục Ác Chúng. Vì vị này nhiếp phục được tất cả chúng sinh ác tính, khiến cho họ cải tà quy chánh, cho nên được tên này.

Có vô lượng Khẩn Na La Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị Khẩn Na La Vương này, đều siêng năng tinh tấn, quán tất cả các pháp, tâm luôn luôn khoái lạc du hí tự tại.

Mười vị Khẩn Na La Vương này, đều làm thượng thủ trong vô lượng vô biên Khẩn Na La Vương, ngoài ra còn có vô lượng nhiều không thể tính đếm được.

Những vị Khẩn Na La Vương này, đều rất dũng mãnh tinh tấn, không giải đãi mà luôn luôn quán sát tất cả các pháp, trong tâm luôn khoái lạc, đem tất

cả Phật pháp mình đã hiểu giáo hóa cho họ cũng hiểu. Chẳng có tâm đồ kỵ, đó là du hí tự tại. Ở trên là chúng thứ ba Khẩn Na La Vương.

Lại có vô lượng vô biên Ma Hầu La Già Vương. Đó là : Ma Hầu La Già Vương Thiện Huệ. Ma Hầu La Già Vương Thanh Tịnh Oai Âm. Ma Hầu La Già Vương Thắng Huệ Trang Nghiêm Kế. Ma Hầu La Già Vương Diệu Mục Chủ. Ma Hầu La Già Vương Như Đăng Tràng Vi Chúng Sở Quy. Ma Hầu La Già Vương Tối Thắng Quang Minh Tràng. Ma Hầu La Già Vương Sư Tử Úc. Ma Hầu La Già Vương Chúng Diệu Trang Nghiêm Âm. Ma Hầu La Già Vương Tu Di Kiên Cố. Ma Hầu La Già Vương Khả Ái Lạc Quang Minh.

Lại có vô lượng vô biên Ma Hầu La Già Vương. Ma Hầu La Già Vương dịch là "đại phục hành". Vì chúng chẳng có chân, chỉ dùng bụng để đi, tức cũng là đại mãng xà. Chúng đều là Bồ Tát thị hiện, cố ý hiện ra đại phục hành. Đó là biểu thị sự từ bi của Bồ Tát, vì hạnh môn lợi kẻ khác mà thị hiện, không chấp trước hình tướng của mình. Cho nên hiện ra hình tướng Bát bộ.

Đại phục hành còn gọi là "địa long", chúng chẳng có thân thông, nhưng độc hại người. Tuy nhiên hại người, nhưng chịu cảm hóa của Phật pháp mà làm thân hộ pháp. Phạm là người có tâm đồ kỵ, đời sau sẽ chiêu cảm làm loài này. Hoàng hậu của vua Lương Võ Đế, vì sinh tâm đồ kỵ, cho nên sau khi chết đọa làm đại mãng xà.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ nhất tên là Thiện Huệ. Vì vị này có trí huệ thiện, lại có trí thức thiện, nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ hai tên là Thanh Tịnh Oai Âm. Vì âm thanh của vị này không những có oai lực mà còn thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ ba tên là Thắng Huệ Trang Nghiêm Kế. Vì vị này có trí huệ thù thắng, lại có diệu kế trang nghiêm nhiều thứ báu, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ tư tên là Diệu Mục Chủ. Vì mắt của vị này rất vi diệu và trang nghiêm mỹ lệ, thành chủ của ngũ quan, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ năm tên là Như Đăng Tràng Vi Chúng Sở Quy. Vì vị này thường phóng quang minh, giống như đèn sáng mà thành tràng, làm chỗ quy y và ngưỡng vọng cho đại chúng, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ sáu tên là Tối Thắng Quang Minh Tràng. Vì vị này có tràng báu thù thắng nhất và sáng nhất. Tràng báu này giống như lưới La Tràng cung điện trời Đế Thích, ánh sáng này chiếu ánh sáng kia, lỗ này thông với lỗ kia, trùng trùng vô tận cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ bảy tên là Sư Tử Ưc. Vì tâm của vị này khoan hồng đại lượng, như tấm lòng của sư tử, nhẫn được việc khó nhằn, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ tám tên là Chúng Diệu Trang Nghiêm Âm. Vì âm thanh của vị này thanh tao hòa nhã, rất êm tai, dùng tất cả diệu báu để trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ chín tên là Tu Di Kiên Cố. Vì thân thể của vị này rất cao, kiên cố như núi Tu Di, cho nên được tên này.

Vị Ma Hầu La Già Vương thứ mười tên là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vì trên thân của vị này phóng ra một thứ quang minh, khiến cho người thấy được sinh tâm vui thích đáng ưa, cho nên được tên này.

Có vô lượng Ma Hầu La Già Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu tập, phương tiện rộng lớn, khiến cho tất cả chúng sinh, vĩnh viễn cắt đứt lưới ngu si.

Mười vị Ma Hầu La Già Vương này, làm thượng thủ trong chúng Ma Hầu La Già Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Ma Hầu La Già Vương không thể tính đếm được.

Những vị Ma Hầu La Già Vương này, đều siêng năng tu tập pháp phương tiện rộng lớn. Khiến cho tất cả chúng sinh vĩnh viễn cắt đứt lưới ngu si, không còn bị trói buộc, mà đắc được trí huệ tự tại. Ở trên là chúng thứ tư Ma Hầu La Già Vương.

Lại có vô lượng Dạ Xoa Vương. Đó là : Dạ Xoa Vương Tỳ Sa Môn. Dạ Xoa Vương Tự Tại Âm. Dạ Xoa Vương Nghiêm Trì Khí Trọng. Dạ Xoa Vương Đại Trí Huệ. Dạ Xoa Vương Diệm Nhân Chủ. Dạ Xoa Vương Kim Cang Nhân. Dạ Xoa Vương Dũng Kiên Tỳ. Dạ Xoa Vương Dũng Địch Đại Quân. Dạ Xoa Vương Phú Tư Tài. Dạ Xoa Vương Lực Hoại Cao Sơn.

Phương Bắc Thiên Vương tên là Tỳ Sa Môn dịch là "đa văn". Vì phước đức của vị này danh truyền khắp bốn phương, cho nên được tên này. Vị này quản lý hai bộ chúng, một là Dạ Xoa (quỷ nam) hai là La Sát (quỷ nữ).

Dạ Xoa là tên của loài quỷ dịch là "tiệp khoái", vì hành động của chúng rất cấp tốc, mau chóng. Lại dịch là "khổ hoạt", vì sự sinh hoạt của chúng rất khổ sở. Dạ Xoa có rất nhiều loại, như : Dạ Xoa đi trên không, Dạ Xoa đi dưới đất .v.v.

Dạ Xoa không hành (đi trên không) có hai cánh dài, bay được ở trong không trung, thiên biến vạn hóa, có khi hiện màu đỏ, có khi hiện màu lam, có khi hiện màu vàng, bất cứ là màu gì, cũng đều có một thứ ánh sáng đen tối, thứ ánh sáng này rất lợi hại. Thân thể của chúng có khi biến làm thân người đầu

thú, hoặc đầu trâu, bò, ngựa .v.v., làm cho người sợ hãi. Chúng rất thích làm nhiều loạn người.

Dạ Xoa đi dưới đất, càng làm cho người khiếp sợ. Đầu tóc của chúng màu lửa ngọn, cao mấy trượng. Mắt thì một con ở trên đánh môn, một con ở dưới lông mày, hình thù rất quái dị, hoặc là hình tam giác, hoặc là hình bán nguyệt. Còn lỗ mũi thì một lỗ hướng lên trời, một lỗ hướng xuống đất, giống như xúc giác của con sên, có khi duỗi ra có khi rút vào. Còn lỗ tai thì một lỗ ở trước, một lỗ ở sau, hình thù thật là khiếp sợ, khiến cho người thấy phải khiếp vía. Chúng chẳng thích giúp đỡ người, chuyên môn muốn hại người.

La Sát cũng là tên của loài quỷ. La Sát dịch là "đáng sợ". Vì chúng thường làm cho người phá giới, làm tổn hại huệ mạng, cho nên được tên này. La Sát có hai loài, một loài gọi là Ái La Sát, một loài gọi là Kiến La Sát.

Sự tác quái của Ái La Sát ví như người muốn tu hành, căn bản cũng có chánh tri chánh kiến. Nhưng mê tình quá sâu nặng, bị nước ái trói buộc, vì sức mạnh của ái trói buộc, cho nên ý niệm trước thì muốn tu hành, ý niệm sau thì muốn kết hôn ; trong một niệm khởi, một niệm diệt. Vì bị sức mạnh của ái tình trói buộc quá lợi hại, do đó mà phá giới. Đó là Ái La Sát tác quái, làm cho người tu đạo chẳng có định lực.

Kiến La Sát là tà tri tà kiến, không đúng cũng nói đúng, không thừa nhận chỗ sai lầm, phạm giới lại nói không phạm. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói rằng : Tỳ Kheo Ni Bảo Liên Hương nói dâm dục chẳng phải sát sinh, chẳng phải trộm cắp, chẳng có nghiệp báo, sau bị đọa vào địa ngục vô gián. Thứ tư tưởng này giống như La Sát thật đáng sợ.

Lại có vô lượng vô biên Dạ Xoa Vương, loài Dạ Xoa này bay trên không ăn người, cho nên Bồ Tát thị hiện làm vua của chúng, quản lý Ái La Sát và Kiến La Sát không cho hại pháp thân huệ mạng của người.

Vị Dạ Xoa Vương thứ nhất tên là Tỳ Sa Môn. Vì vị này quản lý những Dạ Xoa không giữ quy cụ, cấm Dạ Xoa gây tai họa cho người, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ hai tên là Tụ Tại Âm. Vì âm thanh của vị này rất tụ tại phi thường, bất cứ âm điệu gì cũng đều có thể biểu diễn được cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ ba tên là Nghiêm Trì Khí Trọng. Vì vị này rất trang nghiêm và cầm giữ vũ khí và nghi trượng, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ tư tên là Đại Trí Huệ. Vì vị này có đại trí huệ, quán sát được vọng tưởng của Dạ Xoa và La Sát đang hại người, cấm chúng hành động, nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ năm tên là Diệm Nhãn Chủ. Vì con mắt của vị này phát ra ánh sáng như lửa ngọn, khiến cho Dạ Xoa và La Sát sinh tâm sợ hãi, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ sáu tên là Kim Cang Nhãn. Vì mắt của vị này phóng quang giống như đá kim cương, thứ ánh sáng này rất sáng vô cùng, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ bảy tên là Dũng Kiên Tý. Vì sức mạnh cánh tay của vị này mạnh nhất, có thể dời núi lấp biển, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ tám tên là Dũng Địch Đại Quân. Vì vị này không những dũng cảm mà còn có trí thao lược, bất cứ có bao nhiêu ma quân đều chống lại được. Vị này biết người biết ta, bách chiến bách thắng, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ chín tên là Phú Tư Tài. Vì vị này là đại phú ông, có rất nhiều tiền tài châu báu và vật chất, cho nên được tên này.

Vị Dạ Xoa Vương thứ mười tên là Lực Hoại Cao Sơn. Vì sức lực của vị này lớn vô cùng, một quyền có thể đánh xập núi hoặc chẻ làm hai, cho nên được tên này.

Có vô lượng Dạ Xoa Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị Dạ Xoa Vương này, siêng năng bảo hộ tất cả chúng sinh.

Mười vị Dạ Xoa Vương này làm thượng thủ trong chúng Dạ Xoa Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên, không thể tính đếm được.

Những vị Dạ Xoa Vương này, không những không gây phiền não cho chúng sinh, mà còn bảo hộ chúng sinh, khiến cho chúng sinh được bình an. Vì chúng đều là Bồ Tát thị hiện, cho nên chẳng giống những Dạ Xoa khác. Ở trên là chúng thứ năm Dạ Xoa Vương.

Lại có vô lượng các Đại Long Vương. Đó là : Long Vương Tỳ Lô Bác Xoa. Long Vương Sa Kiệt La. Long Vương Vân Âm Diệu Tràng. Long Vương Diêm Khẩu Hải Quang. Long Vương Phổ Cao Vân Tràng. Long Vương Đức Xoa Ca. Long Vương Vô Biên Bộ. Long Vương Thanh Tịnh Sắc. Long Vương Phổ Vận Đại Thanh. Long Vương Vô Nhiệt Nảo.

Lại có vô lượng vô số Đại Long Vương. Long (rồng) thuộc về đường súc sinh, nhưng chúng có thần thông, biến lớn, biến nhỏ ; lớn thì tràn đầy biển cả ; nhỏ thì ẩn tàng ở trong hạt bụi. Lúc ẩn lúc hiện, khi ẩn thì nhìn chẳng thấy, khi hiện thì hiện ra. Chúng có bản lãnh biến hóa vô cùng như vậy, lại có oai lực không thể sánh được. Đáng lý ra chúng phải sung sướng khoái lạc ! Nhưng chúng cũng có bốn thứ thống khổ :

1. Khổ về làm thức ăn cho chim Đại Bàng : Thứ chim này chuyên ăn rồng, ngoài mười vạn tám ngàn dặm có thể thấy rồng dưới nước (tức là rồng sắp chết), lập tức bay đến bắt ăn.

2. Hành dâm thì khổ. : Rồng đực rồng cái giao hợp, đuôi thì phải hiện ra hình thể con rắn, sự biến hóa này phải chịu đủ thứ thống khổ.

3. Khổ về trùng : Ở trong da rồng có rất nhiều con trùng nhỏ ăn thịt uống máu, rất ngứa ngáy khó chịu, đó cũng là khổ.

Phương Tây Thiên Vương tên là Tỳ Lô Bác Xoa, dịch là "quảng mục", vì cặp mắt của vị này có đủ thứ màu, thấy rộng bốn phương cho nên được tên này. Vị Thiên Vương này quản hạt hai bộ, một là rồng, hai là Phú Đơn Na.

4. Khổ về cát nóng đốt thân : Vì trong da có trùng, rồng bèn đến bãi cát nóng, dùng cát chà lăn cho hết ngứa, nhưng cát bị ánh nắng mặt trời, do đó cát rất nóng, khiến cho rồng cũng khó mà chịu được, đó cũng là khổ.

Rồng có bốn thứ sinh : Sinh bằng thai, bằng trứng, bằng biến hóa và sinh bằng âm thấp. Biến hóa thành rồng có năm loài :

1. Voi hóa rồng.
2. Rắn hóa rồng.
3. Ngựa hóa rồng.
4. Cá hóa rồng.
5. Éch hóa rồng.

Voi hình rồng, Long Vương Thiện Trụ là chủ. Rắn hình rồng, Long Vương Nan Đà là chủ. Ngựa hình rồng, Long Vương A Na Bà Đạt Đa là chủ. Éch hình rồng, Long Vương Ma Na Tư là chủ. Năm vị Long Vương đại biểu năm hình rồng.

Tâm sân loài rồng rất nặng, thích nóng giận, chuyên phóng chất độc hại người. Vì quá khư chúng siêng tu pháp đại thừa, cho nên có thần thông, nhưng không giữ giới luật, do đó bị đọa làm súc sinh. Nhiệm vụ của chúng là giữ cung điện cõi trời, nổi mây làm mưa bảo hộ Phật pháp.

Phú Đơn Na là tên của loài quỷ, dịch là "xú nạ quỷ". Trên thân của chúng bay ra một thứ mùi hôi thối, thứ mùi hôi này, nếu người nào hít vào thì sẽ bị sốt nặng, mất tự chủ, mất trí. Chúng dùng pháp thuật này để hại người, cho nên gọi là nhiệt tạt quỷ.

Lại có vô lượng vô biên Đại Long Vương. Những đại Long Vương này đều là đại Bồ Tát thị hiện, để quản lý rồng độc không giữ quy cụ, không để cho chúng nổi gió làm sóng hại người, càng không để cho chúng phun chất độc hại người.

Vị Đại Long Vương thứ nhất tên là Tỳ Lô Bác Xoa. Dịch là "quảng mục" là một trong bốn vị Thiên Vương, thống lãnh phương tây. Vì vị này quản lý rồng không giữ giới luật, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ hai tên là Sa Kiệt La. Dịch là "hải". Vì vị này là Hải Long Vương, quản lý tất cả rồng trong biển, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ ba tên là Vân Âm Diệu Tràng. Vì vị này phát ra một thứ âm thanh, ở trong hư không biến thành mây hình bảo tràng, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ tư tên là Diệm Khẩu Hải Quang. Vì trong miệng của vị này phun ra lửa ngọn, lại ở trong biển phóng quang, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ năm tên là Phổ Cao Vân Tràng. Vì vị này hiện ra mây cao khắp hết, giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ sáu tên là Đức Xoa Ca. Đức Xoa dịch là "năng hại". Ca dịch là "sở hại". Rồng là năng hại, chúng sinh là sở hại. Khi rồng nổi giận thì bất cứ chúng sinh nào, mà vị này thấy đều sẽ bị độc mà chết. Lại dịch là "đa thiệt", vì vị này thích nói hơn các rồng khác, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ bảy tên là Vô Biên Bộ, chẳng có nơi nào mà vị này chẳng đến được, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ tám tên là Thanh Tịnh Sắc. Vì vị này có màu sắc thanh tịnh mà không tạp nhiễm, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ chín tên là Phổ Văn Đại Thanh. Vì âm thanh của vị này rất cao xa diệu vợi, truyền đạt đến khắp bốn phương, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ mười tên là Vô Nhiệt Não. Vì vị này đăc được pháp thanh lương, chẳng có nhiệt phiền não, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Đại Long Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị Đại Long Vương này, đều siêng năng tu tập. Nổi mây làm mưa, khiến cho nhiệt não của tất cả chúng sinh đều tiêu diệt.

Mười vị Đại Long Vương này là đại biểu thượng thủ các Đại Long Vương khác, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Đại Long Vương.

Những vị Đại Long Vương này đều siêng năng tinh tấn tu tập Phật pháp. Nhiệm vụ của chúng là nổi mây làm mưa, làm cho chúng sinh tiêu diệt nhiệt não, đăc được thanh lương. Chúng là một trong tám bộ đại hộ pháp thiện thần. Ở trên là chúng thứ sáu Đại Long Vương.

Lại có vô lượng Cưu Bàn Trà Vương. Đó là : Cưu Bàn Trà Vương Tăng Trưởng. Cưu Bàn Trà Vương Long Chủ. Cưu Bàn Trà Vương Thiện Trang Nghiêm Tràng. Cưu Bàn Trà Vương Phổ Nhiêu Ích Hành. Cưu Bàn Trà Vương Thạm Khả Bồ Úy. Cưu Bàn Trà Vương Mỹ Mục Đoan Nghiêm. Cưu Bàn Trà Vương Cao Phong Huệ. Cưu Bàn Trà Vương Dũng Kiện Tỳ. Cưu Bàn Trà Vương Vô Biên Tịnh Hoa Nhân. Cưu Bàn Trà Vương Quảng Đại Thiên Diện A Tu La Nhân.

Thiên Vương phương nam tên là Tỳ Lâu Lạc Xoa. Dịch là "tăng trưởng". Vì vị này có thể làm cho căn lành của mình và người đều tăng trưởng, cho nên

được tên này. Vị này quản lý hai bộ, một là Cưu Bàn Trà, hai là quỷ Yểm Mị.

Cưu Bàn Trà là tên của loài quỷ, dịch là "quỷ đông qua", vì hình thù giống như đông qua, chẳng có đầu, cũng chẳng có tứ chi. Lại dịch là "úng quỷ", vì hình thù của chúng như hũ rượu, miệng nhỏ bụng to. Đây là loài quỷ hại người. Chúng đến các nơi tìm người âm thanh dương suy để hại. Loài quỷ này khinh suy sợ thanh. Gặp người dương khí thanh thì chúng trốn đi ; nếu gặp người dương khí suy thì chúng hại người. Quỷ Yểm Mị chuyên ở trong mộng hại người, làm cho người khiếp sợ vạn phần, mà thân thể không động đậy, loài quỷ này chuyên môn hại thân thể bệnh nhân suy nhược.

Quỷ Mị, thứ quỷ này lợi hại vô cùng, gặp loài vật thì biến thành hình, làm hồ ly tinh, hoặc làm lang sói, hoặc làm mãng xà, chuyên môn trộm tinh khí của người để bổ thân mình. Nếu đối tượng là người nam thì chúng biến thành người nữ ; nếu đối tượng là người nữ thì chúng biến thành người nam. Tóm lại, chúng dùng sắc đẹp để dẫn dụ kẻ khác làm mất đi đồng thể. Cho nên chúng ta là người tu đạo, phải luôn luôn đặc biệt chú ý cẩn thận, đừng để bị hại mà mất đạo nghiệp.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ nhất tên là Tăng Trưởng. Vì vị này là một trong bốn vị Thiên Vương. Nam Thiên Vương Tăng Trưởng, quản lý Cưu Bàn Trà và quỷ Yểm Mị, hai loài quỷ này là bạn tốt với nhau, dựa nhau làm bậy, hợp tác với nhau, chuyên làm việc ác. Vị Thiên Vương này, khiến cho chúng tăng trưởng căn lành, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ hai tên là Long Chủ. Vì vị này là thủ lĩnh trong loài rồng, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ ba tên là Thiện Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này khéo trang nghiêm tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ tư tên là Phổ Nhiêu Ích Hành. Vì vị này nhiều ích khắp hết thấy chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ năm tên là Thâm Khả Bồ Úy. Vì tướng mặt của vị này rất xấu ác, không những người thấy vị này sinh tâm sợ sệt, mà quỷ thấy vị này cũng sợ hãi vô cùng, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ sáu tên là Mỹ Mục Đoan Nghiêm. Vì mắt của vị này rất mỹ lệ và trong sáng, tướng mạo của vị này rất đoan chánh và trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ bảy tên là Cao Phong Huệ. Vì trí huệ của vị này rất cao, giống như đỉnh núi cao, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ tám tên là Dũng Kiện Tỳ. Vì sức mạnh cánh tay của vị này rất khoẻ và cứng chắc, dũng mãnh kiên tráng, do đó chẳng sợ bất cứ vũ khí gì, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ chín tên là Vô Biên Tịnh Hoa Nhân. Vì mắt của vị này thanh tịnh như hoa, chẳng có trần cấu lại có thể phóng vô lượng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ mười tên là Quảng Đại Thiên Diện A Tu La Nhân. Vì bộ mặt của vị này rất lớn, mắt là nộ mục (trợn mắt) như mắt của A Tu La, rất đáng sợ giống như nổi sân hận, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Cưu Bàn Trà Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu học pháp môn vô ngại, đều phóng đại quang minh.

Mười vị Cưu Bàn Trà Vương này làm thượng thủ trong chúng Cưu Bàn Trà Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm được.

Những vị Cưu Bàn Trà Vương này, đều rất tinh tấn siêng năng tu tập Phật pháp, tu pháp môn vô ngại. Bôn lai chúng là đen tối, bây giờ tu pháp môn vô ngại, cho nên phóng đại quang minh. Ở trên là chúng thứ bảy Cưu Bàn Trà Vương.

Lại có vô lượng Càn Thát Bà Vương. Đó là : Càn Thát Bà Vương Trì Quốc. Càn Thát Bà Vương Thụ Quang. Càn Thát Bà Vương Tịnh Mục. Càn Thát Bà Vương Hoa Quan. Càn Thát Bà Vương Phổ Âm. Càn Thát Bà Vương Lạc Giao Động Diệu Mục. Càn Thát Bà Vương Diệu Âm Sư Tử Tràng. Càn Thát Bà Vương Phổ Phóng Bảo Quang Minh. Càn Thát Bà Vương Kim Cang Thụ Hoa Tràng. Càn Thát Bà Vương Lạc Phổ Hiện Trang Nghiêm.

Thiên Vương phương đông tên là Đề Đầu Lai Thác dịch là "trì quốc". Vì vị này hộ trì quốc độ, an trụ chúng sinh, cho nên được tên này. Vị này quản lý hai bộ, một là Càn Thát Bà, hai là Tỳ Xá Xà.

Càn Thát Bà là tên của Thần, dịch là "tâm hương", chúng dùng hương làm thức ăn, thân của chúng cũng tỏa hương thơm. Đến thời chúng ăn cơm thì nghĩ đến thức ăn chay nhà nào thì đến nhà đó tấu nhạc ca xướng, khiến cho họ sinh tâm hoan hỷ mà cung cấp thức ăn, chúng bèn nghĩ mùi hương rồi đi. Lại dịch là "Thần ca". Chúng là thần ca nhạc của trời Đế Thích, khi thiên cung có nhạc hội hoặc là yến tiệc, thì chỉ đốt hương trầm thủy chiên đàn thì vị thần này sẽ đến, vì chư thiên mà diễn xướng ca hát.

Hình dáng của Càn Thát Bà, đầu đội mũ tám cạnh, tóc màu sáng đỏ, tướng thân màu thịt đỏ, thể như đại ngưu vương, tay trái cầm ống sáo ống địch (một thứ nhạc cụ), tay phải cầm bảo kiếm, đủ loại oai lực của vị tướng.

Tỳ Xá Xà là tên của loại quỷ, dịch là "ăn tinh khí", chuyên hút tinh khí của người và ngũ cốc. Chúng ta là người tu đạo, nếu không đoạn dục khử ái, thì loài quỷ này sẽ đến nhiều loạn. Bạn tu đến trình độ vô lậu, thì chúng chẳng

làm gì được bạn. Nếu bạn chưa đến trình độ vô lậu, thì chúng sẽ đến dẫn dụ bạn rỉ lậu, như thế thì đối với chúng có ích, nhưng có hại đối với bạn. Nên nhớ, đừng để mất đạo nghiệp.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ nhất tên là Trì Quốc. Vì vị này là một trong bốn vị Thiên Vương. Đông phương Trì Quốc Thiên Vương, vị này chuyên hộ trì quốc độ được bình an, khiến cho chúng sinh an cư lạc nghiệp, nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ hai tên là Thụ Quang. Vì quang minh của vị này phóng ra giống như đại thụ, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ ba tên là Tịnh Mục. Vì vị này có cặp mắt thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ tư tên là Hoa Quan. Vì mào của vị này đội dùng hoa làm thành, rất đẹp vô cùng, vừa thơm vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ năm tên là Phổ Âm. Vì âm nhạc của vị này tấu khắp cùng thế gian, các nơi đều nghe được thứ diệu âm này, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ sáu tên là Lạc Giao Động Diệu Mục. Vì vị này thích nhảy múa, vừa ca hát vừa nhảy múa. Mắt của vị này rất đẹp, rất được mọi người hoan nghênh, và mọi người đều muốn nhảy múa với vị này, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ bảy tên là Diệu Âm Sư Tử Tràng. Vì nhạc phổ do vị này làm ra, tấu lên rất hay và êm tai. Âm thanh của vị này ca oai nghiêm như sư tử tràng, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ tám tên là Phổ Phóng Bảo Quang Minh. Vì vị này phóng ra khắp hết thấy quang minh bảy báu, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ chín tên là Kim Cang Thụ Hoa Tràng. Vì vị này dùng hoa cây Kim Cang làm thành tràng báu, không những có hương quang mà còn trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Càn Thát Bà Vương thứ mười tên là Nhạc Phổ Hiện Trang Nghiêm. Vì âm nhạc của vị này tấu, khắp hiện ra rất trang nghiêm, khiến cho người nghe sinh tâm cung kính, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Càn Thát Bà Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều sinh tâm tin hiểu thâm sâu ở trong pháp đại thừa. Hoan hỷ ái trọng siêng tu không mỗi một.

Mười vị Càn Thát Bà Vương này làm thượng thủ trong chúng Càn Thát Bà. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Càn Thát Bà số nhiều không thể tính đếm được.

Những vị Càn Thát Bà Vương này đều tu hành pháp đại thừa. Sinh tâm tin và thấu hiểu rất thâm sâu. Sinh tâm hoan hỷ cho nên ái trọng pháp đại thừa, siêng năng tu pháp đại thừa, không biết mệt mỏi. Ở trên là chúng thứ tám Càn Thát Bà Vương.

Vừa qua đã giảng xong Tám bộ bốn Vương chúng. Dưới đây bắt đầu giảng mười hai chúng chư Thiên thuộc về dục giới và sắc giới.

Mười hai chúng chư thiên thuộc dục giới và sắc giới. Tại dục giới có bảy chúng :

1. Nguyệt Thiên Tử.
2. Nhật Thiên Tử.
3. Tam Thập Tam Thiên Vương.
4. Tu Dạ Ma Thiên Vương.
5. Đâu Xuất Thiên Vương.
6. Hóa Lạc Thiên Vương.
7. Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương.

Tại Sắc giới có năm chúng :

1. Đại Phạm Thiên Vương.
2. Quang Âm Thiên Vương .
3. Biến Tịnh Thiên Vương.
4. Quảng Quả Thiên Vương.
5. Đại Tự Tại Thiên Vương.

Nay lược giới thiệu về thời gian, thọ mạng, thân cao, trọng lượng y phục, của sáu cõi trời thuộc về dục giới.

Thời gian trên trời : Tại nhân gian năm mươi năm, thì bằng một ngày một đêm, ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Tại nhân gian một trăm năm, thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao Lợi. Tại nhân gian hai trăm năm, thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Dạ Ma. Tại nhân gian bốn trăm năm, thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đâu Suất. Tại nhân gian tám trăm năm, thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Tại nhân gian một ngàn sáu trăm năm, thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

Thọ mạng của chư Thiên : Thọ mạng của Tứ Thiên Vương là năm trăm tuổi. Thọ Mạng của chư thiên trời Đao Lợi là một ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Dạ Ma là hai ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Đâu Suất là bốn ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Hóa Lạc là tám ngàn tuổi. Thọ mạng của chư thiên trời Tha Hóa Tự Tại là một vạn sáu ngàn tuổi.

Thân của chư thiên : Thân của Tứ Thiên Vương cao nửa dậm. Thân của chư thiên trời Đao Lợi cao một dậm. Thân của chư thiên trời Dạ Ma cao một dậm rưỡi. Thân của chư thiên trời Đâu Suất cao hai dậm. Thân của chư thiên trời Hóa Lạc cao hai dậm rưỡi. Thân của chư thiên trời Tha Hóa Tự Tại cao ba dậm.

Trọng lượng y phục của các cõi trời : Y phục của trời Tứ Thiên Vương nặng hai mươi lạng. Y phục của trời Đao Lợi sáu lạng. Y phục của trời Dạ Ma ba lạng. Y phục của trời Đâu Suất một lạng rưỡi. Y phục của trời Hóa Lạc một lạng. Y phục của trời Tha Hóa Tự Tại nửa lạng.

Thân cao và thọ mạng của chư thiên sắc giới mười tám cõi trời : Trời thứ nhất là Trời Phạm Chúng, thân cao nửa tiêu do tuần (20 dặm), tuổi thọ nửa tiêu kiếp (tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi tuổi). Trời thứ hai là trời Phạm Phụ, thân cao một tiêu do tuần, thọ mạng một tiêu kiếp. Trời thứ ba trời Đại Phạm, thân cao một do tuần rưỡi, thọ mạng một kiếp rưỡi. Các cõi trời còn lại lấy đây làm tiêu chuẩn.

Vô sắc giới bốn cõi trời, chư Thiên cõi này chẳng có thân thể, chỉ có tư tưởng, nhưng có thọ mạng : Trời thứ nhất : Trời Không Vô Biên Xứ, thọ mạng hai vạn đại kiếp, còn ba cõi trời còn lại là bốn vạn đại kiếp, tám vạn đại kiếp và mười sáu vạn đại kiếp.

Lại có vô lượng Nguyệt Thiên Tử. Đó là : Thiên Tử Nguyệt. Thiên Tử Hoa Vương Kế Quang Minh. Thiên Tử Chúng Diệu Tịnh Quang Minh. Thiên Tử An Lạc Thế Gian Tâm. Thiên Tử Thụ Vương Nhân Quang Minh. Thiên Tử Thị Hiện Thanh Tịnh Quang. Thiên Tử Phổ Du Bất Động Quang. Thiên Tử Tinh Tú Vương Tự Tại. Thiên Tử Tịnh Giác Nguyệt. Thiên Tử Đại Oai Đức Quang Minh.

Lại có vô lượng vô biên Nguyệt Thiên Tử. Nguyệt Thiên Tử tức gọi chung là mặt trăng. Nguyệt còn có tên gọi là thái âm, bây giờ phân làm tên gọi mười vị Thiên tử.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ nhất đó là Thiên Tử Nguyệt. Nguyệt nghĩa là khuyết, có lúc thiếu khuyết, vẫn mát vẫn chiếu, biểu thị Bồ Tát đắc được tâm từ bi mát mẻ, chiếu màn đêm sinh tử, khiến cho chúng sinh ra khỏi biển sinh tử.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ hai tên là Hoa Vương Kế Quang Minh. Vì trong hoa vương kế của vị này phóng ra quang minh, chiếu đến thân chúng sinh, khiến cho họ đắc được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ ba tên là Chúng Diệu Tịnh Quang Minh. Vì vị này có quang minh vi diệu thanh tịnh, chiếu sáng chúng sinh, khiến cho họ đắc được trí huệ, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ tư tên là An Lạc Thế Gian Tâm. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh thế gian đắc được an lạc, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ năm tên là Thụ Vương Nhân Quang Minh. Vì vị này thanh tịnh quang minh, giống như đại thụ vương, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ sáu tên là Thị Hiện Thanh Tịnh Quang. Vì vị này thị hiện khắp tất cả thế giới, đều có quang minh thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ bảy tên là Phổ Du Bất Động Quang. Vì vị này chu du khắp mười phương thế giới, mà quang minh chẳng động, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ tám tên là Tinh Tú Vương Tự Tại. Vì vị này là vua trong tinh tú, lại tự tại tiêu dao, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ chín tên là Tịnh Giác Nguyệt. Vì vị này giác hạnh thanh tịnh viên mãn như ánh sáng mặt trăng, cho nên được tên này.

Vị Nguyệt Thiên Tử thứ mười tên là Đại Oai Đức Quang Minh. Vì vị này có đại oai đức, đại quang minh, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Nguyệt Thiên Tử như vậy làm thượng thủ, các vị đó đều siêng năng hiển hiện tâm bảo của chúng sinh.

Mười vị Nguyệt Thiên Tử này, đều làm thượng thủ trong chúng Nguyệt Thiên Tử. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Nguyệt Thiên Tử không thể tính đếm được.

Những vị Thiên Tử này, đều tinh tấn tu tập Bồ Tát giống như trăng sáng ở trong hư không, tùy nước lắng trong ở trong tâm chúng sinh, liền hiển hiện ra mặt trăng sáng. Do đó có câu :

“ Phật pháp như trăng sáng,

Lơ lửng trên bầu trời,

Tâm chúng sinh thanh tịnh,

Bóng bồ đề hiện ở trong.”

Tức là đạo lý "ngàn cái ao nước đều có ngàn mặt trăng", trên đây là chúng thứ nhất Nguyệt Thiên Tử.

Lại có vô lượng Nhựt Thiên Tử. Đó là : Thiên Tử Nhựt. Thiên Tử Quang Diệm Nhân. Thiên Tử Tu Di Quang Khả Úy Kính Tràng. Thiên Tử Ly Cấu Bảo Trang Nghiêm. Thiên Tử Dũng Mãnh Bất Thối Chuyển. Thiên Tử Diệu Hoa Anh Quang Minh. Thiên Tử Tối Thắng Tràng Quang Minh. Thiên Tử Bảo Kế Phổ Quang Minh. Thiên Tử Quang Minh Nhân. Thiên Tử Trì Thắng Đức. Thiên Tử Phổ Quang Minh.

Lại có vô lượng vô biên Nhựt Thiên Tử. Nhựt Thiên Tử gọi chung là mặt trời. Bây giờ đại diện gồm có mười vị.

Nhựt Thiên Tử. Nhựt ý nghĩa là "thật", vì thường sung thật, vừa nóng vừa chiếu sáng, biểu thị trí huệ sở chiếu của Bồ Tát. Nhựt dùng dương đức, Nguyệt dùng âm linh. Một thường phá đen tối, biểu thị căn bản phá hoặc ;

một thường mát mẻ, biểu thị đức dày lợi ích vạn vật. Đó là công đức của Nhựt, Nguyệt (mặt trời, mặt trăng).

Vị Nhựt Thiên Tử thứ nhất tên là Quang Diệm Nhân. Vì mắt của vị này phóng ra quang minh như lửa ngọn, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ hai tên là Tu Di Quang Khả Úy Kính Tràng. Vì vị này có quang minh cao như núi Tu Di, khiến cho người thấy sinh tâm kính sợ, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ ba tên là Ly Cầu Bảo Trang Nghiêm. Vì vị này có bảo châu khử dơ bẩn, quét bụi trần, vừa thanh tịnh vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ tư tên là Dũng Mãnh Bất Thối Chuyên. Vì vị này có tâm dũng mãnh tinh tấn, chỉ hướng đến trước mà không lùi về sau, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ năm tên là Diệu Hoa Anh Quang Minh. Vì vị này có chuỗi diệp hoa, có quang minh như cầu vòng, năm quang mười sắc, sáng lạng khả ái, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ sáu tên là Tối Thắng Tràng Quang Minh. Vì vị này có tràng quang minh thù thắng nhất, thứ quang minh này không thể so sánh phỏng theo được, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ bảy tên là Bảo Kế Phổ Quang Minh. Vì bảo kế của vị này phóng ra quang minh chiếu khắp tất cả thế gian, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ tám tên là Quang Minh Nhân. Vì mắt của vị này phóng ra một thứ quang minh đặc biệt thù thắng, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ chín tên là Trì Thắng Đức. Vì đức hạnh của vị này thù thắng nhất, không ai sánh kịp, cho nên được tên này.

Vị Nhựt Thiên Tử thứ mười tên là Phổ Quang Minh. Vì vị này phóng quang minh chiếu sáng khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đắc được trí huệ, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Nhựt Thiên Tử như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu tập lợi ích, và làm tăng trưởng căn lành của chúng sinh.

Mười vị Nhựt Thiên Tử này làm thượng thủ trong các chúng Nhựt Thiên Tử, ngoài ra còn có vô lượng vô biên, không cách chi tính đếm được.

Những vị Nhựt Thiên Tử này, đều siêng tu tập pháp đại thừa, lợi ích tất cả chúng sinh, và làm tăng trưởng căn lành của chúng sinh. Người chưa trồng căn lành, thì khiến cho họ trồng căn lành, người đã trồng căn lành, thì khiến cho sinh trưởng, người căn lành đã sinh trưởng, thì khiến cho thành thực, người căn lành đã thành thực, thì khiến cho được giải thoát. Ở trên là chúng thứ hai Nhựt Thiên Tử.

Lại có vô lượng Tam Thập Tam Thiên Vương. Đó là : Thích Ca Nhân Đà La Thiên Vương. Phổ Xung Mãn Âm Thiên Vương. Từ Mục Bảo Kế Thiên Vương. Bảo Quang Tràng Danh Xung Thiên Vương. Phát Sinh Hỷ Lạc Kế Thiên Vương. Khả Ái Lạc Chánh Niệm Thiên Vương. Tu Di Thắng Âm Thiên Vương. Thành Tựu Niệm Thiên Vương. Khả Ái Lạc Tịnh Hoa Quang Thiên Vương. Trí Nhứt Nhãn Thiên Vương. Tự Tại Quang Minh Năng Giác Ngộ Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Tam Thập Tam Thiên Vương. Trời Tam Thập Tam tức là trời Đao Lợi, là tầng trời thứ hai thuộc về dục giới. Trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di, chưa rời khỏi mặt đất, cho nên gọi là "địa cư thiên". Phương đông của trời Đao Lợi có tám trời, phương nam có tám trời, phương tây có tám trời, phương bắc có tám trời. Để Thích một trời ở chính giữa cộng thành trời Tam Thập Tam (ba mươi ba tầng trời).

Trong quá khứ có một tín nữ, thấy một tượng Phật cũ tróc sơn, chùa cũng hư hoại, do đó phát tâm trùng tu, đi khắp nơi lạc quyên, thì có ba mươi hai người nữ cùng phát tâm, sửa chữa ngôi chùa này, và trang nghiêm tượng Phật. Người có chí việc tất thành, trải qua thời gian cuối cùng đã thành công. Chùa làm mới lại, tượng Phật trang nghiêm bằng vàng rất đẹp. Nhờ công đức đó, chết rồi được sinh lên trời làm thiên chủ. Ba mươi hai người nữ đó làm thiên chủ cõi trời Tam Thập Nhị, cộng với người nữ chủ xưởng công đức thành thiên chủ trời Tam Thập Tam.

Vị thiên chủ này gọi là Thích Đề Hoàn Nhân (còn gọi là Ngọc Hoàng thượng đế). Thành của vị này ở gọi là Thành Thiện Kiến, dùng vàng ròng làm thành, chính giữa thành có một lầu các, dùng bảy báu tạo thành, tức là cung điện của thiên chủ.

Nói về Thích Ca Nhân Đà La. Thích Ca dịch là "năng nhân". Nhân Đà La dịch là "chủ", nếu nói đầy đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La, gọi tắt là Thích Đề Hoàn Nhân. Đề Hoàn dịch là "thiên", tức là nhân thiên chủ. Vì dụ dỗ khuyến thiện, cho nên được làm chúa trời.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ nhất tên là Phổ Xung Mãn Âm. Vì vị này có đức hạnh, cho nên khắp nơi đều xưng dương, tán thán ca tụng, âm thanh vang dội khắp trời đất, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ hai tên là Từ Mục Bảo Kế. Vì mắt của vị này rất từ bi, lại có bảo kế, phóng đại quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ ba tên là Bảo Quang Tràng Danh Xung. Vì vị này dùng quang minh bảy báu để trang nghiêm tràng báu, trở thành danh xưng cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ tư tên là Phát Sinh Hỷ Lạc Kế. Vì bảo kế của vị này phóng quang minh, khi chúng sinh thấy được, thì sinh tâm hoan hỷ và khoái lạc, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ năm tên là Khả Ái Lạc Chánh Niệm. Vì vị này có chánh niệm, cho nên được người ái kính, khiến cho người vui thích, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ sáu tên là Tu Di Thắng Âm. Vì vị này có âm thanh thù thắng, siêu hơn núi Tu Di, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ bảy tên là Thành Tụ Niệm. Vì vị này khiến cho chúng sinh, đạt thành tâm nguyện, thành tựu thiện niệm của chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ tám tên là Khả Ái Lạc Tịnh Hoa Quang. Vì vị này là mắt lành từ bi, bất cứ ai thấy thì đều phát tâm cung kính, vui thích. Đức hạnh của vị này thanh tịnh như ánh sáng hoa sen, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ chín tên là Trí Nhựt Nhãn. Vì vị này có mắt trí huệ, sáng như ánh sáng mặt trời, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương Tam Thập Tam thứ mười tên là Tụ Tại Quang Minh Năng Giác Ngộ. Vì vị này vừa tụ tại vừa quang minh, năng giác ngộ tất cả chúng sinh, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Tam Thập Tam Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng phát khởi nghiệp rộng lớn của tất cả thế gian. Mười vị Thiên Vương Tam Thập Tam này, làm thượng thủ trong chúng Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên nhiều chẳng thể tính đếm được.

Những vị Thiên Vương Tam Thập Tam này đều rất tinh tấn, phát khởi nghiệp rộng lớn, cùng tu hành với tất cả chúng sinh, học tập Phật pháp, trồng nhân bồ đề, kết quả bồ đề, đó là thành tựu nghiệp của Phật.

Tại sao chư Thiên thích con người làm thiện ? Vì A Tu La đố kỵ trên trời có vị cam lồ, chư Thiên muốn cầu nữ sắc của A Tu La, cho nên bị chỗ này mà thường phát sinh chiến tranh. Đế Thích biết A Tu La sớm muốn đến tác chiến trước, mới phái người đến nhân gian tuần tra, quán sát nếu người làm thiện nhiều, thì người trời sẽ thắng, nếu người làm ác nhiều, thì người trời sẽ thất bại. Cho nên khuyên người đời hướng thiện, gặp kẻ ác nhất định phải trừng phạt. Người thiện nhiều thì quyền thuộc chư Thiên cũng nhiều. Người ác nhiều thì quyền thuộc A Tu La cũng nhiều. Vì có quan hệ như thế, cho nên chư Thiên hy vọng tất cả chúng sinh siêng làm công đức lành, tiêu diệt tội lỗi. Đó là mục đích của chúa trời giáo hóa chúng sinh, cũng là biện pháp giải cứu duy nhất. Trên đây là chúng thứ ba Tam Thập Tam Thiên Vương.

Lại có vô lượng Tu Dạ Ma Thiên Vương. Đó là : Thiện Thời Phần Thiên Vương. Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương. Vô Tận Huệ Công Đức

Tràng Thiên Vương. Thiện Biến Hóa Đoan Nghiêm Thiên Vương. Tổng Trì Đại Quang Minh Thiên Vương. Bất Tur Nghi Trí Huệ Thiên Vương. Luân Tề Thiên Vương. Quang Diệm Thiên Vương. Quang Chiếu Thiên Vương. Phổ Quán Sát Đại Danh Xưng Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Tu Dạ Ma Thiên Vương. Trời Tu Dạ Ma là tầng trời thứ ba thuộc dục giới, ở trên không núi Tu Di, đã tách khỏi mặt đất, cho nên gọi là "cư không thiên" (trời ở trên không). Tu, dịch là "thiện", Dạ Ma, dịch là "thời", vì tùy thời thọ hưởng dục lạc, cho nên gọi là Trời Thiện Thời Phần.

Cõi trời này chẳng có ánh sáng mặt trời mặt trăng, dùng hoa sen nở và khép lại làm ngày và đêm. Hoặc là hoa sen đỏ nở làm ngày, hoa sen trắng nở làm ban đêm, cho nên gọi là Trời Thời Phần.

Cõi trời này tự nhiên có ánh sáng. Thân chư Thiên tự phóng ra ánh sáng, chiếu khắp trời đất. Người tu thượng phẩm mười điều lành và thiện định, thì có thể sinh về cõi trời này, hưởng thọ khoái lạc đặc biệt thù thắng. Nhưng phước trời hưởng hết rồi, thì trở lại luân hồi tùy theo nghiệp lực mà thọ sinh tử.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ nhất tên là Thiện Thời Phần. Vì vị này là chúa cõi Trời Tu Dạ Ma, quản lý chúng sinh cõi trời này, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ hai tên là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vì vị này thích khoái lạc và thích quang minh, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ ba tên là Vô Tận Huệ Công Đức Tràng. Vì vị này có trí huệ vô cùng vô tận, lại có công đức vô lượng vô biên sáng giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ tư tên là Thiện Biến Hóa Đoan Nghiêm. Vì vị này khéo về biến hóa vừa đoan chánh vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ năm tên là Tổng Trì Đại Quang Minh. Vì vị này tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa, có cảnh giới đại phóng quang minh không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ sáu tên là Bất Tur Nghi Trí Huệ. Vì vị này có đại trí huệ không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ bảy tên là Luân Tề. Vì vị này quản lý chúng sinh, trong sáu nẻo về vấn đề sinh sinh tử tử, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ tám tên là Quang Diệm. Vì quang minh của vị này phóng ra thường có lửa ngọn, chiếu thấu triệt tất cả đen tối, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ chín tên là Quang Chiếu. Vì vị này phóng quang chiếu khắp thế gian, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ mười tên là Phổ Quán Sát Đại Danh Xung. Vì vị này quán sát khắp hết tất cả chúng sinh trong thế gian, ai có đại danh xung, ai là đại thiện nhân, ai là đại hiếu tử, ai là người tu hành, ai là người có đạo đức, do đó được tên này.

Có vô lượng số Tu Dạ Ma Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị đó đều siêng năng tu tập căn lành rộng lớn, tâm thường hoan hỷ biết đủ. Mười vị Tu Dạ Ma Thiên Vương này làm thượng thủ trong các Thiên Vương. Số lượng các Thiên Vương cũng vô lượng vô biên, không thể tính đếm được.

Những vị Tu Dạ Ma Thiên Vương này đều siêng tinh tấn tu hành và học tập, tu căn lành rộng lớn tức là tu phước tu huệ. Đồng thời tu học vô thượng Phật đạo, tức là nghiên cứu Kinh điển, y giáo phụng hành. Cho nên tâm của họ thường thanh tịnh khoái lạc không sâu lo, thường sinh hoan hỷ và tri túc. Do đó : "Sự năng tri túc tâm thường lạc." Hễ luôn biết đủ tâm thường an lạc.

Lại có các vị Đâu Suất Đà Thiên Vương, nhiều không thể nghĩ bàn. Đó là : Tri Túc Thiên Vương. Hỷ Lạc Hải Kế Thiên Vương. Tối Thắng Công Đức Tràng Thiên Vương. Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương. Khả Ái Lạc Diệu Mục Thiên Vương. Bảo Phong Tịnh Nguyệt Thiên Vương. Tối Thắng Dũng Kiện Lực Thiên Vương. Kim Cang Diệu Quang Minh Thiên Vương. Tinh Tú Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương. Khả Ái Lạc Trang Nghiêm Thiên Vương.

Lại có các vị Đâu Suất Đà Thiên Vương số nhiều không thể nghĩ bàn. Đâu Suất Đà dịch là "tri túc" (biết đủ), hoặc là "hỷ túc". Vì hoan hỷ tri túc, chẳng có tâm tham. Cung trời này phân làm nội viện và ngoại viện. Phạm là Bồ Tát bồ làm Phật, đều ở nội viện này, đợi khi nhân duyên chín mùi, thì nương voi trắng sáu ngà hàng lâm xuống nhân gian để làm giáo chủ. Giáo chủ vị lai là Bồ Tát Di Lạc. Bây giờ Ngài đang ở nội viện, giảng Kinh thuyết pháp. Đợi kiếp tăng đến bốn vạn tám ngàn tuổi, lại giảm xuống còn tám vạn tuổi, thì Ngài hàng lâm xuống nhân gian. Lúc đó máu huyết con người màu trắng. Bây giờ bạn nhất định không tin, nhưng đến lúc đó không tin cũng sẽ tin.

Bồ Tát Di Lạc tu từ tâm tam muội, pháp môn biết đủ an vui, cho nên Thiên chúng ở đây chẳng có phiền não, chẳng có đau khổ, chỉ có khoái lạc. Tại sao ? Vì biết đủ cho nên tâm thường an lạc.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Tri Túc. Vì vị này luôn luôn biết đủ, cho nên tâm thường khoái lạc. Nhân được thì yên, biết đủ thì vui, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Hỷ Lạc Hải Kế. Vì vị này hoan hỷ khoái lạc nhất, tuyệt đối chẳng có phiền não, tâm của vị này rộng lớn như biển cả, ý niệm thanh tịnh như bảo kế, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Tối Thắng Công Đức Tràng. Vì công đức của vị này thù thắng nhất, trang nghiêm mà sáng giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tịch Tĩnh Quang. Vì quang minh của vị này tịch tĩnh, thanh tịnh đến cực điểm, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Ái Lạc Diệu Mục. Vì mắt của vị này mỹ diệu phi thường, thường phóng quang minh, ai thấy cũng đều sinh tâm hoan hỷ, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Bảo Phong Tịnh Nguyệt. Vì vị này giống như núi Bảo Phong, lại giống như trăng thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Tối Thắng Dũng Kiện Lực. Vì vị này có đại lực thù thắng chẳng sánh được, lại dũng cảm và kiên tráng, do đó mà đánh thắng được A Tu La, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Kim Cang Diệu Quang Minh. Vì thân thể của vị này là Kim Cang làm thành, thường phóng ra quang minh vi diệu, anh dũng thiện chiến, A Tu La từ xa thấy hình mà sợ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Tinh Tú Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này có thần thông lực, khiến được Nhị thập bát tú đều đến trang nghiêm tràng báu này, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Khả Ái Lạc Trang Nghiêm. Vì vị này có tướng trang nghiêm thù thắng, khiến cho chúng sinh sanh ra vui thích và khoái lạc, cho nên được tên này.

Có các vị Đâu Suất Đà Thiên Vương, số nhiều không thể nghĩ bàn như vậy làm thượng thủ. Các vị đó đều siêng năng trì niệm danh hiệu của tất cả các Đức Phật.

Mười vị trời Đâu Suất Đà này làm thượng thủ trong Đâu Suất Đà Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên số Thiên Vương nhiều không thể nghĩ bàn.

Những vị Thiên Vương này đều luôn luôn niệm Phật, trì danh hiệu các đức Phật trong mười phương ba đời, tinh tấn lại tinh tấn, không giải đãi phóng dật, thường niệm danh hiệu Phật. Ở trên là chúng thứ năm Đâu Suất Đà Thiên Vương.

Lại có vô lượng Hóa Lạc Thiên Vương. Đó là : Thiện Biến Hóa Thiên Vương. Tịch Tĩnh Âm Quang Minh Thiên Vương. Biến Hóa Lực Quang Minh Thiên Vương. Trang Nghiêm Chủ Thiên Vương. Niệm Quang Thiên Vương. Tối Thượng Vân Âm Thiên Vương. Chúng Diệu Tối Thắng Quang Thiên Vương. Diệu Kế Quang Minh Thiên Vương. Thành Trụ Hỷ Huệ Thiên Vương. Hoa Quang Kế Thiên Vương. Phổ Kiến Thập Phương Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Hóa Lạc Thiên Vương. Hóa là biến hóa, lạc là lạc đủ. Thiên chúng cõi trời này, bằng phước lực của mình, có cảnh giới toại tâm như ý, những gì mà mình mong muốn, biến hóa ra được các loại âm nhạc, ai ai cũng có thiên tài diễn tấu âm nhạc, lại có năng lực thưởng thức âm nhạc, cho nên ở cõi trời này chỉ biết vui mà không biết buồn.

Nói về Thiện Biến Hóa Thiên Vương, vị Thiên Vương này khéo về biến hóa, biến hóa ra các loại nhạc khí mà tự vui vẻ, tuyệt đối không xâm phạm người khác, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Tịch Tĩnh Âm Quang Minh. Vì âm thanh của vị này tịch tĩnh, tuy nhiên tịch tĩnh nhưng có quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Biến Hóa Lực Quang Minh. Vì sức biến hóa của vị này không thể nghĩ bàn, biến hóa ra bảy báu để trang nghiêm cung điện, lại biến hóa ra hoa sen năm màu thanh tịnh, đều sáng lạng chẳng có gì sánh được, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Trang Nghiêm Chủ. Vì vị này trang nghiêm cung điện của chư Thiên, lại trang nghiêm tất cả đạo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Niệm Quang. Vì vị này thường niệm Phật, từ trong miệng phóng ra quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Tối Thượng Âm Vân. Vì âm thanh của vị này tối cao, cao thâu tận trên mây, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Chúng Diệu Tối Thắng Quang. Vì vị này có rất nhiều cảnh giới không nghĩ bàn, không những tối thù thắng mà còn sáng nhất, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Diệu Kế Quang Minh. Vì diệu kế của vị này thường phóng quang minh, chiếu khắp thế gian, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Thành Trụ Hỷ Huệ. Vì vị này thành tựu được trí huệ hỷ lạc, khiến cho chúng sinh cũng thành tựu trí huệ này, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Hoa Quang Kế. Vì quang minh hoa sen của vị này giống như bảo kế, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Phổ Kiến Thập Phương. Vì vị này ngồi tại bốn tòa, mà thấy khắp tất cả thế giới trong mười phương, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Hóa Lạc Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị đó đều siêng năng điều phục tất cả chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát.

Mười vị Hóa Lạc Thiên Vương này làm thượng thủ trong Hóa Lạc Thiên Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên, không cách chi tính đếm được.

Những vị Hóa Lạc Thiên Vương này, đều siêng năng điều phục, những chúng sinh không nghe lời, khiến cho họ tuân theo quy cụ giữ giới luật, đắc được pháp môn giải thoát, ra khỏi ba cõi biên sinh tử, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Trên đây là chúng thứ sáu Hóa Lạc Thiên Vương.

Lại có vô lượng Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương. Đó là : Đắc Tự Tại Thiên Vương. Diệu Mục Chủ Thiên Vương. Diệu Quan Tràng Thiên Vương. Dũng Mãnh Huệ Thiên Vương. Diệu Âm Cú Thiên Vương. Diệu Quang Tràng Thiên Vương. Tịch Tĩnh Cảnh Giới Môn Thiên Vương. Diệu Luân Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương. Hoa Nhị Huệ Tự Tại Thiên Vương. Nhân Đà La Lặc Diệu Trang Nghiêm Quang Minh Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương. Thiên Vương này có thể biến hóa âm nhạc của các cõi trời khác, đến chỗ của mình để thưởng thức hưởng thụ. Các vị Thiên Vương này đem khoá lạc của người khác làm khoá lạc của chính mình, biểu thị đắc được tự tại. Đây là tầng trời cao nhất của dục giới, cũng là cõi trời khoá lạc nhất. Vì khoá lạc nhất, cho nên rất dễ khiến cho người tham thiền định lực không đủ, dễ bị đọa lạc ở trong sáu nẻo. Chỗ tu đạo lý tưởng nhất là ở tại nhân gian. Tại nhân gian khổ nhiều vui ít, khiến cho người tu hành tinh tấn, do đó có câu :

"Thân người khó được nay đã được,
Phật pháp khó nghe nay đã nghe,
Đời nay không độ được thân này,
Còn đợi bao giờ độ thân này".

Hai câu trước đã được rồi, còn hai câu sau phải thiết thật tu hành.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Đắc Tự Tại. Vì vị này đắc được tự do tự tại, vô câu vô thúc, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Diệu Mục Chủ. Vì mắt của vị này đẹp phi thường, là chủ của ngũ quan, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Diệu Quan Tràng. Vì vị này đội mũ vua rất mỹ lệ, giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Dũng Mãnh Huệ. Vì vị này có trí huệ rất dũng mãnh tinh tấn hướng về phía trước, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Diệu Âm Cú. Vì vị này có âm thanh rất hay và êm tai, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Diệu Quang Tràng. Vì diệu quang minh của vị này phóng ra trang nghiêm giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Tịch Tĩnh Cảnh Giới Môn. Vì vị này có định lực, bất cứ cảnh giới gì đến cũng đều không động tâm, tĩnh như mặt hồ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Diệu Luân Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này có bánh xe thần diệu không thể nghĩ bàn, trang nghiêm như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Hoa Nhị Huệ Tự Tại. Vì vị này có trí huệ liên hoa nhị, tự tại phi thường, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Nhân Đà La Lực Diệu Trang Nghiêm Quang Minh. Vì vị này có lực lượng rất tôn trọng, mới có trí huệ quang minh vi diệu trang nghiêm, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu tập, pháp môn tự tại phương tiện rộng lớn.

Mười vị Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương này, làm thượng thủ trong chúng Thiên Vương, ngoài còn có vô lượng vô biên Thiên Vương.

Những vị Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương này, đều siêng tinh tấn tu tập, pháp môn tự tại phương tiện rộng lớn vô ngại. Ở trên là chúng thứ bảy Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương.

Bây giờ đã giảng xong tên của bảy chúng của cõi dục giới. Dưới đây là giải thích tiếp theo tên của năm chúng thuộc về sắc giới.

Lại có Đại Phạm Thiên Vương số đông không thể đếm được. Đó là : Thi Khí Thiên Vương. Huệ Quang Thiên Vương. Thiện Huệ Quang Minh Thiên Vương. Phổ Vân Âm Thiên Vương. Quán Thế Ngôn Âm Tự Tại Thiên Vương. Tịch Tĩnh Quang Minh Nhân Thiên Vương. Quang Biến Thập Phương Thiên Vương. Biến Hóa Âm Thiên Vương. Quang Minh Chiếu Diệu Nhân Thiên Vương. Duyệt Ý Hải Âm Thiên Vương.

Lại có Đại Phạm Thiên Vương số không thể đếm được. Phạm dịch là "tịch tĩnh thanh tịnh", tức là thanh khiết tịch tĩnh lia dục không nhiễm. Đại Phạm Thiên Vương là trời thứ ba thuộc về sắc giới, cũng là trời thứ ba trong trời Sơ Thiên.

Thiên Vương Đại Phạm Thiên tên là Thi Khí dịch là "trì kế", vì trên đầu của vị này có nhục kế, dung mạo giống như đồng tử, thân màu bạch ngân, y

phục màu vàng thật, dùng thiền duyệt làm thức ăn, pháp hỷ làm vui. Vị này tin sâu chánh pháp, hoằng dương chánh pháp. Mỗi khi đức Phật ra đời thì, vị này đầu tiên đến thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Thi Khí. Vì vị này tu hạnh thanh tịnh, đoạn dâm tuyệt dục, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Huệ Quang. Vì vị này có trí huệ quang chiếu khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Thiện Huệ Quang Minh. Vì vị này có trí huệ quang minh toàn thiện nhất, thanh tịnh nhất, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Phổ Âm Vân. Vì vị này có âm thanh như sấm sét, vang khắp hư không, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Quán Thế Ngôn Âm Tự Tại. Vì vị này tự tại không động tòa ngồi, mà quán sát được ngôn ngữ và âm thanh của tất cả thế giới, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Tịch Tĩnh Quang Minh Nhãn. Vì vị này tu thiền na tam muội, do đó vừa tịch tĩnh vừa quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Quang Biến Thập Phương. Vì trí huệ quang minh của vị này chiếu sáng mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Biến Hóa Âm. Vì vị này có thể dùng một thứ âm thanh biến hóa làm các thứ âm thanh, tùy chỗ nghe âm thanh của chúng sinh mà biến hóa ra, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Quang Minh Chiếu Diệu Nhãn. Vì vị này khiến cho chúng sinh, đắc được sự chiếu sáng của quang minh, sinh ra một thứ khoái lạc, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Duyệt Ý Hải Âm. Vì vị này khiến cho chúng sinh, nghe đến âm thanh như biển cả, mà sinh ra tâm đại hoan hỷ, cho nên được tên này.

Có số Thiên Vương Đại Phạm Thiên, nhiều bất khả xưng như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều đầy đủ tâm đại từ bi, thương xót chúng sinh, phóng quang chiếu khắp, khiến cho chúng sinh đắc được khoái lạc.

Mười vị Đại Phạm Thiên Vương này làm thượng thủ trong Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Đại Phạm Thiên Vương không thể tính đếm được.

Những vị Thiên Vương này đều có đủ tâm đại từ đại bi, ái hộ tất cả chúng sinh, thương xót tất cả chúng sinh, cho nên phát tâm cứu chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên phóng đại quang minh chiếu khắp chúng sinh đáng độ

được, khiến cho họ đều đắc được thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Ở trên là chúng thứ tám Đại Phạm Thiên Vương.

Lại có vô lượng Quang Âm Thiên Vương. Đó là : Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương. Thanh Tịnh Diệu Quang Thiên Vương. Năng Tự Tại Âm Thiên Vương. Tối Thắng Niệm Trí Thiên Vương. Khả Ái Lạc Thanh Tịnh Diệu Âm Thiên Vương. Thiện Tư Duy Âm Thiên Vương. Phổ Âm Biến Chiếu Thiên Vương. Thâm Thâm Quang Âm Thiên Vương. Vô Cấu Xưng Quang Minh Thiên Vương. Tối Thắng Tịnh Quang Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Quang Âm Thiên Vương. Quang Âm nghĩa là dùng quang để thay thế âm thanh. Trời Quang Âm là trời thứ ba Đệ Nhị Thiên, tức cũng là trời thứ sáu thuộc về sắc giới. Chư thiên cõi trời này, từ miệng phóng quang, người thấy được quang này, liền biết là ý nghĩa gì. Họ chẳng có lời nói, chẳng có vọng tưởng. Họ dùng thân tâm phóng ra trí tuệ quang minh, để giáo hóa chúng sinh, thần thông của họ hóa hiện tất cả. Khi bị hỏa tai thì lửa thiêu đến trời Sơ Thiên. Chư thiên cõi này đến Trời Quang Âm tị nạn. Đợi kiếp thành thì Quang Âm Thiên Vương dùng sức thần thông làm mưa lớn, để dập tắt lửa mà thành thế giới. Lúc đó chư thiên trời Quang Âm bèn đến thế giới để khuyến con người hướng thiện.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vì quang minh của vị này phóng ra thanh tịnh khả ái phi thường, khiến cho chúng sinh đều sinh hoan hỷ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Thanh Tịnh Diệu Quang. Vì quang minh của vị này phóng ra thanh tịnh vi diệu, khiến cho chúng sinh trí huệ ngày càng tăng trưởng, thân tâm đắc được thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Năng Tự Tại Âm. Vì âm thanh của vị này tự tại, cũng khiến cho chúng sinh đắc được tự tại, không khổ không sầu, không sinh không diệt, thành tựu giải thoát cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tối Thắng Niệm Trí. Vì vị này có trí huệ thù thắng nhất, viên mãn nhất, khiến cho chúng sinh sanh ra tâm niệm thường niệm Tam Bảo, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Khả Ái Lạc Thanh Tịnh Diệu Âm. Vì diệu âm của vị này khiến cho chúng sinh đắc được an lạc, chẳng có phiền não, trong tâm thanh tịnh, chẳng có vọng tưởng, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Thiện Tư Duy Âm. Vì âm thanh của vị này, khiến cho chúng sinh nghe đến khéo tư duy, bèn không suy nghĩ việc ác nữa, mà phát bồ đề tâm, sinh ra trí huệ giác ngộ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Phổ Âm Biến Chiếu. Vì diệu âm của vị này, chiếu sáng khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đắc được quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Thâm Thâm Quang Âm. Vì vị này ái hộ chúng sinh phi thường, vị này dùng quang minh và âm thanh, để giáo hóa chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Vô Cấu Xung Quang Minh. Vì quang minh của vị này, thanh tịnh chẳng có trần cấu, chiếu khắp chúng sinh, chúng sinh cần bao nhiêu thì dùng bấy nhiêu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Tối Thắng Tịnh Quang. Vì vị này có quang minh thù thắng nhất thanh tịnh nhất, chiếu sáng tất cả chúng sinh, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Quang Âm Thiên Vương như vậy làm thượng thủ, các vị này đều trụ pháp môn, vô ngại hỷ lạc tịch tĩnh rộng lớn.

Mười vị Quang Âm Thiên Vương này làm thượng thủ trong chúng Trời Quang Âm. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên bất khả tư nghì số Quang Âm Thiên Vương.

Những vị Quang Âm Thiên Vương này, đều đắc được pháp môn, vô ngại hỷ lạc tịch tĩnh rộng lớn. Rộng lớn tức là vô ngại, hỷ lạc tức là tịch tĩnh. Rộng lớn là tán, tịch tĩnh là định. Bất cứ tán cũng ở trong định, định cũng ở trong định. Các vị ấy không thể bỏ động mà cầu tĩnh, cho nên gọi là rộng lớn. Các vị ấy đắc được vị thiên mà chẳng chấp trước vị thiên, cho nên vô ngại. Đó là pháp môn vô ngại. Ở trên là chúng thứ chín tên của mười vị Quang Âm Thiên Vương.

Lại có vô lượng Biến Tịnh Thiên Vương. Đó là : Thanh Tịnh Danh Xung Thiên Vương. Tối Thắng Kiến Thiên Vương. Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương. Tu Di Âm Thiên Vương. Tịnh Niệm Nhân Thiên Vương. Khả Ái Lạc Tối Thắng Quang Chiếu Thiên Vương. Thế Gian Tự Tại Chủ Thiên Vương. Quang Diệm Tự Tại Thiên Vương. Lạc Tư Duy Pháp Biến Hóa Thiên Vương. Biến Hóa Tràng Thiên Vương. Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Biến Tịnh Thiên Vương. Biến Tịnh là hoàn toàn chẳng có tâm hoan hỷ, đắc được diệu lạc thuần chân thanh tịnh. Trời Biến Tịnh là trời thứ ba Đệ Tam Thiên, tức cũng là trời thứ chín thuộc sắc giới. Cõi trời này khoái lạc nhất, rất dễ khiến cho người tu thiên đọa lạc, cho nên một số người tu thiên không tu thiên định này, mà cấp tốc đến trời Tứ Thiên. Cuối thời kỳ sáu mươi bốn đại kiếp sẽ có nạn gió lớn. Nạn gió lớn này san

bằng cõi trời Tam Thiên, ngoài ra các cõi trời khác cũng không tránh khỏi đại kiếp này, do đó :

"Chư thiên sáu cõi trời dục giới

Đủ năm điều suy,

Trời Tam Thiên có nạn gió,

Nếu tu đến trời Phi Phi Tướng,

Chẳng bằng đi đến cõi Tây Phương."

Từ bài kệ này chúng ta thấy pháp môn niệm Phật rất thuận tiện và quan trọng, không lãng phí thì giờ, mà chắc chắn được vãng sinh.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Thanh Tịnh Danh Xung. Vì vị này đã đắc được trí huệ thanh tịnh, nhìn xuyên thủng đối với các pháp nhiễm ô, buông bỏ đặng, danh đồn của vị này truyền khắp thế gian, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Tối Thắng Kiến. Vì kiến giải của vị này thù thắng nhất, thông minh nhất, đều là chánh tri chánh kiến mà chẳng có tà tri tà kiến, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Tịch Tĩnh Đức. Vì vị này có đức hạnh tam muội thiên định thanh tịnh, làm tất cả việc thiện, không để cho ai biết, tức là mật hạnh. Người xưa nói :

"Việc thiện mà muốn cho người thấy,

Chẳng phải là chân thiện.

Việc ác mà sợ người biết, là đại ác."

Chúng ta là người tu đạo, nên ghi khắc hai câu này làm châm ngôn. Phải minh bạch thật nghĩa tịch tĩnh, đừng dụng công phu ở trên danh lợi, phải từ bỏ danh lợi thì sẽ đắc được đức tịch tĩnh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tu Di Âm. Vì âm thanh của vị này cao diệu phi thường, khiến cho tất cả chúng sinh nghe được pháp âm, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Tịnh Niệm Nhãn. Vì vị này khai mở ngũ nhãn, chỉ thấy pháp thanh tịnh, không thấy pháp nhiễm ô, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Khả Ái Lạc Tối Thắng Quang Chiếu. Vì vị này có trí huệ quang thù thắng nhất, bất cứ chiếu đến ai thì người đó minh tâm thanh tịnh khoái lạc khả ái, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Thế Gian Tự Tại Chủ. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh đắc được tự tại và bình an, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Quang Diệm Tự Tại. Vì quang minh của vị này tuy mãnh liệt như lửa ngọn, nhưng rất mát mẻ tự tại, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Lạc Tư Duy Pháp Biến Hóa. Vì vị này tu pháp châu như ý, biến hóa tùy theo ý muốn, muốn dùng pháp gì thì biến pháp đó, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Biến Hóa Tràng. Vì vị này biến hóa ra được đủ thứ tràng báu, vừa sáng vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười một là Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm. Vì vị này có diệu âm của Nhị Thập Bát Tú (hai mươi tám vì sao), trang nghiêm và vi diệu, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Biến Tịnh Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều đã an trụ pháp môn rộng lớn, siêng làm lợi ích trong tất cả thế gian.

Mười một vị Biến Tịnh Thiên Vương này làm thượng thủ trong chúng Biến Tịnh Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Biến Tịnh Thiên Vương.

Những vị Biến Tịnh Thiên Vương này, đều đã hoàn toàn an trụ ở trong pháp môn rộng lớn vô ngại, tức là pháp môn tận hư không khắp pháp giới. Luôn luôn giáo hóa, làm lợi ích, khuyến đạo tất cả chúng sinh, không có dừng nghỉ. Các vị này vĩ đại như Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Đại Nguyện của Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát :

"Độ hết chúng sinh mới chúng Bồ đề.

Địa ngục chưa trống không, thề không thành Phật".

Lại nói rằng :

"Tôi không vào địa ngục ! Ai vào địa ngục" ?

Tinh thần bỏ mình vì người đó là hành Bồ Tát đạo. Do đó, mới được danh hiệu "Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Trí Văn Thù Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát". Đó là hạnh nguyện của bốn vị đại Bồ Tát.

Ở Trung Quốc có bốn đại danh sơn là đạo tràng của bốn vị đại Bồ Tát. Núi Ngũ Đài ở Sơn Tây là đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù. Núi Nga Mi ở Tứ Xuyên là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền. Núi Cửu Hoa An Vi là đạo tràng của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Núi Phổ Đà ở Triết Giang là đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, trước khi Đức Phật Di Lặc chưa hàng sinh, thì Bồ Tát Địa Tạng sẽ là giáo chủ lâm thời cõi Ta Bà thế giới. Ở trên là chúng thứ mười Biến Tịnh Thiên Vương.

Lại có vô lượng Quảng Quả Thiên Vương. Đó là : Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng Thiên Vương. Thanh Tịnh Trang Nghiêm Hải Thiên Vương. Tối Thắng Huệ Quang Minh Thiên Vương. Tự Tại Trí Huệ

Tràng Thiên Vương. Lạc Tịch Tĩnh Thiên Vương. Phổ Trí Nhãn Thiên Vương. Lạc Toàn Huệ Thiên Vương. Thiện Chủng Huệ Quang Minh Thiên Vương. Vô Cấu Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương. Quảng Đại Thanh Tịnh Quang Thiên Vương.

Lại có vô lượng vô biên Quảng Quả Thiên Vương. Quảng Quả nghĩa là "dị sinh thiện quả rộng lớn nhất", tức là cũng nói về quả phàm phu, tu đến cõi trời cao nhất này, chúng sinh sanh về cõi trời này, sẽ tránh khỏi tám thứ tai nạn, là cõi trời tịch tĩnh nhất. Cõi trời này gồm có hai đạo là tà và chánh. Chúng sinh tu thiên định phân làm hai thứ : Chúng sinh tu định hữu lậu tức là ngoại đạo, sẽ sinh về trời Vô Tướng (trời Trường Thọ), giống như băng ép cá (băng ở trên mặt nước cá ở dưới đáy), đá đè cỏ, chẳng phải là pháp cứu kính, vẫn còn sinh tử. Chúng sinh tu định vô lậu tức là A La Hán và Bồ Tát, các bậc này sinh về trời Ngũ Bát Hoàn (trời Vô Nhiệt, trời Vô Nảo, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Kính). Không còn đầu thai vào dục giới nữa, vì đã đoạn trừ tư hoặc của dục giới, nhưng chưa đoạn hết tư hoặc của sắc giới và vô sắc giới.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng. Vì vị này thích pháp lạc, coi pháp quan trọng hơn so với bất cứ thứ gì, tràng của vị này thường phóng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Thanh Tịnh Trang Nghiêm Hải. Vì vị này dùng quang minh thanh tịnh để trang nghiêm như đại hải, cho nên được tên này.

Vị Vua Trời thứ ba tên là Tối Thắng Huệ Quang Minh. Vì huệ của vị này thù thắng nhất, cũng sáng nhất, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tự Tại Trí Huệ Tràng. Vì trí huệ của vị này tự tại nhất, giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Lạc Tịch Tĩnh. Vì vị này thích tịch tĩnh nhất, hoan hỷ nhất là nhập thiên định tam muội, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Phổ Trí Nhãn. Vì vị này có trí huệ nhãn chiếu khắp thế gian, khiến cho chúng sinh cũng đắc được trí huệ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Lạc Toàn Huệ. Vì vị này luôn luôn hồi quang phản chiếu, quán tự tính trí huệ vốn có, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Thiện Chủng Huệ Quang Minh. Vì vị này khéo trồng nhân trí huệ Bồ đề cho nên đắc được quả quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Vô Cấu Tịch Tĩnh Quang. Vì trí huệ của vị này chẳng có trần cấu, lại thường ở trong định quang, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Quảng Đại Thanh Tịnh Quang. Vì vị này có quang minh thanh tịnh rộng lớn chẳng có biên tế, chiếu khắp mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Có bất khả xưng số Quảng Quả Thiên Vương như vậy làm thượng thủ, các vị này đều lấy pháp tịch tĩnh mà làm cung điện, an trụ ở trong đó.

Mười vị Quảng Quả Thiên Vương này, làm thượng thủ trong chúng Quảng Quả Thiên Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Quảng Quả Thiên Vương.

Những vị Quảng Quả Thiên Vương này, đều dùng pháp tịch tĩnh làm cung điện của họ, an trụ ở trong cung điện này. Ở trên là chúng thứ mười một Quảng Quả Thiên Vương.

Lại có vô lượng số Đại Tự Tại Thiên Vương. Đó là : Diệu Diệm Hải Thiên Vương. Tự Tại Danh Xưng Quang Thiên Vương. Thanh Tịnh Công Đức Nhân Thiên Vương. Khả Ái Lạc Đại Huệ Thiên Vương. Bất Động Quang Tự Tại Thiên Vương. Diệu Trang Nghiêm Nhân Thiên Vương. Thiệu Tư Duy Quang Minh Thiên Vương. Khả Ái Lạc Đại Trí Thiên Vương. Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương. Cực Tinh Tấn Danh Xưng Quang Thiên Vương.

Lại có vô số vô lượng Đại Tự Tại Thiên Vương. Đại Tự Tại tiếng Phạn gọi là "Ma Hê Thủ La", tự tại nhất trong ba ngàn đại thiên thế giới. Vị Thiên Vương này có ba con mắt, tám tay, mỗi tay cầm giữ bảo kế, biến hóa vô cùng. Vị này cỡi con trâu trắng, tay cầm phát trần, cỡi trên lưng trâu, mắt thấu suốt tất cả, cảm thấy mình thanh cao tự tại hơn so với bất cứ ai, thấy các cõi trời khác đều thấp hơn. Vị này trong khoảng một niệm biết số lượng giọt nước mưa trong ba ngàn thế giới. Cõi trời này là trời Ngũ Bất Hoàn, cao nhất trong các cõi trời Sắc Cứu Kỉnh. Cõi trời này chúng sinh tam quả A La Hán và bậc Bồ Tát Thập Tín ở. Những bậc lợi căn, trực tiếp ra khỏi tam giới, chúng quả vị vô học (tứ quả A La Hán hoặc Bát Địa Bồ Tát), Những kẻ độn căn, còn phải đến vô sắc giới (chẳng còn dâm dục, chẳng có thân thể, chỉ có tư tưởng) tu Tứ Không Định, sau đó mới ra khỏi tam giới, chấm dứt phần đoạn sinh tử.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Diệu Diệm Hải. Vì vị này phóng ra lửa ngọn không thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên giống như biển cả, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Tự Tại Danh Xưng Quang. Vì vị này vừa tự tại vừa có thanh danh, do đó mà vang danh khắp nơi, quang minh chiếu khắp, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Thanh Tịnh Công Đức Nhân. Vì vị này tu pháp môn thanh tịnh, đắc được công đức hơn hẳn các Vua Trời khác vạn phần, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Khả Ái Lạc Đại Huệ. Vì vị này có trí huệ rộng lớn khả ái khả lạc, chúng sinh thấy được vị này cũng đắc được trí huệ như thế, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Bất Động Quang Tự Tại. Vì vị này ở trong định luôn luôn quán tự tại, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Diệu Trang Nghiêm Nhân. Vì vị này có ngàn tay ngàn mắt, đề trang nghiêm diệu nhân, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Thiện Tư Duy Quang Minh. Vì vị này không khởi vọng tưởng, nhất tâm tư duy quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Khả Ái Lạc Đại Trí. Vì vị này có trí đại Bát Nhã đáng thích đáng ưa, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng. Vì âm thanh của vị này đều nghe được khắp hết, dùng để trang nghiêm tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Cực Tinh Tấn Danh Xưng Quang. Vì vị này dũng mãnh tinh tấn nhất, danh xưng quang minh chiếu khắp, ai ai cũng biết, cho nên được tên này.

Có vô số bất khả danh xưng Đại Tự Tại Thiên Vương như vậy làm thượng thủ, các vị này đều siêng quán sát pháp vô tướng, các hạnh đều bình đẳng.

Mười vị Đại Tự Tại Thiên Vương này, đều làm thượng thủ trong chúng Đại Tự Tại Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên nhiều nói không hết được.

Những vị Đại Tự Tại Thiên Vương này, đều luôn luôn quán sát pháp vô tướng người không pháp không. Vô tướng tức là : không tướng ta, không tướng người, không thấy tướng chúng sinh, không thấy tướng thọ mạng. Tu pháp quán sát tư duy. Tu pháp này chẳng còn tướng ta, thì chấp ta tức không, chẳng còn tướng người thì chấp pháp tức không, chẳng còn tướng chúng sinh thì chấp chúng sinh tức không, chẳng còn tướng thọ mạng thì chấp tướng thọ cũng không. Vì vô tướng, cho nên chẳng tranh ta người. Nếu chẳng tranh ta người thì chẳng còn thấy ta người và thấy thị phi. Các pháp hành đều là bình đẳng. Trên đây là chúng thứ mười hai Đại Tự Tại Thiên Vương.

Ở trên đã giảng năm chúng thuộc về sắc giới, tức là : trời Sơ Thiên, trời Nhị Thiên, trời Tam Thiên, trời Tứ Thiên, trời Ngũ Bất Hoàn. Các vị Thiên

Vương ở mỗi cõi trời đều là cảnh giới của Bồ Tát thị hiện. Cảnh giới này chẳng phải phạm phu đo lường minh bạch được, cõi trời Quảng Quả và trời Đại Tự Tại đều là nơi trụ xứ của Bồ Tát thất địa và Bồ Tát bát địa, cho nên mới hành được pháp bình đẳng, lợi ích thế gian. Mỗi vị Thiên Vương đều tu trì đức hạnh cho chính mình.

Những Kinh văn đã giảng ở trên, là khen ngợi đức hạnh của các Ngài. Nếu giảng tỉ mỉ thì thần thông diệu dụng của mỗi vị Thiên Vương, đều không thể nghĩ bàn. Bây giờ chỉ là tuyển chọn những vị có đức hạnh để nói. Bỏ lại thì thần thông của những vị Thiên Vương này, đều hỗ trợ đầy đủ. Nhưng bây giờ, là chiếu theo sự tu trì đặc biệt sở trường của các Ngài, hoặc là đức hạnh, do đó mà các vị này được tên.

Pháp bình đẳng là gì ? Tức là chẳng có tâm tham, chẳng có tâm sân, chẳng có tâm si. Biến tham sân si ba độc, thành giới định huệ ba học, do đó có câu :

"Siêng tu giới định huệ,
Diệt trừ tham sân si".

Mười chữ này là pháp căn bản của người tu đạo. Ai làm được thì người đó có tư cách xưng là Sa môn.

Các vị đã từng nghe Kinh nhiều rồi, riêng pháp cơ bản quên mất rồi. Bây giờ tự hỏi mình, còn tâm tham chẳng ? Còn tâm sân chẳng ? Còn tâm si chẳng ? Nếu còn thì có thể dùng pháp bố thí để trị tâm tham, dùng pháp môn từ bi để trị tâm sân, dùng pháp môn Bát Nhã để trị tâm si, đó là pháp bình đẳng.

Lúc này có người hỏi : "Nói về bình đẳng, phải chẳng xem tâm tham có bao nhiêu ? Bố thí bao nhiêu ? Nếu nhiều, nửa tâm tham nửa bố thí, như vậy là bình đẳng chẳng" ! Chẳng phải. Nếu bỏn xẻn và bố thí bình đẳng, sân hận và từ bi bình đẳng, ngu si và Bát nhã bình đẳng đó là giả bình đẳng chứ chẳng phải là chân thật bình đẳng. Tại sao ? Vì nửa âm nửa dương, phải hoàn toàn thuộc về dương thì mới là chân chánh bình đẳng.

Bây giờ đã giảng xong bốn mươi chúng, biến chúng vân tập tại Bồ Đề Đạo Tràng, cộng hết thấy có bốn trăm vị. Dưới đây là Kinh văn nói về nhân duyên quá khứ và pháp môn tu hành.

Bấy giờ, các biến chúng đều đã vân tập nơi Đạo Tràng của đức Như Lai, có vô lượng vô biên phẩm loại, đầy khắp chung quanh Đạo Tràng, hình tướng màu sắc mỗi bộ chúng đều khác nhau.

Lúc bây giờ, đại chúng quang lâm đến Bồ Đề Đạo Tràng để nghe Kinh Hoa Nghiêm gồm có : Bồ Tát, Thánh hiền, chư thiên, thần chúng, quỷ chúng, đều vân tập trong pháp hội Hoa Nghiêm.

Ở trong biến chúng, đủ các loại vô lượng vô biên. Trên hết là mười phương chư Phật, dưới đến tất cả chúng sinh, bao quát chúng sinh trong mười pháp

giới cũng đều ở trong đó. Cõi hư không chu vi Bồ Đề Đạo Tràng, đều đầy ắp vô lượng vô biên phẩm loại, chẳng có nơi nào trong một hạt bụi, chẳng phải là biển chúng vân tập, mỗi bộ chúng đều có hình tướng màu sắc khác nhau, mỗi bộ chúng đều có một vị Bồ Tát làm thượng thủ, đều có vô lượng vô biên quyến thuộc đi theo, mỗi vị thượng thủ thần chúng, cũng có vô lượng vô biên quyến thuộc, mỗi vị thượng thủ Thiên Vương, cũng có vô lượng vô biên quyến thuộc, đủ loại hình tướng màu sắc. Tuy nhiên rất nhiều phẩm loại, nhưng tơ hào không hỗn tạp lộn xộn.

Tùy theo phương hướng đến, đều gần gũi đức Thế Tôn, một lòng chiêm ngưỡng.

Những chúng sinh khác phẩm loại này, theo vị thượng thủ của họ đến, tùy theo phương hướng thấy đều đến gần trước Đức Thế Tôn, nghe Phật thuyết pháp, chuyên tâm nhất ý, chiêm ngưỡng kim dung Lô Xá Na Phật ngàn trượng.

Các biển chúng trong hội này, đều đã dứt sạch tất cả phiền não, tâm cấu bần và các tập khí ô nhiễm.

Chúng sinh ở trong pháp hội Hoa Nghiêm này, đều đã diệt hết tất cả phiền não, tâm cấu và các ác tập khí mao bệnh khác.

Phiền não là gì ? Tức là cái ta, pháp hai cái chấp. Nếu còn chấp cái ta tức là có tham, sân, si ba độc phiền não, vô minh phiền não, trần sa phiền não. Lại có phiền não thô phiền não tế, phiền não lớn phiền não nhỏ. Tóm lại có rất nhiều phiền não. Nếu còn chấp pháp thì còn phiền não sở tri chướng. Ví như trong túi áo bạn có hạt minh châu từ trước, tuy nhiên không biết, nhưng hạt minh châu vẫn y nhiên còn đó. Bây giờ biết rồi, minh châu vẫn còn tồn tại. Bỏn lai nên biết viên minh châu ở trong túi áo nhưng không biết. Bây giờ phát hiện đó là nguồn gốc nên biết, chẳng có gì để kiêu ngạo, càng chẳng có gì để tự mãn.

Tâm cấu là gì ? Tức là trong tâm đều nghĩ pháp ô nhiễm chẳng trong sạch, cho nên trong tâm bèn có bụi trần dơ bần. Nếu đoạn dứt khử ái được, không nghĩ việc tình ái, thì tâm tự nhiên thanh tịnh.

Tập khí là gì ? Tức là những mao bệnh, những tập khí không thanh tịnh, giống như bụi tro ở trong khối ống tre, tích tụ mỗi ngày, lâu dần thì sẽ tích tụ khối bụi thành nhiều, vậy tập khí từ đâu đến ? Đến từ tham sân si, tham có tập khí tham, sân có tập khí sân, si có tập khí si. Tóm lại có tư tưởng không trong sạch đó là tập khí.

Xô ngã núi chướng nặng, thấy Phật vô ngại. Đại chúng này vô lượng biên kiếp trong quá khứ, đều cùng với Tỳ Lô Giá Na Như Lai tu hạnh Bồ Tát. Như Lai dùng bốn pháp nhiếp mà nhiếp thọ họ.

Vô minh chướng nặng của chúng ta kiên cố giống như núi. Cho nên phải phá tan núi chướng nặng. Nhưng làm sao mới có thể phá tan tiêu diệt nó được ? Tức là phải xa rời phiền não, xa rời tâm cấu bần, xa rời tập khí mao bệnh. Như vậy thì sẽ thấy được Phật mà chẳng có gì chướng ngại được.

Ở trên đã giảng qua rất nhiều đại chúng, các vị đó trong quá khứ đều hành Bồ Tát đạo, siêng tu hạnh Bồ Tát với thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật, trải qua thời gian lâu dài biển đại kiếp.

Bồ Tát tu pháp môn bốn pháp nhiếp tức là : Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Các vị Bồ Tát đều biết hành bốn pháp nhiếp này, thì sẽ khiến cho chúng sinh thương tôi, kính tôi, tin tôi, sau đó mới nghe tôi khuyên dạy, chịu sự huân tập của tôi mà tin ngưỡng Phật pháp. Lúc đó Tỳ Lô Giá Na Phật dùng bốn pháp nhiếp để nhiếp thọ đại chúng trong pháp hội này.

Tại nơi mỗi vị Phật, khi trông căn lành, thì họ đều đã được khéo nhiếp thọ. Dùng nhiều phương tiện giáo hóa thành thực, khiến cho họ an trụ nơi đạo Nhất thiết chủng trí. Trông vô lượng nhân lành, đắc được vô biên phước lớn. Thấy đều đã nhập vào biển nguyện phương tiện.

Ở tại chỗ mỗi vị Phật, khi chúng sinh trông căn lành thì đều dùng bốn pháp nhiếp, để nhiếp thọ tất cả chúng sinh, dùng nhiều pháp phương tiện để giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều thành thực, an trụ vào đạo nhất thiết trí, đắc được đạo nhất thiết chủng trí.

Ở trên đã nói về các chúng Trời, chúng Rồng, chúng quỷ thần, tất cả đều ở trong vô lượng kiếp quá khứ, gần gũi Phật Tỳ Lô Giá Na, trông đủ căn lành ở trong pháp hội, an trụ nơi đạo nhất thiết trí (trông tất cả nhân Phật, kết tất cả quả Phật). Các vị đó trông vô lượng căn lành, ở trong vô lượng kiếp tu phước huệ, cho nên bây giờ đắc được vô lượng đại phước báu, đều vào biển nguyện phương tiện.

Biển nguyện phương tiện là gì ? Tức là tu đạo phải phát nguyện, dùng pháp môn quyền xảo phương tiện, để độ tất cả chúng sinh. Thứ nguyện này rộng lớn như biển cả. Tu đạo phải đủ ba điều kiện mới vào được biển nguyện phương tiện.

Thứ nhất : Phải có tâm tin, tin rằng mình tương lai có thể thành Phật.

Thứ hai : Phải có tâm nguyện, phát nguyện tương lai thành Phật rồi nhất định rộng độ chúng sinh.

Thứ ba : Phải có tâm hành, đã có tin và nguyện mà không cung hành thực tiễn, không tinh tấn tu hành thì chẳng có ích gì.

Sự thực hành thấy đều hoàn toàn thanh tịnh, đã khéo thoát khỏi, thường thấy đức Phật được rõ ràng, dùng sức hiểu biết thù thắng, nhập vào biển lớn công đức của Như Lai.

Lập được biển nguyện rồi, còn phải thành thật tu hành. Tu các hạnh môn phải hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, đó là con đường thoát khỏi. Thoát khỏi cái gì ? Thoát khỏi nhà lửa ba cõi. Nhà lửa ba cõi chẳng dễ gì ra khỏi. Ra khỏi được ba cõi, đó gọi là khéo thoát khỏi.

Các Thánh chúng này đều thường thấy được Phật, vì các Ngài đều đã ra khỏi được nhà lửa ba cõi. Phật là vô tại vô bất tại, vô sở bất tại (chẳng có nơi nào mà không có). Vậy tại sao có người thấy được Phật ? Có người chẳng thấy Phật ? Vì chỉ có người nào đầy đủ tâm thanh tịnh, mới có thể thấy được Phật, người tâm không thanh tịnh thì chẳng thấy Phật. Có người thấy Phật nhưng không rõ ràng, có người tuy nhiên thấy Phật rõ ràng nhưng không thường thấy. Bây giờ các Thánh chúng này, không những luôn luôn thấy Phật mà còn thấy rất rõ ràng, cho nên nói là thấy Phật rõ ràng.

Các Thánh chúng này dùng sức hiểu biết thù thắng, dùng đại trí huệ để minh bạch tất cả, đã vào trong biển lớn công đức của Như Lai. Công đức này đồng với Phật, cho nên nói là vào trong biển lớn công đức của Như Lai.

Được môn du hí thần thông giải thoát của các đức Phật.

Vì nhập vào biển lớn công đức của Như Lai, cho nên đắc được môn giải thoát của các đức Phật, tức cũng là đắc được chân chánh tự tại, chẳng có phiền não, đắc được thần thông du hí. Các chúng ở trên đều đã đạt được cảnh giới vô ngại này.

Giải thoát là gì ? Tức là cởi mở sự trói buộc sự thấy và nghĩ hai hoặc của ba cõi, thoát khỏi quả khổ ba cõi sinh già bệnh chết, chẳng còn phần đoạn sinh tử là giải thoát của A La Hán ; chẳng còn biến dịch sinh tử là giải thoát của Bồ Tát.

Du hí là gì ? Tức là do chân hiện vọng, do vọng hiện chân, chân vọng không hai, chân vọng vốn không, dùng pháp quyền xảo phương tiện để độ chúng sinh thoát khỏi tam giới.

Thần thông là gì ? Những vật hiện ra, chột lớn chột nhỏ, chột có chột không, biến hóa khó dò, người có những cảnh giới này, có thể nói là đã chứng quả.

Ở trên là nói về các pháp môn tu hành của Bồ Tát, chư Thần Thiên Vương biển chúng, tu hành thành tựu thì đắc được giải thoát. Dưới đây là nói về sự chứng đắc môn giải thoát và bài kệ của các vị đó.

Diệu Diệm Hải Đại Tự Tại Thiên Vương, được môn giải thoát, sức phương tiện tịch tĩnh, khắp pháp giới hư không giới.

Ở trên đã giảng qua mười vị Đại Tự Tại Thiên Vương, có vị Thiên Vương tên là Diệu Diệm Hải. Vị này đắc được môn giải thoát sức phương tiện tịch tĩnh pháp giới hư không giới.

Pháp giới là gì ? Pháp giới không ra ngoài một tâm, một tâm bao khắp pháp giới, do đó :” Nhứt tâm bất ly thập pháp giới.” Nghĩa là pháp giới chẳng ra ngoài một tâm niệm.

Hư không giới là gì ? Tức là tự tính con người, cấu bản gì cũng chẳng có, giống như hư không thanh tịnh trong sáng.

Tịch tĩnh là gì ? Tức là định. Phương tiện là gì ? Tức là động. Định động đều giải thoát, lúc này động không ngại tĩnh, tĩnh không ngại động, động tĩnh nhất như.

Môn giải thoát là gì ? Trước hết phải nói rõ, đừng nhận rằng có môn (cửa), ”môn” này chỉ là ví dụ. Nếu có ”môn” thì không thể giải thoát được, cho nên đừng chấp trước chữ nghĩa. Nếu ra vào chẳng có chướng ngại, thì đó là thật giải thoát. Nếu có ”môn” thì ở trong môn là giải thoát, ở ngoài môn thì chẳng phải giải thoát. Ở ngoài môn là giải thoát, thì ở trong môn lại chẳng giải thoát. Như vậy vẫn chưa viên mãn. Nếu ở trong ”môn” ngoài ”môn” đều giải thoát, thì còn cần ”môn” này để làm gì ? Cho nên nói ”môn” này là vô hình, là một ví dụ mà thôi. Nếu muốn chân chánh đắc được tự tại, đắc được giải thoát, thì phải thật đắc được từ trong tâm, không cần tìm ”môn” (cửa) trên sự giải thoát. Đây chỉ là ”môn” trên văn tự, chẳng phải ”môn” thực tế. Điểm này phải nhận thức rõ ràng !

Nếu nhận định cần chấp trước đi tìm ”môn”. Vậy từ ”môn” này đi vào lại đi ra từ môn nào ? Cho nên trước hết phải hiểu ý nghĩa môn giải thoát mới hiểu được nghĩa chân thật.

Tự Tại Danh Xưng Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, quán tất cả các pháp thấy đều tự tại.

Vị Thiên Vương này tên là Danh Xưng Quang. Vị này đắc được môn giải thoát : quán sát khắp tất cả các pháp môn, bất cứ tâm pháp và sắc pháp gì, cho đến tất cả các pháp đều tự tại vô cùng.

Thanh Tịnh Công Đức Nhãn Thiên Vương, được môn giải thoát, vô công dụng hạnh biết tất cả các pháp, không sinh không diệt, không đến không đi.

Vị Thiên Vương này tên là Thanh Tịnh Công Đức Nhãn, quang minh thanh tịnh của vị này, khắp cùng hư không pháp giới. Chỗ đắc của vị này là minh bạch tất cả các pháp, vốn không sinh không diệt, không đến không đi, đó là công vô công, dụng vô dụng, không cần tạo tác, càng không cần miễn cưỡng, đó gọi là vô công dụng hạnh.

Vì nó không sinh không diệt, cho nên không đến không đi ; vì nó không đến không đi, cho nên không sinh không diệt, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Khả Ái Lạc Đại Huệ Thiên Vương được môn giải thoát, biến trí huệ hiện thấy tướng chân thật của tất cả các pháp.

Vị Thiên Vương này tên là Khả Ái Lạc Đại Huệ. Chỗ đắc được của vị này là, môn giải thoát trí huệ như biển cả, hiện thấy tất cả tướng chân thật của các pháp. Hiện thấy tức là chỗ thấy hiện tại. Tướng chân thật tức là vô tướng, vô tướng vô bất tướng.

Bất Động Quang Tự Tại Thiên Vương được môn giải thoát, đại định phương tiện, đem lại vô biên an lạc cho chúng sinh.

Vị Thiên Vương này tên là Bất Động Quang Tự Tại, nhập vào trong định đại phương tiện, ban cho tất cả chúng sinh vô biên an lạc. Vô biên tức là chẳng có bờ mé, an lạc tức là chẳng có phiền não. Đó là môn giải thoát đại phương tiện định của vị này đắc được.

Diệu Trang Nghiêm Nhân Tự Tại Thiên Vương, được môn giải thoát, diệt sự ngu si đen tối và sợ hãi, làm cho chúng sinh quán sát được pháp tịch tĩnh.

Vị Thiên Vương này tên là Diệu Trang Nghiêm Nhân. Vị này đắc được môn giải thoát, tiêu diệt tất cả ngu si đen tối và sợ sệt, khiến cho chúng sinh quán sát được pháp tịch tĩnh.

Thiện Tư Duy Quang Minh Thiên Vương, được môn giải thoát, chẳng khởi tư duy nghiệp tất cả các cõi, khéo nhập vào cảnh giới không bờ mé.

Vị Thiên Vương này tên là Thiện Tư Duy Quang Minh. Vị này đắc được môn giải thoát, chẳng khởi nhân tư duy tạo nghiệp (tức chấp trước vào tam giới hai mươi lăm cõi) khéo nhập vào cảnh giới chẳng có bờ mé.

Khả Ái Lạc Đại Trí Thiên Vương, được môn giải thoát, bất động không chỗ nương, đến khắp mười phương để thuyết pháp.

Vị Thiên Vương này tên là Khả Ái Lạc Đại Trí. Vị này đắc được môn giải thoát, đến khắp mười phương thuyết pháp, nhưng thân khắp mười phương, mà không chỗ nương. Đó là không đến không đi mà bất động. Không chỗ nương tức là không nương tựa người, cũng không nương tựa pháp, cho nên gọi là môn giải thoát không chỗ nương.

Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương, được môn giải thoát, phổ hiện quang minh, nhập vào cảnh giới tịch tĩnh của Phật.

Vị Thiên Vương này tên là Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng. Vị này đắc được định và huệ của Phật, do đó mà đắc được cảnh giới, phổ hiện quang minh tịch tĩnh, vị này dùng trí huệ âm để trang nghiêm tràng báu. Đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Danh Xung Quang Thiện Tinh Tấn Thiên Vương, được môn giải thoát, ngộ được cảnh giới rộng lớn vô biên làm sở duyên.

Vị Thiên Vương này tên là Danh Xung Quang Thiện Tinh Tấn. Vị này được môn giải thoát : ngộ được cảnh giới rộng lớn vô biên, dùng cảnh giới này làm nhân duyên sở tu, để nghiên cứu quán sát.

Bấy giờ, Diệu Diệm Hải Thiên Vương, nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp tất cả chúng Trời Tự Tại mà nói ra bài kệ.

Sau khi vị Tự Tại Thiên Vương thứ mười nói ra môn giải thoát đã chứng được thì, vị Diệu Diệm Hải Thiên Vương, nương thần thông oai lực của chư Phật, quán sát khắp tất cả chúng Trời Đại Tự Tại, mà nói bài kệ này, thuật lại cảnh giới đã chứng được. Vị này dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật. Kệ có bốn tên gọi :

1. **A Nậu Tốt Thị Bà** : Kệ này bất cứ là trường hàng hoặc là kệ ngắn, phạm là đủ ba mươi hai chữ (tức là tám chữ thành một câu, bốn câu thành kệ) thì thành một bài kệ.

2. **Già Đà** : Dịch là "phúng tụng", là ca xướng ; hoặc là cô tụng, cô khởi hoặc là trực tụng, trực tiếp thuyết pháp. Kệ dưới đây là Già Đà tụng, trực tiếp tán thán công đức của Phật.

3. **Kì Dạ** : Dịch là "ung tụng", là tụng lại những gì chính đáng quan trọng, để biểu thị diễn đạt đại ý của Kinh văn, tức cũng là trùng tụng.

4. **Ốt Đà Nam** : Dịch là "tập thí tụng", tức là dùng rất ít chữ, mà bao hàm rất nhiều ý nghĩa, tức cũng là thi ca.

Tại sao trong Kinh điển dùng nhiều kệ tụng ? Vì có tám ý nghĩa.

1. Dùng chữ ít mà nhiếp nhiều nghĩa.
2. Khen ngợi các đức Phật biểu thị sự tôn kính.
3. Vì chúng sinh độn căn mà nói lại, khiến cho họ thấu hiểu.
4. Vì người sau này nói lại một lần.
5. Tùy tiện lạc thuyết, tùy ý của mình mà hoan hỷ để nói.
6. Vì dễ nhớ, dễ thọ trì.
7. Vì tăng cường sức nhớ, nói lại đại ý trường hàng.
8. Ở trong trường hàng không nói, dùng kệ tụng để nói.

Kệ, dịch là " tụng", tụng là tán dương công đức của người, ca tụng công đức. Trong nhà Phật từ cú ca xướng gọi là kệ, từ cú của một số văn nhân ca xướng gọi là thơ. Kệ ở Ấn Độ là ba mươi hai chữ, kệ ở Trung Quốc hoặc là mười sáu chữ, hai mươi chữ, hai mươi bốn chữ, hai mươi tám chữ .v.v.

Vị Diệu Diệm Hải Thiên Vương này, nương thần lực của các đức Phật, quan sát hết thấy Thiên chúng trời Tự Tại, mà nói kệ tụng, tán thán công đức của Phật. Tại sao phải nói nương oai thần lực của Phật ? Mà không nói là sức lực của mình ? Vì tôn trọng người chủ thuyết pháp, biểu thị không có tâm cống cao ngã mạn. Tất cả Bồ Tát và tất cả Thánh chúng, chẳng có tâm cống cao, (cống cao tức là kiêu ngạo, khinh khi người, chẳng xem ai ra gì) cũng chẳng có tâm ngã mạn (ngã mạn tức là tự đại, cho rằng việc gì cũng đều giỏi hơn người). Các Ngài cho rằng sự thành tựu thần thông biến hóa diệu dụng của mình, đều là nhờ mười phương chư Phật gia bị, là nhờ Phật pháp mà hiểu được đạo lý này mà đi tu hành. Những gì thành tựu đều là nhờ oai lực của Phật. Nếu như chẳng phải nhờ oai lực của Phật, thì vốn không thể tu hành, càng không thể có thần thông diệu dụng. Bây giờ đã có tất cả thần thông rồi, đó đều là do Phật pháp sinh ra, nầy mầm trưởng thành ở trong Phật pháp, và còn thành tựu ở trong Phật pháp, cho nên nói nương oai lực của Phật.

Chẳng phải chỉ nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca, Lô Xá Na Phật, hoặc Tỳ Lô Giá Na Phật, mà là nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, tận cùng hư không khắp pháp giới mà nói kệ tụng này.

Thân Phật khắp cùng các đại hội

Đầy khắp pháp giới không cùng tận

Tịch tĩnh không tánh không thể lấy

Vì cứu thế gian mà xuất hiện.

“ Thân Phật khắp cùng các đại hội.” Thân Phật này là nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Khắp cùng tức là vô tại vô bất tại (chỗ nào cũng có thân Phật), chẳng có trong một hạt bụi nào mà chẳng phải là chỗ sở tại của thân Phật. Các đại hội tức là đại pháp hội chư Phật thuyết pháp.

Phật Phật đạo đồng, Đức Phật kia thuyết pháp, Đức Phật này ủng hộ pháp hội. Đức Phật này thuyết pháp, Đức Phật kia ủng hộ pháp hội, cho nên nói thân Phật khắp cùng các đại hội.

“ Đầy khắp pháp giới không cùng tận.” Thân Phật không những biến hoá khắp các đại hội, mà còn đầy khắp tận cùng hư không biến pháp giới, tất cả thế giới vô cùng tận. Tóm lại thế giới này thế giới kia, vô lượng các thế giới ; cõi nước này, cõi nước kia, vô lượng các cõi nước đều đầy khắp thân Phật, cho nên nói đầy khắp pháp giới không cùng tận.

“ Tịch tĩnh không tánh không thể lấy.” Thân Phật tuy nhiên khắp cùng các đại hội, đầy khắp pháp giới, nhưng Ngài là vắng lặng, vô tướng, lấy mà

không thể được, xả bỏ cũng không thể được. Nói cho dễ hiểu là lấy cũng chẳng có, mà xả bỏ cũng chẳng có. Chính vì bản lai chẳng có, cho nên chẳng có gì có thể giữ, càng chẳng có gì có thể bỏ.

Vậy, rõ là các pháp vốn thường vắng lặng, Phật lại cần gì xuất hiện ra đời ? Trong Kinh Pháp Hoa có nói : “ Phật vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra đời.” Đại sự gì ? Tức là vấn đề sinh tử. Phật muốn nói với chúng sinh rằng sinh từ đâu đến và chết sẽ đi về đâu, khiến cho chúng sinh chấm dứt thoát tử, đạt đến Niết Bàn bờ bên kia.

“ Vì cứu thế gian mà xuất hiện.” Phật thấy chúng sinh trầm luân trong biển ái, không cách chi ra khỏi được, mới phát tâm đại từ bi đến thế giới Ta Bà, cứu tất cả chúng sinh thế gian, khiến cho lìa khổ được vui. Nhưng chúng sinh không nghe sự giáo hóa của Phật, còn hồ đồ mê muội tham luyến sự khổ não của thế giới này. Ý niệm trước thì muốn lìa khỏi thế giới năm trước này, ý niệm sau thì chẳng muốn lìa khỏi, cuối cùng thì không lìa khỏi được. Cho nên Phật đến thế giới này, khuyến hóa và nói với chúng sinh : “ Hãy mau sớm tỉnh mộng ! Sớm trở về ngôi nhà thật của mình ! Đừng lang thang ở bên ngoài ! Đừng mê hồ như thế, quên mất nguồn gốc ! “

Như Lai Pháp Vương hiện ra đời
Thấp đèn diệu pháp chiếu thế gian
Cảnh giới vô biên cũng vô tận
Môn này Tự Tại Danh chứng được.

“ Như Lai Pháp Vương hiện ra đời.” Như Lai là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Ý nghĩa Như Lai là "không từ chỗ nào đến, cũng không đi về đâu" ; chỗ đến không thể đắc được, chỗ đi không thể đắc được. Nghĩa là tận hư không khắp pháp giới, đều là pháp thân của Như Lai. Vì nguyên nhân này cho nên đến lại từ đâu đến ? Không đến mà đến. Đi lại đi về đâu ? Không đi mà đi. Đó gọi là không động đạo tràng, đến khắp pháp giới, cho nên gọi là Như Lai.

Pháp Vương là tên gọi tổng quát. Pháp tức là Phật pháp, Phật pháp có bao nhiêu ? Nếu nói rộng thì có vô lượng vô biên, nhiều như số cát sông Hằng (vì cát sông Hằng mịn như bột mì, đó là hình dung số lượng không cách chi đếm được). Nếu nói tổng quát thì có bốn vạn tám ngàn pháp môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quy nạp vào thì có năm thứ pháp. Năm thứ pháp là gì ? Tức là : Sắc pháp, tâm pháp, tâm sở pháp, bất tương ưng pháp, vô vi pháp. Vạn pháp không ra ngoài phạm vi năm pháp này.

Những pháp này ai cũng có thể diễn nói. Trời người có thể thuyết pháp, A La Hán có thể thuyết pháp, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật càng có thể thuyết pháp. Nhưng chỉ có Phật mới có thể xưng là Pháp Vương, tức là vua

nói pháp, ngoài ra chỉ xưng là người thuyết pháp, không thể xưng là pháp vương.

Vua thuyết pháp, tại sao xuất hiện ra đời ? Vì Phật thấy thế giới quá ô nhiễm, tâm của chúng sinh quá đen tối. Phật vì muốn phá vô minh của chúng sinh, khiến cho thế giới sáng sủa, cho nên Như Lai Pháp Vương mới xuất hiện ra đời.

“ Đền diệu pháp chiếu sáng thế gian.” Như Lai dùng đèn diệu pháp để chiếu soi khắp thế gian. Phật pháp giống như đèn sáng chiếu đến chỗ đen tối, khôi phục ánh sáng. Do đó có câu : “Phật quang phổ chiếu, lợi ích quần sinh.” Trước khi Phật hiện ra đời, thế gian này là đen tối. Sau khi Phật hiện ra đời, dùng đèn diệu pháp chiếu sáng thế gian. Ánh sáng đèn diệu pháp này, có công năng diệu dụng không thể tả được, khiến cho chúng sinh bỏ mê về với giác, cải tà về chánh, trở về nguồn cội, đắc được chân chánh tự tại, thật là không thể nghĩ bàn !

Muốn trở về nguồn cội, thì trước hết phải dứt sinh tử, sinh tử không dứt, thì không thể trở về nguồn cội. Muốn dứt sinh tử, trước hết phải dứt hẳn tâm dâm dục. Nếu không dứt hẳn tâm dâm dục thì, không những không cách chi dứt sinh tử, càng không cách chi ra khỏi tam giới. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói :

"Tâm dâm dục không trừ,
Không thể ra khỏi trần lao".

Không trừ tâm dâm, mà muốn thành tựu đạo nghiệp, thì giống như nấu cát làm cơm, người ngu nói mộng, đó là việc tuyệt đối không thể được !

“Cảnh giới vô biên cũng vô tận.” Cảnh giới của Như Lai chẳng có bờ bến, chẳng có cùng tận, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng. Viên dung vô ngại, vô ngại viên dung, cảnh giới này không thể dùng lời ví dụ được.

“Môn này Tự Tại Danh chứng được.” Tự Tại Danh Xưng Quang Thiên Vương đã chứng được cảnh giới này.

**Phật không nghĩ bàn lìa phân biệt
Thấy rõ mười phương chẳng có tướng
Vì đời rộng mở đạo thanh tịnh
Như thế Tịnh Nhãn quán thấy được.**

“ Phật không nghĩ bàn lìa phân biệt.” Phật là nửa chữ Phạn, đầy đủ là Phật Đà Gia. Phật Đà Gia dịch là "giác giả", tức là bậc giác ngộ. Giác ngộ cái gì ? Giác ngộ pháp thế gian là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Pháp xuất thế gian là thường, là lạc, là ngã, là tịnh. Nói đơn giản, giác ngộ những gì mê hoặc chúng sinh, biết rõ những gì chúng sinh chấp trước, buông bỏ những gì chúng sinh buông bỏ chẳng đặng. Giác ngộ tất cả các pháp, đều là từ duyên

mà sinh, từ duyên mà diệt. Do đó : “ Ba giác tròn, vạn đức đầy.” Tức là Phật. Vậy ba giác là gì ?

1. **Tự giác** : Tức là tu pháp Bốn Diệu Đế hoặc là pháp Mười Hai Nhân Duyên mà giác ngộ. Nhị thừa là tự giác, phàm phu thì không giác. Cho nên nói tự giác và phàm phu chẳng giống nhau.

Có người cho rằng mình là giác, thực ra là mê trong mê, tại sao ? Vì họ không những không nhận thức được giác, mà cũng không nhận thức được mê. Phải biết, không giác tức là mê, mê tức là hồ đồ, tự mình cho rằng không mê, loại người này đáng thương xót nhất !

2. **Giác tha** : Tức là tu pháp Lục độ, tự mình minh bạch rồi, cũng dạy người khác minh bạch, cho nên nói giác tha khác với Nhị thừa. Nhị thừa là tự giác, Bồ Tát là giác tha.

Bậc Nhị thừa tự mình đã giác ngộ pháp sinh tử rồi, không muốn đi giáo hóa kẻ khác, chỉ muốn làm liễu hán, mà không muốn hành Bồ Tát đạo.

3. **Giác mãn** : Tức là tự giác huệ đầy, giác tha phước đầy, phước huệ đều đủ, vạn đức tròn đầy. Đức Phật là giác mãn, cho nên nói giác mãn khác với Bồ Tát.

Bồ Tát tuy nhiên trí huệ tự giác viên mãn rồi, nhưng công đức giác tha chưa đầy đủ, cho nên tận sức hành Bồ Tát đạo, tăng trưởng phước đức.

Cảnh giới của Phật không thể dùng tâm thức của chúng ta để phân biệt. Trong bốn Kinh Hoa Nghiêm này có nói :

"Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,

Hãy tịnh ý mình như hư không".

Nếu có người muốn biết cảnh giới của Phật, nên thanh tịnh ý niệm của mình, khiến cho giống như hư không, không có phân biệt, không có chấp trước, mới có thể minh bạch được một chút cảnh giới của Phật.

“ Thấy rõ mười phương chẳng có tướng.” Tướng của Phật là vô tướng, chẳng phải không có tướng, mà là tướng của Phật tuy nhiên tận hư không khắp pháp giới, nhưng chúng ta không cách chi thấy được tướng của Phật, không cách chi minh bạch được tướng của Phật, tại sao ? Vì chúng ta ở trong tướng của Phật, không biết tướng của Phật cỡ nào ? Cho nên nói thấy rõ mười phương chẳng có tướng.

“ Vì đời rộng mở đạo thanh tịnh.” Phật vì tất cả chúng sinh thế gian, rộng mở đủ loại đạo thanh tịnh, lập đủ loại phương tiện pháp môn, để giáo hóa tất cả chúng sinh, độ tất cả chúng sinh.

Đạo thanh tịnh là gì ? Thanh tịnh là chẳng có tư tưởng ô nhiễm, đạo là con đường. Đức Phật giáo hóa chúng sinh tu pháp chẳng có ô nhiễm, đi trên con đường chẳng có nhiễm ô, như thế mới có thể ra khỏi trần lao.

“ Như thế Tịnh Nhãn quán thấy được.” Diệu pháp thanh tịnh và đạo thanh tịnh như thế, chỉ có Thanh Tịnh Công Đức Nhãn Thiên Vương, mới quán sát được và biết rõ được cảnh giới vô tướng của Phật.

Trí huệ Như Lai không bờ mé

Tất cả thế gian không lường được

Dứt trừ si tối của chúng sinh

Đại Huệ thâm nhập pháp môn này.

“ Trí huệ Như Lai không bờ mé.” Trí huệ của Phật chẳng có bờ mé, chẳng có hạn lượng. Giáo nghĩa của Phật giáo cũng không bờ mé. Bất cứ là Phật giáo đồ, hoặc không phải là Phật giáo đồ, đều bao quát ở trong Phật giáo. Tin hay không tin, chỉ là vấn đề thời gian sớm muộn mà thôi, thành Phật không thành Phật cũng là vấn đề sớm muộn.

Tại sao nói Phật giáo chẳng có bờ mé ? Vì tâm chúng sinh chẳng có bờ mé, nghĩa là tâm chúng sinh lớn bao nhiêu, thì Phật giáo lớn bấy nhiêu. Bất cứ bạn tin Phật hay không tin Phật, đều ở trong phạm vi Phật giáo, không thể ra ngoài Phật giáo. Phật pháp tận cùng hư không khắp pháp giới, chẳng có giới hạn. Bất cứ là hữu tình (động vật) hoặc vô tình (khoáng thực vật) đều có Phật tính. Phật tính là bình đẳng, chẳng có khác biệt. Cho nên Phật giáo chủ trương tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, chẳng có phân biệt, chẳng có đẳng cấp, một luật bình đẳng, đó là chỗ tư tưởng vĩ đại của Phật giáo.

Bây giờ có người không tin Phật pháp, tương lai cuối cùng sẽ tin. Bây giờ không thành Phật, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Chỉ cần bạn chịu tinh tấn tu hành, thì nhất định có hy vọng. Phật thì không nói dối, tuyệt đối không nói lời lường gạt chúng sinh.

“ Tất cả thế gian không lường được.” Tất cả người thế gian đều không thể lường được trí huệ của Phật nhiều bao nhiêu ? Cũng không thể biết được trí huệ của Phật rộng lớn cỡ nào ? Tại sao ? Vì trí huệ của Phật không có bờ mé, là không thể nghĩ bàn.

“ Diệt trừ si tối của chúng sinh.” Phật dùng trí huệ rộng lớn, để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, phá trừ ngu si đắc được trí huệ. Phật vĩnh viễn diệt trừ tâm ngu si đen tối của tất cả chúng sinh, tức cũng là phá vô minh của chúng sinh, làm cho chúng sinh đắc được quang minh trí huệ.

“ Đại Huệ thâm nhập pháp môn này.” Cảnh giới này, vị Khả Ái Lạc Đại Huệ Thiên Vương, thâm nhập thấu rõ hiểu được trí huệ không ngần mé của Phật, an trụ ở trong tam muội này.

Công đức Như Lai không nghĩ bàn

**Chúng sinh thấy được diệt phiền não
Khiến khắp thế gian được an lạc
Bất Động Tự Tại Thiên thấy được.**

“ Công đức Như Lai không nghĩ bàn.” Như Lai làm thế nào mà tu thành ? Vì có công đức, cho nên mới thành Phật. Công đức của Phật tâm không thể suy nghĩ, không thể luận bàn.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Vào Pháp Giới có bài kệ rằng :

"Bụi cõi tâm niệm đếm biết được,
Nước trong biển lớn uống hết được,
Hư không lường được, gió buộc được,
Không thể nói hết công đức Phật".

Số hạt bụi trong thế giới nhiều vô số, mỗi chúng sinh trên thế giới khởi tâm động niệm, đều có thể biết ; nước trong biển lớn có thể uống hết được, tuy nhiên hư không vô biên, cũng có thể trắc lượng được ; gió lớn tuy không có hình tướng cũng có thể buộc nó lại được, nhưng không ai có thể biết được công đức của Phật, cho nên nói công đức Như Lai không thể nghĩ bàn.

“ Chúng sinh thấy được diệt phiền não.” Vì Phật đều từ bi đối với tất cả chúng sinh, chúng sinh thấy được bèn sinh tâm hoan hỷ, cho nên chúng sinh thấy được Phật, thì phiền não tiêu sạch, đó là sự cảm ứng của công đức.

“ Khiến khắp thế gian được an lạc.” Phật làm cho tất cả chúng sinh trên thế gian, đắc được an lạc chân chánh. Do đó :

"Thân thư thái không nguy là an,
Tâm sáng suốt không buồn là lạc".

Đó là an lạc nhỏ, đắc được Niết Bàn bốn đức, là đại an lạc. Phật khiến cho chúng sinh an trụ, nơi an lạc cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang.

“ Bất Động Tự Tại Thiên thấy được.” Cảnh giới này, vị Bất Động Tự Tại Thiên Vương thấy được, mà vào môn giải thoát này.

**Chúng sinh si tối thường mê muội
Như Lai mở bày pháp tịch tĩnh
Là đèn trí huệ chiếu thế gian
Diệu Nhân biết được phương tiện này.**

“ Chúng sinh si tối thường mê muội.” Chúng sinh là gì ? Tức là chúng duyên giả hợp mà sinh. Ví như thực vật, trước hết phải có hạt giống, sau đó mới được thiên thời, địa lợi, nhân hòa ba điều kiện chi phối.

Trước hết phải có đất ướt, công sức nông dân, khí hậu ôn hòa, thì hạt giống mới sinh trưởng được, mới mong thu hoạch. Mùa xuân là thời kỳ gieo trồng, mùa hạ là thời kỳ canh tác trồng trọt, mùa thu thì thu hoạch, mùa đông thì cất vào kho. Bốn thời kỳ này phân ra có đủ : Thành, trụ, hoại, không bốn tướng. Gieo cấy là thời kỳ thành, canh tác trồng trọt là thời kỳ trụ, thu hoạch

là thời kỳ hoại, cất vào kho là thời kỳ không. Cho nên nói thành trụ hoại không đều có thời kỳ.

Nếu như chỉ có đất mà không có duyên nước, thì hạt giống không thể sinh trưởng nảy mầm. Có đất, có mưa mà không có người gieo trồng, thì cũng không thể phát sinh được. Cho nên phải có các nhân duyên hòa hợp mới thành chúng sinh.

Chúng sinh nói ở đây, chẳng riêng gì chỉ con người mà nói, cho đến bao quát : Thai, noãn, thấp, hóa bốn loài. Nói tỉ mỉ thì có chín loài, mười hai loài .v.v. Nhưng chúng sinh phần nhiều ngu si, cho nên gọi là si ám. Si ám này, nói về phương diện thô tức là phiền não (phiền thân não tâm), nói về phương diện tế là vô minh. Chúng sinh thường bị vô minh phiền não mê hoặc, che lấp chân tâm thanh tịnh quang minh.

“ Như Lai mở bày pháp tịch tĩnh.” Vì chúng sinh thường bị ngu si che lấp, không tiếp thọ được sự giáo hóa của Phật, cho nên Phật vốn dùng bốn tâm vô lượng, vì chúng sinh mà thuyết pháp. Bốn tâm vô lượng là

1. Tâm từ vô lượng .
2. Tâm bi vô lượng.
3. Tâm hỷ vô lượng.
4. Tâm xả vô lượng.

Nói pháp gì ? Nói pháp tịch tĩnh. Pháp tịch tĩnh là gì ? Tức là tu thiền định.

“ Là đèn trí huệ chiếu thế gian.” Phật dạy chúng sinh tu pháp tịch tĩnh, pháp tịch tĩnh tức là đèn đại trí huệ chiếu sáng khắp thế gian. Thiền tức là định, định không chế được các vọng tưởng, đèn cảnh giới một niệm không sinh thì, trí huệ quang hiện tiền sẽ khai ngộ. Cho nên nói tịch tĩnh là đèn trí huệ.

“ Diệu Nhân biết được phương tiện này.” Vị Diệu Nghiêm Nhân Thiên Vương minh bạch được pháp phương tiện này.

Sắc thân Như Lai đẹp thanh tịnh
Hiện khắp mười phương không gì sánh
Thân này không tánh không chỗ nương
Thiện Tư Duy Thiên quán sát được.

“ Sắc thân Như Lai đẹp thanh tịnh.” Pháp thân của Như Lai là thanh tịnh, báo thân của Như Lai cũng thanh tịnh, ứng thân Như Lai cũng thanh tịnh, cho nên nói sắc thân Như Lai đẹp thanh tịnh, là sắc thân vàng tốt đẹp trang nghiêm.

“ Hiện khắp mười phương không gì sánh.” Sắc thân thanh tịnh quang minh tốt đẹp này không thể nghĩ bàn, thị hiện khắp mười phương thế giới của chư Phật. Tức là mười phương chư Phật, cũng không thể sánh được thân quang minh thanh tịnh của Phật, cho nên nói hiện khắp mười phương không thể sánh.

“ Thân này không tánh không chỗ nương.” Sắc thân Phật này đẹp thanh tịnh, chẳng có tự tánh cũng chẳng có chỗ nương tựa. Vì Phật rất tự tại, vô tại vô bất tại, vô sở bất tại (chẳng có chỗ nào mà không có thân Phật), cho nên nói thân này không tánh không chỗ nương.

“ Thiện Tư Duy Thiên quán sát được.” Cảnh giới này vị Thiện Tư Duy Quang Minh Thiên Vương thấy được.

**Âm thanh Như Lai không hạn lượng
Người được giáo hóa thấy đều nghe
Mà Phật tịch nhiên luôn bất động
Giải thoát này Lạc Trí Thiên chứng.**

“ Âm thanh Như Lai không hạn lượng.” Âm thanh của Như Lai vô cùng vô tận, không có hạn lượng, không có trở ngại, cho nên bất cứ đi đến đâu, cũng đều nghe được âm thanh của Phật.

Tôn giả Mục Kiền Liên vận dụng sức thần thông đi về hướng đông. Đi qua vô lượng trăm ngàn ức cõi Phật, vẫn nghe được âm thanh của Phật như ở trước mặt, nghe được rất rõ ràng, cho nên nói âm thanh của Như Lai không hạn lượng.

“ Người được giáo hóa thấy đều nghe.” Chúng sinh có duyên với Phật, đều nghe được âm thanh của Phật. Nếu chúng sinh không có duyên, thì không bàn đến, do đó :

"Nước mưa tuy nhiều,
Cỏ khô rể không thể sống lại được,
Cửa Phật tuy rộng,
Khó độ những người không có duyên".

Phật cũng có ba điều không thể làm được :

1. Không thể diệt được định nghiệp.
2. Không thể độ người không có duyên.
3. Không thể độ hết cõi chúng sinh.

“ Mà Phật tịch nhiên luôn bất động.” Chúng sinh không đến chỗ Phật, Phật cũng không đến chỗ chúng sinh, nhưng âm thanh của Phật, chúng sinh đều nghe khắp hết. Đó là nhân duyên gì ? Phật vẫn ngồi ở cõi Thường Tịch Quang, tu hành thường lạc ngã tịnh, vì âm thanh của Phật vô ngại, bất cứ cõi nước nào, bất cứ loại chúng sinh nào, đều nghe được âm thanh của Phật rõ ràng.

“ Giải thoát này Lạc Trí Thiên chứng.” Môn giải thoát này vị Khả Ái Lạc Đại Trí Thiên Vương chứng được.

**Tịch tĩnh giải thoát chúa trời người
Mười phương không chỗ nào chẳng hiện**

Quang minh chiếu sáng khắp thế gian

Pháp vô ngại này Nghiêm Tràng thấy.

“ Tịch tĩnh giải thoát chúa trời người.” Tịch tĩnh là nơi không ồn ào. Vì nơi tịch tĩnh mới đắc được giải thoát, đắc được giải thoát mới thật tịch tĩnh. Tên gọi này chỉ có đức Phật, mới đảm đang được, mới có tư cách xưng là, tịch tĩnh giải thoát chúa của trời, người.

“ Mười phương không chỗ nào chẳng hiện.” Pháp thân Phật, là vô tại vô sở bất tại. Mười phương thế giới, không có chỗ nào mà Phật chẳng đến, Phật chẳng đi, Phật không ở đó. Cho nên mới nói mười phương không chỗ nào không hiện.

“ Quang minh chiếu sáng khắp thế gian.” Quang minh của Phật, chiếu sáng ba ngàn đại thiên thế giới, trí huệ quang minh đầy khắp thế gian, khiến cho chúng sinh đều đắc được lợi ích, bỏ trần lao hợp với giác ngộ, lìa khổ được vui.

“ Pháp vô ngại này Nghiêm Tràng thấy.” Đắc được pháp vô ngại này, thấy được pháp vô ngại này, là vị Phổ Âm Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương, vị này thấu hiểu được pháp môn này.

Phật trong vô biên biển đại kiếp

Vì chúng sinh mà cầu bồ đề

Các loại thần thông hóa hết thảy

Danh Xưng Quang Thiên ngộ pháp này.

“ Phật trong vô biên biển đại kiếp. Đức Phật :

"Tam kỳ tu phước huệ,
Bách kiếp chúng tướng hảo".

Nghĩa là :

Ba A Tăng Kỳ kiếp tu phước huệ,
Trăm kiếp trông tướng tốt.

Nói là ba đại A Tăng Kỳ kiếp, thực ra không biết trải qua bao nhiêu đại A Tăng Kỳ kiếp ? A Tăng Kỳ kiếp dịch là "vô lượng số". Ba vô lượng số kiếp, sâu rộng như biển cả, cho nên nói Phật trong vô biên biển đại kiếp.

“ Vì chúng sinh mà cầu bồ đề.” Mục đích Phật tu đạo, là vì giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều thành Phật đạo. Chẳng phải vì chính mình, mà là vì chúng sinh mà phát tâm bồ đề, khiến cho chúng sinh đồng thời đều chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (vô thượng chánh đẳng chánh giác).

“ Các loại thần thông hóa hết thảy.” Phật rất từ bi, dùng các loại thần thông, các loại công đức, để giáo hóa tất cả chúng sinh, không những giáo hóa chúng sinh hữu tình, mà còn giáo hóa chúng sinh vô tình.

“ Danh Xung Quang Thiên ngô pháp này.” Vị Danh Xung Quang Thiên Tinh Tấn Thiên Vương ngô được pháp môn này.

Ở trên là kệ của mười vị Đại Tự Tại Thiên Vương nói, thuộc về sắc giới, trời Sắc Cứu Cánh cao nhất trong trời Ngũ Bát Hoàn (cũng là sắc giới Thập Bát Thiên).

Lại nữa, Khả Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng Thiên Vương, được môn giải thoát, quán khắp tất cả căn tánh của chúng sinh, để thuyết pháp dứt nghi cho họ.

Ý nghĩa lại nữa là Kinh văn ở trước chưa nói hết lại tiếp tục nói.

Vị Khả Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng Thiên Vương này, thuộc về sắc giới trời Quảng Quả trong Trời Tứ Thiên (Sắc giới cõi trời thứ mười hai). Vị này hoan hỷ nhất về Phật pháp. Bất cứ pháp gì, vị này đều tu hành, không những tu hành mà còn tinh tấn, cho nên đặc được đại trí huệ, giống như tràng báu quang minh.

Vị này thành tựu đặc được cũng lớn, đặc được tam muội thù đặc, biết được căn tánh của chúng sinh, đều khác nhau. Tuy nhiên đều có Phật tánh, nhưng đều khác biệt.

Căn tánh con người có hai thứ. Một là lợi căn, một là độn căn. Nói đơn giản, lợi căn là người thông minh có trí huệ. Độn căn là người ngu si chẳng có trí huệ. Mục đích chúng ta học Phật pháp là học trí huệ, tức là "Bát Nhã". Làm thế nào mới có được trí huệ ? Từ hai phương diện mà hạ thủ công phu :

1. Vào sâu tạng Kinh trí huệ như biển.
2. Tham thiền đả tọa, trí huệ giải thoát.

Người độn căn vì họ mà thuyết pháp, nói một lần họ không hiểu, nói hai lần họ cũng không hiểu, càng nói càng hồ đồ, càng hồ đồ càng phải hỏi. Giống như đệ tử của đức Phật, Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà, vị này là người tối tăm ngu nhất của đức Phật, về sau vị này thành tựu biện tài vô ngại, là nghĩa tri đệ nhất. Có thể thấy tu hành thì không sợ ngu độn, chỉ sợ không chịu phát tâm. Nếu chịu phát tâm thì dù hạ ngu cũng đặc được thượng trí.

Người lợi căn, nghe được một thứ đạo lý thì hiểu rõ tất cả đạo lý khác. Vị Nhan Hồi nghe một biết mười. Đề Bà Đạt Đa là đệ tử của Phật, là người thông minh nhất, tuy nhiên có trí huệ, nhưng thông minh ngược lại bị thông minh làm lẫn, kết quả đọa vào địa ngục.

Lợi và độn là người bình thường, khôn khéo mà học là người thông minh, khôn khéo mà không học là người ngu si. Thánh nhân là sinh ra mà biết, hiền nhân thì học mà biết ; chúng ta là người bình thường thì phải học Phật pháp.

Có người sinh ra tâm từ bi rất lớn, có người sinh ra tâm từ bi rất nhỏ. Có người sinh ra tâm tham lam rất lớn, có người sinh ra tâm tham lam rất ít. Chúng sinh có đủ thứ căn tính khác nhau. Vị Thiên Vương này biết được

dục vọng của chúng sinh. Loại chúng sinh nào hoan hỷ pháp gì, thì vị này thuyết pháp đó. Ví như gặp chúng sinh tham lam thì nói pháp bố thí cho họ nghe, nói bố thí có công đức gì ? Gặp chúng sinh phạm giới, thì nói pháp trì giới cho họ nghe, nói sự lợi ích về sự trì giới. Gặp người nhiều sân hận, thì nói pháp nhẫn nhục, dạy họ học theo Bồ Tát Di Lặc, mở miệng thường cười, nhẫn việc thiên hạ không thể nhẫn. Gặp chúng sinh lười biếng giải đãi thì nói pháp tinh tấn cho họ nghe, phải siêng tu khổ hạnh, mới mong thành tựu. Do đó trông trọng một phần thì thu hoạch một phần. Nhất là tu hành, công phu tu một ngày thì có công đức một ngày, cho nên tu hành thì không lãng phí thời gian, hy vọng mọi người đều sào trăm trượng càng tiến tới một bước. Gặp chúng sinh tán loạn không có định lực, thì nói pháp thiền định tham thoại đầu như thế nào ? (tinh thần tập trung, nghĩ "Niệm Phật là ai" ?) Gặp chúng sinh ngu si thì nói pháp trí huệ, khiến cho họ khai mở trí huệ, đắc được cảnh giới thật tướng Bát Nhã. Đó là Lục độ căn bản của pháp đại thừa. Nói tỉ mỉ về căn tính của chúng sinh, thì có tám vạn bốn ngàn, Phật pháp có bốn vạn tám ngàn pháp môn, chuyên đối trị bệnh của chúng sinh. Pháp môn có cao thấp, môn nào cũng đệ nhất ; pháp môn nào đối cơ là đệ nhất, ngoài ra các pháp môn kia là đệ nhị.

Người hay thuyết pháp, thì khiến cho người sinh đạo tâm, người không hay thuyết pháp, thì khiến cho người sinh tâm thối lui, cho nên khi thuyết pháp, thì phải quán sát căn tính của đối phương, là lợi căn hay độn căn ? Đối với người lợi căn, thì giảng về đạo lý chân không diệu hữu trung đạo đệ nhất nghĩa, khiến cho họ hiểu rõ về thật nghĩa đại thừa. Đối với người độn căn, thì nói pháp nhân duyên sinh diệt, hoặc pháp nhân quả báo ứng, khiến cho họ hiểu rõ về thật nghĩa tiểu thừa.

Tôn giả Xá Lợi Phất có hai vị đệ tử tu hành nhiều năm mà chẳng thành tựu. Xá Lợi Phất hỏi đức Phật là lý do gì ?

Đức Phật hỏi : “ Vị đó trước khi xuất gia làm nghề gì ? ”

Xá Lợi Phất đáp : “ Một là thợ bạc, một là xem mộ.”

Đức Phật nói : “ Nên dạy vị Tỳ kheo thợ bạc tu pháp số tức (đếm hơi thở), dạy vị Tỳ kheo xem mộ tu pháp quán xương trắng, như vậy thì có thể thành tựu.”

Tôn giả Xá Lợi Phất trở về dạy tu theo như thế, không lâu hai vị đều chứng quả. Đó là theo căn tính thích ứng với họ mà thí giáo.

Theo bệnh cho thuốc : Chúng sinh đều có bệnh phiền não, bệnh tham lam, bệnh sân hận, bệnh ngu si, vô minh .v.v. Thậm chí có tám vạn bốn ngàn thứ bệnh. Phật pháp là thuốc thần, người thuyết pháp là bác sĩ. Bác sĩ trước hết phải xem bệnh gì ? Sau đó dùng thuốc thích đáng để điều trị. Bệnh nhiệt thì dùng thuốc mát, bệnh hàn thì dùng thuốc nhiệt, như vậy mới hy vọng thuốc công hiệu chữa lành bệnh. Do đó :

"Thuốc không hay dở, lành bệnh là thuốc hay ;
Pháp không cao thấp, hợp cơ là pháp diệu".

Gặp chúng sinh căn lành thành thực, thì dạy họ xuất gia tu đạo. Gặp chúng sinh không có căn lành, thì dạy họ trồng căn lành tu phước đức. Gặp chúng sinh đã trồng căn lành, thì dạy họ phương pháp làm tăng trưởng căn lành.

Tóm lại, đã tăng trưởng thì khiến cho thành thực. Đã thành thực khiến cho giải thoát. Cho nên vì chúng sinh thuyết pháp đoạn trừ tâm nghi của họ, mà sinh ra tâm tin, đắc được môn giải thoát không chướng ngại.

Tịnh Trang Nghiêm Hải Thiên Vương được môn giải thoát, tùy sự nghĩ nhớ, khiến cho được thấy Phật.

Vị Thanh Tịnh Trang Nghiêm Hải Thiên Vương này, thanh tịnh trang nghiêm rộng lớn giống như biển, và còn trang nghiêm khắp hết thấy cõi Phật. Cảnh giới Tam muội của vị này, bất cứ lúc nào chỉ cần nghĩ nhớ đến Phật, thì sẽ thấy được Phật. Không những vị này đắc được tam muội tùy theo sự nghĩ nhớ, cũng khiến cho chúng sinh đắc được pháp môn này.

Bồ Tát Đại Thế Chí nói : “ Lúc nào bạn nghĩ nhớ Phật thì sẽ thấy Phật, trừ khi quên nghĩ nhớ thì không thấy Phật.” Pháp môn niệm Phật ví như mẹ con hai người, người niệm Phật là con, sở niệm Phật là người mẹ. Mẹ con sinh sống với nhau rất sung sướng, nhưng người con không giữ quy cụ, thích chơi đùa, chạy ra bên ngoài, không ở với người mẹ, lang thang phiêu bạt bên ngoài, chẳng có nghề nghiệp chính đáng. Lúc này, người mẹ luôn luôn tưởng nhớ con, có câu rằng : “ Con đi ngàn dặm mẹ âu lo,” hôm nay nghĩ, ngày mai nghĩ, nghĩ không ngừng, nhưng người con không nghĩ đến người mẹ, lang thang bên ngoài không nhớ trở về. Trải qua nhiều năm sau đó, người con hốt nhiên nghĩ nhớ người mẹ, sinh ra hồi tưởng nhớ lại. Con nghĩ tưởng mẹ, mẹ nghĩ tưởng con, cùng nhau nghĩ tưởng, khởi lên tâm điện tác dụng tương thông, do đó : “ tâm điện cảm ứng “, người con bèn trở về nhà cố hương của mình. Do đó :

"Nhớ Phật niệm Phật,
Hiện tiền tương lai,
Nhất định thấy Phật".

Chúng ta niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì Phật tiếp dẫn chúng ta trở về cõi Phật. Chúng ta phiêu bạt lang thang bên ngoài làm người lưu lãng, không biết trở về nhà gặp mẹ. Vị Thiên Vương này nói : “ Bất cứ lúc nào, bạn nhớ Phật niệm Phật, hoặc hiện tại thấy được Phật, hoặc là vị lai sẽ thấy được Phật.” Bạn niệm Phật không thấy Phật, bèn sinh tâm hoài nghi, cho rằng Kinh Phật nói không linh nghiệm. Phật thì không nói dối, pháp của Phật nói đều viên dung vô ngại. Bây giờ không thấy Phật, tương lai sẽ thấy Phật,

hoặc là đời sau sẽ thấy Phật, nếu tâm thật niệm Phật thì hiện tại sẽ thấy Phật, tương lai sẽ thành Phật.

Tối Thắng Huệ Quang Minh Thiên Vương, được môn giải thoát, tánh bình đẳng không chỗ nương tựa trang nghiêm thân.

Vị Tối Thắng Huệ Quang Minh Thiên Vương này, trí huệ thù thắng nhất, có vô lượng vô biên quang minh, cho nên khai mở đại trí huệ. Vị này đắc được môn giải thoát, pháp tánh bình đẳng không chỗ y tựa trang nghiêm thân.

Pháp tánh vốn là bình đẳng, vì sao phải nói chữ "đắc" ? Vì thành Phật rồi, pháp tánh mới bình đẳng ; ở phần chúng sinh, thì đừng nói đến pháp tánh bình đẳng. Bình đẳng thì không thêm không bớt. Ở phần chúng sinh chẳng bình đẳng, đó là một lỗi nói pháp. Lại có một lỗi nói pháp nữa là, ở phần chúng sinh bình đẳng. Tại sao ? Vì pháp tánh ở phần chúng sinh chẳng bớt chút nào, ở phần chư Phật cũng chẳng thêm chút nào, nguồn gốc là bình đẳng. Vì bình đẳng cho nên không chỗ nương tựa. Tại sao không chỗ nương tựa ? Tức là không chấp trước, không có tướng ta, chẳng có thị phi. Vì không chỗ nương, mới là chân chánh bình đẳng. Nếu có chỗ nương thì không bình đẳng.

Chỗ này có người nói : ‘’ Pháp này tôi tin, pháp kia tôi không tin ‘’, vậy bạn tin là chấp trước, không tin cũng chấp trước. Con người là động vật kỳ quái. Quái như thế nào ? Thích đầu lại thêm đầu, không việc đi tìm việc. Hôm qua muốn ăn bột, hôm nay ăn bột rồi, lại nói ăn không ngon. Lại muốn ăn mì, muốn ăn bánh, ngày mai lại muốn ăn cơm. Đó là đem sự việc ăn để so sánh khẩu vị ba ngày không giống nhau.

Tin Phật pháp cũng như thế, trong quá khứ thì tin pháp môn niệm Phật, sớm muốn chứng niệm Phật Tam muội bèn sinh hoài nghi : ‘’Không biết cứu kính có pháp môn này chăng ? ‘’ Vì sinh tâm hoài nghi như thế, cho nên chết rồi không thể vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Đời này lại sinh tâm hoài nghi nữa : ‘’ Niệm Phật có ích lợi gì chăng ? Pháp môn này là gạt người, chỉ có người già mới niệm Phật, ta là đại tướng phu, ta không niệm Phật ! ‘’ Bạn xem ! Kiếp trước niệm Phật, sinh ra tâm hoài nghi, đời này càng không tin niệm Phật.

Có người kiếp trước tin tham thiên đả tọa, tham đi tham lại chỉ còn chút nữa thì khai ngộ, nhưng họ lại sinh tâm thối chuyển. Tâm nghĩ : ‘’Tôi tham thiên một đời, mà chẳng khai ngộ, đây là pháp môn gạt người. Nghe nói niệm Phật là phương tiện pháp môn, có thể trực tiếp vãng sinh về Tây Phương, chỉ bằng hãy thử xem.’’ Như vậy, tham thiên đã không khai ngộ, niệm Phật cũng chẳng được vãng sinh. Do đó : một chân thì ở thuyền này, một chân thì ở thuyền kia, tâm muốn đi về giang nam, lại muốn về giang bắc, kết quả lạc vào giang trung, chẳng có sở đắc !

Ngoài ra bất cứ học giáo lý, học luật, học mật tông cũng đều như thế, tu một thời gian thì thay đổi, không giữ được bền lâu, thấy lạ muốn đổi cuối cùng lãng phí công phu. Vì trong quá khứ luôn luôn thay đổi mục tiêu, cho nên công phu trước kia bỏ hết, đến đời này mới luyện lại từ đầu. Có câu kệ rằng :

"Tất cả là khảo nghiệm,
Hãy xem nên làm gì ?
Trước mắt không nhận thức,
Phải luyện lại từ đầu".

Cho nên nói người là quái vật. Tâm lý một số người thích mới chán cũ, nhất là hôm nay khoa học văn minh, ngày mới tháng khác, luôn luôn dẫn dụ người. Nếu ý chí không vững chắc thì chuyển theo cảnh giới, mà mất đi đạo tâm. Muốn tu pháp môn bố thí, nhưng tham luyện tiền bạc, phải biết tiền là vật bên ngoài, sinh ra không mang đến, chết cũng không mang đi, chỉ có nghiệp theo thân đi thôi. Hy vọng người giàu có làm nhiều việc có ích cho chúng sinh, như làm trường học, lập nhà thương, cô nhi viện và viện dưỡng lão, trực tiếp giải trừ khổ cho chúng sinh, công đức vô lượng !

Tự Tại Trí Huệ Tràng Thiên Vương được môn giải thoát, biết rõ tất cả pháp thế gian, trong một niệm an lập biển trang nghiêm không nghĩ bàn.

Vị Tự Tại Trí Huệ Tràng Thiên Vương này, tự tại vô cùng mà còn có trí tuệ. Tự tại thì chẳng có chấp ta và chấp pháp, chẳng có chấp ta thì tướng ta là không ; chẳng có chấp pháp thì tướng pháp cũng không. Ta pháp hai chấp đều không, đó mới là tự tại, chấp ta chẳng không thì vẫn còn ta, thì chẳng đắc được tự tại. Chấp pháp chẳng không, vẫn còn chấp pháp thì cũng chẳng đắc được tự tại. Người có chấp ta, cho rằng ta là đệ nhất, ta là lớn nhất, cao nhất, tôn quý nhất, các bạn đều phải cung kính ta, tín ngưỡng ta, lễ bái ta, đem cái ta để ở trước, đó là cái ta lớn gấp vạn lần so với núi Tu Di.

Người có tư tưởng như thế thì chẳng được tự tại. Người có chấp pháp cũng như thế, cho rằng pháp này là hay nhất, hy hữu nhất, khó được nhất, là không thể nghĩ bàn, vi diệu đến cực điểm, huyền diệu đến chỗ tốt cùng, thật là khó gặp. Ngày đêm sáu thời không nghỉ ngơi, chuyên khởi vọng tưởng về pháp, ở trong mộng cũng như thế. Cho nên người có chấp pháp và chấp ta thì không đắc được tự tại. Trí tuệ là đối với ngu si mà nói, danh từ Phật giáo là tương đối. Ngu si là gì ? Tức là người ngu dốt, không những tâm lý không kiện toàn, mà sinh lý cũng không kiện khang.

Còn có một thứ người, họ không tu đạo, không tham thiền, mà muốn khai ngộ thành Phật. Không siêng năng học hành, mà muốn đậu bác sĩ. Không

gieo trồng mà muốn thu hoạch, tóm lại, không muốn bỏ công sức, mà muốn thành tựu. Đó là người ngu nói mộng.

Người có trí huệ biết tôi muốn thành Phật, nhất định trước phải tu hành. Muốn làm bác sĩ, nhất định phải siêng năng học hành. Muốn thu hoạch ngũ cốc, phải nỗ lực canh tác. Muốn làm việc gì, thì phải y theo đó mà làm, đừng tưởng tượng những việc không thể được. Đứng vững trên mặt đất, tuân theo quy cụ, không làm việc cầu thả. Người có tư tưởng như thế, bất cứ làm việc gì cũng đều thành công.

Do đó, người có trí huệ, thì không làm việc ngu si, người ngu si không làm được việc có trí huệ. Người ngu si không tin nhân quả, người có trí huệ, thì tin sâu nhân quả. Cho nên nói vị Thiên Vương này, trí huệ trang nghiêm cõi Phật giống như tràng báu.

Vị Thiên Vương này có đại trí huệ, biết rõ tất cả pháp thế gian, nhưng biết rõ pháp thế gian rồi, thì cũng hiểu rõ pháp xuất thế gian. Lục Tổ Huệ Năng đại sư có nói :

"Phật pháp tại thế gian,
Không rời thế gian giác,
Bỏ thế gian cầu bồ đề,
Ví như tìm sừng thỏ".

Vị Thiên Vương này ở trong một niệm, an lập biển trang nghiêm không thể nghĩ bàn, trang nghiêm pháp giới của Phật, trang nghiêm pháp giới của Bồ Tát, trang nghiêm pháp giới của Duyên Giác, trang nghiêm pháp giới của Thanh Văn, trang nghiêm tất cả pháp giới của chúng sinh. Vị này đặc được môn giải thoát biển trang nghiêm này.

Lạc Tịch Tĩnh Thiên Vương được môn giải thoát, trong một lỗ chân lông, hiện cõi Phật không thể nghĩ bàn không chướng ngại.

Vị Lạc Tịch Tĩnh Thiên Vương này thích tịch tĩnh, pháp môn của vị này đặc được là : môn giải thoát không chướng ngại không thể nghĩ bàn. Có thể trong một lỗ chân lông hiện ra cõi Phật không thể nghĩ bàn, đó gọi là cảnh giới “ trong nhỏ hiện lớn.” Ở trong một lỗ chân lông, hiện ra vô lượng cõi nước chư Phật, chư Phật ở trong cõi nước giáo hóa chúng sinh, chúng sinh lại ở trong cõi Phật, tu hành thành Phật và giáo hóa chúng sinh, đó là cảnh giới trong nhỏ hiện lớn, nhưng trong nhỏ chẳng có lớn, trong lớn cũng chẳng có nhỏ. Tuyệt đối chẳng phải nói ở trong lỗ chân lông, hiện ra cõi nước chư Phật, nhất định là cõi nước chư Phật thu nhỏ lại, hoặc là làm cho lỗ chân lông lớn rộng. Lỗ chân lông cũng không lớn, cõi Phật cũng không thu nhỏ lại, mà là hồ tương bao dung, đó gọi là hồ tương không chướng ngại.

Cảnh giới phàm phu chúng ta giống như căn phòng nhỏ, không thể dung nạp được nhiều người. Cảnh giới của Phật là nhỏ dung được lớn, lớn nhập vào nhỏ. Do đó :

"Trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ".

Ví như dùng tấm gương khoảng một thước, dùng gương soi cảnh thì thấy được cảnh rất xa, hiện ra trong gương. Đó là trong nhỏ hiện lớn. Dùng cảnh soi gương, đứng ở một nơi rất xa, thấy cảnh ở trong gương đó là trong lớn hiện nhỏ. Gương cũng không lớn thêm mà cảnh giới cũng không thu nhỏ, tức có thể hiện hai thứ cảnh giới.

Phổ Trí Nhãn Thiên Vương được môn giải thoát, nhập vào phổ môn quán sát pháp giới.

Vị Phổ Trí Nhãn Thiên Vương này, có con mắt đại trí huệ, quán sát khắp tất cả mọi nơi. Mắt trí huệ của vị này, từ đâu mà đắc được ? Là từ trong Kinh điển. Nghiên cứu Kinh điển, học tập Kinh điển, là đường lối khai mở trí huệ. Kinh pháp Hoa là Kinh thành Phật ; Kinh Hoa Nghiêm là Kinh khai mở trí huệ, cũng là Kinh thành Phật, kiêm luôn cả hai.

Khai mở trí huệ là huệ đầy đủ, thành Phật là phước đầy đủ, phước huệ đều tròn đầy thì có con mắt trí huệ. Cho nên nói Kinh Hoa Nghiêm là Kinh thập toàn thập mỹ.

Lại có nói rằng, vị Thiên Vương này trong lỗ chân lông toàn thân đều có con mắt, không là chỉ một con mắt mà là vô lượng vô biên con mắt, quán sát được mười pháp giới. Tuy nhiên có nhiều con mắt nhưng hỗ tương không chướng ngại. Vị này quán sát được tính pháp giới, lại có thể nhập vào tâm chúng sinh. Pháp giới lớn bao nhiêu ? Lớn không có bờ mé. Nhưng không ra ngoài một tâm niệm. Pháp giới tuy lớn nhưng từ một tâm niệm hiện tiền mà trang nghiêm thành tựu. Cho nên vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát, nhập vào phổ môn quán sát pháp giới.

Lạc Toàn Huệ Thiên Vương được môn giải thoát, vì tất cả chúng sinh trong vô biên kiếp, thường xuất hiện vô lượng thân.

Vị Lạc Toàn Huệ Thiên Vương này, thích thu hồi lại trí huệ của mình. Vị này thường hồi quang phản chiếu, cầu nơi chính mình, không hướng cầu bên ngoài. Pháp môn của vị này tu là : độ tất cả chúng sinh, hiện đủ loại thân hình, xuất hiện ở trước chúng sinh để giáo hóa chúng sinh, không bỏ một chúng sinh nào, đối với chúng sinh có duyên khiến cho họ phát tâm bồ đề. Trong vô lượng kiếp, luôn luôn giáo hóa chúng sinh, không biết nhàm mỏi. Đó là môn giải thoát vị này đắc được.

Thiện Chung Huệ Quang Minh Thiên Vương, được môn giải thoát, quán tất cả cảnh giới thế gian, nhập vào pháp không nghĩ bàn.

Vị Thiện Chung Huệ Quang Minh Thiên Vương này, khéo tài bồi trí huệ của mình, vị này luôn luôn nghiên cứu Kinh Đại Bát Nhã, trồng xuống hạt giống trí huệ Bát Nhã, khi thời cơ thành thực thì sinh ra trí huệ, phóng đại quang minh. Vị này đắc được pháp môn, quán sát tất cả cảnh giới thế gian đều không thể nghĩ bàn.

Pháp này là pháp thế gian, cũng là pháp xuất thế gian. Chẳng phải từ bỏ pháp thế gian mà có pháp xuất thế gian. Ví như bàn tay, mặt phải và mặt trái đều là bàn tay, nhưng mặt phải thì cầm đồ được, còn mặt trái không thể cầm được. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian cũng như thế. Trở qua là pháp xuất thế gian, trở lại là pháp thế gian. Do đó dễ như trở bàn tay. Phật pháp tức là như trở bàn tay. Hiểu rõ thì là pháp xuất thế gian, hồ đồ tức là pháp thế gian. Đừng, trên đầu lại thêm đầu, riêng ngoài đi tìm pháp xuất thế ; ở trong pháp thế gian buông xả đặng tức là pháp xuất thế gian, không chấp trước tức là pháp xuất thế. Vị Thiên Vương này minh bạch đạo lý này, đắc được môn giải thoát này.

Vô Cấu Tịnh Tĩnh Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, khai thị pháp xuất yếu cho tất cả chúng sinh.

Vị Vô Cấu Tịnh Tĩnh Quang Thiên Vương này, có trí huệ quang minh vô cấu mà thanh tịnh. Vô cấu tức là chẳng có pháp ô nhiễm. Pháp ô nhiễm là gì ? Nói đơn giản tức là tình ái nam nữ. Có pháp ô nhiễm thì không thể đắc được quang minh tịnh tĩnh, cho nên Phật giáo đề xướng pháp môn đoạn dục khử ái. Ái là gốc rễ sanh tử, ái không đoạn, thì vĩnh viễn còn sanh tử. Cổ đức nói :

“ Tâm nhiễm dễ sinh, tịnh đức nan thành.” Tức là nói tâm ô nhiễm dễ sinh ra, đức tính thanh tịnh không dễ thành tựu.

Vị Thiên Vương này không có tư tưởng ô nhiễm, cho nên đắc được quang minh chân chính trí huệ tịnh tĩnh. Vị này đắc được quang minh vô cấu tịnh tĩnh, không ích kỷ đem chỗ đắc được xuất yếu pháp của mình, truyền thọ cho chúng sinh thế gian.

Xuất yếu pháp là gì ? Tức là dùng bảo kiếm trí huệ chém sạch tất cả ma ái và ma tình, chém ma phiền não, chém ma tham lam, chém ma sân hận, chém ma ngu si, chém ma cống cao ngã mạn, chém ma vô minh, chém ma chấp trước, đó đều là yếu pháp xuất thế. Đắc được yếu pháp xuất thế rồi, thì mới ra khỏi được thế gian, mới được giải thoát. Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát yếu pháp xuất thế.

Quảng Đại Thanh Tịnh Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, quán sát tất cả chúng sinh đáng được hóa độ, khiến cho họ vào Phật pháp.

Vị Quảng Đại Thanh Tịnh Quang này, có quang minh thanh tịnh rộng chẳng có bờ, lớn chẳng có mé. Thanh tịnh tức là chẳng có ô nhiễm, chẳng có vô minh. Vị này đặc được tam muội quán sát, bèn biết được chúng sinh nào cơ duyên thành thực, đáng độ được. Chúng sinh nào cơ duyên chưa thành thực thì nên đợi chờ.

Chúng sinh tin Phật cũng phải có nhân duyên. Nhân duyên thành thực, thì tự nhiên họ sẽ tín ngưỡng Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, cung kính Tam Bảo, hộ trì Tam Bảo, cuối cùng quy y Tam Bảo. Nhân duyên chưa thành thực, thì dù Phật ở bên cạnh, họ cũng không sinh tín tâm. Chẳng phải cưỡng bách chúng sinh tin Phật, cũng chẳng phải dùng vật chất để dẫn dụ chúng sinh tin Phật, càng không dùng quan hệ nam nữ, hoặc quan hệ chính trị, khiến cho chúng sinh có sở sí đồ mà tin Phật. Mục tiêu của Phật giáo là, hoàn toàn cứu đời cứu người làm cho họ thức tỉnh, cải ác hướng thiện, chỉ dẫn chúng sinh quay đầu thì thấy bờ. Tín đồ đều ngưỡng mộ Phật và cảnh giới giải thoát viên mãn vô ngại, mà tự động đến quy y Tam Bảo, tuyệt đối không có tư hào miễn cưỡng. Phạm là thiện nam tín nữ quy y Phật giáo, đều mong muốn tâm linh an ổn và giải thoát, mà không cầu hưởng thụ vật chất.

Bấy giờ, Khả Ái Lạc Quang Minh Tràng Thiên Vương, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quảng Quả mà nói ra bài kệ.

Lúc bấy giờ, vị Khả Ái Lạc Pháp Quang Minh Thiên Vương, trời Tứ Thiên, thuộc về sắc giới, nương đại oai thần lực của chư Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Thiểu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quảng Quả, mà nói ra bài kệ dưới đây, để tán thán công đức của Phật, khiến cho chúng sinh tin sâu và hiểu rõ đạo lý này.

Trời Tứ Thiên gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa. Ở cõi trời này chẳng có hoan hỷ khoái lạc, chỉ có thọ bình đẳng không thể hình dung. Cõi trời này phân làm ba cõi trời :

1. Trời Thiểu Quang còn gọi là trời Phước Sinh, chúng sinh cõi trời này chẳng còn hỷ lạc (vui thích), chỉ có tinh thần tồn tại.
2. Trời Vô Lượng Quang, còn gọi là trời Phước Thọ, vì phước báu của cõi trời này đáng ưa nhất. Chúng sinh cõi trời này xả bỏ hỷ lạc, tu phước đức cầu thăng lên trời.
3. Trời Quảng Quả, chúng sinh cõi trời này siêng tu thiên định, tu thiên hữu lậu thì sinh về trời Vô Tướng (ngoại đạo) ; tu thiên vô lậu thì sinh về trời Ngũ Bất Hoàn (A La Hán và Bồ Tát ở).

**Cảnh giới chư Phật không nghĩ bàn
Tất cả chúng sinh không lường được
Khiến cho tâm họ sinh tin hiểu
Ý vui rộng lớn không cùng tận.**

“ Cảnh giới chư Phật không nghĩ bàn.” Không nghĩ bàn tức là chẳng có cảnh giới. Bồn lai không nhiều, không ít, không lớn, không nhỏ. Vậy còn có cảnh giới gì ? Nếu nói có cảnh giới tức là chấp trước tướng, cho nên nói không nghĩ bàn tức là chẳng có cảnh giới.

Các pháp không tướng tức là cảnh giới của Phật. Các pháp không tướng là gì ? Cảnh giới này từ hàng Bồ Tát cho đến chúng sinh địa ngục, chúng sinh chín pháp giới này, chẳng có một giới chúng sinh nào biết được, chỉ có Phật mới biết được.

Trong bản Kinh này có nói :

"Nếu ai muốn biết cảnh giới Phật,
Hãy tịnh ý mình như hư không".

Tức là nói nếu muốn biết cảnh giới của Phật, trước hết phải quét sạch rác rến trong tâm của mình cho thanh tịnh, không còn sự phân biệt giống như hư không, thì mới biết được cảnh giới của Phật.

Cảnh giới của Phật là gì ? Tức là hư không. Không vô sở không, sở không cũng không, đó tức là cảnh giới của Phật.

“ Tất cả chúng sinh không lường được.” Đạo lý của các pháp không tướng, tất cả chúng sinh không dò được, không hiểu được, không thấu suốt được, không rớt ráo được, cho nên nói tất cả chúng sinh không lường được.

“ Khiến cho tâm họ sinh tin hiểu.” Đức Phật khiến cho tất cả chúng sinh sanh tâm tin hiểu. Học Phật pháp có bốn giai đoạn. Tức là : Tín, giải, hạnh, chứng (tin, hiểu, thực hành và chứng ngộ). Trước hết phải tin. Tin các pháp do đức Phật nói ra, tin Tam Tạng mười hai bộ là chân thật nghĩa. Có tâm tin rồi mới nghiên cứu Phật lý, thấu hiểu rồi, mới y theo những gì Phật nói mà tu hành, từ từ sẽ chứng được quả vị.

“ Ý vui rộng lớn vô cùng tận.” Phật lấy sự lợi ích của chúng sinh làm ý vui, bao quát hết thảy cho nên rộng lớn không cùng tận. Đó là kệ của vị Khả Ái Lạc Pháp Quang Minh Tràng Thiên Vương tán thán chư Phật.

**Nếu ai thọ được pháp của Phật
Phật dùng thần lực khai đạo họ
Khiến cho thường thấy Phật hiện tiền
Nghiêm Hải Thiên Vương thấy môn này.**

“ Nếu ai thọ được pháp của Phật.” Giả sử, có một loài chúng sinh nào, có thể tiếp thọ được pháp của Phật, tức cũng là trình độ có thể gần tiếp thọ được pháp.

“ Phật dùng thần lực khai đạo họ.” Phật xử dụng đại oai thần lực, để gia bị cho họ, khiến cho họ tiến từng bước từng, bước trên con đường Phật pháp. Phật dùng pháp quyền xảo phương tiện, để dẫn dụ chúng sinh, khiến cho họ đi trên bờ đề đại đạo. Nếu pháp này không thành tựu, thì đổi pháp khác, khi nào họ tiếp thọ được thì thôi. Khiến cho chúng sinh, từ ngu si đần độn trí huệ, từ trí huệ đần độn được giác ngộ. Giác ngộ cái gì ? Giác ngộ pháp thế gian là khổ, pháp xuất thế gian là vui, do đó lia khổ được vui, đó tức là khai đạo.

“ Khiến cho thường thấy Phật hiện tiền.” Làm cho chúng sinh thường thấy được Phật, không những mở mắt thấy được chân thân của Phật, mà nhắm mắt cũng thấy được kim thân của Phật. Tóm lại, là luôn luôn đều thấy Phật ở trước mắt, luôn luôn vì họ mà thuyết pháp.

“ Nghiêm Hải Thiên Vương thấy môn này.” Cảnh giới này vị Thanh Tịnh Trang Nghiêm Hải Thiên Vương thấy được.

Oai thần lực của Phật là không thể nghĩ bàn, chúng ta phàm phu, chẳng có cách chi có thể hiểu được, cho nên bây giờ chúng ta vẫn còn là phàm phu, không hiểu thấu được cảnh giới của Phật. Nhưng Phật hiểu được tâm của chúng sinh. Bất cứ trong tâm tưởng gì ? Phật đều biết. Kinh Kim Cang có nói :

"Tất cả chúng sinh có những tâm gì,

Như Lai đều biết đều thấy".

Nghĩa là tất cả hết thảy chúng sinh, không màng có bao nhiêu thứ tâm, Phật hoàn toàn biết bạn đang nghĩ gì ? Thích gì ? Chán bỏ cái gì ? Phật đều nhìn thấy rõ ràng.

Tất cả pháp tánh không chỗ nương

Phật hiện ra đời cũng như thế

Hết thảy các cõi không chỗ tựa

Nghĩa này Thắng Trí quán sát được.

“ Tất cả pháp tánh không chỗ nương.” Tất cả pháp tánh vốn là không, không chẳng chỗ có. Vì là không cho nên không cần nương tựa, chẳng có nương tựa chỗ nào hết.

“ Phật hiện ra đời cũng như thế.” Phật hiện ra trong thế gian, cũng giống như pháp tánh, là không. Không cái gì ? Không tất cả đều có. Nếu không có cái có, làm sao có cái không ?

“ Hết thảy các cõi không chỗ tựa.” Khắp trong hết thảy các cõi không chỗ nương tựa. Phật là không, không tất cả cõi, không nương tất cả các cõi. Phật là vô tướng, giáo hóa chúng sinh không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Còn bốn tướng này là chúng sinh, không còn bốn tướng này là Phật. Cho nên Phật dạy chúng sinh phá trừ bốn tướng, chẳng chấp trước bốn tướng, mới có thể giác ngộ.

“ Nghĩa này Thắng Trí quán sát được.” Nghĩa lý này vị Tối Thắng Huệ Quang Minh Thiên Vương quán sát được cảnh giới này, hiểu được đạo lý này.

Tùy tâm sở thích của chúng sinh

Phật dùng thần lực để thị hiện

Hết thầy khác nhau không nghĩ bàn

Môn giải thoát này Trí Tràng biết.

“ Tùy tâm sở thích của chúng sinh.” Phải tùy thuận tâm chúng sinh, phải tùy thuận sở thích của chúng sinh, phàm là chúng sinh có mong cầu gì, đều khiến cho họ được như ý.

Mười hạnh nguyện lớn của Bồ Tát Phổ Hiền phát ra, là tùy sở thích của tâm chúng sinh. Mười hạnh nguyện lớn là :

1. Kính lễ các đức Phật.
2. Khen ngợi Như Lai.
3. Rộng tu cúng dường.
4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức.
6. Thỉnh chuyên bánh xe pháp.
7. Thỉnh Phật ở lại đời.
8. Thường học theo Phật.
9. Luôn thuận chúng sinh.
10. Hồi hướng khắp hết.

1. Lễ kính chư Phật : Lễ có bảy thứ :

- a. Ngã mạn lễ.
- b. Cầu danh lễ.
- c. Cung kính lễ.
- d. Vô tướng lễ.
- e. Khởi dụng lễ.
- f. Nội quán lễ.
- g. Thật tướng lễ.

Khi nào giảng đến phẩm này, thì sẽ giải thích cặn kẽ.

Trong sự lễ có một thứ lễ "ngã mạn lễ". Tức là khi lạy xuống thì tâm không quán tưởng, không nghĩ ta đang lễ mười phương Phật, lễ mười phương Pháp, lễ mười phương Tăng. Thân cũng chẳng cung kính, chỉ là hình thức mà thôi, là việc phô diễn, cầu thả, không thành tâm, không trang nghiêm.

Phải lễ như thế nào ? Phải nên thân tâm cung kính lễ. Trong tâm quán tưởng ta đang lạy Phật, lạy Pháp, lạy Tăng. Tư thế thân lạy phải tự nhiên, năm thể (đầu, hai tay, hai chân) phải đụng đất, như thế mới có công đức.

2. **Khen ngợi Như Lai** : Tức là khen ngợi công đức mười phương Như Lai, đem công đức của Phật nói cho chúng sinh nghe, tốt đẹp như thế nào ! Trang nghiêm ra sao ! Khen ngợi tán thán lợi ích của Như Lai, trừ được chướng ác khẩu đắc được biện tài vô ngại.

3. **Rộng tu cúng dường** : Tức là phải luôn luôn cúng dường Tam Bảo, cúng dường tài vật là tu phước, cúng dường pháp là tu huệ. Phước huệ đều đủ mới có công đức.

4. **Sám hối nghiệp chướng** : Tức là đem tội lỗi của mình nói ra hết, do đó :
"Tội lỗi tà trời, sám hối liền tiêu".

Những tội lỗi đã tạo trong quá khứ phải thật tâm hối cải, mới mong cứu được. Đó là cho chúng sinh cơ hội sửa đổi lỗi lầm, làm con người mới.
Người xưa nói:

"Người chẳng phải Thánh Hiền,
Ai mà chẳng có tội,
Có tội mà biết cải,
Còn việc thiện nào hơn" !

5. **Tùy hỷ công đức** : Tức là tùy thuận vui vẻ tất cả công đức pháp lành. Phật thuyết pháp độ chúng sinh, công đức dạy người không mỏi mệt, chúng ta phải tùy hỷ. Công đức của Phật vì pháp mà xả thân cũng phải tùy hỷ. Thậm chí công đức của Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn .v.v., cũng phải tùy hỷ.

6. **Thỉnh chuyển bánh xe pháp** : Tức là chúng sinh thỉnh Phật nói diệu pháp. Đức Phật vào Niết Bàn rồi thì, chúng sinh thỉnh đại thiện trí thức, đại pháp sư để chuyển bánh xe pháp, tiếp nối huệ mạng của Phật.

7. **Thỉnh Phật ở lại đời** : Tức là thỉnh mười phương chư Phật và các đại Bồ Tát, các đại A La Hán, các đại thiện trí thức đừng vào Niết Bàn, vì lợi lạc chúng sinh mà ở lại đời.

8. **Thường học theo Phật** : Tức là thường học theo hạnh của Phật. Mỗi cử chỉ hành động của đức Phật đều là quy cụ, không những phải học theo lời dạy của Phật (ngôn giáo) mà còn phải học theo oai nghi cử chỉ của Phật (thân giáo). Ngôn giáo (lời dạy) là Kinh điển, thân giáo là giới luật.

9. **Luôn thuận chúng sinh** : Tức là thường tùy thuận căn tính của chúng sinh, khiến cho họ đắc được lợi ích, khiến cho họ đắc được thành tựu. Cúng dường chúng sinh, khiến cho họ hoan hỷ, lấy chúng sinh đáng làm cha mẹ để cung kính, lấy chúng sinh đáng làm chư Phật để cung kính.

10. **Hồi hướng khắp hết** : Tức là đem tất cả căn lành công đức của mình tu được, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, chính mình không cần. Bất cứ pháp hội gì, cuối cùng nhất định phải hồi hướng. Do đó : "Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đê tử và chúng sinh, đều trọn thành Phật đạo."

“ Phật dùng thần lực để thị hiện.” Trong tâm của chúng sinh thích gì thì đều được như ý. Phật đại từ đại bi dùng sức thần thông, khiến cho tất cả chúng sinh đạt được nguyện vọng, không làm cho chúng sinh thất vọng. Tóm lại, phàm là sự mong cầu chánh đáng, đức Phật nhất định có cảm ứng. Chúng sinh mong cầu gì ? Phật bèn thị hiện cái đó.

“ Hết thầy khác biệt không nghĩ bàn.” Tất cả tâm chúng sinh đều không giống nhau. Có những người có tín tâm đối với Phật pháp, có những người chẳng có tín tâm đối với Phật pháp. Có những người bán tín bán nghi đối với Phật pháp. Có người vì nghe Kinh điển, cảm thấy có đạo lý mà sinh tín tâm, do đó đến nghiên cứu Phật pháp. Có người nghe Kinh như gió ngoài tai, qua rồi chẳng lưu lại, quên hết tất cả. Có người nghe Kinh thì khởi vọng tưởng, tưởng đi du lịch đến cung trăng. Có người nghe Kinh thì sinh chấp trước, đây là ta, đó là họ, Kinh này là Kinh đời nhà Tấn, Kinh nọ là Kinh đời nhà Đường, đó là tâm phân biệt. Những người này đều có tư tưởng khác nhau, suy nghĩ khác nhau, cho nên nói hết thầy khác biệt không nghĩ bàn.

“ Môn giải thoát này Trí Tràng biết.” Nhiều thứ cảnh giới khác nhau, chẳng có cách chi hiểu được, nhưng vị Vua Trời Tự Tại Trí Huệ Tràng này đặc được pháp môn giải thoát này.

**Tất cả cõi nước trong quá khứ
Đều thị hiện trong lỗ chân lông
Đó là thần thông của chư Phật
Ái Lạc Tịch Tĩnh điển nói được.**

“ Tất cả cõi nước trong quá khứ.” Quá khứ chẳng có quá khứ, hiện tại chẳng có hiện tại, vị lai chẳng có vị lai, đó là đạo lý trong Kinh Kim Cang nói. Kinh vẫn nói như vậy :

"Tam tâm liễu bất khả đắc,
Quá khứ tâm bất khả đắc,
Hiện tại tâm bất khả đắc,
Vị lai tâm bất khả đắc".

Sao lại nói tâm quá khứ không thể được ? Vì quá khứ đã qua rồi, qua rồi thì chẳng có, cho nên nói : “ Quá khứ tâm bất khả đắc.”

Sao lại nói tâm hiện tại không thể được ? Vì hiện tại thì không ngừng lại, nói bây giờ là hiện tại, nói xong cũng qua rồi, thời gian không thể ngừng lại bất động cho nên nói “ Hiện tại tâm bất khả đắc.”

Sao lại nói tâm vị lai không thể đắc được ? Vì vị lai thì chưa đến, không có đến cũng không thể được, cho nên nói : “ Vị lai tâm bất khả đắc.”

Do đó :

"Tam tâm bất liễu thủy nan tiêu,
Ngũ quán yếu minh kim dã hóa".

Tạm dịch :

Ba tâm không thấu nước khó tiêu

Năm quán tỏ rõ vàng cũng tiêu hoá được.

Nghĩa là nói : Nếu tồn tại tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, dù thí chủ cúng dường một ly nước trà, cũng không tiêu thọ được, càng không cách chi tiêu hóa được tách trà. Nếu hiểu được đạo lý năm quán niệm thì dù vàng cũng tiêu hóa được.

Năm quán là gì ? Tức là khi ăn Quá đường thì phải niệm năm quán niệm :

1. Tính xem công bao nhiêu, thức ăn từ đâu đến ?
2. Xem xét đức hạnh của mình thiếu hay đủ, để nhận đồ cúng dường.
3. Phòng ngừa tâm tạo tội, tham là gốc.
4. Thức ăn là thuốc hay, chữa được bệnh khô gầy.
5. Vì thành đạo nghiệp mới dùng cơm này.

Người xuất gia khi ăn cơm, thì phải quán tưởng năm điều này, mới thọ sự cúng dường.

“ Đều thị hiện trong lỗ chân lông.” Tất cả các cõi Phật trong quá khứ, tuy nhiên là vô lượng vô biên, nhưng trong một lỗ chân lông thị hiện ra các cõi Phật.

Có người nói : “ Đạo lý này tôi không tin.” Đương nhiên bạn không tin, vì bạn là phàm phu. Nếu bạn tin thì mình bạch được cảnh giới của Phật. Vì căn lành của bạn không đủ, gặp được Phật pháp chân chánh, nghe được Phật lý chân chánh, còn không tin. Vì sao không tin ? Vì nghiệp chướng quá nặng, nghiệp chướng quá sâu ! Cho nên bạn không tin Phật pháp là thuốc hay cứu đời cứu người.

Ma vương mong muốn chúng sinh đừng tin Phật pháp, vì sao ? Nếu chúng sinh tin Phật pháp, thì quyền thuộc của chúng bớt đi, cho nên Ma vương phái con ma cháu ma phá hoại Phật pháp, thấy người tu hành thành tựu, thì chúng bèn đến dẫn dụ, đến uy hiếp. Định lực của người tu hành không đủ, thì dễ tẩu hỏa nhập ma, chịu sự khống chế của chúng. Cho nên người tu đạo phải chú ý, phải cẩn thận, bất cứ cảnh giới gì hiện ra, tốt cũng đừng chấp trước, xấu cũng đừng chấp trước, căn bản tâm đừng lay động. Lúc này phải một lòng một dạ, niệm danh hiệu của Phật, cảnh giới thật càng niệm càng sáng sủa, càng niệm càng rõ ràng ; nếu là cảnh giới giả, càng niệm càng đen tối, càng niệm càng mờ mịt. Đó là phương pháp Kinh nghiệm thật giả.

Cảnh giới ảo diệu bất khả tư nghì này, bạn không cách chi thấu hiểu được. Đợi khi nào có ngũ nhãn lục thông, thì mới biết là việc rất bình thường, chẳng có gì là lạ. Giống như hai mươi năm về trước, có người nói con người có thể lên mặt trăng, tương lai có thể du hành đến mặt trăng, bạn sẽ cho rằng đó là thần thoại. Bây giờ thực hiện được, mọi người đều tin. Trong một lỗ chân lông, hiện ra cõi nước chư Phật cũng là đạo lý này.

“ Đây là thần thông của chư Phật.” Tức là đại thần thông lực của mười phương chư Phật, mới hiện ra được cảnh giới này.

Phật giáo lấy pháp giới làm tánh, ai cũng chạy không ra khỏi ngoài pháp giới. Tất cả các tôn giáo, đều bao dung ở trong Phật giáo. Nhất là bộ Kinh Hoa Nghiêm này, chỗ diệu dụng là lấy pháp giới làm tông, chuyên nói về đạo lý, lý sự vô ngại trong pháp giới.

“ Ái Lạc Tịch Tĩnh diễn nói được.” Thần thông lực của Phật là tận hư không khắp pháp giới. Vị Ái Lạc Tịch Tĩnh Thiên Vương diễn nói được đạo lý này.

**Tất cả biển pháp môn vô tận
Đồng vào một pháp trong đạo tràng
Đó là pháp tánh của Phật nói
Trí Nhân thấu được phương tiện này.**

“ Tất cả biển pháp môn vô tận.” Tất cả pháp tức là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Mỗi pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, lại có tám vạn bốn ngàn pháp môn, là vô lượng vô biên, trùng trùng vô tận, cho nên nói tất cả biển pháp môn vô tận.

“ Đồng vào một pháp trong đạo tràng.” Pháp môn có rất nhiều không thể nói, bây giờ đem dung vào thành một pháp môn. Tức cũng là vô lượng pháp môn nhiếp làm một pháp môn, một pháp môn tán làm vô lượng pháp môn, cho nên nói đồng vào một pháp trong đạo tràng.

“ Đó là pháp tánh của Phật nói.” Pháp này một tức là nhiều, nhiều tức là một. Một nhiều vô lượng, một nhiều vô ngại, pháp tính này là Phật Thích Ca Mâu Ni nói.

’ Trí Nhân thấu được phương tiện này.” Phổ Trí Nhân Thiên Vương đắc được môn giải thoát : biển tam muội vô tận này, cho nên vị này thấu rõ phương tiện pháp môn này.

**Tất cả cõi nước trong mười phương
Đều ở trong đó mà thuyết pháp
Thân Phật không đến cũng không đi
Đây là cảnh giới Lạc Huệ Toàn.**

“ Tất cả cõi nước trong mười phương.” Trên thế giới không những chỉ có thế giới Ta Bà, mà còn có mười phương thế giới, mỗi phương lại có vô lượng vô biên thế giới. Do đó, thế giới này, thế giới kia, vô lượng các thế giới, cõi nước này, cõi nước kia, vô lượng các cõi nước.

“Đều ở trong đó mà thuyết pháp.” Trong tất cả cõi nước chư Phật mười phương, trong mỗi cõi nước đều có Phật Thích Ca Mâu Ni, đang thuyết pháp ở trong đó, đang giáo hóa chúng sinh ở trong đó.

“Thân Phật không đến cũng không đi.” Ở trong mỗi thế giới này đều có Phật đang nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Phải chăng thân Phật đi đến mỗi thế giới? Chẳng phải, vì thân Phật không đến cũng không đi.

Trong Kinh Kim Cang nói :

"Nhu Lai giả,
Vô sở tùng lai,
Diệc vô sở khứ,
Cố danh Như Lai".

Nghĩa là :

Bậc Như Lai,
Không từ đâu đến,
Cũng không về đâu,
Nên gọi Như Lai.

“Đó là cảnh giới Lạc Huệ Toàn.” Đây là cảnh giới của vị Ái Lạc Huệ Toàn Thiên Vương biết rõ được, cảnh giới này thật là không thể nghĩ bàn. Người không hiểu Phật pháp, cho rằng Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, là bộ Kinh đại vọng ngữ, thật ra đạo lý của Kinh này nói là lý chân thật, ngàn chân vạn thật, bất quá chúng ta phàm phu chưa đạt được cảnh giới này, cho nên không hiểu được cảnh giới này.

Phật quán thế pháp như hình bóng

Vào nơi thâm sâu tối u ám

Nói các pháp tánh thường tịch nhiên

Thiện Chứng Tư Duy thấy môn này.

“Phật quán thế pháp như hình bóng.” Phật quán sát pháp thế gian như hình như bóng, không thường, không thật. Trong Kinh Kim Cang nói :

"Tất cả pháp hữu vi,
Nhu mộng huyễn bọt bóng,
Nhu sương cũng như điện,
Nên quán sát như thế".

“Vào nơi thâm sâu tối u ám.” Tức nhiên pháp thế gian không thường, không thật, là hư vọng. Nhưng Phật đến nơi thâm sâu đen tối không thể nghĩ bàn, ở trong thế gian để hoằng dương Phật pháp.

“Nói các pháp tánh thường tịch nhiên.” Phật nói các pháp là tướng tịch diệt, không thể diễn nói. Tức là nói không ra, đó là pháp tánh tịch diệt.

“Thiện Chung Tư Duy thấy môn này.” Vị Thiện Chung Tư Duy Thiên Vương, thấy được cảnh giới này, hiểu được pháp môn này.

Phật khéo biết rõ các cảnh giới
Tùy tâm chúng sinh mưa pháp vũ
Nói pháp xuất thế khó nghĩ lường
Môn này Tịch Tĩnh Thiên ngộ được.

“Phật khéo biết rõ các cảnh giới.” Phật không có gì mà không biết, không có gì mà không làm được, không có chỗ nào mà không đến, không có gì mà không thông. Phật biết rõ tất cả cảnh giới, tất cả căn tánh của chúng sinh.

“Tùy tâm chúng sinh mưa pháp vũ.” Căn tính chúng sinh giống như cây cỏ hoa lá, rễ lớn thì hút lượng nước mưa nhiều, rễ nhỏ thì hút lượng nước mưa ít. Chúng ta chúng sinh cũng như thế, chúng sinh căn lành sâu dày, thì đắc được mưa pháp của Phật nhiều một chút, chúng sinh căn lành cạn cợt thì đắc được mưa pháp của Phật ít hơn một chút.

“Nói pháp xuất thế khó nghĩ lường.” Vì mở bày diệu pháp không thể nghĩ bàn, đó là pháp môn xuất thế quan trọng hơn hết.

“Môn này Tịch Tĩnh Thiên ngộ được.” Vị Vô Cấu Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương minh bạch được cảnh giới này.

Thế Tôn thường dùng đại từ bi
Lợi ích chúng sinh hiện ra đời
Mưa pháp cam lồ nhuần hết thầy
Thanh Tịnh Quang Thiên diễn nói được.

“Thế Tôn thường dùng đại từ bi.” Phật là đáng chí tôn, Ngài thường dùng tâm đại từ đại bi, để giáo hóa chúng sinh, bất cứ chúng sinh có sai lầm gì, Phật cũng đều tha thứ, cho nên nói Thế Tôn thường dùng đại từ bi.

“Lợi ích chúng sinh hiện ra đời.” Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên mới xuất hiện ra đời, hiện tám tướng thành đạo ở thế giới Ta Bà.

“Mưa pháp cam lồ nhuần hết thầy.” Phật là bình đẳng nhất, chẳng có quan niệm phân biệt, về giai cấp, về chủng tộc, về quốc tịch. Ngài thuyết pháp thì tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích. Bồ Tát thì đắc được lợi ích của Bồ Tát, A La Hán thì được lợi ích của A La Hán. Tu pháp đại thừa thì đắc được lợi ích đại thừa, tu tiểu thừa thì được lợi ích tiểu thừa, hết thầy đều có lợi ích khác nhau. Giống như bồn đựng nước, bồn lớn thì chứa nhiều nước một chút, bồn nhỏ thì chứa ít nước một chút.

“Thanh Tịnh Quang Thiên diễn nói được.” Vị Quảng Đại Thanh Tịnh Quang Thiên Vương diễn nói được cảnh giới này.

Ở trên là mười bài kệ của mười vị Quảng Quả Thiên Vương, trời Tứ Thiên thuộc về sắc giới, nói để tán thán công đức của Phật.

Lại nữa, Thanh Tịnh Huệ Danh Xung Thiên Vương, được môn giải thoát, thấu rõ phương tiện, con đường giải thoát cho tất cả chúng sinh.

Ý nghĩa ở trước chưa nói hết, bây giờ nói tiếp theo, khiến cho mọi người càng minh bạch càng hiểu rõ.

Vị Thanh Tịnh Huệ Danh Xung Thiên Vương, thuộc về cõi trời Biến Tịnh, trong cõi sắc giới trời Tam Thiên (cõi trời thứ chín thuộc về sắc giới). Vị này có trí huệ thanh tịnh, ở trong các Thiên Vương, vị này rất có danh vọng được mọi người tôn làm lãnh tụ để chỉ đạo tất cả. Vị này ngộ được Tam muội gọi là : Thấu đạt tất cả đạo giải thoát của chúng sinh. Vị này hiểu rõ chúng sinh trong chín pháp giới. Bồ Tát là chúng sinh đại đạo tâm. Duyên Giác là chúng sinh trung đạo tâm. Thanh Văn là chúng sinh tiểu đạo tâm. Thiên đạo, nhân đạo, A tu la là chúng sinh trong ba đường lành. Súc sinh, ngựa quỳ, địa ngục là chúng sinh trong ba đường ác. Đó là chúng sinh trong chín pháp giới, mỗi loài đều có nhân, có quả của mỗi loài.

Do đó trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Tức là trồng nhân lành kết quả tốt, trồng nhân ác kết quả xấu. Trong bốn Kinh này có nói :

“ Nếu ai muốn biết rõ,

Hết thấy Phật ba đời,

Hãy quán tánh pháp giới,

Tất cả do tâm tạo.”

Vạn pháp đều từ tâm tạo ra. Người xưa nói :

"Tâm sinh vạn pháp sinh,

Tâm diệt vạn pháp diệt".

Bây giờ phân tích chữ "Tâm" này, ý nghĩa đại khái là :

"Tam điểm như tinh bô,

Loan quân tự nguyệt nhạ,

Phi mao tùng thử khởi,

Tác Phật dã do tha".

Tạm dịch :

Ba điểm bày như sao

Uốn cong tự trăng non

Mang lông khởi từ đây

Thành Phật cũng do nó.

Ba điểm chữ tâm, giống như sao bày la liệt trên bầu trời. Chữ tâm, cong giống như hình trăng non mỏng ba. Làm trâu bò, ngựa dê đều từ tâm tạo ra ; thành Phật làm Tổ cũng từ tâm tạo ra. Cho nên nói :“ Mười pháp giới không ngoài một niệm tâm.” Mười pháp giới này do mình lựa chọn. Muốn đến pháp giới nào, thì làm nghiệp pháp giới đó. Tạo ra nghiệp pháp giới nào, thì vãng sinh về pháp giới đó, đó thật là tuyệt đối công bằng.

Tâm của chúng ta không ổn định, giống như hạt bụi trong hư không, lúc cao, lúc thấp, lúc trái, lúc phải, lúc lên trời, lúc xuống đất, lúc cõi Phật, lúc nhân gian.

Lại có lối giải thích khác về tâm :

“Thao chi tắc tồn, xả chi tắc vong,

Xuất nhập vô thời, mạc chi kỳ hướng.”

Nghĩa là : Giống như một con ngựa, dắt nó thì nó không chạy ; nếu không dắt nó thì nó chạy. Tâm của chúng ta cũng như thế, tiết chế nó, xem giữ nó thì nó ở, không tiết chế, không xem giữ nó thì nó chạy. Cho nên người tu hành tức là tu tâm. Luôn luôn niệm Phật, luôn luôn tham thiền. Tu hành như vậy thì tâm không chạy đi, do đó “Tâm viên ý mã,” tâm không an tĩnh giống như con khi, chạy nhảy lăn xăn. Ý không an phận giống như con ngựa, chạy rong bên ngoài. Hai loài súc sinh này khó điều phục được. Chúng ta hằng ngày khởi vọng tưởng, tức là tâm chạy bên ngoài ; niệm Phật tham thiền là pháp môn duy nhất khống chế tâm ý tại một chỗ.

Xuất nhập vô thời : Tức là tâm ra đi lúc nào ? Lúc nào trở về ? Đều không biết. Mạc tri kỳ hướng : Khi tâm ra đi thì không biết tâm đi về đâu ? Khi đến cũng không biết đến đâu ?

Vị Thiên Vương này thấu đạt được tâm của tất cả chúng sinh, biết cách làm thế nào để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh hiểu rõ sự giải thoát. Cho nên vị này dùng đủ thứ phương tiện, khiến cho chúng sinh đắc được môn giải thoát xuất thế.

Tối Thắng Kiến Thiên Vương được môn giải thoát, khắp thị hiện như hình bóng, tùy sự ưa thích của tất cả chúng chư Thiên.

Vị Tối Thắng Kiến Thiên Vương này, kiến giải nhạy bén phi thường, chính xác phi thường. Vị này đắc được môn giải thoát, khắp thị hiện tùy sự ưa thích của tất cả Thiên chúng như hình như bóng.

Có hình thì có bóng, có bóng mới có hình, hình là ánh sáng, bóng là đen tối. Hình tức là mặt trăng, mặt trăng trong nước tức là bóng. Mặt trăng chẳng đến, nước cũng chẳng đi, đó đây hỏ tương chiếu soi, mà sinh ra bóng này.

Lại giống như gương sáng, nếu có vật rơi vào thì hình xuất hiện, vì quan hệ có sáng thì mới hiện ra bóng. Cho nên ánh sáng bóng này thị hiện khắp. Giống như đạo lý một ngàn vũng nước, đều có ngàn mặt trăng trong nước. Bỏn thể của mặt trăng chẳng đến trong nước, nó chỉ có một, chỉ cần ngàn vũng nước thì hiện ra ngàn mặt trăng trong nước. Vạn vũng nước thì có vạn mặt trăng trong vũng nước. Bất cứ vũng nước lớn hoặc nhỏ, chỉ cần chỗ nào có nước, thì đều hiện ra bóng mặt trăng. Mặt trăng chẳng có tâm phân biệt, là bình đẳng.

Phật và chúng sinh cũng như thế. Phật tương tự như mặt trăng, tâm chúng sinh giống như nước. Tâm nước của chúng sinh thanh tịnh thì hiện Phật quang minh ; tâm nước của chúng sinh không thanh tịnh, thì không hiện Phật quang minh. Trong bản Kinh này nói :

"Bồ Tát thanh lương nguyệt,
Thường du tất kính không,
Chúng sinh tâm cấu tịnh,
Bồ đề ảnh hiện trung".

Tạm dịch :

Bồ Tát như trăng sáng
Thường lơ lửng trên trời
Tâm chúng sinh trong sạch
Bóng bồ đề hiện ra.

Quang minh của Phật, giống như mặt trăng sáng mát mẻ ở không trung, hiện ra ở trong tất kính không, nếu tâm nước chúng sinh thanh tịnh thì, bồ đề giác đạo tùy thời hiện bóng ở trong tâm.

Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương được môn giải thoát, đại phương tiện trang nghiêm thanh tịnh, khắp tất cả cảnh giới của Phật.

Vị Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương này, có đức tịch tĩnh. Đức tịch tĩnh là gì ? Tức là có công phu thiền định. Vị này không những có công phu thiền định, mà còn khiến cho chúng sinh, cũng có công phu thiền định. Phạm là chúng sinh thấy được vị này, đều sinh ra thứ định tâm này. Vị này cũng khiến cho chúng sinh, tinh tấn tu thiền định. Lâu dần tích tụ được vô lượng vô biên công đức, có đức tịch tĩnh, cho nên xưng là Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương.

Môn giải thoát của vị này đặc được gọi là : đại phương tiện trang nghiêm thanh tịnh, khắp tất cả cảnh giới của Phật. Vị Thiên Vương này trong khoảng một niệm, có thể trang nghiêm khắp cõi Phật trong mười phương. Đồng thời, đó đều là trang nghiêm tốt đẹp thù thắng, và thanh tịnh hết thảy tất cả cảnh giới của Phật, lại có thể trang nghiêm thân thông tất cả cõi Phật trong mười phương, và vị này lại có thể hiển hiện cảnh giới này làm đại phương tiện.

Đại phương tiện là gì ? Tức là phương tiện trong sự bất phương tiện. Bôn lai pháp phương tiện này không thể dùng, nhưng vị này dùng được phương tiện này, không những dùng được mà còn không chướng ngại.

Tu Di Âm Thiên Vương được môn giải thoát, tùy thuận các chúng sinh, vĩnh viễn lưu chuyển trong biển sinh tử.

Vị Tu Di Âm Thiên Vương này. Tu Di dịch là "Diệu cao", âm thanh của vị này rất vi diệu, ở cõi trời Đao Lợi đều nghe được. Môn giải thoát của vị này

đắc được là : tùy thuận chúng sinh. Chúng sinh thích gì ? Thì đều làm cho họ thỏa mãn nguyện vọng, làm cho họ được toại nguyện. Nhưng sự mong muốn của chúng sinh chẳng giống nhau.

Nguyện vọng của A La Hán là tự độ mà không độ người, do đó :“ Ma Ha Tát bất quản tha, Di Đà Phật các cố các.” Chỉ lo cho mình liễu sinh thoát tử, không muốn đi cứu vớt sự khổ của chúng sinh. Bạn khổ là việc của bạn, chẳng liên can gì đến tôi, tự liễu hán không muốn đi độ chúng sinh.

Dục vọng của chư Thiên là, cứ lo hưởng thụ phước báu, nghĩ đến y phục thì có y phục, nghĩ thức ăn thì có thức ăn. Nghĩ mặc y phục đẹp thì có y phục đẹp, không lớn không nhỏ, vừa vặn thích hợp. Y phục của người trời không những nhẹ nhàng, mà còn không có đường khâu, không bao giờ cần giặt, không dính bụi bặm, sạch sẽ vô cùng. Muốn ăn đồ ngon thì có ngay, có khi nhiều một chút, có khi ít một chút, không giống như thế giới Cực Lạc không nhiều không ít ăn vừa đủ no.

Chư Thiên tuy nhiên sung sướng, nhưng cũng có đau khổ. Đau khổ gì ? Đau khổ về sinh tử. Khi phước trời hưởng hết rồi, thì có năm tướng suy hiện ra. Năm tướng suy là gì ?

1. **Hoa trên đầu héo** : Người trời có mũ bằng hoa, dùng hoa tươi làm thành, hoa này không những không héo, ngược lại ngày càng xanh tươi tốt đẹp. Nhưng đến khi sắp hết tuổi thọ, thì hoa trên đầu khô héo.

2. **Y phục dơ bẩn** : Y của người trời mặc rất sạch sẽ không dơ bẩn, vĩnh viễn không cần giặt. Nhưng đến khi tuổi thọ hết, thì y phục dơ bẩn. Sự dơ bẩn này từ đâu đến ? Là từ nghiệp chướng hiện ra.

3. **Hai nách ra mồ hôi** : Thân thể người trời không ra mồ hôi, luôn luôn sạch sẽ. Nhưng đến khi tuổi thọ hết, thì hai nách chảy ra mồ hôi, thân thể như nhớt.

4. **Thân thể có mùi hôi** : Người trời thân thể luôn luôn có hương thơm, vì người trời tu mười điều lành, và giữ năm giới cấm, cho nên thân cảm ứng có mùi thơm. Nhưng khi tuổi thọ hết rồi, thì thân phát ra mùi hôi thối, làm cho người bị mũi không dám lại gần.

5. **Ngồi không yên** : Người trời thường tu thiền định, tham thiền đả tọa, công phu sâu dày thì thăng lên, công phu ít thì trầm xuống. Lúc bấy giờ đã phát sinh ra bốn hiện tượng, biết được thọ mạng sắp kết thúc, cho nên ngồi không yên, ngồi xuống lại đứng lên, đứng lên lại ngồi xuống, cứ như vậy nhiều lần, thọ mạng chấm dứt thì chuyển sinh trong sáu nẻo luân hồi. Đó là hiện tượng năm tướng suy, phạm là chư Thiên trong tam giới đều có sinh tử, ngay cả Thượng Đế cũng còn sinh tử.

Dục vọng của A Tu La là muốn được hưởng phước ở trên trời, muốn chư Thiên sớm về nhân gian, để nhường việc trên trời cho chúng quản lý. Chúng

còn ham muốn làm lãnh tụ chư Thiên, việc gì cũng muốn tranh đệ nhất, muốn đứng đầu.

Dục vọng của con người là giàu sang danh lợi. Muốn làm quan, muốn phát tài, không cầu danh thì cầu lợi, không thoát ra được vòng danh lợi.

Hoàng đế Càn Long đời nhà Thanh, giá lâm Trần Giang Kim Sơn Tự, lên chỗ cao để ngắm phong cảnh bèn hỏi Thiền sư Pháp Khánh :“ Mỗi ngày sông Trường Giang này có bao nhiêu chiếc thuyền qua lại ? ”

- Thiền sư đáp : “ Chỉ có hai chiếc thuyền.”

- Hoàng đế lại hỏi : “ Hai chiếc thuyền sao ? ”

- Thiền sư đáp : “ Phải ! Một chiếc là danh, một chiếc là lợi.” Sự tham muốn của con người không bao giờ ngừng, được danh lại muốn được lợi, được lợi rồi lại muốn có danh, đều muốn được cả danh và lợi, do đó :

“ Nhân tâm bất túc xà tôn tượng.”

Nghĩa là : "Tâm con người không biết đủ giống như rắn nuốt voi", làm được Hoàng đế lại muốn sống mãi không chết.

Dục vọng của loài súc sinh : Vừa có lòng tham ngu si và điên đảo. Sở thích của chúng là không làm mà muốn có đồ ăn. Không phấn đấu sinh hoạt. Chúng ta người tu đạo phải học tinh thần loài ong. Chúng hút mật trăm loài hoa về tụ tập một chỗ, meo lên mà thành mật ong, không những lợi mình mà cũng lợi người.

Dục vọng của loài ngựa quý là muốn ăn đồ vật, nhưng chẳng có vật gì để ăn ; dù uống nước, nước cũng biến thành lửa. Vì nghiệp chướng quá nặng, cổ họng nhỏ như cây kim, bụng thì to như trống, không có khi nào ăn no, thật đáng thương !

Dục vọng của loài địa ngục là tâm sân hận, luôn luôn muốn nóng giận, chẳng có tâm từ bi. Chúng sinh nóng giận như lửa thì chịu sự khổ lửa đốt thân ; chúng sinh nóng giận như đao thì chịu sự khổ cắt thịt. Nóng giận như thế nào, thì có phiền não như thế đó.

Các pháp giới chúng sinh đều có lòng tham muốn của họ. Phạm là chúng sinh có lòng tham muốn, thì vĩnh viễn lưu chuyển trong biển sinh tử, góc đầu lên lại chìm xuống, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, luân hồi trong sáu nẻo không khi nào ngừng. Đó gọi là biển sinh tử.

Vị Thiên Vương này hiểu rõ đạo lý này, cho nên tùy thuận chúng sinh lưu chuyển trong biển sinh tử, khiến cho chúng sinh giác ngộ, mà ra khỏi biển sinh tử đắc được giải thoát. Vị này đắc được môn giải thoát này.

Tịnh Niệm Nhân Thiên Vương được môn giải thoát, nghĩ nhớ hạnh của Như Lai điều phục chúng sinh.

Vị Thanh Tịnh Nhân Thiên Vương này, nhờ công đức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, mà đắc được mắt thanh tịnh. Và còn đắc được định lực

ngĩ nhớ của Như Lai. Nghĩ nhớ tức là không quên. Không quên ai ? Không quên Như Lai. Cho nên chúng ta là người tu đạo phải bỏ vọng tồn chân. Khử sạch tâm vọng, chỉ tồn tâm chân thành. Yêu thích cõi nước chư Phật, phát nguyện vãng sanh, đó là nghĩ nhớ. Nghĩ nhớ pháp thân của Phật, nghĩ nhớ hóa cảnh của Phật, nghĩ nhớ Tam Bảo thì hàng phục được các hạnh của chúng sinh.

Chúng sinh trong thế giới Ta Bà, không dễ gì điều phục được, trong Kinh Địa Tạng có nói : “ Chúng sinh cõi Nam Diêm Phù Đề căn tánh khó điều phục.” Chúng sinh thế giới này chấp trước cái ta, ngã mạn, cho nên khó điều phục. Họ không chịu nghe, dù có bạn tốt thầy hiền khéo dụ, khiến cho họ phát bồ đề tâm, lợi mình lợi người, nhưng họ không tin, không nghe dạy bảo. Cho nên chúng sinh thường làm chúng sinh, không siêu thoát được.

Vị Thiên Vương này điều phục được chúng sinh hạnh. Điều là điều hòa, giống như nước hòa với sữa, lập tức điều hòa thành một thể. Phục là điều phục, giống như cọp, xem người là thức ăn. Hòa Thượng Hư Vân khiến cho cọp quy y Tam Bảo, không ăn thịt mà ăn chay đó là điều phục. Chúng sinh không giữ quy cụ mà dạy họ giữ được quy cụ, đó là điều phục chúng sinh hạnh. Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát này.

Khả Ái Lạc Phổ Chiếu Thiên Vương được môn giải thoát, phổ môn chảy ra từ biển Đà La Ni.

Vị Khả Ái Lạc Phổ Chiếu Thiên Vương này, bất cứ là người ở trên trời, hoặc người ở tại nhân gian, ai thấy được vị này, đều sinh tâm hoan hỷ và ái hộ. Vì quang minh của vị này, chiếu khắp tất cả chúng sinh, thì tất cả đều có nhân duyên. Vị này đắc được pháp Tam muội Phổ môn biển Đà la ni.

Phổ môn là gì ? Tức là do một cửa mà sinh ra vô lượng cửa (một môn sinh ra vô lượng môn), từ vô lượng cửa trở về một cửa, là cửa viên dung vô ngại chu khắp pháp giới.

Đà la ni là gì ? Dịch là "tổng trì". Tổng là tổng tất cả pháp, trì là trì vô lượng nghĩa. Tóm lại, tổng thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh. Trì giới, định, huệ ba học viên minh.

Biển tổng trì là gì ? Tức là từ trong một tổng trì sinh ra vô lượng vô biên tổng trì. Trong mỗi tổng trì lại sinh ra bất khả thuyết, bất khả thuyết tổng trì. Sự biến hóa nhiều này giống như biển cả, cho nên gọi là biển tổng trì.

Tuy nhiên có biển tổng trì nhiều như thế, nhưng đừng chấp trước. Không chỗ chấp trước, thì viên dung vô ngại. Chẳng giống như chúng ta có một thì chấp một, có hai thì chấp hai, có ba thì chấp ba, cho đến có vô lượng thì chấp vô lượng. Phải lia tất cả chấp trước tướng, thì biển tổng trì cũng chẳng có. Nếu không bỏ sự chấp trước tướng, thì chẳng bao giờ được giải thoát. Vị Thiên Vương này được môn giải thoát này.

Thế Gian Tự Tại Chủ Thiên Vương được môn giải thoát, khiến cho chúng sinh gặp được Phật thì sinh tín tạng.

Vị Thế Gian Tự Tại Chủ Thiên Vương này, tức là Thiên Chúa hoặc là Thượng Đế mà một số người tin. Vị này tuy nhiên làm Chúa Trời nhưng vẫn không biết đủ (tri túc). Lại đến nhân gian để làm Tự Tại Chủ, dạy người nhân gian khởi tâm tham, tâm sân, tâm si, dạy người nhân gian tin mình, tín ngưỡng mình, sùng bái mình, còn phán giáo nói rằng :

1. Tin ta thì được cứu, không tin ta thì không được cứu. Người có tâm tham, nghe rồi thì nghĩ rằng họ sẽ được cứu bèn tin Thượng đế.

2. Người nào tin ta thì được sinh về nước Chúa, ai không tin thì đọa địa ngục. Tóm lại bất cứ có bao nhiêu tội lỗi, chỉ cần tin Thượng đế, thì sẽ được sinh lên thiên đường. Bất cứ có bao nhiêu thiện nghiệp, nếu không tin Thượng đế thì sẽ đọa vào địa ngục. Người có tâm sân hận nghe rồi thì muốn nổi nóng, tạo ra nhiều nghiệp, bây giờ tin Thượng đế thì sẽ được cứu cho nên liền tin.

3. Tin ta thì là con của Thượng đế, không tin ta thì là quyến thuộc của ma quỷ. Người có tâm si mê, nghe rồi thì một lòng muốn làm con của Thượng đế, tôi phải sinh về đất Chúa, do đó bèn tin Thượng đế.

Người ngu si thì bất cứ ai nói điều gì, họ đều tin là thật. Nếu có ai nói : “ Trứng gà đẻ ở trên cây ” họ cũng sẽ tin. Tại sao ? Vì họ chẳng có năng lực biện rõ thị phi, đó tức là mê tín.

Cho nên vị Thế Gian Tự Tại Chủ ở tại nhân gian lập giáo mà hành đại đạo, đến khắp nơi dùng quan hệ tình cảm để thuyết giáo, dạy người tin Chúa trời, Chúa trời là thần vạn năng, sáng được thế giới, tạo vạn vật, xét đoán tội người, nhưng không công bằng, là giáo đồ thì có quyền ưu tiên thăng lên thiên đường, chẳng phải giáo đồ thì không thể tha thứ, còn phải chịu tội.

Nói về vị Chúa trời này bây giờ đã phản tỉnh. Vị này đã kiểm thảo lại những gì đã làm trong quá khứ, biết phạm sự sai lầm, cho nên bây giờ sám hối nói : “ Tin ta thì nương tựa không vững, chết rồi tuy nhiên sinh lên thiên đường, nhưng khi hưởng hết phước trời thì vẫn phải chịu sinh tử, chẳng phải pháp rốt ráo. Chỉ có tin Phật pháp mới chân chánh được cứu, vĩnh viễn chấm dứt sinh tử.”

Vị Thiên Vương này, khiến chúng sinh gặp được Phật, thì sinh tín tạng. Phật là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bất cứ Thần, Thánh, Chúa trời đều không thể so sánh với trí huệ của Phật. Vì Phật có đại trí huệ không thể sánh được. Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát này.

Quang Diệm Tự Tại Thiên Vương được môn giải thoát, khiến cho tất cả chúng sinh, nghe pháp tin vui mà ra khỏi ba cõi.

Vị Quang Diệm Tự Tại Thiên Vương này, có trí huệ quang minh giống như lửa ngọn. Vị này đắc được sự giác ngộ, khiến cho chúng sinh trong chín pháp giới, nghe pháp mà sinh tín tâm, và còn hoan thiên hỷ địa tín thọ. Như vậy mới ra khỏi tam giới, ra khỏi luân hồi, ra khỏi đời ác năm trước. Vị Thiên Vương đắc được môn giải thoát này.

Tam giới là gì ? Tức là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Dục giới thì có dục (tham muốn) nam nữ, tham muốn về vật chất và tư tưởng tham muốn. Cho nên gọi là dục giới. Sắc giới chẳng còn tham muốn nam nữ, nhưng có sự tham muốn vật chất và tư tưởng tham muốn, cho nên gọi là sắc giới. Vô sắc giới chẳng còn tham muốn nam nữ, cũng chẳng còn tham muốn vật chất, chỉ có tư tưởng tham muốn, tức là thức, cho nên gọi là vô sắc giới.

Luân hồi là gì ? Tức là bánh xe sinh tử, chạy trong vòng sáu nẻo, bị nghiệp lực sở cảm chi phối. Lúc còn sống, thực hành thượng phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì được sinh về cõi trời. Lúc còn sống, thực hành trung phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì sinh về cõi người. Lúc còn sống, thực hành hạ phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì sinh về cõi A Tu La. Lúc còn sống, thực hành hạ phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì sinh về đường súc sinh. Lúc còn sống, thực hành trung phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì sinh về ngạ quỷ. Lúc còn sống, thực hành thượng phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì đọa vào địa ngục.

Đời ác năm trước là gì ? Thế giới này chúng ta đang ở có năm thứ câu nhiễm.

1. **Kiếp trước** : Đến thời đại mạt pháp, tuổi thọ con người đến lúc thấp nhất thì thành diệt kiếp, có ba tai nạn lớn.

2. **Kiến trước** : Trong tâm con người đầy dẫy tư tưởng ngũ chủng kiến (năm thứ thấy không chân chánh) tức là : Thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến.

3. **Phiền não trước** : Trong tâm con người đầy dẫy năm thứ ngu độn tức là : Tham dục, sân hận, ngu si, ngã mạn, nghi hoặc.

4. **Chúng sinh trước** : Sinh mạng của chúng sinh là do năm uân giả hợp mà thành, phải chịu sinh già bệnh chết, đủ sự thống khổ và phiền não, vĩnh viễn luân hồi trong sáu nẻo.

5. **Mạng trước** : Sinh mạng của chúng sinh khổ nhiều vui ít, thọ mạng như sương buổi sáng, khoảng nháy mắt thì quý vô thường đến, thì sinh mạng sẽ chấm dứt.

Thân chúng sinh dễ được, nhưng thân người khó được, vì con người là thông minh nhất trong các loại chúng sinh, cho nên được thân người chẳng phải dễ.

Cổ đức nói :

"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe,
Nước lớn khó sinh, bạn hiền khó gặp".

Bây giờ người Mỹ đều có phước báu, nếu không có phước báu thì không thể sinh vào nước Mỹ. Có người nói : ‘ Tây phương Cực Lạc Thế Giới là nước Mỹ bây giờ.’ Mới nghe còn có chút nghi ngờ, không tin lời nói như thế, nhưng phân tích tỉ mỉ thì thật có lý. Thế giới Cực Lạc, căn cứ tên gọi mà suy nghĩ nghĩa của nó, là vui sướng đến cùng cực, mà chẳng có chút lo lắng gì. Bây giờ khắp nơi trên thế giới chịu sự uy hiếp về chiến tranh, uy hiếp về lương thực kinh tế, mà nước Mỹ là một nước giàu mạnh, không bao giờ sợ thiếu lương thực và chẳng sợ có chiến tranh, đây là thế giới cực lạc ở nhân gian.

Bây giờ Phật pháp đã truyền đến đất Mỹ, quang minh của Phật chiếu khắp, Phật pháp độ khắp. Phạm là người ở nước Mỹ đều đắc được lợi ích Phật pháp. Hạt giống bồ đề đã trồng xuống mười năm về trước, bây giờ là thời kỳ mầm non, hy vọng thiện nam tín nữ nước Mỹ cố gắng nỗ lực tài bồi, luôn luôn cạo cỏ, luôn luôn thêm phân tưới nước, khiến cho mầm bồ đề lớn dần phát triển tươi tốt, khai hoa kết quả. Ai ai cũng tin Phật pháp thì thế giới chẳng có chiến tranh.

Chúng ta hôm nay sanh vào nước lớn, lại có bạn hiền, thật là cơ hội tốt ngàn năm khó gặp, cho nên phải nắm lấy cơ hội, đừng để trôi qua. Bốn điều khó được đều đã được, thật là hy hữu, may mắn, cũng là nghiệp lực sở cảm. Cho nên nghe pháp phải sinh tín tâm mới có công đức, không sinh tín tâm thì bất cứ nghe pháp gì cũng chẳng ích lợi gì. Bây giờ chúng ta không những tin còn phải tu hành. Do đó :

‘ Thân người khó được nay đã được,
Phật pháp khó nghe nay đã nghe,
Thân này đời nay không độ,
Còn đợi chùng nào độ thân này.’

Lạc Tư Duy Pháp Biến Hóa Thiên Vương, được môn giải thoát, nhập vào tất cả hạnh điều phục của Bồ Tát, vô biên vô tận như hư không.

Vị Tư Duy Pháp Biến Hóa Thiên Vương này, hoan hỷ tu pháp môn tư duy. Pháp tư duy tức là thiên định. Vị này hiểu rõ tất cả các pháp, biến hóa vô cùng hỗ tương vô ngại. Hiểu rõ pháp này, nhập vào được tất cả cảnh giới của Bồ Tát, thấu hiểu điều phục được hạnh chúng sinh, hiểu rõ làm thế nào điều phục loại chúng sinh đó. Vị này đắc được môn giải thoát này.

Vị này còn hiểu rõ tự tánh như hư không chẳng có bờ mé, cho nên nói vô biên vô tận, chẳng có bờ mé là lớn nhất, chẳng có cùng tột là dài nhất. Thiên Vương này hiểu được pháp môn này, cho nên đắc được môn giải thoát này.

Biến Hóa Trạng Thiên Vương được môn giải thoát, phổ bi trí quán sát vô lượng phiền não của chúng sinh.

Vị Biến Hóa Tràng Thiên Vương này, có tràng báu biến hóa vô cùng, có thể biến lớn biến nhỏ, có thể biến nhiều biến ít, biến hóa đủ loại bảy báu để trang nghiêm tràng báu. Vị này quán sát được tất cả phiền não chúng sinh. Phiền não từ đâu mà có ? Nói đơn giản là từ vô minh mà sinh ra. Vô minh khởi mà biến làm phiền não tham sân si. Phiền não có đại phiền não, trung phiền não và tiểu phiền não. Lại sinh ra vô lượng vô biên phiền não, cho nên nói vô lượng phiền não.

Chúng sinh có phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng tức là chấp ta quá nặng. Sở tri chướng tức là chấp pháp quá nặng. Do hai sự chướng ngại này, mà chúng ta lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi, không giải thoát được.

Mỗi một chúng sinh đều có phiền não của họ. Người giàu thì có phiền não kiêu ngạo, kẻ nghèo thì có phiền não tự ti. Phiền não là gì ? Tức là không biết đủ. Nếu biết đủ thì chẳng có phiền não. Do đó :” Biết đủ thì vui, nhịn được thì yên.”

Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát : phổ biến từ bi trí huệ, phát nguyện độ chúng sinh, xem chúng sinh bình đẳng, không phân biệt người thân kẻ oán, hết thấy đều như nhau.

Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương, được môn giải thoát, phóng quang hiện tam luân thân khẩu ý của Phật, để nhiếp hóa chúng sinh.

Vị Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương này, phóng quang minh, quang minh như tinh tú rất vi diệu trang nghiêm các cõi nước chư Phật. Vị này đắc được môn giải thoát, phóng quang hiện tam luân nhiếp hóa của Phật. Phật tức là Phật Thích Ca hoặc là mười phương chư Phật. Tam luân tức là thân khẩu ý. Tam luân của Phật, tam luân của Bồ Tát, tam luân của A La Hán, tam luân của chúng sinh đều khác nhau.

Tam luân của Phật có thể nói là một luân, lại có thể nói là chín luân. Trong mỗi một luân có ba luân tác dụng. Ví như miệng. Miệng không chỉ riêng thuyết pháp luân, cũng có thể nói là ý niệm luân, cũng có thể nói là thân tức luân. Như vậy mỗi một luân đầy đủ công dụng ba luân, luân chuyển không ngừng, chuyên đại pháp luân. Cho nên tam luân của Phật, với tam luân của chúng sinh chẳng giống nhau.

Tam luân của chúng sinh, thân tức là thân, miệng tức là miệng, ý tức là ý, không thể dùng lẫn nhau, mà có sự chướng ngại.

Tam luân của Phật lấy bốn pháp nhiếp làm chủ, cho nên nói nhiếp hóa chúng sinh. Nhiếp là nhiếp thọ, giống như hút sắt vậy. Nhiếp phân làm hai thứ :

1. Nhiếp hữu hình, giống như có người ở Nữ Ước, tiếp được thơ hoặc điện thoại của bạn bè ở Cự Kim Sơn, bèn đến Cự Kim Sơn.

2. Nhiếp vô hình, tức là nhiếp tinh thần, tức cũng là thần túc thông, có thể nhiếp người đến. Ví như có người vốn chưa từng thấy mặt, hoặc là chỉ thấy trong mộng, thì người này bèn đến, đó là tác dụng về nhiếp tinh thần.

Phật thường dùng nhiếp hữu hình và vô hình, để nhiếp hóa chúng sinh, dùng đủ loại thần thông để nhiếp hóa chúng sinh, dùng từ bi hỷ xả để nhiếp hóa chúng sinh. Tóm lại có bốn loại nhiếp :

1. **Bố Thí** : Phân làm ba loại :

A. **Bố thí tài** : Thấy người khôn khéo hoạn nạn, dùng vàng bạc vật chất để cứu họ, họ sẽ cảm động mà tin bạn.

B. **Bố thí pháp** : Thấy người không rõ sự lý, dùng Phật pháp nhân quả để khai đạo cho họ, khiến cho họ khai mở trí huệ, họ sẽ cảm động mà tin bạn.

C. **Bố thí không sợ hãi** : Thấy người bất hạnh, dùng lời khéo để an ủi họ, làm cho họ không hoảng hốt sợ hãi, họ sẽ cảm động mà nương tựa bạn. Như vậy sẽ phát sinh cảm tình với chúng sinh thì dễ gần gũi chúng sinh.

2. **Ái ngữ** : Tức là lời nói thái độ giống như cha mẹ nói với con cái, không những nhu hòa mà còn từ bi, đối với chúng sinh cũng lại như thế, khiến cho chúng sinh có hảo cảm. Do đó :

“ Lời hay nửa câu âm suốt ba mùa Đông.”

Lời nói là biểu đạt sự cảm tình. Biết dùng người thì kết duyên lành khắp nơi, không biết dùng người thì kết duyên ác khắp nơi. Cho nên người tu đạo phải rộng kết duyên lành.

Có câu chuyện như vậy, lúc Đức Phật còn tại thế, Đức Phật và hai vị Tôn giả Ca Diếp và A Nan đi đến xứ nọ thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh. Gặp lúc mùa hạ thời tiết nóng bức, mồ hôi chảy nhễ nhại, bèn đến nghỉ dưới gốc cây. Lúc bấy giờ Đức Phật thấy một phụ nữ đến giếng gánh nước bèn sai Tôn giả A Nan đi xin nước. A Nan đến bên giếng, người thiếu phu nổi giận, không những không cho nước, mà còn mắng chửi Tôn giả A Nan. Tôn giả A Nan im lặng cúi đầu trở về chỗ Phật. Phật sai Tôn giả Ca Diếp đến xin nước, Tôn giả Ca Diếp đến bên giếng, người phụ nữ cười hỏi : “ Thầy đến đây làm gì ? ” Tôn giả Ca Diếp nói rõ ý của mình đến, thì người phụ nữ này múc đầy hai bầu nước, một bầu cúng dường Phật, một bầu cúng dường ngài Ca Diếp. Tôn giả A Nan thấy như vậy, trong tâm nghi vấn, bèn hỏi Phật là nhân duyên gì ? Phật bèn nói ra một đoạn nhân duyên trong vô lượng kiếp. Lúc đó người phụ nữ này là con chuột, vì quan hệ nghiệp chướng, chuột bị xe cáng chết ở giữa đường, thân thể đã hôi thối. Tôn giả A Nan là một vị Tỳ kheo đi ngang qua, người thấy mùi chuột thối muốn mửa ra, tâm nghĩ lão chuột đáng chết, rồi bịt mũi đi qua. Đàng xa cũng có một Tỳ kheo đi đến, đó là tiền thân Tôn giả Ca Diếp, Tôn giả phát tâm từ bi, thấy chuột chết thật đáng thương xót, mới mai táng xác chuột dưới đất, rồi vì nó mà niệm bảy lần Chú Vãng

Sinh, cho nên nó mới có duyên sinh làm người. Đó là nhân quả kết duyên lành hoặc kết duyên ác.

3. **Lợi hành** : Tức là có lợi gì thì phân chia đồng đều cho mọi người, không thể chiếm làm của riêng. Nên học Bảo Thúc Nha và Quán Trọng về việc chia vàng. Hai người hợp tác làm ăn, đến khi chia lợi nhuận thì Quán Trọng lấy phần nhiều, còn Bảo Thúc Nha thì ít hơn. Có người cho rằng không công bằng, mới hỏi Bảo Thúc Nha tại sao lại như thế ? Bảo Thúc Nha nói : “ Quán Trọng có mẹ già còn sinh tiền, ăn uống phải có dinh dưỡng, cho nên mới lấy phần nhiều.” Quán Trọng nghe được điều này rất cảm động vô cùng, rất cảm kích nói rằng : “ Cha mẹ là người sinh ta, người biết ta là Bảo Thúc Nha.”

4. **Đồng sự** : Bồ Tát nghĩ muốn độ người gì, thì hiện ra thân đó, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm có ba mươi hai thân tướng. Đáng dùng thân người nam độ được, thì hiện thân người nam để độ, đáng dùng thân người nữ độ được, thì hiện ra thân người nữ để độ. Đáng dùng thân sĩ, nông, công, thương độ được thì hiện ra thân sĩ, nông, công, thương để độ. Tóm lại, phải hiện ra thân cùng thân, cùng thân phận, thì mới độ được dễ dàng. Nếu với chúng sinh giống nhau, chẳng có giới hạn, không phân biệt đó đây, như vậy thì bạn với chúng sinh thành một thể, lúc đó thuyết pháp cho chúng sinh nghe, thì hiệu quả trăm phần trăm.

Vị Thiên Vương này, đặc được môn giải thoát : bốn pháp nhiếp, để nhiếp hóa chúng sinh. Ở trên là môn giải thoát của mười vị Biến Tịnh Thiên Vương. Dưới đây là những bài kệ của các vị đó.

Bấy giờ, Thanh Tịnh Huệ Danh Xưng Thiên Vương, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng cõi trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh mà nói ra bài kệ.

Tức là lúc đó, vị Thanh Tịnh Huệ Danh Xưng Thiên Vương, trời Tam Thiên thuộc về sắc giới, nương đại oai thần lực của chư Phật, quán sát khắp hết tất cả Thiên chúng trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Ở trong ba cõi trời này, lại phân ra vô lượng vô biên trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Vị Thiên Vương này, nói ra mười bài kệ để tán thán công đức của Phật.

Trời Tam Thiên gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc, ở cõi trời này chẳng cần hoan hỷ cảnh giới nữa, cảnh giới thuần túy rất vi diệu khoái lạc. Trời Tam Thiên này có ba cõi trời :

1. **Trời Thiểu Tịnh** : Thiên chúng ở cõi trời này đã thoát khỏi tâm vui mừng, đặc được khoái lạc tịch tĩnh vi diệu. Sự khoái lạc này là từ nội tâm sinh ra, chẳng phải từ ngoại cảnh mà có.

2. **Trời Vô Lượng Tịnh** : Thiên chúng ở cõi trời này, thân tâm đắc được khinh an như hư không, là cõi trời khoái lạc nhất (người tu đạo không nên ở cõi trời này, vì quá khoái lạc mà quên tu hành, rất dễ đọa lạc).

3. **Trời Biến Tịnh** : Thiên chúng ở cõi trời này, đắc được thuần chân thanh tịnh diệu lạc, tiêu diệt tất cả tâm hoan hỷ.

Bậc biết rõ pháp tánh vô ngại

Hiện khắp mười phương vô lượng cõi

Nói cảnh giới Phật khó nghĩ bàn

Khiến chúng đồng về biển giải thoát.

“ Bậc biết rõ pháp tánh vô ngại.” Chỉ có Phật mới biết rõ và hiểu được pháp thế gian và pháp xuất thế gian, thấy rõ được tất cả các pháp đều viên dung vô ngại. Phật không những tự mình thấy rõ được đạo lý này mà cũng dạy chúng sinh thấy rõ được đạo lý này.

“ Hiện khắp mười phương vô lượng cõi.” Phật hiện khắp hết cõi nước chư Phật trong mười phương, để giáo hóa chúng sinh. Phạm phu chúng ta cho rằng, Phật chỉ hiện ở thế giới Ta Bà, để giáo hóa chúng sinh, thực ra mười phương thế giới, đồng thời đều có Phật xuất hiện ra đời, cho nên nói hiện khắp mười phương vô lượng cõi.

“ Nói cảnh giới Phật không nghĩ bàn.” Phật ở trong vô lượng vô biên cõi Phật, thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh hiểu được, cảnh giới của Phật là không thể nghĩ bàn, là diệu không thể nói. Tóm lại, tâm phạm phu nghĩ không đến, miệng nói không ra cảnh giới.

“ Khiến chúng đồng về biển giải thoát.” Khiến cho chúng sinh đồng đắc được giác ngộ, Phật đem chân lý của mình đã giác ngộ để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ đắc được biển giải thoát này.

Thế gian Như Lai không chỗ nương

Ví như hình bóng hiện các cõi

Pháp tánh rốt ráo không sinh khởi

Thắng Kiến Thiên Vương vào môn này.

“ Thế gian Như Lai không chỗ nương.” Phật ở trong thế gian, chẳng có xứ sở nhất định, cũng chẳng có quốc độ giáo hóa nhất định. Tại sao ? Vì tất cả cõi nước trong mười phương, đều là nơi Đức Phật giáo hóa. Trong Kinh Phạm Võng nói : “ Ta đến thế giới Ta Bà này giáo hóa chúng sinh đã tám ngàn lần.”

“ Ví như hình bóng hiện các cõi.” Tại sao nói Phật chẳng có chỗ nương ? Chẳng có cõi nước nhất định ? Vì thân của Phật giống như ánh sáng, hình bóng, hiện khắp trong tất cả cõi nước, tất cả thế giới.

“ Pháp tánh rốt ráo không sinh khởi.” Bản thể của pháp tánh rốt ráo chẳng sinh diệt. Trong Kinh Bát Nhã nói : “ Không sinh không diệt, không do không sạch, không thêm không bớt,” tức là đạo lý các pháp không tướng.
“ Thắng Kiến Thiên Vương vào môn này.” Đây là đạo lý thấy được của vị Tối Thắng Kiến Thiên Vương, vị này còn nhập vào trong môn giải thoát này, và tinh tấn tu hành pháp môn các pháp không tướng này.

**Vô lượng biển kiếp tu phương tiện
Tịnh các cõi nước khắp mười phương
Pháp giới như như thường bất động
Tịch Tĩnh Đức Thiên ngộ môn này.**

“ Vô lượng biển kiếp tu phương tiện.” Phật tu hành công đức thành Phật, chẳng phải trong một đời một kiếp mà thành tựu được, mà là trong vô lượng đại kiếp tu nhiều pháp môn mà thành tựu. Do đó :

"Ba Tăng Kỳ tu phước huệ,
Trăm kiếp trông tướng tốt".

Trải qua thời gian lâu dài, tu lục độ vạn hạnh, nhiều phương tiện pháp môn, không thể nhẫn cũng nhẫn được, không thể xả bỏ cũng xả bỏ được, không thể nhường cũng nhường được, đó mới là tu hành. Nếu người nhẫn được, bạn nhẫn được, người xả được bạn xả được, người nhường được bạn nhường được, vậy đó chẳng phải người tu đạo, mà là một nhóm người.

Những gì không nhẫn được cần phải nhẫn ? Giống như lúc Đức Phật tại nhân địa tu hạnh nhẫn nhục. Lúc đó tên gọi là Nhẫn Nhục Tiên Ông, tu hành trong núi Tuyết. Một ngày nọ vua Ca Lợi dẫn cung phi mỹ nữ đi vào trong núi săn bắn. Cung phi mỹ nữ phát hiện có một người ngồi dưới gốc cây, mới đến hỏi Tiên Ông hoàn cảnh tu hành. Lúc đó Tiên Ông thuyết pháp cho bọn cung phi mỹ nữ. Vua Ca Lợi phát hiện bọn cung nữ đi đâu mất mới đi tìm, thấy bọn cung nữ ngồi xung quanh Tiên Ông khi nói khi cười. Vua Ca Lợi bèn sinh tâm hoài nghi, nghi rằng vị Tiên Ông này động lòng phạm tục mới đến hỏi tội, nổi giận hỏi Tiên Ông rằng : “ Nhà ngươi tu hạnh gì ? ”

- Tiên Ông đáp : “ Tu hạnh nhẫn nhục.”

- Vua nói : “ Ta sẽ chặt tứ chi của nhà ngươi ra, xem nhà ngươi nhẫn được chăng ? ” Nói xong bèn chặt tứ chi của Tiên Ông, rồi hỏi : “ Nhà ngươi nhẫn được chăng ? ”

- Tiên Ông nói : “ Nhẫn được.”

- Vua nói : “ Có gì để chứng minh nhà ngươi nhẫn được ? ”

- Tiên Ông đáp : “ Nếu tôi không nhẫn được thì tứ chi đã chặt ra không thể khôi phục lại. Nếu thật sự tôi nhẫn được thì tứ chi của tôi sẽ khôi phục lại như cũ.” Vừa nói xong thì tứ chi khôi phục lại bình thường, đó là câu chuyện chứng minh được sự nhẫn nhục.

Những gì không xả được cần phải xả ? Lúc đức Phật tu hành tại nhân địa, thì lóc thịt bồ thí cho chim ưng, xả thân cứu hổ đói. Một ngày nọ chim ưng hung ác rượt bắt chim cáp. Chim cáp kinh sợ bay đến chỗ đức Phật, cầu Phật bảo hộ. Chim ưng bay đến nói với đức Phật rằng : ‘ Ông là người tu đạo, đều có tâm từ bi, ông cứu sinh mạng chim cáp, nhưng tôi phải chết đói, làm thế nào đây ? ‘ Do đó Phật bèn cắt thịt thân mình để cho chim ưng, cắt hết thịt mới ngừng. Đó là hành Bồ Tát đạo.

Một ngày nọ đức Phật tu hành ở trong núi Tuyết, trời tuyết rơi quá nhiều, khắp nơi đều biến thành màu trắng, động vật chẳng có thức ăn, khổ sở khó tả được. Đức Phật thấy một con cọp mẹ dẫn cọp con đi tìm thức ăn. Cọp mẹ đói quá thể lực kiệt sức, cọp con kiệt sức cũng đi không muốn nổi. Đức Phật thấy thảm trạng như vậy bèn sinh tâm từ bi : ‘ Ta xả thân của ta có thể cứu sống hai sinh mạng này.’ Do đó hy sinh thân mạng cứu sống cọp mẹ cọp con. Đó là tinh thần thật là vĩ đại ! Chúng ta là người tu đạo ít nhất phải có tâm từ bi, ban bố cho chúng sinh phương tiện. Do đó người xuất gia, lấy từ bi làm hoài bảo, phương tiện làm gốc, tiên thêm bước nữa phải đạt được sự hy sinh tiêu ngã để hoàn thành đại ngã.

Phải nhường những gì không thể nhường ? Đức Phật trong quá khứ, làm thái tử nước Diệp Ba tên là Tu Đại Noa. Thái tử rộng tu bố thí, sau đó bị vua cha Thập Ba đuổi ra khỏi hoàng cung. Thái tử dẫn vợ là Man Viên và hai con trai và gái vào rừng sâu sinh sống. Thái tử cũng con trai, vợ bồng con gái trải qua nhiều ngày mới đến rừng sâu núi thẳm làm am mà ở.

Lúc đó, có vị Bà La Môn từ xa đến xin hai đứa con, thái tử đều bố thí. Trời Đế Thích biết cũng hiện ra thân khác đến xin người vợ, thái tử cũng bố thí, nhưng gửi chỗ thái tử, thái tử thấy lạ bèn hỏi : ‘ Tại sao ? ‘ Trời Đế Thích biết tâm thái tử kiên cố, vì bố thí mà hy sinh tất cả, mới hiện ra thân trời nói với thái tử : ‘ Tôi là Thích Đề Hoàn Nhân, đặc biệt đến đây để thử tâm của Ngài phải chăng trước sau như một ? Nay mới thấy, quyết thật như thế, đáng kính đáng phục ! ‘

Việc không thể nhường mà nhường được, Đức Phật cũng làm được. Do đó :
"Trong thì xả bỏ đầu mắt tùy nảo,
Ngoài thì xả bỏ đất nước vợ con".

Sự khổ hạnh khó làm mà làm được, đó là pháp phương tiện, cho nên nói : ‘ Vô lượng biển kiếp tu phương tiện.’

‘ Tịnh khắp cõi nước trong mười phương.’ Đức Phật dùng trí huệ quang minh để chiếu soi, để thanh tịnh, để trang nghiêm cõi nước chư Phật trong mười phương. Do đó, quang minh của Phật chiếu khắp tận hư không khắp pháp giới. Tóm lại, không có chỗ nào mà chẳng thanh tịnh, chẳng chỗ nào mà chẳng trang nghiêm.

“ Pháp giới như như thường bất động.” Pháp giới chẳng có biến đổi, như như bất động.

“ Tịch Tĩnh Đức Thiên ngộ môn này.” Đạo lý này vị Tịch Tĩnh Đức Thiên Vương thấy được.

**Chúng sinh ngu si bị chướng che
Mù tối thường ở trong sinh tử
Như Lai mở bày đạo thanh tịnh
Giải thoát này của Tu Di Âm.**

“ Chúng sinh ngu si bị chướng che.” Chúng sinh là do chúng duyên giả hợp mà sinh. Chúng sinh thông minh thì đi trên con đường chánh, chúng sinh ngu si thì đi theo con đường tà. Người ngu si, vì họ mà nói chánh pháp thì họ không tin. Tại sao ? Vì họ ngu si ! Tại sao ngu si ? Vì không tin Phật pháp, cho nên càng ngày càng ngu si. Phải học Phật pháp thì càng ngày càng thông minh. Người thông minh thì chẳng có nghiệp chướng che đây, kẻ ngu si thì có nghiệp chướng che đây.

Che đây là gì ? Tức là bị một vật che đây, chẳng được giải thoát. Giống như La Hầu La con của Đức Phật. La Hầu La dịch là "che đây". Vì nghiệp chướng quá nặng, ở trong thai mẹ sáu năm mới sinh ra, tại sao ? Vì trong quá khứ, La Hầu La là một đứa trẻ nghịch ngợm. Một ngày nọ, thấy một con chuột chạy vào hang động, La Hầu La lấy đá lấp hang động sáu ngày, tạo ra ác nghiệp này, do đó mới thọ quả báo che đây ở trong thai mẹ sáu năm.

Có thuyết nói rằng : Đức Phật Thích Ca lúc mười bảy tuổi, thì kết hôn với Gia Du Đà La. Kết hôn rồi, Gia Du Đà La muốn có con, đức Phật dùng tay chỉ vào bụng thì phu nhân thọ thai. Đức Phật xuất gia rồi, tu hành ở trong núi Tuyết sáu năm, La Hầu La mới sinh ra. Lúc đó hoàng tộc Thích Ca nói Gia Du Đà La không giữ đạo làm vợ. Không có chồng mà sinh con ? Bèn dùng lửa để thiêu sống Gia Du Đà La, để bảo tồn danh dự dòng họ Thích Ca, Gia Du Đà La vì muốn chứng minh sự thanh bạch của mình mới phát thệ rằng :” Nếu tôi giữ đạo làm vợ, thì lửa đỏ biến thành hoa sen, nếu tôi không giữ đạo làm vợ thì lửa sẽ thiêu hủy thân của tôi, không một lời oán trách.” Nói xong bỗng con là La Hầu La, nhảy vào trong đồng lửa cháy dữ dội, quả nhiên lửa biến thành hoa sen màu đỏ, do đó “ Hoa sen trong lửa,” là để chứng minh quyết thực không phải là không giữ quy cụ.

“ Mù tối thường ở trong sinh tử.” Người mù tối thì vừa điếc vừa câm. Nghĩa là sinh thì hồ đồ mà đến, chết thì hồ đồ mà đi, luôn luôn ở trong biển sinh tử, vĩnh viễn không được giải thoát.

“ Như Lai mở bày đạo thanh tịnh.” Vì người mù tối, không biết đạo lý sinh tử, luôn luôn sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh. Cho nên Phật từ bi thương xót chúng sinh, hướng dẫn chỉ dạy họ tu đạo thanh tịnh. Đạo thanh tịnh là gì

? Tức là chẳng có tư tưởng ô nhiễm. Tóm lại, tức là chẳng có quan hệ tình dục nam nữ. Ai ai cũng đoạn dục khử ái, thì thức thứ tám tuy nhiên có hạt giống, nhưng chẳng có duyên với cha mẹ thì cũng chẳng sinh ra. Cho nên đoạn dục khử ái, là phương pháp cơ bản giải quyết vấn đề sinh tử, chẳng có gì là huyền diệu. Ai ai cũng biết nhưng chẳng làm được. Tại sao ? Vì ngu si che đậy. Vua Đường Thái Tông có nói câu này : ‘’ Xuất gia mới là việc đại trọng phu.’’ Xuất gia thật là như thế, ném vứt năm dục lên chín tầng mây, thứ nhất là không tham tài, thứ hai là không cưới vợ, thứ ba là không cầu danh, thứ tư là không ăn thịt, thứ năm là không ngủ nhiều. Tại sao phải khổ như thế ? Là vì muốn chấm dứt sinh tử, cầu tự tại, cầu giải thoát.

‘’ Giải thoát này của Tu Di Âm.’’ Vị Tu Di Âm Thiên Vương đắc được cảnh giới môn giải thoát này.

**Chư Phật tu hành vô thượng đạo
Tất cả chúng sinh chẳng biết được
Thị hiện đủ thứ môn phương tiện
Tịnh Nhân quán rõ thấy môn này.**

‘’ Chư Phật tu hành vô thượng đạo.’’ Vô thượng đạo của chư Phật tu hành, là pháp môn cao nhất, sâu nhất và rộng lớn nhất, cho nên nói tu hành vô thượng đạo.

‘’ Tất cả chúng sinh chẳng biết được.’’ Hết thấy tất cả chúng sinh không thể dò biết được vô thượng đạo của Phật tu. Tại sao ? Vì chúng sinh bị vô minh che đậy. Cho nên chẳng có chân chánh trí tuệ, không thể suy lường cảnh giới của Phật, cứu kính là gì ?

‘’ Thị hiện đủ loại môn phương tiện.’’ Vì chúng sinh không cách chi hiểu được cảnh giới của Phật, cho nên Phật từ bi đến chỉ thị cho tất cả chúng sinh, tu vô thượng đạo như thế nào, dùng đủ thứ pháp môn quyền xảo phương tiện giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng biết được phương pháp tu vô thượng đạo của Phật.

‘’ Tịnh Nhân quán rõ thấy môn này.’’ Đạo lý này Tịnh Niệm Nhân Thiên Vương quán sát thấy rõ, cho nên hiểu được cảnh giới này.

**Như Lai thường dùng môn tổng trì
Ví như hạt bụi các cõi nước
Giáo hóa chúng sinh khắp hết thấy
Phổ Chiếu Thiên Vương vào môn này.**

‘’ Như Lai thường dùng môn tổng trì.’’ Bài kệ này vị Khả Ái Lạc Tội Thắng Quang Chiếu Thiên Vương minh bạch được, cho nên mới nói Phật thường dùng pháp môn tổng trì, để giáo hóa chúng sinh. Pháp môn tổng trì này, lại

phân ra vô lượng vô biên pháp môn tổng trì, rồi lại phân ra vô lượng vô biên pháp môn tổng trì nữa. Do đó, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng.

“ Ví như cõi nước số hạt bụi.” Môn đại tổng trì này, giống như cõi nước chư Phật, nhiều như số hạt bụi, tóm lại có bất khả thuyết, bất khả thuyết biển cõi nhiều như số hạt bụi.

“ Giáo hóa chúng sinh khắp hết thầy.” Đức Phật khai thị giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được môn tổng trì, khắp cùng tất cả cõi nước chư Phật.

“ Phổ Chiếu Thiên Vương vào môn này.” Cảnh giới này, vị Khả Ái Lạc Tối Thắng Quang Phổ Chiếu Thiên Vương, đắc được pháp môn giải thoát này.

Như Lai ra đời rất khó gặp

Vô lượng biển kiếp gặp một lần

Khiến khắp chúng sinh sinh tin hiểu

Tự Tại Thiên Vương được môn này.

“ Như Lai ra đời rất khó gặp.” Vị Thế Gian Tự Tại Chủ Thiên Vương này nói : “ Như Lai xuất hiện ra đời, không dễ gì gặp được.” Do đó :

“ Phật pháp cao siêu rất nhiệm mầu,

Trăm ngàn ức kiếp khó gặp được,

Nay con thấy nghe được thọ trì,

Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai.”

Đây là bài kệ mở đầu Kinh. Bất cứ tụng niệm Kinh gì, thì trước hết đọc bài kệ này. Bài kệ này là pháp khen ngợi, do Võ Tắc Thiên vào đời Đường trước tác. Tuy trong việc chính trị nữ Hoàng đế Võ Tắc Thiên là người lãng mạn, nhưng trong Phật giáo bà ta là người đại hộ pháp. Nếu chẳng có bà ta đề xướng Phật pháp, thì chúng ta hôm nay sợ chẳng thấy được bộ Kinh Hoa Nghiêm này.

“ Vô lượng biển kiếp gặp một lần.” Diệu giác quả vị Phật này, là Phật chí tôn vô thượng, chẳng có gì so sánh cao hơn Ngài được, chẳng có gì so sánh tôn quý hơn Ngài được. Phải trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp mới có thể gặp một lần, chẳng phải thường gặp được.

“ Khiến khắp chúng sinh sinh tin hiểu.” Mục đích Phật xuất hiện ra đời là : làm cho tất cả chúng sinh sanh chánh tín, khiến cho tất cả chúng sinh y theo pháp mười hai nhân duyên tu hành, mới có thể chấm dứt sinh tử, chấm dứt bốn sự khổ lớn : Sinh, già, bệnh, chết. Tại sao Phật xuất gia ? Vì muốn biết rõ sinh từ đâu đến ? Chết sẽ đi về đâu ? Cho nên mới đi tầm đạo sáu năm tu khổ hạnh, cũng không giải quyết được vấn đề sinh tử. Cuối cùng ngồi tĩnh tọa dưới cội bồ đề, mà ngộ được sinh tử, pháp mười hai nhân duyên. Pháp này tuy nhiên là pháp tiêu thừa, nhưng là pháp cơ bản sinh tử. Người đại thừa đừng có chấp trước, cho rằng pháp tiểu thừa là pháp tự liễu hán, có tư

tưởng như thế là hoàn toàn sai lầm. Ví như Bát chánh đạo trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo là cơ bản của Phật giáo, nếu không hiểu rõ Bát chánh đạo, không tu Bát chánh đạo, chỉ tu pháp đại thừa, e rằng công đức chẳng viên mãn.

“ Tụ Tại Thiên Vương được môn này.” Cảnh giới này, vị Thế Gian Tụ Tại Thiên Vương thấy rõ, đắc được môn giải thoát này.

**Phật nói pháp tánh đều không tánh
Thâm sâu rộng lớn không nghĩ bàn
Khiến khắp chúng sinh tin thanh tịnh
Quang Diệm Thiên Vương khéo rõ được.**

“ Phật nói pháp tánh đều không tánh.” Vị Quang Diệm Thiên Vương và vị Thế Gian Tụ Tại Chủ Thiên Vương, thấy cảnh giới của Phật chẳng giống nhau. Vị Thiên Vương này nói : “ Phật nói các pháp đều chẳng có tự tánh.”

“ Thâm sâu rộng lớn không nghĩ bàn.” Các pháp không tánh, vậy chẳng phải là đoạn diệt chăng ? Chẳng phải. Vì nó là thâm sâu, rộng lớn, không nghĩ bàn. Muốn nói thâm sâu, chẳng thể so sánh sự thâm sâu của pháp này. Muốn nói lớn, chẳng thể so sánh sự rộng lớn của pháp này. Không thể dùng tâm ý để suy lường, cũng không thể dùng lời nói để diễn đạt.

“ Khiến khắp chúng sinh tin thanh tịnh.” Phật dùng sức đại trí huệ, sức đại thần thông của Ngài, khiến cho tất cả chúng sinh sanh ra tâm tin chân chánh thanh tịnh, tức cũng là chánh tri chánh kiến, chẳng phải tà tri tà kiến.

“ Quang Diệm Thiên Vương khéo rõ được.” Vị Quang Diệm Tụ Tại Thiên Vương, khéo minh bạch cảnh giới môn giải thoát này.

**Ba đời Như Lai công đức đầy
Giáo hóa chúng sinh không nghĩ bàn
Khiến họ tư duy sinh vui mừng
Môn này Lạc Pháp ngộ vào được.**

“ Ba đời Như Lai công đức đầy.” Ba đời tức là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Phật tu công đức trong ba đời đều viên mãn. Dù phước nhỏ nhất cũng chẳng mất đi, huệ nhỏ nhất cũng phải tu, phước nhỏ huệ nhỏ cũng phải bảo tồn.

“ Giáo hóa chúng sinh chẳng nghĩ bàn.” Phật dùng đủ thứ pháp phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Tại sao ? Vì phải tài bồi phước huệ của mình, phước huệ chưa đầy thì phải giáo hóa chúng sinh, phước huệ đầy rồi vẫn giáo hóa chúng sinh. Vì phước huệ càng nhiều càng tốt, cho nên xưng đức Phật là Lương Túc Tôn. Nghĩa là phước của Phật đã đầy đủ, huệ của Phật cũng đầy đủ. Công đức của Phật giáo hóa chúng sinh không thể nghĩ bàn.

“ Khiến họ tư duy sinh vui mừng.” Khiến cho tất cả chúng sinh chẳng có phiền não, suy nghĩ Phật pháp đều sinh tâm vui mừng, đó là niềm an lạc không gì sánh bằng, là sự vui nội tâm chẳng có cách chi có thể hình dung được.

“ Môn này Lạc Pháp ngộ vào được.” Đạo lý cảnh giới này vị Lạc Tư Duy Pháp Biến Hóa Thiên Vương hiểu rõ.

Chúng sinh chìm trong biển phiền não

Ngu si kiến trực rất đáng sợ

Đại sư thương sót cứu ra khỏi

Môn này Hóa Tràng quán sát được.

“ Chúng sinh chìm trong biển phiền não.” Chúng sinh tức là chúng sinh trực, biển phiền não tức là phiền não trực. Chúng sinh chìm đắm trong phiền não trực, phiền não trực giống như biển. Phiền não có tám vạn bốn ngàn thứ. Nói tổng quát không ra ngoài phạm vi ba độc tham sân si, đơn giản hơn nữa tức là vô minh.

Vì chúng sinh trực là vô biên vô tận, cho nên Bồ Tát phát nguyện muốn độ khắp chúng sinh.

“ Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.”

Đó là bốn thệ nguyện lớn của Bồ Tát, dùng bốn thệ nguyện này để độ chúng sinh trong đời ác năm trực, là pháp môn hay nhất. Phạm là người học pháp đại thừa, đều phải phát tâm bồ đề như vậy.

“ Ngu si kiến trực rất đáng sợ.” Ngu si tức là mạng trực. Vì sao ? Vì vận mạng người ngu si là ô trực, sinh ra thì chẳng thông minh, đều có mối quan hệ với nhau. Kiến trực tức là sự thấy chẳng chánh quyết, không thanh tịnh, có năm thứ kiến giải (thấy hiểu) không chánh đáng.

1. **Thân kiến** : Chấp trước thân thể là thực tại, chẳng biết là do các duyên giả hợp mà có.

2. **Biên kiến** : Chấp trước sinh mạng là vĩnh viễn bất biến, đó là thường kiến. Chấp trước sinh mạng tùy nhục thể mà tiêu diệt, đó là đoạn kiến. Đều rơi vào hai bên.

3. **Tà kiến** : Tức là nhận thức chẳng sáng suốt, thiện ác chẳng rõ, điên đảo thị phi, phán đoán sai lầm.

4. **Kiến thủ kiến** : Chấp kiến giải sai lầm của mình, cho rằng đúng, cuối cùng chấp mê chẳng ngộ.

5. **Giới thủ kiến** : Chấp trước giới điều không hợp lý của mình, hoặc hành vi sai lầm cho rằng đúng, không chịu sửa lỗi làm lành. Năm thứ ác kiến này đáng sợ nhất.

“ Đại Sư thương sót cứu ra khỏi.” Đại sư tức là đức Phật, lại xưng là Thiên Nhân Sư (thầy của trời và người). Bậc Thánh nhân đều có tâm thương xót chúng sinh trôi nổi ở trong biển sinh tử, mới chuyển bánh xe pháp, khiến cho chúng sinh ra khỏi đời ác năm trước, sinh về cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, hoặc là sinh về Thế Giới Cực Lạc, chân chánh lìa khổ được vui.

“ Môn này Hóa Tràng quán sát được.” Cảnh giới môn giải thoát này, vị Hóa Tràng Thiên Vương quán thấy được.

Như Lai thường phóng đại quang minh

Trong mỗi quang có vô lượng Phật

Thấy đều giáo hóa độ chúng sinh

Diệu Âm Thiên Vương vào môn này.

“ Như Lai thường phóng đại quang minh.” Vị Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương, thấy mười phương Như Lai thường phóng đại quang minh, đại quang minh tạng này khắp pháp giới.

“ Trong mỗi quang có vô lượng Phật.” Ở trong mỗi đạo quang minh hiện ra vô lượng vô biên chư Phật. Mỗi vị Phật lại phóng ra trăm ngàn ức quang minh.

“ Thấy đều giáo hóa độ chúng sinh.” Những vị Phật này đều ở tại đó giáo hóa chúng sinh, khiến chúng sinh nghe pháp tu hành, đắc đạo thành Phật. Đó là trách nhiệm của mỗi vị Phật.

“ Diệu Âm Thiên Vương vào môn này.” Cảnh giới môn giải thoát này vị Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương vào được. Ở cõi trời này có mười một vị Thiên Vương.

Trên đây là những bài kệ của mười một vị Thiên Vương cõi Tam Thiên Trời Biến Tịnh, thuộc về sắc giới, nói ra để tán thán công đức của Phật. Dưới đây bắt đầu giảng về những bài kệ của Quang Âm Thiên Vương thuộc về trời Nhị Thiên.

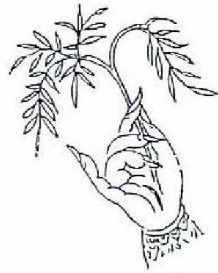
---o0o---

Hồi Hương Công Đức

Trong sự bố thí, mà đạt đến cảnh giới “Tam luân thể không”: không thấy người bố thí, không thấy kẻ nhận, và không thấy vật thí, thì công đức không thể nghĩ bàn được. Do vậy, để công đức được hoàn toàn thanh tịnh,

vô lượng vô biên, cho nên chùa không ghi tên các vị Bồ thí, mà chỉ hồi hướng công đức của các vị lên thập phương thường trụ Tam Bảo chứng minh. Nguyên cầu sở nguyện của các vị thành tựu, nhất là tương lai quý vị sẽ đắc được trí huệ Bát nhã, viên mãn quả bồ đề, do công đức ấn tống Kinh điển, cao thượng trên hết các sự Bồ thí.

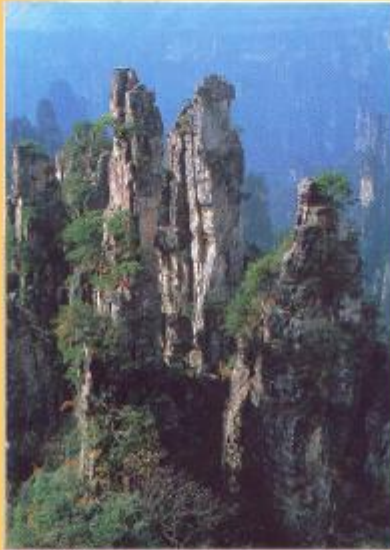
Xin hồi hướng công đức Pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị, còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sanh, thấy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sanh tử luân hồi, đến được bờ bên kia.



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.



*Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Hết thảy do tâm tạo.*

---o0o---

HẾT